

DỰ LUẬT 1

Điều luật này được đề xuất bởi Dự luật Thượng Viện 417 của Phiên họp Thường kỳ 2025–2026 (Chương 16, Điều Luật năm 2026) được trình lên người dân theo quy định tại Điều XVI của Hiến pháp California.

Điều luật đề xuất này bổ sung các mục vào Bộ luật Sức khỏe và An toàn và Bộ luật Quân đội và Cựu chiến binh; do đó, các điều khoản mới được đề xuất bổ sung được in *chữ nghiêng* để cho biết đây là nội dung mới.

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

MỤC 2. Phần 16.1 (bắt đầu từ Mục 54050) được thêm vào Phần 31 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn, như sau:

PHẦN 16.1. ĐẠO LUẬT TRÁI PHIẾU NHÀ Ở GIÁ RẺ VÀ NHÀ Ở CHO CỰU CHIẾN BINH NĂM 2026

CHƯƠNG 1. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

54050. Cùng với Điều 5ab (bắt đầu từ Mục 998.750) của Chương 6 thuộc Phần 4 của Bộ luật Quân đội và Cựu chiến binh, phần này sẽ được gọi là, và có thể được trích dẫn là, Đạo luật Trái phiếu Nhà ở Giá rẻ và Nhà ở cho Cựu chiến binh năm 2026.

54051. Phần này chỉ có hiệu lực sau khi được cử tri thông qua tại cuộc tổng tuyển cử toàn tiểu bang ngày 3 Tháng Mười Một, 2026.

54052. Đối với mục đích của phần này, “quỹ” có nghĩa là Quỹ Tín thác Đạo luật Trái phiếu Nhà ở Giá rẻ năm 2026 được thành lập theo Mục 54054.

CHƯƠNG 2. QUỸ TÍN THÁC ĐẠO LUẬT TRÁI PHIẾU NHÀ Ở GIÁ RẺ NĂM 2026 VÀ CHƯƠNG TRÌNH

54054. (a) Quỹ Tín thác Đạo luật Trái phiếu Nhà ở Giá rẻ năm 2026 theo đây được thành lập trong Kho bạc Tiểu bang. Mục đích của Cơ quan lập pháp là số tiền thu được từ các trái phiếu được phát hành và bán theo phần này, không bao gồm các trái phiếu tái cấp vốn được phát hành theo Mục 54076, sẽ được gửi vào quỹ và sử dụng để tài trợ cho các chương trình nhà cho thuê giá rẻ và chương trình sở hữu nhà như được mô tả trong chương này.

(b) Tiền thu được từ việc phát hành và bán trái phiếu theo phần này cho các mục đích được quy định trong chương này sẽ được phân bổ theo cách sau:

(1) Năm tỷ một trăm triệu đô la (\$5,100,000,000) sẽ được gửi vào Quỹ Cho vay Cải tạo Nhà ở được thành lập theo Mục 50661 để sử dụng cho Chương trình Nhà ở Đa gia đình được ủy quyền theo Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2. Ít nhất 10% số nhà ở được hỗ trợ trong mỗi dự án nhận được nguồn vốn này phải có giá cả phải chăng đối với các hộ gia đình có thu nhập cực thấp.

(2) Một tỷ một trăm năm mươi triệu đô la (\$1,150,000,000) sẽ được gửi vào Quỹ Cho vay Cải tạo Nhà ở được thành lập theo Mục 50661 để sử dụng cho nhà ở hỗ trợ, như được mô tả trong Mục 50675.14, theo Chương trình Nhà ở Đa gia đình được ủy quyền bởi Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2. Cơ quan quản lý sẽ cung cấp các khoản dự trữ trợ cấp hoạt động

được vốn hóa cho các đơn vị nhà ở hỗ trợ trong các dự án nhận được các khoản tiền này.

(A) (i) Tối đa 15 phần trăm số tiền này sẽ được cấp dưới dạng trợ cấp cho các tổ chức đủ điều kiện được quy định tại Mục 50675.1.3 để mua sắm tài sản cố định phục vụ việc mua lại, chuyển đổi hoặc cải tạo nhà ở tạm thời thành nhà ở lâu dài, bao gồm các dự án nhà ở phân tán dành cho những người vô gia cư, vô gia cư thường xuyên hoặc có nguy cơ vô gia cư, như được định nghĩa trong Phần 578.3 của Tiêu đề 24 Bộ Quy định Liên bang, mua các thỏa thuận và hạn chế về giá cả phải chăng cho các đơn vị nhà ở, chi phí tái định cư cho những cá nhân bị di dời do cải tạo các đơn vị nhà ở hiện có, và trợ cấp hoạt động được vốn hóa cho các đơn vị nhà ở được mua, chuyển đổi hoặc sửa đổi bằng nguồn vốn được cung cấp theo mục này.

(ii) Bất kỳ chương trình hoặc dự án nào sử dụng kinh phí nhận được cho bất kỳ mục đích nào được mô tả trong tiểu mục này đều phải tuân theo các quy định về đơn giản hóa quy trình quản lý của Mục 50675.1.5 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn và tiểu mục (i) của Mục 50675.1.3.

(iii) Bất kỳ xung đột nào giữa các yêu cầu khác của Chương trình Nhà ở Đa gia đình (Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2) và đoạn này sẽ được giải quyết theo hướng có lợi cho đoạn này, như được nêu trong các hướng dẫn được ủy quyền theo Mục 54077.

(B) (i) Một trăm năm mươi triệu đô la (\$150,000,000) trong số tiền này sẽ được sử dụng cho nhà ở dành cho thanh thiếu niên.

(ii) Theo quy định của tiểu mục này, “nhà ở cho thanh thiếu niên” có nghĩa là nhà ở dành cho thanh thiếu niên đang hoặc đã từng được nuôi dưỡng trong hệ thống chăm sóc trẻ em, trẻ vị thành niên hoặc thanh thiếu niên vô gia cư, hoặc thanh thiếu niên có nguy cơ vô gia cư, bao gồm nhưng không giới hạn ở nhà ở hỗ trợ họ phát triển các kỹ năng và nguồn lực cần thiết để chuyển đổi thành công sang cuộc sống trưởng thành độc lập và tự túc.

(iii) Kinh phí được cấp theo tiểu đoạn này chỉ được sử dụng cho chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm, cải tạo hoặc bảo tồn nhà ở cho thanh thiếu niên, và không được sử dụng để tài trợ cho hoạt động hoặc cung cấp dịch vụ.

(iv) Bất kỳ khoản tiền nào không được dành riêng cho mục đích của tiểu đoạn này trong vòng ba năm kể từ khi có sẵn sẽ được chuyển lại để sử dụng chung trong Chương trình Nhà ở Đa gia đình được ủy quyền theo Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2.

(3) Bảy trăm năm mươi triệu đô la (\$750,000,000) sẽ được Cơ quan Lập pháp phân bổ cho chương trình thường được gọi là Chương trình Tái đầu tư Danh mục đầu tư được thành lập theo Chương 5.5 (bắt đầu từ Mục 50606) của Phần 2. Bất kỳ khoản tiền nào không được cam kết cho các mục đích của đoạn này trước ngày 3 Tháng Mười Một, 2036 sẽ được chuyển lại để sử dụng chung trong Chương trình Nhà ở Đa gia đình được ủy quyền theo Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2.

(4) Hai trăm triệu đô la (\$200,000,000) sẽ được Cơ quan Lập pháp phân bổ cho một chương trình tài trợ việc mua lại và cải tạo các đơn vị nhà ở không bị hạn chế và gắn các giới hạn về

giá cả phải chăng dài hạn đối với các đơn vị nhà ở đó, đồng thời bảo vệ cư dân hiện tại khỏi bị di dời. Bất kỳ khoản tiền nào không được cơ quan quản lý phân bổ trong vòng ba năm đầu tiên sẽ được cơ quan quản lý dành cho Chương trình Nhà ở Đa gia đình (Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2).

(5) Sáu trăm triệu đô la (\$600,000,000) sẽ được gửi vào Quỹ Nhà ở Tự lực được thành lập theo Mục 50697.1. Số tiền trong quỹ sẽ được sử dụng cho Chương trình CalHome được ủy quyền theo Chương 6 (bắt đầu từ Mục 50650) của Phần 2, để cung cấp các khoản vay trực tiếp, có thể được miễn giảm nhằm hỗ trợ các dự án phát triển liên quan đến các đơn vị nhiều nhà ở, bao gồm cả phân lô nhà ở đơn gia đình, cho các chương trình hỗ trợ khoản vay thế chấp tự lực và cho nhà tiền chế. Số tiền này cũng có thể được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào được chương trình cho phép. Bất kỳ khoản tiền nào không được dành riêng cho mục đích của đoạn này trước ngày 3 Tháng Mười Một, 2036 sẽ được chuyển lại để sử dụng chung trong Chương trình Nhà ở Đa gia đình được ủy quyền theo Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2.

(6) Năm trăm triệu đô la (\$500,000,000) sẽ được gửi vào Quỹ Hỗ trợ Mua nhà được thành lập theo Mục 51342. Bất kể quy định của Mục 13340 của Bộ luật Chính phủ và Mục 50697.1, các khoản kinh phí này được phân bổ liên tục cho Cơ quan Tài chính Nhà ở California mà không phụ thuộc vào năm tài chính, cho mục đích của chương trình hỗ trợ mua nhà được thành lập theo Chương 6.8 (bắt đầu từ Mục 51341) của Phần 3.

(7) Bốn trăm năm mươi triệu đô la (\$450,000,000) sẽ được gửi vào Quỹ Tài trợ Nhà ở cho Công nhân Nông nghiệp Joe Serna, Jr., được thành lập theo Mục 50517.5, nhằm tài trợ các khoản trợ cấp hoặc khoản vay, hoặc cả hai, cho việc xây dựng hoặc cải tạo nhà ở cho công nhân nông nghiệp và gia đình của họ hoặc để mua nhà tiền chế như một phần của chương trình nhằm giải quyết và khắc phục tác động của việc di dời hiện tại và tiềm tàng đối với các gia đình công nhân nông nghiệp khỏi các khu nhà ở tập thể, khu nhà di động hoặc các loại nhà ở khác hiện tại. Số tiền này cũng có thể được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào được chương trình cho phép. Các khoản kinh phí này cũng có thể được sử dụng để cung cấp hỗ trợ kỹ thuật theo Mục 54007. Bất kỳ khoản tiền nào không được dành riêng cho mục đích của đoạn này trước ngày 3 Tháng Mười Một, 2036 sẽ được chuyển lại để sử dụng chung trong Chương trình Nhà ở Đa gia đình được ủy quyền theo Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2.

(8) Hai trăm triệu đô la (\$200,000,000) sẽ được Cơ quan Lập pháp phân bổ cho Chương trình Tài trợ Nhà ở Bộ lạc được thành lập theo Chương 6.4 (bắt đầu từ Mục 50651) để tài trợ cho các hoạt động nhà ở và các hoạt động liên quan đến nhà ở, giúp các bộ lạc xây dựng lại và tái thiết cộng đồng của họ. Bất kỳ khoản tiền nào không được dành riêng cho mục đích của đoạn này trước ngày 3 Tháng Mười Một, 2036 sẽ được chuyển lại để sử dụng chung trong Chương trình Nhà ở Đa gia đình được ủy quyền theo Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2.

(9) Năm trăm triệu đô la (\$500,000,000) dành cho Chương trình Tài trợ Cơ sở hạ tầng Lắp đặt năm 2019 được thành lập theo Mục 53559 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn để cấp các khoản tài trợ khuyến khích lắp đặt nhằm hỗ trợ việc xây dựng mới và cải tạo cơ sở hạ tầng hỗ trợ nhà ở giá rẻ và nhà ở hỗn hợp thu nhập mật độ cao tại các địa điểm được chỉ định là khu vực lắp đặt. Bất kỳ khoản tiền nào không được dành riêng cho mục đích của đoạn này trước ngày 3 Tháng Mười Một, 2036 sẽ được chuyển lại để sử dụng chung trong Chương trình Nhà ở Đa gia đình được ủy quyền theo Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2.

(10) Ba trăm năm mươi triệu đô la (\$350,000,000) sẽ được Cơ quan Lập pháp phân bổ cho các dự án nhà ở giá rẻ mới dành cho sinh viên. Khoản tài trợ này sẽ được chia đều cho Đại học California và Đại học Tiểu bang California. Các dự án nhà ở sinh viên được tài trợ phải đáp ứng các điều khoản được quy định tại tiểu mục (f) của Mục 17201 thuộc Bộ luật Giáo dục. Đối với các dự án này, Đại học California và Đại học Tiểu bang California phải đáp ứng các yêu cầu về trách nhiệm giải trình và báo cáo được quy định trong tiểu mục (i) và (o) của Mục 17201 thuộc Bộ luật Giáo dục.

(11) Hai trăm triệu đô la (\$200,000,000) sẽ được gửi vào Quỹ Đổi mới Nhà ở Giá rẻ được thành lập theo tiểu đoạn (F) của đoạn (1) của tiểu mục (a) của Mục 53545. Số tiền trong quỹ sẽ được sử dụng, sau khi được Cơ quan Lập pháp phân bổ, theo Chương trình Tài trợ Đối ứng của Quỹ Tín thác Nhà ở Địa phương được thành lập theo Mục 50842.2 để tài trợ cho các khoản tài trợ hoặc cho vay cạnh tranh cho các quỹ tín thác nhà ở địa phương mà phát triển, sở hữu, cho vay hoặc đầu tư vào nhà ở giá rẻ và được sử dụng để tạo ra các chương trình thí điểm nhằm chứng minh các phương pháp tiết kiệm chi phí, sáng tạo trong việc tạo ra hoặc bảo tồn nhà ở giá rẻ. Quỹ tín thác nhà ở địa phương sẽ được hình thành liên tục từ đóng góp tư nhân hoặc nguồn tài trợ của chính phủ mà không bị hạn chế sử dụng cho các chương trình nhà ở. Số tiền này cũng có thể được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào được cho phép trong chương trình này. Bất kỳ khoản tiền nào không được sử dụng cho mục đích của đoạn này trong vòng ba năm kể từ khi có sẵn sẽ được hoàn trả để sử dụng chung trong Chương trình Nhà ở Đa gia đình được ủy quyền theo Chương 6.7 (bắt đầu từ Mục 50675) của Phần 2, trừ khi Bộ Nhà ở và Phát triển Cộng đồng xác định rằng các khoản tiền đó nên được hoàn trả sớm hơn do nhu cầu giảm.

(12) Bất kể quy định ở các đoạn từ (1) đến (11), gồm cả 2 đoạn đầu và cuối, Cơ quan Kinh doanh, Dịch vụ Người tiêu dùng và Nhà ở hoặc cơ quan kế nhiệm và các bộ phận quản lý của cơ quan này có thể, sau khi được Cơ quan Lập pháp phân bổ ngân sách, điều chỉnh hoặc tinh giảm các chương trình được tài trợ theo tiểu mục này để cải thiện hiệu quả và đẩy nhanh việc triển khai kinh phí, với điều kiện là các khoản chi tiêu vẫn phù hợp với các mục đích và mục đích sử dụng hợp lệ đã được cử tri và Cơ quan Lập pháp phê duyệt.

54056. (a) Cơ quan lập pháp có thể, theo thời gian, sửa đổi bất kỳ luật nào liên quan đến các chương trình mà kinh phí đã

hoặc đang được phân bổ theo chương này nhằm mục đích cải thiện hiệu quả và tính hiệu lực của các chương trình đó hoặc để thúc đẩy các mục tiêu của các chương trình đó.

(b) Cơ quan Lập pháp có thể sửa đổi chương này để phân bổ lại số tiền thu được từ trái phiếu phát hành và bán theo phần này cho các chương trình mà quỹ được phân bổ theo chương này, khi cần thiết, để thúc đẩy hiệu quả việc phát triển nhà ở giá rẻ tại tiểu bang này.

(c) Bộ Nhà ở và Phát triển Cộng đồng hoặc cơ quan quản lý có thể giải ngân bất kỳ khoản kinh phí nào được cấp cho các dự án phát triển nhà ở theo chương này trong suốt thời gian xây dựng.

CHƯƠNG 3. CÁC QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH

54060. Trái phiếu với tổng giá trị mười tỷ đô la (\$10,000,000,000), không bao gồm trái phiếu tái cấp vốn được phát hành theo Mục 54076, hoặc một phần cần thiết theo quyết định của ủy ban, được phép phát hành và bán để thực hiện các mục đích được nêu trong phần này và để hoàn trả Quỹ Xoay vòng Chi phí Trái phiếu Nghĩa vụ Chung theo Mục 16724.5 của Bộ luật Chính phủ. Bất kỳ trái phiếu nào, khi được bán, phát hành và giao nhận, đều sẽ trở thành nghĩa vụ chung có giá trị và ràng buộc của tiểu bang, và tiểu bang cam kết đảm bảo hoàn toàn việc thanh toán đúng hạn cả gốc và lãi của các trái phiếu đó khi đến hạn.

54062. Các trái phiếu được ủy quyền theo phần này sẽ được chuẩn bị, thực hiện, phát hành, bán, thanh toán, hủy bỏ và chuộc lại theo quy định của Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang (Chương 4 (bắt đầu từ Mục 16720) của Phần 3 thuộc Phần 4 của Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ), ngoại trừ các tiểu mục (a) và (b) của Mục 16727 của Bộ luật Chính phủ, và tất cả các điều khoản của luật đó được sửa đổi theo thời gian đều áp dụng cho các trái phiếu và cho phần này, ngoại trừ như được quy định trong Mục 54078, và được kết hợp vào phần này như thể được nêu đầy đủ trong phần này.

54064. (a) Chỉ nhằm mục đích cho phép phát hành và bán các trái phiếu được ủy quyền theo phần này theo Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang, Ủy ban Tài chính Nhà ở được thành lập theo Mục 53524 vẫn tiếp tục tồn tại. Trong phần này, Ủy ban Tài chính Nhà ở được hiểu là "ủy ban" theo nghĩa được sử dụng trong Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang.

(b) Trong phần này và trong Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang, thuật ngữ "ban quản lý" được dùng để chỉ Ủy ban Phát triển và Tài chính Nhà ở. Thẩm quyền này có thể được ủy quyền cho Bộ Phát triển Nhà ở và Cộng đồng hoặc Cơ quan Tài chính Nhà ở California đối với các chương trình do họ quản lý. Bộ Phát triển Nhà ở và Cộng đồng được chỉ định là "ban quản lý" cho các chương trình do bộ này điều hành, và Cơ quan Tài chính Nhà ở California là "ban quản lý" cho các chương trình do cơ quan này điều hành.

54066. Theo yêu cầu của ban quản lý nêu rõ cần có kinh phí cho các mục đích của phần này, ủy ban sẽ quyết định bằng

nghị quyết xem việc phát hành và bán trái phiếu có cần thiết hoặc được mong muốn hay không, và nếu có thì số lượng trái phiếu cần phát hành và bán là bao nhiêu. Các đợt phát hành trái phiếu liên tiếp có thể được cho phép và bán dần để thực hiện các hoạt động đó, và không nhất thiết phải bán hết tất cả các trái phiếu được cho phép phát hành cùng một lúc. Trái phiếu có thể sinh lãi và phải chịu thuế thu nhập liên bang.

54068. Hàng năm, ngoài các khoản doanh thu thông thường của tiểu bang, sẽ thu một khoản tiền với số tiền đủ để trả nợ gốc và lãi trái phiếu mỗi năm, theo cùng phương thức và thời điểm như các khoản thu khác của tiểu bang. Tất cả các viên chức được luật pháp giao nhiệm vụ liên quan đến việc thu ngân sách tiểu bang đều có nghĩa vụ thực hiện mọi hành động cần thiết để thu được khoản tiền bổ sung đó.

54070. Bất kể quy định ở Mục 13340 của Bộ luật Chính phủ, theo đây, một khoản tiền được trích lập liên tục từ Quỹ Chung trong Kho bạc Tiểu bang, cho các mục đích của phần này, với số tiền bằng tổng của cả hai khoản sau đây:

(a) Tổng số tiền cần thiết hàng năm để thanh toán khoản gốc và lãi của các trái phiếu được phát hành và bán theo phần này, khi khoản gốc và lãi đến hạn thanh toán.

(b) Tổng số tiền cần thiết để thực hiện Mục 54074, được phân bổ mà không phụ thuộc vào năm tài chính.

54072. Ban quản lý có thể yêu cầu Hội đồng Đầu tư Tiềm chung thực hiện khoản vay từ Tài khoản Đầu tư Tiềm chung, theo Mục 16312 của Bộ luật Chính phủ, cho các mục đích của phần này. Số tiền yêu cầu không được vượt quá số lượng trái phiếu chưa bán mà ủy ban đã, theo nghị quyết, cho phép bán, loại trừ bất kỳ trái phiếu tái cấp vốn nào được ủy quyền theo Mục 54076, trừ đi bất kỳ khoản tiền vay nào theo mục này mà chưa được hoàn trả và bất kỳ khoản tiền nào đã rút từ Quỹ Chung theo Mục 54074 mà chưa được hoàn trả lại cho Quỹ Chung. Ban quản lý sẽ thực hiện mọi thủ tục giấy tờ theo yêu cầu của Hội đồng Đầu tư Tiềm chung để nhận và hoàn trả khoản vay. Mọi khoản tiền vay sẽ được gửi vào quỹ để được phân bổ theo quy định tại phần này.

54074. Để thực hiện phần này, Giám đốc Tài chính có thể cho phép rút từ Quỹ Chung một khoản tiền không vượt quá số tiền trái phiếu chưa bán mà ủy ban đã, bằng nghị quyết, cho phép bán, không bao gồm bất kỳ trái phiếu tái cấp vốn nào được ủy quyền theo Mục 54076, trừ đi bất kỳ khoản tiền vay nào theo Mục 54072 mà chưa được hoàn trả và bất kỳ khoản tiền nào đã rút từ Quỹ Chung theo mục này mà chưa được hoàn trả vào Quỹ Chung. Mọi khoản tiền rút ra sẽ được gửi vào quỹ để được phân bổ theo quy định tại phần này. Mọi khoản tiền được cấp theo mục này sẽ được hoàn trả vào Quỹ Chung, cộng với tiền lãi mà số tiền đó sẽ ra sẽ kiếm được trong Tài khoản Đầu tư Tiềm chung, từ số tiền thu được từ việc bán trái phiếu mà lẽ ra sẽ được gửi vào quỹ đó.

54076. Các trái phiếu được phát hành và bán theo phần này có thể được hoàn trả theo Điều 6 (bắt đầu từ Mục 16780) của Chương 4 thuộc Phần 3 của Phần 4 thuộc Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ. Sự chấp thuận của cử tri đối với việc bán và phát

hành trái phiếu như mô tả trong phần này bao gồm sự chấp thuận đối với việc bán và phát hành trái phiếu được phát hành để hoàn trả trái phiếu đã phát hành theo phần này, bao gồm cả bất kỳ trái phiếu hoàn trả nào đã phát hành trước đó. Trái phiếu được hoàn trả bằng tiền thu được từ trái phiếu hoàn trả theo ủy quyền của mục này có thể được hủy bỏ hợp pháp trong phạm vi pháp luật cho phép theo cách thức và phạm vi được quy định trong nghị quyết, được sửa đổi theo thời gian, ủy quyền cho trái phiếu hoàn trả đó.

54076.5. Tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu, với số tiền không vượt quá mệnh giá trái phiếu được phép phát hành theo Đạo luật Trái phiếu Nhà ở Giá rẻ và Nhà ở cho Cựu chiến binh năm 2026 (không bao gồm bất kỳ trái phiếu hoàn trả nào được phát hành theo Mục 54076), dự kiến sẽ được và có thể được sử dụng để hoàn trả bất kỳ nguồn tài trợ hợp pháp nào được sử dụng để thanh toán chi phí cho các dự án hoặc chương trình (bao gồm cả quỹ của các ban ngành hoặc cơ quan tiểu bang cụ thể mà có thể được chỉ cho chi phí của các dự án hoặc chương trình) được ủy quyền theo Đạo luật Trái phiếu Nhà ở Giá rẻ và Nhà ở cho Cựu chiến binh năm 2026 và được thanh toán sau ngày 3 Tháng Mười Một, 2026, với điều kiện là bất kỳ chi phí nào được hoàn trả từ tiền thu được từ trái phiếu sẽ không được thanh toán từ tiền thu được của bất kỳ khoản nợ nào khác trừ khi khoản nợ trước đó sẽ được thanh toán bằng tiền thu được từ trái phiếu.

54077. Để thực hiện việc tài trợ được nêu chi tiết trong Mục 54054, đơn vị quản lý có thể ban hành hướng dẫn thiết lập các yêu cầu về quản lý các chương trình tài chính của mình. Các hướng dẫn này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương 3.5 (bắt đầu từ Mục 11340) của Phần 1, Phần 3, Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ.

54078. Bất kể các quy định nào trong Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang, ngày đáo hạn của bất kỳ trái phiếu nào được phép phát hành theo phần này sẽ không muộn hơn 35 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu đó.

54080. Số tiền thu được từ việc bán trái phiếu theo quy định tại phần này không phải là "khoản thu từ thuế" theo cách hiểu của thuật ngữ đó tại Điều XIII B của Hiến pháp California, và việc giải ngân số tiền này không chịu sự chi phối của các hạn chế do điều khoản đó quy định.

54082. Bất kể quy định nào của Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang liên quan đến số tiền thu được từ việc bán trái phiếu theo quy định tại phần này mà thuộc diện đầu tư theo Điều 4 (bắt đầu từ Mục 16470), Chương 3, Phần 2, Phần 4, Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ, Thủ quỹ Tiểu bang có thể duy trì một tài khoản riêng dành cho các khoản thu nhập từ đầu tư.

54083. Bất kể quy định nào khác trong phần này hoặc trong Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang, nếu Thủ quỹ bán trái phiếu theo chương này kèm theo ý kiến của luật sư chuyên trách về trái phiếu xác nhận rằng tiền lãi từ trái phiếu được miễn tính vào tổng thu nhập chịu thuế liên bang (trong các điều kiện nhất định) hoặc được hưởng các ưu đãi thuế liên bang khác thì Thủ quỹ có thể duy trì các tài khoản riêng biệt để đầu tư số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu, cũng

như để quản lý các khoản thu nhập phát sinh từ số tiền đó và việc tái đầu tư các khoản thu nhập này. Thủ quỹ có thể sử dụng hoặc chỉ đạo sử dụng các khoản tiền hoặc thu nhập đó để trả cho khoản giảm giá, tiền phạt hoặc khoản thanh toán khác bắt buộc theo luật pháp liên bang hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào khác liên quan đến việc đầu tư và sử dụng các khoản tiền thu được từ trái phiếu đó, được yêu cầu hoặc mong muốn theo luật pháp liên bang, để duy trì trạng thái miễn trừ thuế của các trái phiếu đó và để có được bất kỳ lợi thế nào khác theo luật pháp liên bang khi đại diện cho các quỹ của tiểu bang.

54084. (a) Tuân theo quy định tại tiểu mục (b), toàn bộ số tiền thu được từ phần giá bán vượt mệnh giá và tiền lãi phát sinh đối với trái phiếu được bán theo phần này sẽ được chuyển vào Quỹ Chung như một khoản ghi có vào chi phí lãi trái phiếu.

(b) Các khoản thu từ phần chênh lệch giá phát hành có thể được trích lập dự phòng và sử dụng để thanh toán chi phí phát hành trái phiếu trước khi chuyển vào Quỹ Chung.

CHƯƠNG 4. TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

54088. Đơn vị quản lý phải công bố thông tin chi tiết về các khoản đầu tư phát sinh từ trái phiếu này trong báo cáo thường niên, theo quy định tại Mục 50408 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn.

MỤC 3. Điều 5ab (bắt đầu từ Mục 998.750) được bổ sung vào Chương 6, Phần 4 của Bộ luật Quân đội và Cựu chiến binh, với nội dung như sau:

Điều 5ab. Đạo luật Trái phiếu Nhà ở Giá rẻ và Nhà ở cho Cựu chiến binh năm 2026

998.750. Cùng với Phần 16.1 (bắt đầu từ Mục 54050) thuộc Chương 31 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn, điều khoản này được gọi là, và có thể được viện dẫn là, Đạo luật Trái phiếu Nhà ở Giá rẻ và Nhà ở cho Cựu chiến binh năm 2026.

998.751. (a) (1) Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang (Chương 4 (bắt đầu từ Mục 16720), Phần 3, Phần 4, Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ), cùng các sửa đổi bổ sung theo thời gian, được thông qua nhằm mục đích chuẩn bị, thực hiện, phát hành, bán, thu hồi, mua lại và hoàn trả, cũng như các vấn đề khác liên quan đến các trái phiếu được phép phát hành theo điều khoản này; đồng thời, các quy định của luật đó được coi là một phần của điều khoản này, như thể đã được trình bày đầy đủ tại điều khoản này, ngoại trừ hai trường hợp sau:

(A) Các tiểu mục (a) và (b) của Mục 16727 và tiểu mục (a) của Mục 16755 thuộc Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang sẽ không được áp dụng.

(B) Đoạn (1) thuộc tiểu mục (c) của Mục 16753 thuộc Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang sẽ được thay thế toàn bộ bằng nội dung sau: "Thủ quỹ Tiểu bang phải yêu cầu bên trúng thầu trong đợt bán đấu giá cạnh tranh hoặc bên bảo lãnh phát hành trong đợt bán theo phương thức thỏa thuận phải nộp khoản tiền đặt cọc thiện chí với mức tối thiểu bằng một nửa của 1% giá trị gốc của số trái phiếu mà bên đó đã trúng thầu hoặc đã nộp đề xuất. Khoản tiền đặt cọc thể hiện thiện chí sẽ có giá trị được xác định một cách hợp lý bởi Thủ quỹ, ít nhất một ngày trước thời điểm bán trái phiếu theo phương thức cạnh tranh hoặc thỏa thuận, tùy từng trường hợp. Thủ quỹ sẽ

quy định hình thức đặt cọc, bao gồm séc ngân hàng, thư bảo lãnh, chuyển khoản ngân hàng hoặc kết hợp các hình thức này. Khoản tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi suất.”

(2) Mọi tham chiếu đến cụm từ “tại đây” trong điều này đều đề cập đến cả điều này lẫn đạo luật được đưa vào đây.

(b) Theo quy định của Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang, Bộ Cựu chiến binh được chỉ định là “ban quản lý”.

998.752. Trong văn bản này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

(a) “Ban quản lý” có nghĩa là Bộ Cựu chiến binh.

(b) “Trái phiếu” có nghĩa là trái phiếu Cựu chiến binh, một trái phiếu nghĩa vụ chung của tiểu bang, được phát hành theo quy định của điều khoản này trên cơ sở áp dụng các quy định của Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang như được nêu tại đây.

(c) “Đạo luật Trái phiếu” có nghĩa là điều khoản này, trong đó cho phép phát hành trái phiếu nghĩa vụ chung của tiểu bang và áp dụng Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang thông qua việc dẫn chiếu.

(d) “Ủy ban” có nghĩa là Ủy ban Tài chính Cựu chiến binh năm 1943 được thành lập theo Mục 991.

(e) “Quỹ” có nghĩa là Quỹ Xây dựng Nhà và Trang trại cho Cựu chiến binh năm 1943 được thành lập theo Mục 988.

(f) “Quỹ Thanh toán” nghĩa là Quỹ Thanh toán Trái phiếu Cựu chiến binh được thành lập theo Mục 988.6.

998.753. Nhằm mục đích thành lập quỹ hỗ trợ mua trang trại và nhà ở cho Cựu chiến binh theo quy định của Đạo luật Mua Trang trại và Nhà ở cho Cựu chiến binh năm 1974 (Điều 3.1, bắt đầu từ Mục 987.50) cùng các đạo luật sửa đổi, bổ sung cho đạo luật này, ủy ban có thể tạo ra (các) khoản nợ hoặc (các) nghĩa vụ nợ của Tiểu bang California với tổng số tiền không vượt quá một tỷ hai trăm năm mươi triệu đô la (\$1,250,000,000) không bao gồm giá trị của bất kỳ loại trái phiếu hoàn trả nào được phát hành theo Mục 998.762, theo phương thức được quy định tại đây.

998.754. (a) Tất cả các trái phiếu được phép phát hành theo quy định tại điều này, khi đã được bán, phát hành và bàn giao, sẽ cấu thành nghĩa vụ chung hợp lệ và có giá trị pháp lý ràng buộc đối với Tiểu bang California; đồng thời, Tiểu bang California cam kết bảo đảm hoàn toàn cho việc thanh toán đúng hạn cả tiền gốc và tiền lãi của các trái phiếu này khi đến hạn thanh toán.

(b) Hàng năm, ngoài các khoản doanh thu thông thường của tiểu bang, sẽ thu một khoản tiền theo yêu cầu để trả nợ gốc và lãi trái phiếu mỗi năm, theo cùng phương thức và thời điểm như các khoản thu khác của tiểu bang, khi đến hạn thanh toán mỗi năm. Tất cả các viên chức được luật pháp giao nhiệm vụ liên quan đến việc thu ngân sách tiểu bang đều có nghĩa vụ thực hiện mọi hành động cần thiết để thu được khoản tiền bổ sung đó.

(c) Vào các ngày thực hiện chuyển tiền theo quy định tại Mục 16676 của Bộ luật Chính phủ để thanh toán nghĩa vụ nợ đối với trái phiếu trong mỗi năm tài chính, toàn bộ số tiền hiện có trong quỹ sẽ được chuyển sang Quỹ Thanh toán để chi trả

nghĩa vụ nợ, với điều kiện số tiền được chuyển không vượt quá giá trị nghĩa vụ nợ đến hạn thanh toán tại thời điểm đó. Nếu số tiền được chuyển vào các ngày chuyển tiền ít hơn nghĩa vụ trả nợ đến hạn phải thanh toán thì phần dư chưa thanh toán sẽ được chuyển từ quỹ này sang Quỹ Chung ngay khi có đủ nguồn tiền, kèm theo khoản lãi tính từ ngày chuyển tiền cho đến khi thanh toán xong, lãi suất áp dụng sẽ bằng lãi suất của trái phiếu và được tính lãi kép định kỳ sáu tháng một lần. Bất kể quy định nào khác của luật pháp có nội dung trái ngược, tiểu mục này sẽ áp dụng đối với tất cả các đạo luật về trái phiếu phục vụ việc mua trang trại và nhà ở cho Cựu chiến binh theo quy định tại chương này. Tiểu mục này không trao cho người nắm giữ bất kỳ trái phiếu nào được phát hành theo điều khoản này quyền cầm giữ đối với quỹ, Quỹ Thanh toán hoặc các khoản tiền có trong đó. Vì mục đích của tiểu mục này, “nghĩa vụ trả nợ” có nghĩa là khoản tiền gốc (cho dù đến hạn thanh toán khi đáo hạn, do mua lại hay do yêu cầu thanh toán sớm), khoản tiền chênh lệch giá (nếu có), hoặc tiền lãi phải trả vào bất kỳ ngày nào đối với bất kỳ đợt phát hành trái phiếu nào. Tuy nhiên, quy định tại tiểu mục này sẽ không áp dụng đối với các khoản thanh toán nghĩa vụ trả nợ được chi trả từ số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu hoàn trả.

998.755. Bất kể quy định tại Mục 13340 của Bộ luật Chính phủ, theo đây, một khoản tiền tương đương với cả hai yếu tố sau đây được cấp vốn liên tục từ Quỹ Chung thuộc Kho bạc Tiểu bang để phục vụ các mục đích của điều khoản này, không phụ thuộc vào năm tài chính:

(a) Khoản tiền cần thiết hàng năm để thanh toán tiền gốc và tiền lãi của các trái phiếu được phát hành và bán theo quy định tại đây, khi các khoản tiền gốc và tiền lãi đó đến hạn thanh toán.

(b) Khoản tiền cần thiết để thực hiện Mục 998.756.

998.756. Vì mục đích của điều khoản này, Giám đốc Tài chính có thể cho phép rút từ Quỹ Chung một khoản tiền không vượt quá giá trị của số trái phiếu chưa bán (vốn đã được ủy ban phê duyệt bán theo điều khoản này), không bao gồm các trái phiếu hoàn trả được phê duyệt theo Mục 998.762, trừ đi bất kỳ khoản tiền vay nào theo Mục 998.757 mà chưa được hoàn trả cũng như bất kỳ khoản tiền nào đã được rút theo mục này mà chưa được hoàn lại vào Quỹ Chung. Mọi khoản tiền rút ra phải được nộp vào quỹ. Bất kỳ khoản tiền nào được cấp cho ban quản lý theo mục này sẽ được ban quản lý hoàn trả vào Quỹ Chung, cộng với tiền lãi mà số tiền đó lẽ ra sẽ kiếm được trong Tài khoản Đầu tư Tiền chung từ việc bán trái phiếu nhằm mục đích thực hiện điều khoản này.

998.757. Ban quản lý có thể yêu cầu Hội đồng Đầu tư Tiền chung vay tiền từ Tài khoản Đầu tư Tiền chung, theo Mục 16312 của Bộ luật Chính phủ, nhằm mục đích thực hiện điều khoản này, trừ đi bất kỳ khoản tiền nào đã rút theo Mục 998.756 và chưa được hoàn trả vào Quỹ chung. Số tiền yêu cầu không được vượt quá số lượng trái phiếu chưa bán mà ủy ban đã, bằng nghị quyết, cho phép bán để thực hiện điều khoản này, không bao gồm bất kỳ trái phiếu hoàn trả nào được ủy quyền theo Mục 998.762, trừ đi bất kỳ khoản tiền nào đã cho vay theo mục này mà chưa được hoàn trả và bất kỳ khoản tiền nào đã rút theo Mục 998.756 mà chưa được trả lại cho Quỹ Chung. Ban quản lý sẽ thực hiện mọi thủ tục giấy tờ cần thiết

theo yêu cầu của Hội đồng Đầu tư Tienn chung để thực hiện việc vay và hoàn trả khoản vay. Mọi khoản tiền vay phải được nộp vào quỹ để ban quản lý phân bổ theo quy định tại điều này.

998.758. Theo đề nghị của ban quản lý, kèm theo bản trình bày về các kế hoạch và dự án đã được Thống đốc phê duyệt, ủy ban sẽ ra nghị quyết xác định xem liệu có cần thiết hoặc phù hợp hay không khi phát hành các loại trái phiếu được cho phép theo quy định tại điều này nhằm thực hiện các kế hoạch và dự án của ban quản lý; đồng thời, nếu quyết định phát hành, ủy ban sẽ xác định khối lượng trái phiếu cần phát hành và bán ra. Các đợt phát hành trái phiếu nối tiếp nhau có thể được phê chuẩn và bán ra để triển khai dần dần các kế hoạch và dự án này, không nhất thiết phải phát hành hoặc bán toàn bộ số trái phiếu cùng một lúc.

998.759. (a) Trong thời gian các trái phiếu được phát hành theo quy định tại điều này vẫn còn hiệu lực thanh toán, Bộ trưởng Bộ Cựu chiến binh phải yêu cầu một kế toán viên công độc lập có uy tín thực hiện việc khảo sát tình hình tài chính của Bộ phận Mua sắm Trang trại và Nhà ở, đồng thời lập dự báo về hoạt động của bộ phận này vào thời điểm kết thúc mỗi năm tài chính. Kết quả của mỗi cuộc khảo sát và dự báo phải được kế toán viên công lập văn bản báo cáo gửi tới Bộ trưởng Bộ Cựu chiến binh, Hội đồng Cựu chiến binh California, các ủy ban chính sách phụ trách vấn đề cựu chiến binh tại Thượng viện và Hạ viện cũng như ủy ban này.

(b) Bộ phận Mua sắm Trang trại và Nhà ở sẽ thanh toán cho kế toán viên công chi phí cho các dịch vụ này từ bất kỳ khoản tiền nào mà bộ phận hiện có đang được gửi tại chỗ Thủ quỹ Tiểu bang.

998.760. (a) Thủ quỹ Tiểu bang có trách nhiệm phát hành và bán các trái phiếu được ủy quyền theo điều này với số lượng do ủy ban xác định là cần thiết và phù hợp, tuân theo quy định tại Mục 998.758. Trái phiếu sẽ được phát hành và bán theo các điều khoản và điều kiện được quy định trong nghị quyết được ủy ban thông qua chiếu theo Mục 16731 của Bộ luật Chính phủ.

(b) Bất cứ khi nào xét thấy cần thiết để việc bán trái phiếu đạt hiệu quả, ủy ban có thể ủy quyền cho Thủ quỹ Tiểu bang bán bất kỳ đợt phát hành trái phiếu nào với mức giá thấp hơn mệnh giá, bất kể quy định tại Mục 16754 của Bộ luật Chính phủ. Tuy nhiên, mức chiết khấu đối với trái phiếu không được vượt quá 3% mệnh giá của trái phiếu đó.

998.761. Từ nguồn tiền thu được đầu tiên từ việc bán trái phiếu theo quy định tại văn bản này, toàn bộ số tiền đã chi cho các mục đích được nêu tại Mục 16724.5 của Bộ luật Chính phủ sẽ được hoàn trả vào Quỹ Xoay vòng Chi phí Trái phiếu Nghĩa vụ Chung (được thành lập theo mục nêu trên), và số tiền này có thể tiếp tục được sử dụng cho cùng mục đích và được hoàn trả theo cùng phương thức mỗi khi có các đợt bán trái phiếu bổ sung. Tất cả các khoản tiền được nộp vào quỹ từ tiền chênh lệch giá và lãi dồn tích của trái phiếu bán ra theo quy định tại điều này phải được giữ lại trong quỹ và sẵn sàng để chuyển sang Quỹ Chung nhằm bù trừ cho các khoản chi phí trả lãi trái

phiếu; tuy nhiên, các khoản tiền thu được từ tiền chênh lệch giá có thể được giữ lại và sử dụng để thanh toán chi phí phát hành trái phiếu trước khi thực hiện bất kỳ khoản chuyển nào sang Quỹ Chung.

998.762. Mọi trái phiếu được phát hành và bán theo quy định tại điều này đều có thể được tái cấp vốn theo quy định tại Điều 6 (bắt đầu từ Mục 16780), Chương 4, Phần 3, Phần 4, Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ. Việc cử tri chấp thuận hoặc phủ quyết trái phiếu theo quy định tại điều này bao gồm cả việc chấp thuận phát hành trái phiếu nhằm mục đích đảo nợ đối với các trái phiếu được phát hành ban đầu theo điều này hoặc bất kỳ trái phiếu hoàn trả nào đã được phát hành trước đó. Bất kỳ trái phiếu nào được hoàn trả bằng số tiền thu từ các trái phiếu hoàn trả được cho phép theo mục này có thể được hủy bỏ hợp pháp trong phạm vi luật pháp cho phép theo cách thức và trong phạm vi được đặt ra trong nghị quyết, như được tu chỉnh theo thời gian, cho phép trái phiếu được hoàn trả đó.

998.763. Bất kể quy định nào của Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang hay của điều khoản này, nếu Thủ quỹ bán trái phiếu theo quy định tại điều khoản này mà luật sư chuyên trách về trái phiếu đã đưa ra ý kiến xác nhận rằng tiền lãi từ trái phiếu đó được miễn tính vào tổng thu nhập chịu thuế thu nhập liên bang (tùy thuộc vào các điều kiện được quy định) hoặc được hưởng các ưu đãi thuế liên bang khác, thì Thủ quỹ có thể duy trì các tài khoản riêng biệt để đầu tư số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu cũng như các khoản thu nhập phát sinh từ số tiền đó; đồng thời, Thủ quỹ có thể sử dụng hoặc chỉ đạo việc sử dụng số tiền thu được hoặc các khoản thu nhập này để thanh toán các khoản hoàn trả, tiền phạt hoặc các khoản chi trả khác theo quy định của luật liên bang, hoặc thực hiện các hành động khác liên quan đến việc đầu tư và sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu (theo yêu cầu hoặc sự cho phép của luật liên bang) nhằm duy trì trạng thái miễn thuế của trái phiếu hoặc đạt được các lợi ích khác theo luật liên bang cho các quỹ của tiểu bang.

998.764. Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu theo quy định tại điều này không được coi là "nguồn thu từ thuế" theo cách hiểu tại Điều XIII B của Hiến pháp California, và việc giải ngân số tiền này không chịu sự chi phối của các hạn chế quy định tại Điều XIII B. Số tiền thu được theo "Tuyên bố Ý định" từ việc phát hành trái phiếu, với hạn mức không vượt quá giá trị gốc của trái phiếu được phép phát hành theo điều này (không bao gồm trái phiếu tái cấp vốn phát hành theo Mục 998.762) dự kiến sẽ và có thể được sử dụng để hoàn trả cho bất kỳ nguồn vốn hợp pháp nào đã được dùng để chi trả chi phí cho các dự án hoặc chương trình (bao gồm cả ngân sách của các cơ quan hoặc sở ngành tiểu bang có thể được sử dụng cho các chi phí đó) được phê duyệt theo điều này và đã được thanh toán sau ngày 3 Tháng Mười Một 2026; tuy nhiên, các chi phí được hoàn trả từ nguồn thu trái phiếu không được phép là những khoản đã được thanh toán bằng nguồn vốn từ một khoản nợ khác, trừ khi khoản nợ trước đó sẽ được tất toán bằng chính nguồn thu từ trái phiếu này.

DỰ LUẬT 2

Tu chính án này, được đề xuất bởi Tu chính án Hiến pháp của Hạ viện số 20 thuộc Phiên họp Thường kỳ 2025–2026 (Nghị quyết Chương 130, Điều luật năm 2026), thực hiện sửa đổi Hiến pháp California một cách rõ ràng thông qua việc sửa đổi các mục của văn bản này; do đó, các quy định hiện hành dự kiến bị loại bỏ được trình bày bằng kiểu chữ bị gạch ngang, còn các quy định mới dự kiến được bổ sung được trình bày bằng kiểu chữ nghiêng để biểu thị tính mới của chúng.

ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI ĐIỀU XVI

Thứ nhất—(a) Dự luật này sẽ được gọi, và có thể được viện dẫn, là Đạo luật Tiết kiệm cho Tương lai California.

(b) Cơ quan Lập pháp nhận định và tuyên bố tất cả các nội dung sau đây:

(1) Các gia đình tại California hiểu rằng việc lập kế hoạch tài chính có trách nhiệm đòi hỏi phải dành dụm tiền tiết kiệm trong những giai đoạn thuận lợi để chuẩn bị cho các thách thức bất ngờ và những đợt suy thoái kinh tế. Tiểu bang California nên tuân theo cùng một nguyên tắc hợp lý.

(2) Người dân California kỳ vọng chính quyền của họ quản lý tài chính công một cách có trách nhiệm, thận trọng và có tính đến các thế hệ tương lai. Việc duy trì các khoản dự trữ đầy đủ giúp đảm bảo rằng các dịch vụ công thiết yếu vẫn sẵn sàng đáp ứng khi cần thiết nhất.

(3) Nền kinh tế California thuộc hàng lớn nhất và năng động nhất thế giới, song cũng chịu ảnh hưởng của các chu kỳ kinh tế, biến động về doanh thu, thiên tai, các tình trạng khẩn cấp về y tế công cộng cùng những sự kiện bất ngờ khác có thể gây áp lực lớn lên ngân sách tiểu bang.

(4) Khi doanh thu của tiểu bang sụt giảm trong thời kỳ suy thoái kinh tế, việc thiếu hụt ngân sách dự phòng có thể buộc chính quyền phải đưa ra những quyết định khó khăn, gây ảnh hưởng đến các chương trình và dịch vụ thiết yếu mà các gia đình, sinh viên/học sinh, người cao tuổi, cựu chiến binh, người lao động và doanh nghiệp tại California đang dựa vào.

(5) Việc xây dựng và duy trì các khoản dự trữ ngân sách vững chắc trong giai đoạn kinh tế tăng trưởng giúp bảo vệ người dân California trước tình trạng cắt giảm đột ngột các dịch vụ thiết yếu, đồng thời giảm bớt nhu cầu thực hiện các biện pháp điều chỉnh quyết liệt trong những giai đoạn ngân sách gặp khó khăn.

(6) Việc lập kế hoạch tài chính bài bản đòi hỏi phải có tầm nhìn xa hơn năm tài chính tiếp theo và chuẩn bị sẵn sàng cho những thách thức trong tương lai trước khi chúng phát sinh. Cũng giống như các gia đình tiết kiệm để phòng ngừa những trường hợp khẩn cấp và các khoản chi phí bất ngờ, California nên tiết kiệm trong những năm thuận lợi để bảo vệ trường học, an toàn công cộng và các dịch vụ thiết yếu khi gặp khó khăn.

(7) Các chính sách dự trữ vững chắc giúp thúc đẩy sự ổn định tài khóa, củng cố niềm tin của công chúng vào chính phủ tiểu bang, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế dài hạn, đồng thời giúp duy trì khả năng ứng phó hiệu quả của California trước các tình huống khẩn cấp và suy thoái kinh tế.

(8) Dự luật 98 đã được cử tri thông qua vào năm 1988 nhằm quy định mức tài trợ tối thiểu cho các trường học. Không có nội dung nào trong đạo luật này nhằm thay đổi việc tính toán hoặc cấp tài trợ cho khoản đảm bảo tối thiểu theo quy định tại Mục 8, Điều XVI.

(c) Do đó, Cơ quan Lập pháp chủ trương củng cố cam kết của tiểu bang đối với việc lập ngân sách có trách nhiệm, hoạch định tài chính dài hạn và tiết kiệm thận trọng, thông qua việc tăng cường các khoản dự trữ ngân sách của California và đảm bảo tiểu bang được chuẩn bị tốt hơn để ứng phó với những thách thức kinh tế trong tương lai. Việc tăng cường các khoản dự trữ là sự đầu tư cho tương lai của California và cho các thế hệ mai sau.

Thứ hai—Sửa đổi Mục 20 của Điều XVI văn bản đó thành:

MỤC 20. (a) (1) (A) Tài khoản Bình ổn Ngân sách được thành lập trong Quỹ Chung.

(B) Các khoản dư được gửi vào Tài khoản Bình ổn Ngân sách theo quy định tại đoạn (2) của tiểu mục (a) này và các tiểu mục (c) và (d) trước ngày có hiệu lực của dự luật bổ sung điểm này sẽ được giữ lại trong tài khoản và sẽ được chuyển, rút hoặc điều chỉnh sau thời điểm đó theo các quy định của Hiến pháp như được sửa đổi bởi dự luật bổ sung tiểu đoạn này.

(2) Đối với năm tài chính 2015–16 2027–28 và mỗi năm tài chính tiếp theo, dựa trên Đạo luật Ngân sách cho năm tài chính đó, Kiểm soát viên sẽ chuyển từ Quỹ Chung sang Tài khoản Bình ổn Ngân sách, chậm nhất là ngày 1 Tháng Mười, một khoản tiền bằng 1.5% số tiền ước tính thu nhập của Quỹ Chung cho năm tài chính đó.

(b) (1) Đối với năm tài chính 2015–16 2027–28 và mỗi năm tài chính tiếp theo, dựa trên Đạo luật Ngân sách của năm tài chính đó, Bộ Tài chính sẽ cung cấp cho Cơ quan Lập pháp tất cả các thông tin sau:

(A) Ước tính số tiền thu được từ thuế của Quỹ Chung có thể được phân bổ theo Điều XIII B cho năm tài chính đó.

(B) (i) Ước tính phần thu nhập từ thuế của Quỹ Chung được xác định trong tiểu đoạn (A) mà có nguồn gốc từ thuế thu nhập cá nhân được nộp trên lãi vốn ròng.

(ii) Tổng của các khoản sau đây:

(iii) (I) Phần ước tính trong khoản (i) mà vượt quá 8 phần trăm của vượt quá 8 phần trăm, nhưng không vượt quá 10 phần trăm, của ước tính được thực hiện theo tiểu đoạn (A).

(II) Một trăm năm mươi phần trăm của phần ước tính trong khoản (i) vượt quá 10 phần trăm của ước tính được thực hiện theo tiểu đoạn (A).

(C) Phần nghĩa vụ tài trợ của tiểu bang theo Mục 8 phát sinh từ việc bao gồm số tiền được tính theo khoản (ii) của tiểu đoạn (B), nếu có, như là tiền thu được từ thuế của Quỹ Chung.

(D) Số tiền của bất kỳ khoản phân bổ nào được mô tả trong khoản (ii) của tiểu đoạn (B) của đoạn (1) hoặc tiểu đoạn (C) của đoạn (2) của tiểu mục (c), được thực hiện từ các khoản thu được mô tả trong khoản (ii) của tiểu đoạn (B) của đoạn này.

(E) Số tiền thu được bằng cách trừ đi tổng giá trị được tính theo tiểu đoạn (C) và (D) từ giá trị được tính theo khoản (ii) của tiểu đoạn (B). Nếu nhỏ hơn không, số tiền đó sẽ được coi là bằng không cho mục đích này.

(F) Số tiền nhỏ hơn trong số tiền được tính theo tiểu đoạn (E) hoặc số tiền chuyển khoản dẫn đến số dư trong Tài khoản Bình ổn Ngân sách đạt đến giới hạn quy định tại tiểu mục (e).

(2) Trong năm tài chính 2016–17 2027–28, chỉ riêng đối với năm tài chính 2015–16 2026–27, và trong năm tài chính 2017–18 2028–29 và mỗi năm tài chính tiếp theo, riêng biệt đối với mỗi hai năm tài chính liền trước đó, Bộ Tài chính sẽ tính toán tất cả những điều sau đây, sử dụng cùng phương pháp luận được sử dụng cho năm tài chính liên quan, và cung cấp các kết quả tính toán đó cho Cơ quan Lập pháp:

(A) Bản ước tính cập nhật về số tiền thu được từ thuế của Quỹ Chung có thể được phân bổ theo Điều XIII B.

(B) (i) Ước tính cập nhật về phần thu nhập của Quỹ Chung từ thuế được xác định trong tiểu đoạn (A) mà có nguồn gốc từ thuế thu nhập cá nhân được nộp trên lãi vốn ròng.

(ii) Tổng của các khoản sau đây:

(i) Phần ước tính cập nhật trong khoản (i) mà ~~vượt quá 8 phần trăm của vượt quá 8 phần trăm, nhưng không vượt quá 10 phần trăm, của ước tính cập nhật được thực hiện theo~~ tiểu đoạn (A).

(ii) Một trăm năm mươi phần trăm của phần ước tính trong khoản (i) ~~vượt quá 10 phần trăm của ước tính được thực hiện theo~~ tiểu đoạn (A).

(C) Việc tính toán cập nhật phần nghĩa vụ tài trợ của tiểu bang theo Mục 8 phát sinh từ việc bao gồm số tiền cập nhật được tính toán theo khoản (ii) của tiểu đoạn (B), nếu có, như là tiền thu được từ thuế của Quỹ Chung.

(D) Số tiền của bất kỳ khoản phân bổ nào được mô tả trong khoản (ii) của tiểu đoạn (B) của đoạn (1) hoặc tiểu đoạn (C) của đoạn (2) của tiểu mục (c), được thực hiện từ các khoản thu được mô tả trong khoản (ii) của tiểu đoạn (B) của đoạn (1).

(E) Số tiền thu được bằng cách trừ đi tổng giá trị được tính theo tiểu đoạn (C) và (D) từ giá trị được tính theo khoản (ii) của tiểu đoạn (B). Nếu nhỏ hơn không, số tiền đó sẽ được coi là bằng không cho mục đích này.

(F) Số tiền đã được chuyển trước đó cho năm tài chính bởi Kiểm soát viên từ Quỹ Chung sang Tài khoản Bình ổn Ngân sách theo các tiểu mục (c) và (d).

(G) Số nhỏ hơn trong hai số sau: (i) số tiền, không nhỏ hơn không, thu được từ việc trừ đi, từ số tiền được tính theo tiểu đoạn (E), giá trị của bất kỳ việc tạm ngừng hoặc giảm chuyển khoản nào theo đoạn (1) của tiểu mục (a) của Mục 22 đã được Cơ quan Lập pháp phê duyệt trước đó cho năm tài chính liên quan, và số tiền đã được chuyển trước đó cho năm tài chính đó bởi Kiểm soát viên như được mô tả trong tiểu đoạn (F), hoặc (ii) số tiền chuyển khoản dẫn đến số dư

trong Tài khoản Bình ổn Ngân sách đạt đến giới hạn như được quy định trong tiểu mục (e).

(c) (1) (A) Đến ngày 1 Tháng Mười của năm tài chính 2015–16 2027–28 và mỗi năm tài chính tiếp theo cho đến năm tài chính 2029–30 2039–40, bao gồm cả các năm này, dựa trên các ước tính được nêu trong Đạo luật Ngân sách hàng năm theo các đoạn (2) và (3) của tiểu mục (h), và tổng số tiền được xác định rõ trong đoạn (2) của tiểu mục (a), Kiểm soát viên sẽ chuyển các khoản tiền từ Quỹ Chung và Tài khoản Bình ổn Ngân sách, theo lịch trình do Giám đốc Tài chính cung cấp chính, như được quy định trong tiểu đoạn (B).

(B) Bất kể bất kỳ quy định nào khác của mục này, trong năm tài chính mà Đạo luật Ngân sách đã xác định trong tiểu đoạn (A) áp dụng:

(i) Năm mươi phần trăm của cả số tiền được xác định trong đoạn (2) của tiểu mục (a) và số tiền thu được từ việc trừ giá trị được tính theo tiểu đoạn (C) của đoạn (1) của tiểu mục (b) khỏi giá trị được tính theo khoản (ii) của tiểu đoạn (B) của đoạn (1) của tiểu mục (b) sẽ được chuyển từ Quỹ Chung sang Tài khoản Bình ổn Ngân sách.

(ii) 50 phần trăm còn lại sẽ được Cơ quan Lập pháp phân bổ cho một hoặc nhiều nghĩa vụ và mục đích sau đây:

(I) Các nghĩa vụ của Quỹ Chung năm tài chính trước chưa được cấp vốn theo ~~Mục 8 tồn tại vào ngày 1 Tháng bảy, 2014: 8.~~

(II) Các khoản vay ngân sách cho Quỹ Chung, từ các quỹ bên ngoài Quỹ Chung, ~~có số dư chưa thanh toán vào ngày 1 Tháng Một, 2014; cũng như việc ghi nhận sớm hơn dự kiến các chi phí của các khoản vay được thực hiện cho Quỹ Thanh toán Tạm thời cho Nhà cung cấp Dịch vụ Y tế và việc ghi nhận sớm hơn dự kiến các chi phí được mô tả trong đoạn (1) của tiểu mục (c) của Mục 41206.04 thuộc Bộ luật Giáo dục.~~

(III) Các khoản yêu cầu thanh toán cho các chi phí bắt buộc phát sinh trước năm tài chính 2004–05 mà chưa được thanh toán và theo đoạn (2) của tiểu mục (b) của Mục 6 Điều XIII B được phép thanh toán trong thời hạn nhiều năm, theo quy định của luật pháp.

(IV) Các nghĩa vụ chưa được tài trợ cho các kế hoạch lương hưu cấp tiểu bang và việc tài trợ trước cho các phúc lợi sau khi nghỉ hưu khác, vượt quá số tiền cơ sở hiện tại được thiết lập cho năm tài chính mà lẽ ra các khoản tiền đó sẽ được chuyển vào Tài khoản Bình ổn Ngân sách. Theo quy định của điều khoản phụ này, các khoản tiền cơ bản hiện hành là những khoản tiền phải trả theo quy định của pháp luật, biên bản ghi nhớ đã được phê duyệt, bảng phúc lợi do người sử dụng lao động hoặc tổ chức được ủy quyền thiết lập các khoản đóng góp đó cho những nhân viên bị loại trừ hoặc được miễn trừ khỏi thỏa ước lao động tập thể, hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của các yếu tố trên. Để đủ điều kiện theo tiểu khoản này, khoản kinh phí được cấp phải bổ sung chứ không thay thế nguồn tài trợ lẽ ra sẽ được sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ được mô tả trong tiểu khoản này cho năm tài chính hiện tại hoặc năm tài chính tiếp theo.

(V) Các khoản vay liên bang dành cho Quỹ Dự phòng Thất nghiệp.

(iii) Nếu số tiền được phân bổ theo khoản (ii) vượt quá tổng số tiền của các nghĩa vụ và mục đích được mô tả trong khoản (ii), thì phần còn lại sẽ được chuyển vào Tài khoản Bình ổn Ngân sách, ngoại trừ bất kỳ khoản chuyển tiền nào như vậy đều phải tuân theo giới hạn trong tiểu mục (e).

(2) (A) Đến ngày 1 Tháng Mười của năm tài chính 2030–31 2040–41 và mỗi năm tài chính tiếp theo, dựa trên các ước tính được nêu trong Đạo luật Ngân sách hàng năm theo các đoạn (2) và (3) của tiểu mục (h), Kiểm soát viên sẽ chuyển các khoản tiền từ Quỹ Chung sang Tài khoản Bình ổn Ngân sách, theo lịch trình do Giám đốc Tài chính cung cấp, như được quy định trong tiểu đoạn (B).

(B) Trong năm tài chính mà Đạo luật Ngân sách được xác định trong tiểu đoạn (A) áp dụng, cả số tiền được xác định trong đoạn (2) của tiểu mục (a) và số tiền thu được từ việc trừ giá trị được tính theo tiểu đoạn (C) của đoạn (1) của tiểu mục (b) khỏi giá trị được tính theo khoản (ii) của tiểu đoạn (B) của đoạn (1) của tiểu mục (b) sẽ được chuyển từ Quỹ Chung sang Tài khoản Bình ổn Ngân sách.

(C) Bất kể bất kỳ quy định nào khác của mục này, Cơ quan Lập pháp có thể phân bổ tới 50 phần trăm của cả số tiền được xác định trong đoạn (2) của tiểu mục (a) và số tiền thu được từ việc trừ giá trị được tính theo tiểu đoạn (C) của đoạn (1) của tiểu mục (b) khỏi giá trị được tính theo khoản (ii) của tiểu đoạn (B) của đoạn (1) của tiểu mục (b), cho một hoặc nhiều nghĩa vụ và mục đích được mô tả trong khoản (ii) của tiểu đoạn (B) của đoạn (1).

(3) Các chuyển khoản được mô tả trong tiểu mục này có thể bị tạm dừng hoặc giảm theo đoạn (1) của tiểu mục (a) của Mục 22.

(d) Đến ngày 1 Tháng Mười của năm tài chính 2016–17 2027–28 và mỗi năm tài chính tiếp theo, dựa trên các ước tính được nêu trong Đạo luật Ngân sách hàng năm theo các đoạn (4) và (5) của tiểu mục (h), Kiểm soát viên sẽ chuyển các khoản tiền giữa Quỹ Chung và Tài khoản Bình ổn Ngân sách theo lịch trình do Giám đốc Tài chính cung cấp, như sau:

(1) Nếu số tiền trong tiểu đoạn (G) của đoạn (2) của tiểu mục (b) lớn hơn không thì chuyển số tiền đó từ Quỹ Chung sang Tài khoản Bình ổn Ngân sách, tùy thuộc vào bất kỳ việc tạm dừng hoặc giảm chuyển khoản này theo đoạn (1) của tiểu mục (a) của Mục 22.

(2) Nếu số tiền được mô tả trong tiểu đoạn (F) của đoạn (2) của tiểu mục (b) lớn hơn số tiền được tính theo tiểu đoạn (E) của đoạn (2) của tiểu mục (b) thì chuyển số tiền vượt quá đó từ Tài khoản Bình ổn Ngân sách trở lại Quỹ Chung.

(e) Bất kể bất kỳ quy định nào khác của mục này, số tiền chuyển vào Tài khoản Bình ổn Ngân sách theo đoạn (2) của tiểu mục (a) và tiểu mục (c) và (d) cho bất kỳ năm tài chính nào sẽ không vượt quá số tiền mà khi thực hiện chuyển khoản, số dư trong tài khoản sẽ vượt quá 10 20 phần trăm

số tiền thu được từ thuế của Quỹ Chung cho năm tài chính được ước tính theo tiểu mục (b). Đối với bất kỳ năm tài chính nào, nguồn thu từ thuế của Quỹ Chung mà nếu không có đoạn này thì sẽ được chuyển vào Tài khoản Bình ổn Ngân sách chỉ có thể được chi cho cơ sở hạ tầng, như được định nghĩa trong Mục 13101 của Bộ luật Chính phủ, theo nội dung của mục đó vào ngày 1 Tháng Một, 2014, bao gồm cả việc bảo trì bị trì hoãn.

(f) Các khoản tiền được mô tả trong tiểu mục (b) như là tiền thu được từ thuế của Quỹ Chung là tiền thu được từ thuế của Quỹ Chung cho mục đích của Mục 8 đối với năm tài chính mà các khoản tiền đó được phân bổ, nhưng không được coi là tiền thu được từ thuế của Quỹ Chung bổ sung trên cơ sở các khoản tiền này sau đó được chuyển từ Tài khoản Bình ổn Ngân sách sang Quỹ Chung.

(g) Kiểm soát viên có thể sử dụng các khoản tiền trong Tài khoản Bình ổn Ngân sách mà họ xác định hiện không cần thiết cho các mục đích của mục này để giúp quản lý nhu cầu dòng tiền hàng ngày của Quỹ Chung. Mọi hoạt động sử dụng theo quy định tại tiểu mục này đều không được gây cản trở đến mục đích của Tài khoản Bình ổn Ngân sách.

(h) Đạo luật Ngân sách hàng năm phải bao gồm các dự toán được mô tả trong tất cả các mục sau đây:

(1) Đoạn (2) của tiểu mục (a).

(2) Khoản (ii) của tiểu đoạn (B) của đoạn (1) của tiểu mục (b).

(3) Tiểu đoạn (F) của đoạn (1) của tiểu mục (b).

(4) Khoản (ii) của tiểu đoạn (B) của đoạn (2) của tiểu mục (b).

(5) Tiểu đoạn (G) của đoạn (2) của tiểu mục (b).

(i) Bất kể quy định tại Mục 5 Điều XIII B, đối với năm tài chính 2027–28 và mỗi năm tài chính tiếp theo, các khoản chuyển vào Tài khoản Bình ổn Ngân sách sẽ không được coi là “các khoản chi chịu giới hạn” theo Điều XIII B. Đối với năm tài chính 2027–28 và mỗi năm tài chính tiếp theo, các khoản tiền được rút hoặc chuyển từ Tài khoản Bình ổn Ngân sách mà trước đây chưa được tính là “các khoản chi chịu giới hạn” theo Điều XIII B sẽ được coi là “các khoản chi chịu giới hạn” theo Điều XIII B trong năm tài chính mà chúng được rút từ Tài khoản Bình ổn Ngân sách hoặc được trả lại cho Quỹ Chung.

(j) Bổ sung cho Tài khoản Bình ổn Ngân sách, Tài khoản Dự trữ Tạm thời Thặng dư Dự kiến được thiết lập tại Mục 16418.7 của Bộ luật Chính phủ, hoặc bất kỳ tài khoản kế nhiệm nào của tài khoản đó, sẽ là một kỹ thuật lập ngân sách có trách nhiệm bổ sung để đối phó với sự biến động của doanh thu thuế. Bất kể quy định ở Mục 5 của Điều XIII B, đối với năm tài chính 2027–28 và mỗi năm tài chính tiếp theo, khi một khoản tiền được chuyển vào Tài khoản Dự trữ Tạm thời Thặng dư Dự kiến theo Đạo luật Ngân sách hàng năm, khoản tiền chuyển đó sẽ không được coi là “các khoản chi chịu giới hạn” cho mục đích của Điều XIII B trong năm tài chính đó, với điều kiện là số tiền không chịu giới hạn không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền thu được từ thuế của Quỹ Chung trong năm tài chính mà khoản chuyển

tiền được thực hiện. Đối với năm tài chính 2027–28 và mỗi năm tài chính tiếp theo, các khoản tiền được rút hoặc chuyển từ Tài khoản Dự trữ Tạm thời Thặng dư mà trước đây chưa được tính là “các khoản phân bổ chịu giới hạn” theo Điều XIII B sẽ được coi là “các khoản phân bổ chịu giới hạn” theo Điều XIII B trong năm tài chính mà chúng được rút hoặc chuyển vào Quỹ Chung hoặc bất kỳ quỹ nhà nước nào khác.

Thứ ba—Mục 22 của Điều XVI được sửa đổi như sau:

MỤC 22. (a) Khi Thống đốc ban hành tuyên bố khẩn cấp về ngân sách và xác định các điều kiện cấu thành tình trạng khẩn cấp, Cơ quan Lập pháp có thể thông qua một dự luật thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Đình chỉ hoặc giảm một số tiền nhất định trong một năm tài chính việc chuyển tiền từ Quỹ Chung sang Tài khoản Bình ổn Ngân sách là bắt buộc theo Mục 20.

(2) (A) Hoàn trả các khoản tiền đã được chuyển vào Tài khoản Bình ổn Ngân sách theo Mục 20 về Quỹ Chung để phân bổ nhằm giải quyết tình trạng khẩn cấp về ngân sách.

(B) Không quá 50 phần trăm số dư trong Tài khoản Bình ổn Ngân sách có thể được trả lại cho Quỹ Chung để phân bổ theo tiểu đoạn (A) trong bất kỳ năm tài chính nào, trừ khi tiền trong Tài khoản Bình ổn Ngân sách đã được trả lại cho Quỹ Chung để phân bổ trong năm tài chính liền trước đó.

(3) Đình chỉ hoặc giảm một số tiền nhất định trong một năm tài chính việc chuyển tiền từ Quỹ Chung sang Tài khoản Bình ổn Hệ thống Trường Công lập là bắt buộc theo Mục 21.

(4) Phân bổ kinh phí được chuyển vào Tài khoản Bình ổn Hệ thống Trường Công lập theo Mục 21 và sử dụng số tiền đó để hỗ trợ các học khu và học khu cao đẳng cộng đồng.

(b) Trong phần này, “tình trạng khẩn cấp về ngân sách” có nghĩa là bất kỳ trường hợp nào sau đây:

(1) Tình trạng khẩn cấp do Thống đốc tuyên bố, theo nghĩa của đoạn (2) tiểu khoản (c) Mục 3 của Điều XIII B.

(2) (A) Quyết định của Thống đốc cho rằng nguồn lực ước tính không đủ để tài trợ cho các khoản chi tiêu của Quỹ Chung cho năm tài chính hiện tại hoặc năm tài chính tiếp theo, sau khi đã trích lập quỹ dự trữ để thanh lý các khoản nợ phải trả, ở mức bằng với mức chi tiêu tổng cộng cao nhất của Quỹ Chung được ước tính tại thời điểm ban hành bất kỳ Đạo luật Ngân sách nào trong ba Đạo luật Ngân sách gần đây nhất, được điều chỉnh theo cả hai yếu tố sau:

(i) Tỷ lệ phần trăm thay đổi hàng năm về chi phí sinh hoạt của Tiểu bang, được đo bằng Chỉ số Giá Tiêu dùng California.

(ii) Tỷ lệ phần trăm tăng trưởng hàng năm của dân số dân sự của Tiểu bang theo tiểu khoản (b) của Mục 7901 của Bộ luật Chính phủ.

(B) Số tiền tối đa có thể được rút ra cho trường hợp khẩn cấp về ngân sách được xác định theo đoạn này sẽ không vượt quá số tiền dẫn đến tổng mức chi tiêu của Quỹ Chung cho một năm tài chính lớn hơn số tiền chi tiêu tổng Quỹ

Chung cao nhất được ước tính tại thời điểm ban hành bất kỳ Đạo luật Ngân sách nào trong ba Đạo luật Ngân sách gần đây nhất, được tính toán theo tiểu đoạn (A), hoặc bất kỳ giới hạn nào do tiểu đoạn (B) của đoạn (2) của tiểu mục (a) quy định.

(c) Nếu các điều kiện cần thiết để Thống đốc tuyên bố tình trạng khẩn cấp về ngân sách theo tiểu khoản (b) tồn tại thì các điều chỉnh được đề xuất đối với Ngân sách của Thống đốc do Giám đốc Tài chính đệ trình lên Cơ quan Lập pháp theo tiểu mục (e) của Mục 13308 của Bộ luật Chính phủ, hoặc bất kỳ sửa đổi ngân sách nào khác được yêu cầu phải đệ trình lên Cơ quan Lập pháp theo điều luật kế nhiệm, sẽ cấu thành tuyên bố của Thống đốc về tình trạng khẩn cấp ngân sách nếu bản sửa đổi đề xuất một trong hai điều sau đây:

(1) Tạm ngừng hoặc giảm việc chuyển tiền từ Quỹ Chung sang Tài khoản Bình ổn Ngân sách hoặc Tài khoản Bình ổn Hệ thống Trường Công lập.

(2) Việc hoàn trả tiền từ Tài khoản Bình ổn Ngân sách về Quỹ Chung theo mục này hoặc việc phân bổ ngân sách từ Tài khoản Bình ổn Hệ thống Trường Công lập theo mục này.

DỰ LUẬT 3

Dự luật tiên khởi này được đệ trình để người dân xem xét theo các quy định tại Mục 8, Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này sửa đổi một mục của Hiến pháp California; do đó, các quy định hiện hành được đề xuất xóa bỏ được in dưới dạng ~~chữ bị gạch ngang~~ và các quy định mới được đề xuất bổ sung được in dưới dạng *chữ nghiêng* để biểu thị rằng đây là các quy định mới.

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

Đạo luật Bảo vệ Giáo dục và Chăm sóc Sức khỏe Trẻ em
California năm 2026

MỤC 1. Tiêu đề.

Dự luật này sẽ được gọi và có thể được trích dẫn là “Đạo luật Bảo vệ Giáo dục và Chăm sóc Sức khỏe Trẻ em California năm 2026”.

MỤC 2. Kết quả.

(a) Năm 2012, cử tri California đã thông qua việc tăng thuế đối với những người có thu nhập cao—2% người giàu nhất—để tài trợ cho các dịch vụ thiết yếu của tiểu bang và ngăn chặn những cắt giảm mạnh mẽ đối với giáo dục công lập do những thách thức tài chính của cuộc Đại Suy thoái gây ra. Các mức thuế này đã được cử tri gia hạn vào năm 2016, với 63% phiếu bầu tán thành. Kể từ khi được thông qua lần đầu, biện pháp thuế này đã thu được hơn \$104 tỷ cho các trường học và các dịch vụ thiết yếu khác. Đây là một phần cơ bản của ngân sách tiểu bang và quỹ dự phòng của tiểu bang.

2

3

(b) Thuế thu nhập cao này đã cho phép tiểu bang thực hiện các khoản đầu tư quan trọng vào giáo dục và sức khỏe của trẻ em, đồng thời giúp hệ thống trường công lập của California trở nên cạnh tranh hơn so với các tiểu bang khác trong 50 tiểu bang. Năm 2012, California nằm trong nhóm 10 tiểu bang có chi tiêu cho giáo dục thấp nhất. Ngày nay, với nguồn thu này, California đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong chi tiêu cho giáo dục. Hiện nay, tiểu bang của chúng tôi cung cấp bữa ăn trưa miễn phí tại trường; lớp mẫu giáo chuyển tiếp miễn phí cho tất cả trẻ bốn tuổi; dịch vụ chăm sóc trước và sau giờ học miễn phí cho học sinh tiểu học nhỏ tuổi; và các dịch vụ cộng đồng tại nhiều học khu.

(c) Trừ khi cử tri gia hạn thuế này, nó sẽ hết hiệu lực vào năm 2030. Điều đó sẽ dẫn đến việc giảm ngay lập tức nguồn thu của tiểu bang hơn \$10 tỷ và cắt giảm nghiêm trọng ngân sách cho trường học, chăm sóc sức khỏe trẻ em và các dịch vụ thiết yếu khác. Việc này sẽ đảo ngược những thành quả mà các trường học đã đạt được kể từ khi luật thuế thu nhập cao được thông qua lần đầu vào năm 2012.

(d) Dự luật này không làm tăng thuế đối với các cặp vợ chồng có thu nhập dưới \$680,000 hoặc các cá nhân có thu nhập dưới \$340,000, tính theo giá trị hiện tại. Điều này không làm thay đổi mức thuế hiện hành, vốn vẫn giữ nguyên kể từ khi dự luật thuế này được ban hành lần đầu vào năm 2012.

(e) Đây không phải là lúc để giảm thuế cho những người giàu nhất California, một việc mà họ không cần và trường học cũng như cộng đồng của chúng ta không đủ khả năng chi trả. Việc duy trì thuế này đối với những người có thu nhập cao giúp đảm bảo trẻ em California được tiếp cận nền giáo dục và chăm sóc sức khỏe cần thiết để phát triển và đạt được tiềm năng cao nhất của mình, trong khi việc để thuế này hết hiệu lực sẽ đòi hỏi những cắt giảm lớn đối với giáo dục và y tế của thể hệ tương lai.

(f) Tương lai của California phụ thuộc vào sự thành công của hơn 9 triệu trẻ em tại đây. Mỗi đứa trẻ ở California đều xứng đáng có cơ hội công bằng để trở thành người lớn thành đạt. Nhưng để trẻ em thành công khi trưởng thành, chúng cần được tiếp cận với nền giáo dục và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

(g) Đối với trẻ em, giáo dục và chăm sóc sức khỏe là thiết yếu và phụ thuộc lẫn nhau. Tiếp cận với nền giáo dục chất lượng là yếu tố cơ bản cho sự thành công của trẻ em California. Ngay cả khi có đủ trường học, trẻ em vẫn không thể tiếp thu kiến thức nếu bệnh tật ngăn cản chúng đến trường. Trẻ em lớn lên trong các cộng đồng không được chăm sóc sức khỏe đầy đủ có nhiều khả năng mắc bệnh hoặc có các bệnh mãn tính khiến chúng không thể đến trường thường xuyên.

(h) Nghiên cứu cho thấy việc tiếp cận sớm với giáo dục và chăm sóc sức khỏe chất lượng sẽ cải thiện cơ hội thành công của trẻ em trong học tập và cuộc sống. Thuế đánh vào người có thu nhập cao này giúp đảm bảo trẻ em California được tiếp cận nền giáo dục và chăm sóc sức khỏe cần thiết để phát triển và đạt được tiềm năng cao nhất của mình.

(i) Hiến pháp California đảm bảo rằng nguồn thu thuế thu nhập sẽ được chuyển trực tiếp cho các học khu và trường

cao đẳng cộng đồng địa phương. Nguồn tài trợ của tiểu bang được giải phóng để giúp cân bằng ngân sách và tạo quỹ dự phòng nhằm ngăn chặn việc cắt giảm chi phí chăm sóc sức khỏe cho trẻ em và gia đình; các dịch vụ cho người cao tuổi, gia đình lao động và chủ doanh nghiệp nhỏ; phòng chống cháy rừng; và các nhu cầu thiết yếu khác ngay cả khi doanh thu giảm. Ai cũng được lợi.

(j) Để đảm bảo tất cả các khoản tiền này chỉ được sử dụng theo đúng ý muốn của cử tri, chúng được đưa vào một quỹ đặc biệt mà Cơ quan Lập pháp không thể chuyển hướng sang các mục đích khác. Không được phép sử dụng bất kỳ khoản thu nào trong số này cho bộ máy hành chính tiểu bang hoặc chi phí quản lý.

(k) Các khoản kinh phí này phải được kiểm toán độc lập hàng năm để đảm bảo chúng chỉ được chi tiêu cho các mục đích đã được nêu trong dự luật này. Các quan chức được bầu sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý và hình phạt hình sự nếu họ lạm dụng các khoản tiền này.

(l) Dự luật này đã giúp xây dựng và sẽ duy trì Quỹ Dự phòng của tiểu bang. California đã chứng kiến những biến động ngân sách lớn trong 15 năm qua, với những năm kinh tế tốt thường được theo sau bởi thâm hụt ngân sách sâu và những đợt cắt giảm ngân sách tàn khốc. Việc duy trì Quỹ Dự phòng của tiểu bang đã giúp bảo vệ trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật ở California khỏi việc cắt giảm ngân sách trường học và chăm sóc sức khỏe trong thời kỳ suy thoái kinh tế.

(m) Việc cắt giảm ngân sách liên bang sẽ có tác động rất lớn đến người dân California có thu nhập thấp, và đặc biệt là trẻ em của chúng ta. Nhưng luật thuế liên bang đang dành những khoản giảm thuế khổng lồ cho những người nộp thuế giàu có. Việc duy trì mức thuế hiện hành đối với những người có thu nhập cao ở California là điều cần thiết để bảo vệ các trường học và học sinh của chúng ta.

MỤC 3. Mục đích và ý định.

(a) Mục đích và ý định chính của cử tri khi thông qua dự luật này là để tránh những cắt giảm gây hại làm giảm chất lượng giáo dục và giảng dạy tại các trường công lập địa phương ở California, và để cung cấp đủ tài trợ cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu cho trẻ em và thành viên gia đình của các em.

(b) Dự luật này nhằm mục đích bảo vệ con em chúng ta bằng cách gia hạn mức thuế thu nhập hiện hành đối với những người giàu có ở California. Thay vì chuyển tiền trở lại túi của người giàu, dự luật này chuyển tiền vào một tài khoản đặc biệt, chỉ được sử dụng để đảm bảo mọi trẻ em ở California đều được tiếp cận với nền giáo dục công lập chất lượng. Điều này giúp giải phóng nguồn ngân sách tiểu bang để cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em và tài trợ cho các dịch vụ thiết yếu khác.

(c) Dự luật này đảm bảo trong Hiến pháp rằng nguồn thu mà nó huy động được cho các trường học sẽ được chuyển trực tiếp đến các học khu và trường cao đẳng cộng đồng để chi trả cho các chi phí lớp học, chứ không phải chi phí hành chính. Nguồn tài trợ dành cho trường học này không thể bị đình chỉ hoặc giữ lại bất kể điều gì xảy ra với ngân sách tiểu bang.

(d) Tất cả doanh thu từ dự luật này đều phải chịu sự kiểm toán địa phương hàng năm và được kiểm toán bởi Kiểm toán viên độc lập để đảm bảo rằng chúng chỉ được sử dụng cho các mục đích đã nêu trong dự luật này.

MỤC 4. Phần 36 của Điều XIII thuộc Hiến pháp California được sửa đổi như sau:

Mục. 36. (a) Đối với mục đích của phần này:

(1) “Dịch vụ An ninh Công cộng” bao gồm các nội dung sau:

(A) Tuyển dụng và đào tạo các cán bộ an ninh công cộng, bao gồm nhân viên thực thi pháp luật, luật sư được chỉ định tham gia tố tụng hình sự và nhân viên an ninh tòa án.

(B) Quản lý các nhà tù địa phương và cung cấp nơi ở, điều trị, dịch vụ và giám sát cho người phạm tội vị thành niên và người lớn.

(C) Ngăn ngừa lạm dụng, bỏ bê hoặc bóc lột trẻ em; cung cấp dịch vụ cho trẻ em và thanh thiếu niên bị lạm dụng, bỏ bê hoặc bóc lột, hoặc có nguy cơ bị lạm dụng, bỏ bê hoặc bóc lột, và gia đình của những trẻ em đó; cung cấp dịch vụ nhận con nuôi; và cung cấp dịch vụ bảo vệ người lớn.

(D) Cung cấp các dịch vụ sức khỏe tâm thần cho trẻ em và người lớn nhằm giảm thiểu tình trạng thất bại trong học tập, tự gây hại cho bản thân hoặc người khác, vô gia cư và việc bị giam giữ hoặc phải vào các cơ sở điều trị mà có thể tránh được.

(E) Phòng ngừa, điều trị và cung cấp các dịch vụ phục hồi cho người lạm dụng chất gây nghiện.

(2) “Luật Tái cơ cấu năm 2011” có nghĩa là luật được ban hành vào hoặc trước ngày 30 Tháng Chín năm 2012 để thực hiện kế hoạch ngân sách tiểu bang, có tên gọi là Tái cơ cấu năm 2011 và quy định việc phân công trách nhiệm về Dịch vụ An toàn Công cộng cho các cơ quan địa phương, bao gồm cả các trách nhiệm báo cáo liên quan. Luật này sẽ trao cho các cơ quan địa phương quyền linh hoạt và kiểm soát tối đa đối với việc thiết kế, quản lý và cung cấp các dịch vụ an ninh công cộng, phù hợp với luật pháp liên bang và các yêu cầu về tài trợ do cơ quan lập pháp xác định. Tuy nhiên, Luật Tái cơ cấu năm 2011 sẽ không bao gồm bất kỳ chương trình mới nào được giao cho các cơ quan địa phương sau ngày 1 Tháng Một năm 2012, ngoại trừ chương trình sàng lọc, chẩn đoán và điều trị định kỳ sớm (EPSDT) và chương trình quản lý chăm sóc sức khỏe tâm thần.

(b) (1) Trừ trường hợp được quy định tại tiểu mục (d), bắt đầu từ năm tài chính 2011–12 và tiếp tục sau đó, các khoản tiền sau đây sẽ được nộp vào Quỹ Doanh thu Địa phương 2011, như được thành lập theo Mục 30025 của Bộ luật Chính phủ, như sau:

(A) Tất cả doanh thu, trừ các khoản hoàn thuế, thu được từ các loại thuế được mô tả trong Mục 6051.15 và 6201.15 của Bộ luật Thuế và Doanh thu, như các mục đó được quy định vào ngày 1 Tháng Bảy, 2011.

(B) Tất cả doanh thu, trừ các khoản hoàn trả, thu được từ phí cấp giấy phép xe được mô tả trong Mục 11005 của Bộ luật Thuế và Doanh thu, như mục đó được quy định vào ngày 1 Tháng Bảy, 2011.

(2) Kể từ ngày 1 Tháng Bảy, 2011 trở đi, doanh thu được gửi theo đoạn (1) sẽ không được coi là doanh thu của Quỹ

Chung hoặc tiền thu được từ thuế cho mục đích của Mục 8 thuộc Điều XVI của Hiến pháp California.

(c) (1) Các khoản tiền gửi vào Quỹ Doanh thu Địa phương 2011 được phân bổ liên tục dành riêng cho việc tài trợ cho việc cung cấp Dịch vụ An toàn Công cộng của các cơ quan địa phương. Trong khi chờ đợi việc thực hiện đầy đủ Luật Tái cơ cấu năm 2011, kinh phí cũng có thể được sử dụng để hoàn trả cho Tiểu bang các chi phí chương trình phát sinh trong việc cung cấp Dịch vụ An toàn Công cộng thay mặt cho các cơ quan địa phương. Phương pháp phân bổ kinh phí sẽ được quy định trong Luật Tái cơ cấu năm 2011.

(2) Thủ quỹ quận, thủ quỹ thành phố và quận, hoặc quan chức có thẩm quyền khác sẽ thành lập Quỹ Doanh thu Địa phương Quận 2011 trong kho bạc của mỗi quận hoặc thành phố và quận. Số tiền trong mỗi Quỹ Doanh thu Địa phương của Quận năm 2011 sẽ được sử dụng chỉ để tài trợ cho việc cung cấp các Dịch vụ An ninh Công cộng bởi các cơ quan địa phương theo quy định của Luật Tái cơ cấu năm 2011.

(3) Bất kể quy định ở Mục 6 của Điều XIII B, hoặc bất kỳ điều khoản hiến pháp nào khác, một nhiệm vụ bắt buộc đối với một chương trình mới hoặc mức độ dịch vụ cao hơn do Luật Tái cấu trúc năm 2011 áp đặt lên một cơ quan địa phương, hoặc do bất kỳ quy định nào được thông qua hoặc bất kỳ sắc lệnh hành pháp hoặc chỉ thị hành chính nào được ban hành để thực hiện luật đó, sẽ không cấu thành một nhiệm vụ yêu cầu Tiểu bang phải cung cấp trợ cấp kinh phí theo nghĩa của mục đó. Bất kỳ yêu cầu nào buộc cơ quan địa phương phải tuân thủ Chương 9 (bắt đầu từ Mục 54950) của Phần 1, Phần 2, Tiêu đề 5 của Bộ luật Chính phủ, liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm Dịch vụ An toàn Công cộng của cơ quan, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác, sẽ không được coi là nghĩa vụ được hoàn trả theo Mục 6 của Điều XIII B.

(4) (A) Luật được ban hành sau ngày 30 Tháng Chín, 2012, có tác động tổng thể làm tăng chi phí mà cơ quan địa phương đã phải gánh chịu cho các chương trình hoặc mức độ dịch vụ được quy định trong Luật Tái cấu trúc năm 2011, sẽ chỉ áp dụng cho các cơ quan địa phương trong phạm vi mà tiểu bang cung cấp tài trợ hàng năm để bù đắp cho khoản tăng chi phí đó. Các cơ quan địa phương không có nghĩa vụ cung cấp các chương trình hoặc mức độ dịch vụ theo yêu cầu của pháp luật, được mô tả trong tiểu đoạn này, vượt quá mức độ đã được cấp tài trợ.

(B) Các quy định, sắc lệnh hành pháp hoặc chỉ thị hành chính được ban hành sau ngày 9 Tháng Mười, 2011 mà không cần thiết để thực hiện Luật Tái cấu trúc năm 2011, và có tác động tổng thể là làm tăng chi phí mà cơ quan địa phương đã phải gánh chịu cho các chương trình hoặc mức độ dịch vụ được quy định trong Luật Tái cấu trúc năm 2011, sẽ chỉ áp dụng cho các cơ quan địa phương trong phạm vi mà Tiểu bang cung cấp tài trợ hàng năm để bù đắp cho khoản tăng chi phí đó. Các cơ quan địa phương không có nghĩa vụ cung cấp các chương trình hoặc mức độ dịch vụ theo các quy định mới, sắc lệnh hành pháp hoặc chỉ thị hành chính được mô tả trong tiểu đoạn này, vượt quá mức độ đã được cấp tài trợ.

(C) Bất kỳ chương trình mới hoặc mức độ dịch vụ cao hơn nào do các cơ quan địa phương cung cấp, như được mô tả trong các tiểu đoạn (A) và (B), vượt quá mức độ đã được cấp tài trợ,

sẽ không yêu cầu trợ cấp kinh phí từ Tiểu bang cũng như không phải chịu sự điều chỉnh của Mục 6 Điều XIII B. Đoạn này sẽ không áp dụng cho các đạo luật hiện đang được miễn trợ cấp theo đoạn (2) của tiểu mục (a) của Mục 6 Điều XIII B như nội dung đoạn đó ngày 2 Tháng Một, 2011.

(D) Tiểu bang không được đệ trình lên chính phủ liên bang bất kỳ kế hoạch hoặc miễn trừ nào, hoặc các sửa đổi đối với các kế hoạch hoặc miễn trừ đó, mà có tác động tổng thể làm tăng chi phí mà cơ quan địa phương phải gánh chịu cho các chương trình hoặc mức độ dịch vụ được quy định trong Luật Tái cấu trúc năm 2011, trừ trường hợp các kế hoạch, miễn trừ hoặc sửa đổi đó được luật pháp liên bang yêu cầu, hoặc Tiểu bang cung cấp tài trợ hàng năm để bù đắp cho khoản tăng chi phí đó.

(E) Tiểu bang không bắt buộc phải trợ cấp kinh phí theo đoạn này cho một nhiệm vụ do Tiểu bang ban hành theo yêu cầu của cơ quan địa phương hoặc để tuân thủ luật pháp liên bang. Các khoản kinh phí của tiểu bang được yêu cầu theo đoạn này phải đến từ một nguồn khác với những nguồn được mô tả trong các tiểu mục (b) và (d), thuế tài sản theo giá trị hoặc Tài khoản phụ Dịch vụ Xã hội của Tài khoản Thuế Bán hàng của Quỹ Doanh thu Địa phương.

(5) (A) Đối với các chương trình được mô tả trong các tiểu đoạn từ (C) đến (E), bao gồm cả các tiểu đoạn này, của đoạn (1) thuộc tiểu mục (a) và được bao gồm trong Luật Tái cấu trúc năm 2011, nếu có những thay đổi tiếp theo trong các đạo luật hoặc quy định của liên bang làm thay đổi các điều kiện để nhận được các quỹ đối ứng của liên bang như được mô tả trong Luật Tái cấu trúc năm 2011, và có tác động tổng thể là làm tăng chi phí phát sinh của một cơ quan địa phương, thì Tiểu bang phải cung cấp hàng năm ít nhất 50 phần trăm phần chi phí không thuộc liên bang do Tiểu bang xác định.

(B) Khi Tiểu bang là một bên trong bất kỳ khiếu nại nào được đưa ra trong một thủ tục tố tụng tư pháp hoặc hành chính liên bang liên quan đến một hoặc nhiều chương trình được mô tả trong các tiểu đoạn (C) đến (E), bao gồm cả các tiểu đoạn này, của đoạn (1) của tiểu mục (a) và được bao gồm trong Luật Tái cấu trúc năm 2011, và có một thỏa thuận hoặc lệnh tư pháp hoặc hành chính áp đặt một khoản chi phí dưới hình thức phạt tiền hoặc có tác động tổng thể là làm tăng chi phí mà cơ quan địa phương đã phải gánh chịu cho các chương trình hoặc mức độ dịch vụ được quy định bởi Luật Tái cấu trúc năm 2011, thì Tiểu bang phải hàng năm cung cấp ít nhất 50% phần chi phí không thuộc liên bang do Tiểu bang xác định. Việc thanh toán từ phía Tiểu bang là không bắt buộc nếu Tiểu bang xác định rằng thỏa thuận hoặc phán quyết liên quan đến việc một hoặc nhiều cơ quan địa phương không thực hiện nhiệm vụ hành chính, không thực hiện nghĩa vụ pháp lý một cách thiện chí, hoặc hành động một cách cấu thả hoặc thiếu thận trọng.

(C) Các khoản tiền của tiểu bang được cung cấp trong đoạn này sẽ đến từ các nguồn tài trợ khác với những nguồn được mô tả trong các tiểu mục (b) và (d), thuế tài sản theo giá trị hoặc Tài khoản phụ Dịch vụ Xã hội của Tài khoản Thuế Bán hàng của Quỹ Doanh thu Địa phương.

(6) Nếu Tiểu bang hoặc cơ quan địa phương không thực hiện nghĩa vụ hoặc trách nhiệm theo phần này hoặc theo Luật Tái cấu trúc năm 2011, bên có thẩm quyền có thể yêu

cầu sự can thiệp của tòa án. Các thủ tục tố tụng này sẽ được ưu tiên hơn tất cả các vụ việc dân sự khác.

(7) Các khoản tiền được gửi vào Quỹ Doanh thu Địa phương của Quận năm 2011 sẽ được chi tiêu theo cách thức nhằm duy trì tư cách đủ điều kiện nhận quỹ đối ứng liên bang của Tiểu bang, và để đảm bảo Tiểu bang tuân thủ các tiêu chuẩn liên bang hiện hành quy định việc cung cấp Dịch vụ An toàn Cộng đồng của Tiểu bang.

(8) Các cơ quan địa phương không được phép sử dụng các khoản tiền được gửi vào Quỹ Doanh thu Địa phương của Quận năm 2011 để thay thế các nguồn tài trợ khác cho Dịch vụ An toàn Cộng đồng.

(d) Nếu các loại thuế được mô tả trong tiểu mục (b) bị giảm hoặc ngừng hoạt động, Tiểu bang sẽ hàng năm cung cấp tiền cho Quỹ Doanh thu Địa phương 2011 với số tiền bằng hoặc lớn hơn tổng số tiền lẽ ra sẽ được cung cấp từ các loại thuế được mô tả trong tiểu mục (b). Phương pháp xác định số tiền đó sẽ được mô tả trong Luật Tái cơ cấu năm 2011, và Tiểu bang có nghĩa vụ cung cấp số tiền đó chừng nào các cơ quan địa phương còn phải thực hiện các trách nhiệm về Dịch vụ An toàn Cộng đồng được giao theo Luật Tái cơ cấu năm 2011. Nếu Tiểu bang không phân bổ khoản tiền đó hàng năm, Kiểm soát viên sẽ chuyển khoản tiền đó từ Quỹ Chung theo tỷ lệ hàng tháng vào Quỹ Doanh thu Địa phương 2011. Sau đó, Kiểm soát viên sẽ phân bổ các khoản tiền này cho các cơ quan địa phương theo cách thức được quy định trong Luật Tái cơ cấu năm 2011. Các nghĩa vụ của tiểu bang theo tiểu mục này sẽ có quyền ưu tiên thấp hơn đối với tiền từ Quỹ Chung so với quyền ưu tiên đầu tiên dành cho tiền được trích lập theo Mục 8 Điều XVI và quyền ưu tiên thứ hai để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đã được cử tri phê duyệt được mô tả trong Mục 1 Điều XVI.

(e) (1) Để đảm bảo rằng nền giáo dục công không bị ảnh hưởng trong quá trình cung cấp sự bảo vệ quan trọng cho các Dịch vụ An toàn Cộng đồng địa phương, Tài khoản Bảo vệ Giáo dục được thành lập trong Quỹ Chung để nhận và phân phối doanh thu thu được từ việc tăng thuế theo từng giai đoạn do phần này quy định, như được nêu trong tiểu mục (f).

(2) (A) Trước ngày 30 Tháng Sáu, 2013 và trước ngày 30 Tháng Sáu của mỗi năm *tiếp theo, từ năm 2014 đến năm 2030*; Giám đốc Tài chính sẽ ước tính tổng số tiền thu thêm, trừ đi các khoản hoàn thuế, thu được từ việc tăng thuế suất theo từng giai đoạn quy định tại tiểu mục (f) sẽ được chuyển vào Tài khoản Bảo vệ Giáo dục trong năm tài chính tiếp theo. Giám đốc Tài chính sẽ lập dự toán tương tự trước ngày 10 Tháng Một, 2013 về các khoản thu bổ sung, trừ đi các khoản hoàn trả, sẽ nhận được vào cuối năm tài chính 2012-13.

(B) Trong 10 ngày cuối cùng của mỗi quý trong ba quý đầu tiên của mỗi năm tài chính *từ bắt đầu vào 2013-14, 2013-14 đến năm 2030-31, bao gồm cả hai năm đó*; Kiểm soát viên sẽ chuyển vào Tài khoản Bảo vệ Giáo dục một phần tư tổng số tiền ước tính theo tiểu đoạn (A) cho năm tài chính đó, trừ khi số tiền này được điều chỉnh theo tiểu đoạn (D).

(C) Trong mỗi năm trong năm tài chính các năm từ bắt đầu vào 2012-13, 2012-13 đến 2032-33, bao gồm cả hai năm đó; Giám đốc Tài chính sẽ tính toán điều chỉnh Tài khoản Bảo vệ Giáo dục, như được quy định tại tiểu đoạn (D), bằng cách cộng các khoản sau đây, nếu có:

(i) Trong quý cuối cùng của mỗi năm tài chính từ bắt đầu vào 2012-13, 2012-13 đến 2030-31, bao gồm cả 2 năm đó; Giám đốc Tài chính sẽ tính toán lại ước tính được thực hiện cho năm tài chính theo tiểu đoạn (A), và sẽ trừ đi từ ước tính được cập nhật này các khoản tiền đã được chuyển vào Tài khoản Bảo vệ Giáo dục cho năm tài chính đó.

(ii) Vào Tháng Sáu 2015 và vào mỗi Tháng Sáu sau đó, từ năm 2016 đến năm 2033, bao gồm cả 2 năm đó; Giám đốc Tài chính sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về số tiền thu thêm, trừ đi các khoản hoàn thuế, thu được từ việc tăng thuế suất theo từng giai đoạn được quy định tại tiểu mục (f) cho năm tài chính kết thúc hai năm trước đó. Số tiền ước tính được cập nhật tính toán trong khoản (i) cho năm tài chính kết thúc hai năm trước sẽ được trừ đi từ số tiền quyết định cuối cùng này.

(D) Nếu tổng số tiền được xác định theo tiểu đoạn (C) là dương thì Kiểm soát viên sẽ chuyển một khoản tiền bằng tổng số tiền đó vào Tài khoản Bảo vệ Giáo dục trong vòng 10 ngày trước khi kết thúc năm tài chính. Nếu số tiền đó là âm thì Kiểm soát viên sẽ tạm ngừng hoặc giảm các khoản chuyển tiền hàng quý tiếp theo, nếu có, vào Tài khoản Bảo vệ Giáo dục cho đến khi tổng số tiền giảm bằng với số tiền âm được mô tả ở đây. Đối với mục đích của bất kỳ tính toán nào được thực hiện theo khoản (i) của tiểu đoạn (C), số tiền chuyển khoản hàng quý sẽ không được sửa đổi để phản ánh bất kỳ sự tạm ngừng hoặc giảm nào được thực hiện theo tiểu đoạn này.

(E) Trước ngày 30 Tháng Sáu, 2018 và trước ngày 30 Tháng Sáu của mỗi năm từ năm 2019 đến năm 2030, bao gồm cả 2 năm đó, Giám đốc Tài chính sẽ ước tính số tiền thu thêm, trừ đi các khoản hoàn thuế, sẽ thu được trong năm tài chính tiếp theo từ các khoản tăng thuế suất được thực hiện trong tiểu mục (f), mà khi kết hợp với tất cả các khoản thu khác hiện có của Quỹ Chung, sẽ cần thiết để đáp ứng:

(i) Mức bảo lãnh tài trợ tối thiểu theo Mục 8 Điều XVI cho năm tài chính tiếp theo; và

(ii) Ngân sách khối lượng công việc cho năm tài chính tiếp theo, không bao gồm bất kỳ khoản chi tiêu chương trình nào đã được hạch toán thông qua khoản (i). Trong phạm vi phần này, "ngân sách khối lượng công việc" có nghĩa như được quy định tại Mục 13308.05 của Bộ luật Chính phủ, theo cách hiểu và diễn giải của Bộ Tài chính vào ngày 1 Tháng Một, 2016; tuy nhiên, "các dịch vụ được ủy quyền hiện hành" chỉ bao gồm những dịch vụ được coi là "các dịch vụ được ủy quyền hiện tại" theo Mục 13308.05 của Bộ luật Chính phủ tính đến ngày 1 Tháng Một, 2016.

(F) Để tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe thường xuyên, chất lượng cho tất cả học sinh California và gia đình của các em, từ đó giảm thiểu tình trạng nghỉ học do các vấn đề liên quan đến sức khỏe, bất cứ khi nào Giám đốc Tài chính ước tính rằng số tiền có sẵn để

chuyển vào Tài khoản Bảo vệ Giáo dục trong năm tài chính tiếp theo vượt quá số tiền thu được cần thiết từ tài khoản đó theo tiểu đoạn (E) cho năm tài chính tiếp theo đó, giám đốc sẽ xác định số tiền còn lại. Năm mươi phần trăm số tiền còn lại đó, tối đa là hai tỷ đô la trong bất kỳ năm tài chính nào, sẽ được Kiểm soát viên phân bổ từ Tài khoản Bảo vệ Giáo dục cho Sở Dịch vụ Chăm sóc Sức khỏe California hàng quý để tăng nguồn tài trợ cho các chương trình và dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện có được mô tả trong Chương 7 (bắt đầu từ Mục 14000) đến Chương 8.9 (bắt đầu từ Mục 14700), bao gồm cả 2 chương này, của Phần 3 thuộc Phần 9 của Bộ luật Phúc lợi và Thể chế. Nguồn kinh phí chỉ được sử dụng cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe khẩn cấp, cấp cứu, điều trị bệnh lý và phòng ngừa cho trẻ em và gia đình, do các chuyên gia chăm sóc sức khỏe và các cơ sở y tế được cấp phép theo Mục 1250 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn cung cấp, và cho các kế hoạch bảo hiểm y tế hoặc các đơn vị khác quản lý việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người thụ hưởng Medi-Cal đang ký hợp đồng với Sở Dịch vụ Chăm sóc Sức khỏe California để cung cấp các quyền lợi về sức khỏe theo điều khoản này.

(G) Việc phân bổ được quy định trong tiểu đoạn (F) có thể bị tạm dừng theo luật trong năm tài chính mà tình trạng khẩn cấp về ngân sách đã được tuyên bố, với điều kiện là việc phân bổ sẽ không bị giảm vượt quá mức giảm tương ứng trong tổng chi tiêu của Quỹ Chung trong năm đó. Đối với mục đích của phần này, "tình trạng khẩn cấp về ngân sách" có cùng nghĩa như trong đoạn (2) của tiểu mục (b) của Mục 22 của Điều XVI.

(H) Nguồn tài trợ được cung cấp theo tiểu đoạn (F) sẽ không được sử dụng để thay thế Quỹ Chung của tiểu bang hiện có cho phần thanh toán không thuộc liên bang cho các chương trình đó và, phù hợp với luật pháp liên bang, sẽ được sử dụng để nhận được nguồn vốn đối ứng Medicaid của liên bang.

(3) Tất cả tiền trong Tài khoản Bảo vệ Giáo dục được phân bổ liên tục để hỗ trợ các học khu, văn phòng giáo dục quận, trường bán công và học khu cao đẳng cộng đồng như đã nêu trong đoạn này và cho chăm sóc sức khỏe như đã nêu trong tiểu đoạn (F) của đoạn (2).

(A) Mười một phần trăm số tiền được phân bổ cho giáo dục theo đoạn này sẽ được Hội đồng Thống đốc các trường Cao đẳng Cộng đồng California phân bổ hàng quý cho các học khu cao đẳng cộng đồng để cung cấp tài trợ cho mục đích chung cho các học khu cao đẳng cộng đồng theo tỷ lệ số tiền được xác định theo Mục 84750.5 của Bộ luật Giáo dục, như mục luật đó được ban hành vào ngày 6 Tháng Mười Một, 2012. Các khoản phân bổ được tính toán theo tiểu đoạn này sẽ được bù trừ bằng các khoản tiền được quy định trong các tiểu mục (a), (c) và (d) của Mục 84751 của Bộ luật Giáo dục, như mục đó được quy định vào ngày 6 Tháng Mười Một, 2012, vượt quá các khoản tiền được tính toán theo Mục 84750.5 của Bộ luật Giáo dục, như điều khoản đó được quy định vào ngày 6 Tháng Mười Một, 2012, với điều kiện là không có học khu cao đẳng cộng đồng nào nhận được ít hơn một trăm đô la (\$100) cho mỗi sinh viên tương đương toàn thời gian.

(B) Tám mươi chín phần trăm số tiền dành cho giáo dục theo đoạn này sẽ được Giám đốc Giáo dục Công lập phân bổ hàng quý để cung cấp kinh phí cho mục đích chung cho các khu học chính, văn phòng giáo dục của quận và tài trợ cho mục đích chung của tiểu bang cho các trường bán công tương ứng với giới hạn doanh thu được tính theo Mục 2558 và 42238 của Bộ luật Giáo dục và số tiền được tính theo Mục 47633 của Bộ luật Giáo dục dành cho văn phòng giáo dục, khu học chính và trường bán công của quận, như nội dung các phần đó vào ngày 6 Tháng Mười Một, 2012. Các khoản tiền được tính toán như vậy sẽ được bù trừ bằng các khoản tiền được quy định trong tiểu mục (c) của Mục 2558, các đoạn (1) đến (7) của tiểu mục (h) của Mục 42238 và mục 47635 của Bộ luật Giáo dục dành cho các văn phòng giáo dục quận, học khu và trường bán công, như nội dung các điều khoản vào ngày 6 Tháng Mười Một, 2012, vượt quá các khoản tiền được tính toán theo Mục 2558, 42238 và 47633 của Bộ luật Giáo dục dành cho các văn phòng giáo dục quận, học khu và trường bán công, như nội dung các điều khoản đó vào ngày 6 Tháng Mười Một, 2012, với điều kiện là không có học khu, văn phòng giáo dục quận hoặc trường bán công nào nhận được ít hơn hai trăm đô la (\$200) cho mỗi đơn vị số học sinh tham dự trung bình hàng ngày.

(4) Tiểu mục này có hiệu lực tự động và không cần bất kỳ hành động lập pháp nào để có hiệu lực. Việc phân phối tiền trong Tài khoản Bảo vệ Giáo dục của Hội đồng Thống đốc các trường Cao đẳng Cộng đồng California và Giám đốc Giáo dục Công lập sẽ không bị trì hoãn hoặc bị ảnh hưởng bởi việc Cơ quan Lập pháp và Thống đốc không ban hành dự luật ngân sách hàng năm theo Mục 12 của Điều IV, bằng cách viện dẫn tiểu mục (h) của Mục 8 của Điều XVI, hoặc bởi bất kỳ hành động hoặc sự không hành động nào khác của Cơ quan Lập pháp hoặc Thống đốc.

(5) Bất kể quy định nào khác của luật pháp, số tiền gửi vào Tài khoản Bảo vệ Giáo dục dành cho giáo dục sẽ không được sử dụng để thanh toán bất kỳ chi phí nào phát sinh bởi Cơ quan Lập pháp, Thống đốc hoặc bất kỳ cơ quan nào của chính phủ tiểu bang.

(6) Học khu cao đẳng cộng đồng, văn phòng giáo dục quận, học khu hoặc trường bán công có quyền duy nhất quyết định cách chi tiêu số tiền nhận được từ Tài khoản Bảo vệ Giáo dục trong trường học hoặc các trường học thuộc thẩm quyền của mình, với điều kiện là hội đồng hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền phải đưa ra các quyết định chi tiêu này trong phiên họp công khai của hội đồng hoặc cơ quan quản lý và không được sử dụng bất kỳ khoản tiền nào từ Tài khoản Bảo vệ Giáo dục cho tiền lương hoặc phúc lợi của các nhà quản lý hoặc bất kỳ chi phí hành chính nào khác. Mỗi học khu cao đẳng cộng đồng, văn phòng giáo dục quận, học khu và trường bán công hàng năm phải công bố trên trang web của mình báo cáo về số tiền đã nhận được từ Tài khoản Bảo vệ Giáo dục và cách thức chi tiêu số tiền đó.

(7) Việc kiểm toán tài chính và tuân thủ độc lập hàng năm được yêu cầu đối với các học khu cao đẳng cộng đồng, văn phòng giáo dục quận, học khu và trường bán công, ngoài

tất cả các yêu cầu khác của luật pháp, phải xác định và xác minh xem các khoản tiền được cung cấp từ Tài khoản Bảo vệ Giáo dục đã được giải ngân và chi tiêu đúng cách theo yêu cầu của phần này hay chưa. Các chi phí phát sinh do các tổ chức đó thực hiện để tuân thủ yêu cầu kiểm toán bổ sung của phần này có thể được thanh toán bằng nguồn tài trợ từ Tài khoản Bảo vệ Giáo dục và sẽ không được coi là chi phí hành chính cho mục đích của phần này.

(8) Doanh thu, trừ các khoản hoàn trả, thu được theo tiểu khoản (f) để gửi vào Tài khoản Bảo vệ Giáo dục theo phần này sẽ được coi là “doanh thu của Quỹ Chung”, “tiền thu được từ thuế của Quỹ Chung” và “tiền mà Tiểu bang sẽ sử dụng để hỗ trợ các học khu và học khu cao đẳng cộng đồng” cho mục đích của Mục 8 của Điều XVI.

(f) (1) (A) Ngoài các loại thuế do Phần 1 (bắt đầu từ Mục 6001) của Phần 2 của Bộ luật Thuế và Doanh thu áp đặt, đối với đặc quyền bán tài sản cá nhân hữu hình tại cửa hàng bán lẻ, một loại thuế được áp đặt lên tất cả các nhà bán lẻ với tỷ lệ 1/4 phần trăm tổng doanh thu của bất kỳ nhà bán lẻ nào từ việc bán tất cả tài sản cá nhân hữu hình được bán lẻ tại Tiểu bang này kể từ ngày 1 Tháng Một, 2013 đến trước ngày 1 Tháng Một, 2017.

(B) Ngoài các loại thuế được quy định tại Phần 1 (bắt đầu từ Mục 6001) của Phần 2 thuộc Bộ luật Thuế và Doanh thu, một loại thuế tiêu thụ đặc biệt được áp dụng đối với việc lưu trữ, sử dụng hoặc tiêu thụ khác tại Tiểu bang này đối với tài sản cá nhân hữu hình được mua từ bất kỳ nhà bán lẻ nào kể từ ngày 1 Tháng Một, 2013 đến trước ngày 1 Tháng Một, 2017, để lưu trữ, sử dụng hoặc tiêu thụ khác tại tiểu bang này với mức thuế suất là 1/4 phần trăm giá bán của tài sản đó.

(C) Luật Thuế Bán hàng và Sử dụng, bao gồm bất kỳ sửa đổi nào được ban hành vào hoặc sau ngày có hiệu lực của phần này, sẽ áp dụng cho các loại thuế được áp dụng theo đoạn này.

(D) Đoạn này sẽ hết hiệu lực vào ngày 1 Tháng Một, 2017.

(2) Đối với bất kỳ năm tính thuế nào bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 Tháng Một, 2012 và trước ngày 1 Tháng Một, 2031, liên quan đến thuế được áp dụng theo Mục 17041 của Bộ luật Thuế và Doanh thu, mức thuế thu nhập và tỷ lệ 9.3 phần trăm được quy định tại đoạn (1) của tiểu mục (a) của Mục 17041 của Bộ luật Thuế và Doanh thu sẽ được sửa đổi bởi từng điều sau đây:

(A) (i) Đối với phần thu nhập chịu thuế vượt quá hai trăm năm mươi nghìn đô la (\$250,000) nhưng không vượt quá ba trăm nghìn đô la (\$300,000), thuế suất là 10.3 phần trăm của phần vượt quá hai trăm năm mươi nghìn đô la (\$250,000).

(ii) Đối với phần thu nhập chịu thuế vượt quá ba trăm nghìn đô la (\$300,000) nhưng không quá năm trăm nghìn đô la (\$500,000), thuế suất là 11.3 phần trăm của phần vượt quá ba trăm nghìn đô la (\$300,000).

(iii) Đối với phần thu nhập chịu thuế vượt quá năm trăm nghìn đô la (\$500,000), thuế suất là 12.3% trên phần vượt quá năm trăm nghìn đô la (\$500,000).

(B) Các bậc thuế thu nhập được quy định trong các khoản (i), (ii) và (iii) của tiểu đoạn (A) sẽ được tính toán lại, theo quy định khác trong tiểu mục (h) của Mục 17041 của Bộ luật Thuế và Doanh thu, chỉ đối với các năm tính thuế bắt đầu từ ngày 1 Tháng Một, 2013 trở đi.

(C) (i) Đối với mục đích của tiểu mục (g) của Mục 19136 của Bộ luật Thuế và Doanh thu, đoạn này sẽ được coi là được đưa vào chương vào ngày 6 Tháng Mười Một, 2012.

(ii) Đối với mục đích của Phần 10 (bắt đầu từ Mục 17001) và Phần 10.2 (bắt đầu từ Mục 18401) của Phần 2 thuộc Bộ luật Thuế và Doanh thu, các khung thuế và thuế suất đã sửa đổi được thiết lập và áp dụng theo đoạn này sẽ được coi là được thiết lập và áp dụng theo Mục 17041 của Bộ luật Thuế và Doanh thu.

~~(D) Đoạn này sẽ hết hiệu lực vào ngày 1 Tháng Mười Hai, 2031.~~

(3) Đối với bất kỳ năm tính thuế nào bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 Tháng Một, 2012 ~~và trước ngày 1 Tháng Một, 2031~~, liên quan đến thuế được áp dụng theo Mục 17041 của Bộ luật Thuế và Doanh thu, mức thuế thu nhập và tỷ lệ 9.3 phần trăm được quy định tại đoạn (1) của tiểu mục (c) của Mục 17041 của Bộ luật Thuế và Doanh thu sẽ được sửa đổi bởi từng điều sau đây:

(A) (i) Đối với phần thu nhập chịu thuế vượt quá ba trăm bốn mươi nghìn đô la (\$340,000) nhưng không vượt quá bốn trăm lẻ tám nghìn đô la (\$408,000), thuế suất là 10.3 phần trăm của phần vượt quá ba trăm bốn mươi nghìn đô la (\$340,000).

(ii) Đối với phần thu nhập chịu thuế vượt quá bốn trăm lẻ tám nghìn đô la (\$408,000) nhưng không vượt quá sáu trăm tám mươi nghìn đô la (\$680,000), thuế suất là 11.3 phần trăm của phần vượt quá bốn trăm lẻ tám nghìn đô la (\$408,000).

(iii) Đối với phần thu nhập chịu thuế vượt quá sáu trăm tám mươi nghìn đô la (\$680,000), thuế suất là 12.3 phần trăm trên phần vượt quá sáu trăm tám mươi nghìn đô la (\$680,000).

(B) Các bậc thuế thu nhập được quy định trong các khoản (i), (ii) và (iii) của tiểu đoạn (A) sẽ được tính toán lại, theo quy định khác trong tiểu mục (h) của Mục 17041 của Bộ luật Thuế và Doanh thu, chỉ đối với các năm tính thuế bắt đầu từ ngày 1 Tháng Một, 2013 trở đi.

(C) (i) Đối với mục đích của tiểu mục (g) của Mục 19136 của Bộ luật Thuế và Doanh thu, đoạn này sẽ được coi là được đưa vào chương vào ngày 6 Tháng Mười Một, 2012.

(ii) Đối với mục đích của Phần 10 (bắt đầu từ Mục 17001) và Phần 10.2 (bắt đầu từ Mục 18401) của Phần 2 thuộc Bộ luật Thuế và Doanh thu, các khung thuế và thuế suất đã sửa đổi được thiết lập và áp dụng theo đoạn này sẽ được coi là được thiết lập và áp dụng theo Mục 17041 của Bộ luật Thuế và Doanh thu.

~~(D) Đoạn này sẽ hết hiệu lực vào ngày 1 Tháng Mười Hai, 2031.~~

(g) (1) Theo thẩm quyền pháp định, Kiểm soát viên có thể thực hiện kiểm toán các khoản chi tiêu từ Quỹ Doanh thu Địa phương 2011 và bất kỳ Quỹ Doanh thu Địa phương của Quận năm 2011, và sẽ kiểm toán Tài khoản Bảo vệ Giáo dục để đảm bảo rằng các khoản tiền đó được sử dụng và hạch toán theo cách phù hợp với phần này.

(2) Tổng Chương lý hoặc công tố viên quận tại địa phương sẽ nhanh chóng điều tra và có thể truy tố dân sự hoặc hình sự đối với bất kỳ hành vi lạm dụng nào đối với tiền từ Quỹ Doanh thu Địa phương của Quận năm 2011 hoặc Tài khoản Bảo vệ Giáo dục.

MỤC 5. Các dự luật mâu thuẫn.

Trong trường hợp dự luật này và một dự luật khác ảnh hưởng đến thuế suất thu nhập cá nhân cùng xuất hiện trên một lá phiếu toàn tiểu bang, các điều khoản của dự luật hoặc các dự luật kia sẽ được coi là mâu thuẫn với dự luật này. Trong trường hợp dự luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn một dự luật được cho là mâu thuẫn với nó, thì các điều khoản của dự luật này sẽ được ưu tiên áp dụng toàn bộ, và dự luật hoặc các dự luật kia sẽ bị vô hiệu.

MỤC 6. Hiệu lực từng phần.

Nếu vì bất kỳ lý do nào mà các điều khoản của đạo luật này, hoặc một phần của đạo luật này, bị coi là không hợp lệ hoặc vi hiến, thì các điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng mà vẫn còn hiệu lực đầy đủ và vì mục đích này, các điều khoản của đạo luật này có thể tách rời.

MỤC 7. Quyền khởi kiện của người đề xuất.

Bất kể quy định nào khác của luật pháp, nếu tiểu bang, cơ quan chính phủ, hoặc bất kỳ quan chức nào của họ không bảo vệ được tính hợp hiến của đạo luật này, sau khi được cử tri thông qua thì, bất kỳ chủ sử dụng lao động nào khác của chính phủ, người đề xuất, hoặc trong trường hợp vắng mặt của họ, bất kỳ công dân nào của tiểu bang này đều có quyền can thiệp vào bất kỳ vụ kiện nào tại tòa án nhằm thách thức tính hợp hiến của đạo luật này với mục đích bảo vệ tính hợp hiến của nó, cho dù vụ kiện đó đang được tiến hành tại tòa án sơ thẩm, phúc thẩm, hoặc xem xét theo thẩm quyền của Tòa án Tối cao California hoặc Tòa án Tối cao Hoa Kỳ. Các khoản phí và chi phí bào chữa cho vụ kiện sẽ được trích từ ngân sách được cấp cho Văn phòng Tổng Chương lý, và phải được thanh toán kịp thời.

DỰ LUẬT 4

Luật này, được đề xuất bởi Dự luật Thượng viện 42 của Phiên họp Thường kỳ 2025–2026 (Chương 245, Điều luật năm 2025), được trình lên người dân theo Mục 10 của Điều II thuộc Hiến pháp California.

Dự luật này sửa đổi các mục trong Bộ luật Chính phủ; do đó, các điều khoản dự kiến xóa bỏ được in bằng chữ bị gạch ngang và các điều khoản mới dự kiến bổ sung được in bằng chữ nghiêng để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

3

4

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

MỤC 1. Đạo luật này sẽ được gọi là, và có thể được trích dẫn là, Đạo luật Bầu cử Công bằng California năm 2026.

MỤC 2. Cơ quan lập pháp nhận định và tuyên bố tất cả những điều sau đây:

(a) Tất cả công dân đều có quyền bày tỏ ý kiến của mình trong quá trình chính trị và yêu cầu các quan chức được bầu chịu trách nhiệm.

(b) Các cuộc bầu cử cho các chức vụ dân cử ở địa phương hoặc tiểu bang phải công bằng, minh bạch và cạnh tranh.

(c) Chi phí tranh cử ngày càng tăng có thể buộc các ứng cử viên phải dựa vào những khoản đóng góp lớn từ các nhà tài trợ giàu có và các nhóm lợi ích đặc biệt, điều này có thể khiến các nhà tài trợ giàu có và các nhóm lợi ích đặc biệt đó có ảnh hưởng không cân xứng đến các quyết định của chính phủ.

(d) Ảnh hưởng không cân xứng như vậy có thể làm suy yếu lòng tin của công chúng rằng các quan chức nhà nước đang thực hiện nhiệm vụ của họ một cách công bằng và rằng chính phủ đang phục vụ nhu cầu và đáp ứng nguyện vọng của tất cả công dân một cách bình đẳng, bất kể giàu nghèo của họ.

(e) Các nhóm lợi ích đặc biệt đóng góp nhiều hơn cho những người đương nhiệm so với những người thách thức vì họ tìm cách tiếp cận các quan chức được bầu, và những đóng góp này chiếm một phần lớn lợi thế tài chính của người đương nhiệm, như đã được xác nhận bởi các nghiên cứu như những nghiên cứu được công bố trên Tạp chí Chính trị năm 2014 và Tạp chí Nghiên cứu Chính trị năm 2016.

(f) Các chương trình bầu cử do người dân tài trợ, trong đó các ứng cử viên đủ điều kiện có thể nhận được tiền công quỹ để liên lạc với cử tri thay vì chỉ dựa vào các nhà tài trợ tư nhân, hiện đang hoạt động tại năm thành phố tự trị ở California, cũng như nhiều khu vực pháp lý địa phương và tiểu bang khác.

(g) Các chương trình bầu cử do người dân tài trợ khuyến khích cạnh tranh bằng cách giảm bớt lợi thế tài chính của người đương nhiệm và tạo điều kiện cho công dân từ mọi tầng lớp xã hội, không chỉ những người có quan hệ với các nhà tài trợ giàu có hoặc các nhóm lợi ích đặc biệt, tham gia tranh cử, như đã được khẳng định bởi các nghiên cứu như những nghiên cứu được công bố trên tạp chí Chính trị và Chính sách Tiểu bang Hàng quý năm 2008, và bởi Viện Tài chính Chiến dịch năm 2015, Viện Quốc gia về Tiền bạc trong Chính trị Tiểu bang năm 2016, và tạp chí Chính trị và Chính sách Tiểu bang Hàng quý năm 2022.

(h) Bằng cách giảm sự phụ thuộc vào các nhà tài trợ giàu có và các nhóm lợi ích đặc biệt, các chương trình bầu cử do người dân tài trợ sẽ ngăn chặn các hành vi sai trái, bảo vệ chống lại tham nhũng hoặc nguy cơ tham nhũng, và bảo vệ tính liêm chính chính trị của các thể chế chính phủ.

(i) Trong vụ Johnson v. Bradley (1992) 4 Cal.4th 389, Tòa án Tối cao California đã nhấn mạnh nhận xét của Tòa Phúc thẩm rằng “rõ ràng là tiền công quỹ làm giảm chứ không làm tăng áp lực gây quỹ đối với những người tranh cử vào chức vụ công và do đó làm giảm ảnh hưởng không đáng có của các nhóm lợi ích đặc biệt.”

(j) Trong vụ Buckley v. Valeo (1976) 424 U.S. 1, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã công nhận rằng “tài trợ công như một phương tiện để loại bỏ ảnh hưởng không đúng đắn của các khoản đóng góp tư nhân lớn sẽ thúc đẩy một lợi ích quan trọng của chính phủ.”

(k) Trong vụ Arizona Free Enterprise v. Bennett (2011) 564 U.S. 721, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ thừa nhận rằng việc tài trợ công cho các cuộc bầu cử “có thể thúc đẩy ‘các lợi ích quan trọng của chính phủ’ như lợi ích của tiểu bang trong việc ngăn chặn tham nhũng”, trích dẫn vụ Buckley v. Valeo.

(l) Trong vụ Buckley v. Valeo, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ còn lưu ý thêm rằng các chương trình bầu cử do công dân tài trợ “tạo điều kiện và mở rộng thảo luận công khai và sự tham gia vào quá trình bầu cử, những mục tiêu quan trọng đối với một dân tộc tự quản.”

(m) Việc cấm tuyệt đối tài trợ tranh cử từ công quỹ cho phép các nhóm lợi ích đặc biệt giành được ảnh hưởng không cân xứng và tạo lợi thế không công bằng cho các đương nhiệm. Cần tạo ra một thể ngoại lệ để cho phép các chương trình bầu cử do người dân tài trợ nhằm đảm bảo các cuộc bầu cử được tiến hành công bằng hơn.

MỤC 3. Mục 85300 của Bộ luật Chính phủ được sửa đổi như sau:

85300. (a) ~~Trừ trường hợp được quy định tại tiểu mục (b), một~~ Một viên chức nhà nước không được chi tiêu, và một ứng cử viên không được nhận, bất kỳ khoản tiền công quỹ nào cho mục đích tranh cử chức vụ dân cử. ~~chức vụ dân cử nếu các khoản tiền đó được bất kỳ cơ quan tiểu bang hoặc địa phương nào dành riêng cho giáo dục, giao thông hoặc an ninh công cộng.~~

~~(b) Một viên chức hoặc ứng cử viên tiểu bang có thể chi tiêu hoặc nhận tiền công quỹ để tranh cử nếu tiểu bang hoặc một thực thể chính quyền địa phương thành lập một quỹ dành riêng cho mục đích này bằng luật, sắc lệnh, nghị quyết hoặc điều lệ, và cả hai điều sau đây đều đúng:~~

~~(1) Tiền công quỹ trong quỹ này được dành cho tất cả các ứng cử viên đủ điều kiện, tự nguyện tham gia tranh cử cùng một chức vụ, không phân biệt đương nhiệm hay đang phải chính trị.~~

~~(2) Cơ quan chính phủ tiểu bang hoặc địa phương đã thiết lập các tiêu chí để xác định tư cách ứng viên theo luật, sắc lệnh, nghị quyết hoặc điều lệ.~~

~~(b) Các ứng viên phải tuân thủ giới hạn chi tiêu và đáp ứng các tiêu chí nghiêm ngặt để đủ điều kiện nhận kinh phí công.~~

~~(c) Không được dùng ngân sách công để trả phí bào chữa hoặc tiền phạt.~~

~~(d) (1) Ứng cử viên không được phép sử dụng công quỹ để trả khoản vay cá nhân cho chiến dịch tranh cử của mình trong bất kỳ trường hợp nào.~~

~~(2) Ứng cử viên nhận được tiền tài trợ công cho chiến dịch tranh cử của mình không được phép sử dụng bất kỳ nguồn tiền nào để trả khoản vay cá nhân cho chiến dịch tranh cử sau khi chiến dịch kết thúc.~~

~~(e) Để phục vụ cho mục đích của phần này, các định nghĩa sau đây được áp dụng:~~

(1) “Nguồn kinh phí khả dụng cho ứng cử viên” có nghĩa là giới hạn chi tiêu của ứng cử viên hoặc tổng số tiền đóng góp và quỹ công mà ủy ban do ứng cử viên kiểm soát cho chức vụ dân cử nhận được, tùy theo số nào nhỏ hơn.

(2) “Giới hạn chi tiêu” có nghĩa là các giới hạn chi tiêu tự nguyện được thiết lập bởi luật, sắc lệnh hoặc điều lệ mà các ứng cử viên đủ điều kiện, tự nguyện tham gia phải tuân thủ để nhận được kinh phí công.

(3) “Chi tiêu độc lập chống lại” có nghĩa là tổng số tiền chi tiêu hoặc phí tổn phát sinh bởi bất kỳ cá nhân hoặc nhóm cá nhân nào nhằm mục đích chi tiêu độc lập để phản đối một ứng cử viên cụ thể.

(4) “Chi phí chi tiêu độc lập để ủng hộ” có nghĩa là tổng số tiền chi tiêu hoặc phí tổn phát sinh bởi bất kỳ cá nhân hoặc nhóm cá nhân nào nhằm mục đích chi tiêu độc lập để ủng hộ một ứng cử viên cụ thể.

(5) “Quỹ hỗ trợ ròng” nghĩa là tổng số tiền hiện có của ứng cử viên, cộng với các khoản chi tiêu độc lập để ủng hộ ứng cử viên đó, trừ đi các khoản chi tiêu độc lập chống lại ứng cử viên đó.

(6) “Quỹ công” có nghĩa là bất kỳ khoản tiền nào được cung cấp cho ứng cử viên bởi một cơ quan chính phủ tiểu bang hoặc địa phương với mục đích tranh cử vào chức vụ dân cử.

(7) (A) “Tiêu chí nghiêm ngặt” có nghĩa là các yêu cầu được quy định trong luật, sắc lệnh hoặc điều lệ mà các ứng viên phải đáp ứng để nhận được kinh phí công. Các tiêu chí này yêu cầu các ứng cử viên phải chứng minh được sự ủng hộ rộng rãi trong khu vực bầu cử của họ, chẳng hạn như yêu cầu các ứng cử viên nhận được các khoản đóng góp nhỏ hoặc phiếu bầu từ một số lượng nhất định cư dân đủ tuổi đi bầu.

(B) (i) Nếu một đạo luật, sắc lệnh hoặc điều lệ yêu cầu một số lượng tối thiểu các cá nhân đóng góp số tiền nhỏ theo tiểu đoạn (A), thì khoản đóng góp lớn nhất mà đạo luật, sắc lệnh hoặc điều lệ có thể yêu cầu để người đóng góp được tính là mười đô la (\$10).

(ii) Đối với mục đích của tiểu đoạn này, một đạo luật, sắc lệnh hoặc điều lệ có thể cho phép khoản đóng góp lớn hơn số tiền đóng góp nhỏ được yêu cầu theo tiểu đoạn (A) được tính là khoản đóng góp bằng với số tiền đóng góp nhỏ được yêu cầu theo tiểu đoạn (A).

(C) “Tiêu chí nghiêm ngặt” không bao gồm các yêu cầu rằng ứng viên phải nhận được một số lượng chữ ký nhất định hoặc gây quỹ một tổng số tiền nhất định vượt quá mười đô la (\$10) cho mỗi người đóng góp.

(f) (1) Luật, sắc lệnh hoặc điều lệ có thể tăng giới hạn chi tiêu cho mỗi ứng cử viên đủ điều kiện và tự nguyện tham gia.

(2) Mức giới hạn tăng thêm theo quy định tại khoản này không được vượt quá số tiền bằng tổng số tiền hỗ trợ ròng cao nhất của bất kỳ ứng cử viên nào khác cho cùng chức vụ, cộng với tổng số tiền chi tiêu độc lập chống lại ứng cử viên đủ điều kiện, tự nguyện tham gia, trừ đi tổng số tiền chi tiêu độc lập để hỗ trợ ứng cử viên đủ điều kiện, tự nguyện tham gia.

(g) Các đạo luật, điều lệ, sắc lệnh và nghị quyết về tài trợ công không được phân biệt đối xử dựa trên đảng phái hoặc theo việc ứng cử viên là người thách thức hay người đương nhiệm.

(h) Ủy ban không chịu trách nhiệm quản lý hoặc thực thi hệ thống tài trợ công cho các ứng cử viên do cơ quan chính quyền địa phương thiết lập.

(i) Các tiểu mục (e), (f) và (h) của phần này có thể được sửa đổi theo điều luật theo tiểu mục (a) của Mục 81012. Các tiểu mục còn lại của phần này chỉ có thể được sửa đổi bằng một điều luật tuân thủ tiểu mục (b) của Mục 81012.

MỤC 4.1. Mục 85320 của Bộ luật Chính phủ được sửa đổi như sau:

85320. (a) Chính phủ nước ngoài, chủ thể nước ngoài hoặc công dân nước ngoài không được trực tiếp hoặc thông qua bất kỳ người nào khác đóng góp, chi tiêu hoặc chi tiêu độc lập liên quan đến việc đủ điều kiện, ủng hộ hoặc phản đối bất kỳ dự luật lá phiếu nào của tiểu bang hoặc địa phương hoặc liên quan đến việc bầu cử ứng cử viên vào chức vụ của tiểu bang hoặc địa phương.

(b) Cá nhân hoặc ủy ban nào không được phép yêu cầu hoặc chấp nhận đóng góp từ chính phủ nước ngoài, chủ thể nước ngoài hoặc công dân nước ngoài liên quan đến việc đủ điều kiện, ủng hộ hoặc phản đối bất kỳ dự luật lá phiếu nào của tiểu bang hoặc địa phương, hoặc liên quan đến việc bầu cử ứng cử viên vào chức vụ cấp tiểu bang hoặc địa phương.

(c) Vì mục đích của phần này, các thuật ngữ sau đây có ý nghĩa như sau:

(1) (A) “Công dân nước ngoài” có nghĩa là người không phải là công dân Hoa Kỳ và không phải là thường trú nhân được nhập cảnh hợp pháp.

(B) Thuật ngữ “công dân nước ngoài” không bao gồm người đã được cấp hoãn trực xuất và thời hạn hoãn trực xuất của họ chưa hết hạn theo chương trình Hoãn Trực xuất đối với Người nhập cư Trẻ em (DACA) của liên bang, như được mô tả trong hướng dẫn do Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ ban hành.

(2) “Chủ thể nước ngoài” bao gồm bất kỳ trường hợp nào sau đây:

(A) Một đảng chính trị nước ngoài.

(B) Một người ở ngoài Hoa Kỳ, trừ khi một trong hai điều sau đây được chứng minh:

(i) Người này là một cá nhân và là công dân Hoa Kỳ.

(ii) Đó không phải là một cá nhân và được thành lập theo luật của Hoa Kỳ hoặc của bất kỳ tiểu bang hoặc địa phương nào khác thuộc thẩm quyền của Hoa Kỳ, và có trụ sở chính tại Hoa Kỳ.

(C) Một công ty hợp danh, hiệp hội, tập đoàn, tổ chức hoặc sự kết hợp khác của các cá nhân được thành lập theo luật của hoặc có trụ sở chính tại một quốc gia nước ngoài.

(D) Một công ty con trong nước của một tập đoàn nước ngoài nếu quyết định góp vốn hoặc chi tiêu vốn được đưa ra bởi một viên chức, giám đốc hoặc nhân viên quản lý của tập đoàn nước ngoài đó, người không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc không phải là thường trú nhân hợp pháp tại Hoa Kỳ.

(d) Mục này không cấm bất kỳ khoản đóng góp, chi tiêu hoặc chi tiêu độc lập nào do thường trú nhân hợp pháp thực hiện.

(e) (1) Bất kỳ người nào vi phạm phần này sẽ bị coi là phạm tội nhẹ và bị phạt một khoản tiền bằng số tiền đã đóng góp hoặc chi tiêu: *tội nhẹ*.

(2) Ngoài các hình phạt khác, người nào vi phạm điều khoản này sẽ bị phạt tiền với số tiền ít nhất bằng số tiền đã đóng góp hoặc chi tiêu, nhưng không vượt quá ba lần số tiền đã đóng góp hoặc chi tiêu.

DỰ LUẬT 5

Bản sửa đổi này được đề xuất bởi Tu chính án Hiến pháp Thượng viện số 1 của Phiên họp Thường kỳ 2023–2024 (Nghị quyết Chương 204, Điều Luật năm 2024) sửa đổi rõ ràng Hiến pháp California bằng cách sửa đổi các điều khoản của nó; do đó, các điều khoản hiện hành được đề xuất xóa bỏ được in bằng chữ bị gạch ngang và các điều khoản mới được đề xuất thêm vào được in bằng chữ nghiêng để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI ĐIỀU II VÀ ĐIỀU V

Thứ nhất—Mục 15 của Điều II được sửa đổi như sau:

MỤC 15. (a) Thống đốc sẽ triệu tập cuộc bầu cử để xác định xem có nên bãi nhiệm một viên chức hay không và, nếu thích hợp, bầu người kế nhiệm và cuộc bầu cử này sẽ được tổ chức không sớm hơn 60 ngày và không muộn hơn 80 ngày kể từ ngày chúng nhận đủ chữ ký.

(b) Cuộc bầu cử bãi nhiệm có thể được tiến hành trong vòng 180 ngày kể từ ngày chúng nhận đủ chữ ký để cuộc bầu cử đó có thể được hợp nhất với cuộc bầu cử định kỳ tiếp theo diễn ra toàn bộ hoặc một phần trong cùng khu vực pháp lý nơi diễn ra cuộc bầu cử bãi nhiệm, nếu số cử tri đủ điều kiện bỏ phiếu tại cuộc bầu cử định kỳ tiếp theo đó bằng ít nhất 50 phần trăm tổng số cử tri đủ điều kiện bỏ phiếu tại cuộc bầu cử bãi nhiệm.

(c) Nếu đa số phiếu bầu là bãi nhiệm thì viên chức đó sẽ bị bãi nhiệm và, nếu có ứng cử viên, ứng cử viên nào nhận được nhiều phiếu nhất sẽ là người kế nhiệm. Viên chức đó không được là ứng cử viên, cũng không được có bất kỳ ứng cử viên nào cho chức vụ được bổ nhiệm theo tiểu mục (d) của Mục 16 thuộc Điều VI: và chức vụ đó sẽ bị bỏ trống. Vị trí còn trống sẽ được lấp đầy theo Hiến pháp và luật định, với điều

kiện là viên chức bị bãi nhiệm trong cuộc bầu cử sẽ không được bổ nhiệm vào vị trí còn trống đó.

Thứ hai—Mục 17 của Điều II được sửa đổi như sau:

MỤC 17. Nếu việc bãi nhiệm Thống đốc hoặc Tổng Thư ký Tiểu bang được khởi xướng thì nhiệm vụ bãi nhiệm của chức vụ đó sẽ do Phó Thống đốc Tổng thư ký Tiểu bang hoặc Kiểm soát viên thực hiện. Nếu việc bãi nhiệm Thống đốc và Tổng Thư ký Tiểu bang được tiến hành cùng lúc, thì nhiệm vụ bãi nhiệm của cả hai chức vụ sẽ do Kiểm soát viên thực hiện.

Thứ ba—Mục 10 của Điều V được sửa đổi như sau:

MỤC 10. (a) Phó Thống đốc sẽ trở thành Thống đốc khi chức vụ Thống đốc bị bỏ trống.

(b) Bất kể quy định của tiểu mục (c) của Mục 15 thuộc Điều II, nếu Thống đốc bị bãi nhiệm, Phó Thống đốc sẽ trở thành Thống đốc cho phần còn lại của nhiệm kỳ chưa hết hạn. Nếu Thống đốc bị bãi nhiệm trước khi kết thúc thời hạn để cử cho cuộc bầu cử toàn tiểu bang tiếp theo trong hai năm đầu nhiệm kỳ, một cuộc bầu cử đặc biệt sẽ được triệu tập để thay thế Thống đốc và sẽ được hợp nhất với cuộc bầu cử sơ bộ toàn tiểu bang và, nếu cần, với cuộc tổng tuyển cử toàn tiểu bang tiếp theo. Nếu một ứng cử viên nhận được đa số phiếu bầu trong cuộc bầu cử đặc biệt được hợp nhất với cuộc bầu cử sơ bộ toàn tiểu bang, ứng cử viên đó sẽ trở thành Thống đốc cho phần còn lại của nhiệm kỳ chưa hết hạn. Nếu không có ứng cử viên nào nhận được đa số phiếu bầu, hai người có số phiếu cao nhất sẽ tranh cử trong một cuộc bầu cử đặc biệt được kết hợp với cuộc tổng tuyển cử toàn tiểu bang sau đó, và người thắng cử trong cuộc bầu cử đó sẽ trở thành Thống đốc cho phần còn lại của nhiệm kỳ chưa hết hạn.

(c) Phó Thống đốc sẽ giữ chức Thống đốc trong thời gian Thống đốc bị luận tội, vắng mặt khỏi tiểu bang, hoặc trong trường hợp không thể thực hiện nhiệm vụ tạm thời khác, hoặc Thống đốc đặc cử không nhậm chức.

(d) Cơ quan lập pháp sẽ quy định thứ tự ưu tiên sau Phó Thống đốc để kế nhiệm chức vụ Thống đốc và để tạm thời thực hiện các chức năng của Thống đốc.

(e) Tòa án Tối cao có thẩm quyền duy nhất để quyết định tất cả các vấn đề phát sinh theo điều khoản này.

(f) Quyền nêu ra các vấn đề về vị trí còn trống hoặc tình trạng không đủ năng lực tạm thời chỉ thuộc về một cơ quan được quy định trong luật.

DỰ LUẬT 37

Dự luật tiên khởi này được đệ trình để người dân xem xét theo các quy định tại Mục 8, Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung các mục vào Bộ luật Sức khỏe và An toàn; do đó, các điều khoản mới được đề xuất bổ sung được in bằng chữ nghiêng để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

4

5

37

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

MỤC 1. Tiêu đề.

Dự luật này sẽ được gọi là “Đạo luật về quyền sở hữu nhà ở cho tầng lớp trung lưu và xây dựng nhà ở cho gia đình tại California năm 2026”.

MỤC 2. Chương 11.5 (bắt đầu từ Mục 51515) được thêm vào Phần 3 của Phần 31 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn, như sau:

CHƯƠNG 11.5. ĐẠO LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở CHO TẦNG LỚP TRUNG LƯU VÀ XÂY DỰNG NHÀ Ở CHO GIA ĐÌNH TẠI CALIFORNIA NĂM 2026

51515. (a) Cơ quan Tài chính Nhà ở California sẽ quản lý và thực hiện Đạo luật Sở hữu Nhà ở cho Tầng lớp Trung lưu và Xây dựng Nhà ở cho Gia đình năm 2026 nhằm mục đích:

(1) Thiết lập các khoản vay mua nhà cho tầng lớp trung lưu để việc tài trợ mua nhà trở nên dễ dàng hơn đối với việc mua một ngôi nhà đơn gia đình mới xây dựng, mà không tốn chi phí cho người đóng thuế.

(2) Đẩy nhanh và khuyến khích xây dựng nhà ở đơn lập mới để tạo cơ hội sở hữu nhà cho các gia đình trung lưu và giải quyết tình trạng thiếu nhà ở đơn lập tại California.

(3) Bảo vệ người tiêu dùng khỏi các hành vi cho vay không công bằng.

(4) Tạo cơ hội đầu tư tác động xã hội bằng cách thúc đẩy việc mua trái phiếu lãi suất thấp để hỗ trợ các khoản vay mua nhà cho tầng lớp trung lưu với lãi suất dưới mức thị trường nhằm thúc đẩy mục tiêu sở hữu nhà ở tại California, cũng như khuyến khích các khoản cho vay và đầu tư cộng đồng đủ điều kiện nhận tín dụng theo Đạo luật Tái đầu tư Cộng đồng.

(b) Vi mục đích của chương này:

(1) “Đạo luật” ở đây có nghĩa là Đạo luật về Quyền sở hữu nhà ở cho tầng lớp trung lưu và Xây dựng nhà ở cho gia đình tại California năm 2026.

(2) “Cơ quan” ở đây có nghĩa là Cơ quan Tài chính Nhà ở California.

(3) “Người nộp đơn” là bất kỳ cá nhân hoặc nhóm cá nhân nào nộp đơn xin vay vốn mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu.

(4) “Trái phiếu” có nghĩa là trái phiếu doanh thu, tín phiếu, bao gồm tín phiếu dự kiến phát hành trái phiếu và tín phiếu cho vay xây dựng, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ tạm thời hoặc các chứng chỉ khác, hoặc bằng chứng khác về nợ tài chính do cơ quan phát hành theo Mục 51515.06.

(5) “Người vay” có nghĩa là người nộp đơn đáp ứng các yêu cầu được thiết lập trong tiểu mục (a) của Mục 51515.01 và bất kỳ yêu cầu nào khác về tính đủ điều kiện do cơ quan thiết lập và đã nhận được khoản vay sở hữu nhà dành cho tầng lớp trung lưu.

(6) “Nhà xây dựng” có nghĩa là một nhà phát triển nhà ở tham gia vào lựa chọn nhà xây dựng đủ điều kiện được quy định tại Mục 51515.02.

(7) “Bên cho vay” có nghĩa là ngân hàng, hợp tác xã tín dụng, công ty tín thác, ngân hàng tiết kiệm, hiệp hội ngân hàng quốc gia, hiệp hội tiết kiệm và cho vay, hiệp hội xây dựng và cho vay, ngân hàng thế chấp, hoặc tổ chức tài chính hoặc cơ quan chính phủ khác thường cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ tài chính

cho các khoản thế chấp nhà ở, hoặc bất kỳ công ty nắm giữ nào của các tổ chức nêu trên, đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Mục 51515.03 và mà cơ quan đã ký hợp đồng để khởi tạo hoặc quản lý các khoản vay mua nhà cho tầng lớp trung lưu được ủy quyền theo chương này.

(8) “Khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu” có nghĩa là khoản vay được thực hiện theo chương này.

(9) “Tùy chọn” có nghĩa là tùy chọn dành cho nhà thầu đủ điều kiện nhằm khuyến khích việc xây dựng nhà ở đơn gia đình mới được quy định tại Mục 51515.02.

(10) “Chương trình” ở đây có nghĩa là Chương trình Cho vay Mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu.

(11) “Nhà mới đủ điều kiện” có nghĩa là nhà ở một gia đình đáp ứng các yêu cầu được quy định tại tiểu mục (b) của Mục 51515.01, bao gồm nhưng không giới hạn ở các ngôi nhà được xây dựng theo tùy chọn nhà thầu đủ điều kiện được quy định tại Mục 51515.02.

(12) “Khoản vay thế chấp thứ cấp” có nghĩa là khoản vay thế chấp, chứng thư tín thác hoặc công cụ bảo đảm khác đối với một ngôi nhà mới đủ điều kiện, dùng để bảo đảm khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu.

(13) “Nhà ở đơn lập” bao gồm nhà riêng, nhà liền kề hoặc nhà dãy, kể cả khu đất mà nó tọa lạc, hoặc căn hộ chung cư, nhà lắp ghép hoặc các đơn vị nhà ở khác, được thiết kế để một hộ gia đình sinh sống.

51515.01. Người vay và điều kiện mua nhà mới đủ điều kiện

(a) Điều kiện vay vốn mua nhà dành cho người thuộc tầng lớp trung lưu.

(1) Để đủ điều kiện vay vốn mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu theo chương trình này, người nộp đơn phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau:

(A) Yêu cầu cư trú tại California. Người nộp đơn phải là cư dân của tiểu bang California ít nhất một năm trước thời điểm nộp đơn.

(B) Nhà ở chính do chủ sở hữu tự ở. Người nộp đơn phải đồng ý sinh sống tại ngôi nhà mới đủ điều kiện đó như là nơi cư trú chính của mình trong vòng 60 ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục.

(C) Yêu cầu về thu nhập. Người nộp đơn phải có thu nhập gia đình không vượt quá 200 phần trăm thu nhập trung vị của một gia đình cùng quy mô trong quận hoặc khu vực thống kê đô thị nơi ngôi nhà mới đủ điều kiện tọa lạc, được điều chỉnh theo quy mô gia đình bởi cơ quan.

(D) Yêu cầu về khoản trả trước. Người nộp đơn phải đồng ý trả ít nhất 3 phần trăm giá mua nhà mới đủ điều kiện từ một nguồn khác ngoài tiền trợ cấp hoặc tiền vay.

(2) Người nộp đơn phải cung cấp cho cơ quan mọi thông tin, theo mẫu do cơ quan quy định, để cơ quan có thể xác định người nộp đơn có đủ điều kiện theo chương này hay không.

(b) Điều kiện của nhà mới đủ tiêu chuẩn.

(1) Một ngôi nhà mới đạt tiêu chuẩn sẽ thuộc một trong những trường hợp sau:

(A) Một ngôi nhà mới xây, nhà phố, nhà liền kề, căn hộ chung cư hoặc nhà lắp ghép mà người vay là người mua đầu tiên.

(B) Căn hộ chung cư hoặc đơn vị nhà ở khác trong một tòa nhà ban đầu không phải là công trình nhà ở, sau đó được cải tạo hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng thành nhà ở, trong đó người vay là người mua đầu tiên.

(2) Giá bán tối đa cho một căn nhà mới đủ điều kiện không được vượt quá 125 phần trăm giới hạn cho vay phù hợp đối với bất động sản một đơn vị trong quận nơi căn nhà mới đủ điều kiện đó tọa lạc, như được nêu trong báo cáo giới hạn cho vay phù hợp hàng năm do Cơ quan Tài chính Nhà ở Liên bang hoặc cơ quan kế nhiệm công bố theo Mục 4542 của Tiêu đề 12 Bộ luật Hoa Kỳ.

(3) Mục này không được hiểu là hạn chế việc bán nhà mới đủ điều kiện cho những người mua nhà không tham gia chương trình.

(4) Một ngôi nhà mới đủ điều kiện sẽ không được coi là "công trình công cộng" theo mục đích của Chương 1 (bắt đầu từ Mục 1720) của Phần 7 thuộc Phần 2 của Bộ luật Lao động.

51515.02. Tùy chọn nhà xây dựng đủ điều kiện

(a) Nhà phát triển nhà ở có thể tự nguyện lựa chọn phương án này bằng cách xác nhận với cơ quan rằng việc xây dựng một hoặc nhiều ngôi nhà mới sẽ đáp ứng các yêu cầu được quy định tại tiểu mục (b) của Mục 51515.01. Cơ quan sẽ ban hành thư xác nhận tình trạng tham gia trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được chứng nhận được nộp theo tiểu mục này. Thư này có thể được các nhà thầu xây dựng, người mua tiềm năng và các tổ chức cho vay xây dựng sử dụng cho mục đích tiếp thị và tài trợ cho bất kỳ ngôi nhà mới đủ điều kiện nào, tuân theo các yêu cầu trong chương này.

(b) Các nhà thầu tham gia phải:

(1) Phải tuân theo các quy định về lao động và thực thi trong các đoạn (2), (3), nếu các điều kiện về dự án và nghề xây dựng được quy định trong đoạn đó được đáp ứng, (4) và (5) của tiểu mục (d) của Mục 21080.66 của Bộ luật Tài nguyên Công cộng.

(2) Chịu trách nhiệm cho tất cả các vi phạm đoạn (1) của tiểu mục (c) do các nhà thầu và nhà thầu phụ của chủ đầu tư thực hiện. Ủy ban hợp tác lao động-quản lý chung được thành lập theo Đạo luật Hợp tác Lao động-Quản lý liên bang năm 1978 (29 U.S.C. Mục 175a) có thể khởi kiện tại tòa án có thẩm quyền về hành vi vi phạm đoạn này.

(c) Ủy ban hợp tác lao động - quản lý chung được thành lập theo Đạo luật Hợp tác Lao động - Quản lý liên bang năm 1978 (29 U.S.C. Mục 175a) có thể khởi kiện tại tòa án có thẩm quyền chống lại nhà thầu hoặc nhà thầu phụ của chủ đầu tư ở bất kỳ cấp nào thay mặt cho công nhân xây dựng do nhà thầu hoặc nhà thầu phụ đó thuê để thực thi bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Phần 1 (bắt đầu từ Mục 100) và Phần 6 (bắt đầu từ Mục 13000) của Bộ luật Bảo hiểm Thất nghiệp.

(2) Việc không đảm bảo thanh toán bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động theo quy định tại Chương 4 (bắt đầu từ Mục 3700) của Phần 1, Phần 4 của Bộ luật Lao động.

(3) Vi phạm quy định về việc không duy trì giấy phép nhà thầu hợp lệ của tiểu bang theo yêu cầu của Chương 9 (bắt đầu từ

Mục 7000) thuộc Phần 3 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

(d) Các biện pháp khắc phục và hình phạt đối với các vi phạm luật lao động theo phần này sẽ được đánh giá và phân bổ theo tiểu mục (m) của Mục 2699 của Bộ luật Lao động.

(e) Mục này không được hiểu là hạn chế việc mua nhà mới đủ điều kiện được xây dựng theo tùy chọn này của những người mua nhà không tham gia chương trình.

(f) Nếu một nhà xây dựng bán một ngôi nhà mới đủ điều kiện được xây dựng theo phần này với giá cao hơn 25 phần trăm so với giá bán tối đa được quy định tại đoạn (2) của tiểu mục (b) của Mục 51515.01, thì tiểu đoạn (B) của đoạn (1) và đoạn (2) của tiểu mục (e) của Mục 51515.04 sẽ không áp dụng cho ngôi nhà đó.

51515.03. Điều kiện của người cho vay

(a) Cơ quan này có thể ký hợp đồng với một hoặc nhiều tổ chức cho vay để khởi tạo hoặc quản lý các khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu được ủy quyền theo chương này.

(b) Cơ quan này sẽ đánh giá xem liệu chương trình, phù hợp với mục đích của nó, có thể được thực hiện theo cách đáp ứng các tiêu chí cho các hoạt động đủ điều kiện để được xem xét đối với các bên cho vay thuộc phạm vi Đạo luật Tái đầu tư Cộng đồng liên bang (12 U.S.C. Mục 2901 trở đi) hay không, và nếu có, thì sẽ thực hiện chương trình theo cách đó.

51515.04. Tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng, trách nhiệm giải trình và tính minh bạch

(a) Bảo vệ người tiêu dùng. Cơ quan này sẽ thiết lập các yêu cầu bảo vệ người tiêu dùng áp dụng cho các tổ chức cho vay mà cơ quan này ký hợp đồng để cung cấp các khoản vay mua nhà cho tầng lớp trung lưu, bao gồm nhưng không giới hạn ở tất cả các điều sau đây:

(1) Giới hạn phí cho vay liên quan đến việc cấp các khoản vay mua nhà cho tầng lớp trung lưu.

(2) Cấm áp dụng phí phạt khi thanh toán sớm.

(3) Yêu cầu các khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu phải là các khoản vay thế chấp lãi suất cố định.

(b) Xác minh tín dụng bổ sung. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà điểm tín dụng của người nộp đơn không đủ điều kiện để được cấp tín dụng hoặc hưởng các điều khoản ưu đãi nhất theo chương trình này, bên cho vay sẽ cho phép người nộp đơn tự nguyện nộp các hồ sơ tài chính, bao gồm sao kê ngân hàng, phiếu lương, tài sản cá nhân có thể xác minh và lịch sử thanh toán tiền thuê nhà, và sử dụng và đánh giá các hồ sơ đó bằng phương pháp thẩm định dòng tiền nhằm mục đích giúp người nộp đơn đủ điều kiện được cấp tín dụng hoặc hưởng các điều khoản ưu đãi hơn theo chương trình. Bằng việc tự nguyện nộp hồ sơ tài chính, người nộp đơn đồng ý cho phép sử dụng các hồ sơ đó để thẩm định dòng tiền cho mục đích của chương trình.

(c) Đại diện và bảo vệ quyền lợi người mua nhà. Người nộp đơn phải thuê một đại lý hoặc môi giới bất động sản được cấp phép tại California, theo định nghĩa tại Mục 10018.06 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, do người nộp đơn lựa chọn,

để đảm bảo người mua nhà nhận được sự đại diện đầy đủ và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong suốt quá trình mua nhà.

(d) Hoàn thanh toán do khó khăn. Người vay có thể yêu cầu tạm hoãn thanh toán lãi suất hàng tháng đối với khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu theo các tiêu chí và điều khoản do cơ quan quy định.

(e) Tiêu chuẩn trách nhiệm giải trình trong xây dựng.

(1) Nhằm bảo vệ người tiêu dùng và đẩy nhanh quá trình giải quyết tranh chấp cho chủ nhà:

(A) Tiêu đề 7 (bắt đầu từ Mục 895) của Phần 2 thuộc Phần 2 của Bộ luật Dân sự sẽ áp dụng cho các nhà mới đủ điều kiện, trừ trường hợp được sửa đổi trong tiểu đoạn (B) đối với các nhà mới đủ điều kiện được xây dựng bởi một nhà xây dựng theo Mục 51515.02.

(B) Các ngôi nhà mới đủ điều kiện được xây dựng bởi nhà thầu theo Mục 51515.02 sẽ tuân theo các thủ tục quyền sửa chữa sau đây:

(i) Yêu cầu thông báo. Nếu bất kỳ người khiếu nại nào, dù là chủ nhà, nhóm chủ nhà hoặc hiệp hội, khởi xướng các thủ tục trước khi kiện tụng theo tiểu mục (a) Mục 910 của Bộ luật Dân sự, ngoài việc tuân thủ tất cả các yêu cầu trong khoản đó, thông báo bằng văn bản cần thiết phải xác định từng chủ nhà bằng địa chỉ hoặc mô tả khác đủ để thông báo cho nhà xây dựng về vị trí của từng căn nhà, phải xác định bản chất và vị trí của từng vi phạm bị cáo buộc trong mỗi căn nhà, và phải được ký bởi mỗi chủ nhà cáo buộc vi phạm.

(ii) Tạo điều kiện cho giao tiếp cởi mở và minh bạch. Bất kể quy định ở Mục 913 của Bộ luật Dân sự, nhà thầu xây dựng có thể liên lạc trực tiếp với chủ nhà hoặc người khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào của thủ tục trước khi khởi kiện được mô tả trong Chương 4 (bắt đầu từ Mục 910) của Tiêu đề 7 Phần 2 Phần 2 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, điều khoản này không nhằm mục đích sửa đổi Quy tắc Ứng xử Nghề nghiệp ở California của Hiệp hội Luật sư Tiểu bang California, bao gồm cả Quy tắc 4.2, trong đó cấm luật sư liên lạc trực tiếp hoặc gián tiếp với người mà họ biết đang được luật sư khác đại diện trong vụ việc.

(iii) Cho phép chủ nhà từ bỏ khiếu nại. Bất kể quy định ở Mục 926 của Bộ luật Dân sự, nhà thầu xây dựng có thể được chủ nhà cho phép miễn trừ hoặc từ bỏ quyền yêu cầu đối với công việc sửa chữa theo quy định của Chương 4 (bắt đầu từ Mục 910) của Tiêu đề 7, Phần 2, Phần 2 của Bộ luật Dân sự, với điều kiện nhà thầu đã hoàn thành việc sửa chữa với sự cẩn trọng tối đa và chủ nhà hài lòng với những sửa chữa đó. Chủ nhà có thể tự nguyện ký vào văn bản từ bỏ mọi khiếu nại chỉ liên quan đến các khiếm khuyết đã được sửa chữa. Việc miễn trừ trách nhiệm đó phải được lập thành văn bản, được thực hiện một cách có hiểu biết và tự nguyện, và sẽ không bao gồm bất kỳ khiếm khuyết hoặc khiếu nại nào không được giải quyết bằng việc sửa chữa.

(iv) Khuyến khích giải quyết tranh chấp nhanh chóng. Nếu tòa án chấp thuận yêu cầu tạm dừng theo tiểu mục (b) Mục 930 của Bộ luật Dân sự và sau 120 ngày, người yêu cầu không thực hiện hành động tích cực nào trong phạm vi kiểm soát của mình để tuân thủ các yêu cầu của Chương 4 (bắt đầu từ Mục 910) của

Tiêu đề 7 Phần 2 Phần 2 của Bộ luật Dân sự, thì nhà thầu xây dựng có thể đệ đơn yêu cầu bác bỏ vụ kiện. Tòa án, theo quyền hạn của mình, có thể phán quyết cho bên thắng kiện trong đơn kiến nghị đó được bồi thường phí luật sư và chi phí phát sinh khi khởi kiện hoặc phản đối đơn kiến nghị đó.

(v) Thông báo cho người mua nhà. Nhà xây dựng của căn nhà mới đủ điều kiện phải thông báo bằng văn bản, theo mẫu được cơ quan phê duyệt, cho mỗi người mua nhà, trước khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu, rằng căn nhà mới đủ điều kiện đó thuộc phạm vi điều khoản này.

(C) Tiểu đoạn (B) sẽ không áp dụng cho các ngôi nhà mới đủ điều kiện thuộc tiểu mục (f) của Mục 51515.02.

(2) Bất kể quy định của bất kỳ luật nào khác, trong bất kỳ vụ kiện nào do chủ nhà hoặc nhóm chủ nhà khởi kiện yêu cầu bồi thường theo các thủ tục được quy định trong Chương 4 (bắt đầu từ Mục 910) và Chương 5 (bắt đầu từ Mục 941) của Tiêu đề 7 Phần 2 Phần 2 của Bộ luật Dân sự hoặc các thủ tục được quy định trong tiểu đoạn (B) của đoạn (1) của phần này liên quan đến một ngôi nhà mới đủ điều kiện, phí thù lao theo tỷ lệ phần trăm tối đa cho luật sư sẽ không vượt quá 30 phần trăm tổng số tiền thu được thông qua dàn xếp, hòa giải, trọng tài, tham khảo tư pháp hoặc phán quyết, trừ khi tòa án chấp thuận mức phí cao hơn dựa trên kết quả đạt được, rủi ro mà luật sư gánh chịu, bất kỳ thỏa thuận nào giữa luật sư và khách hàng, độ phức tạp của vụ kiện và kỹ năng mà luật sư thể hiện. Phí thù lao theo tỷ lệ phần trăm của luật sư sẽ chỉ được thanh toán từ số tiền dàn xếp, trọng tài, hòa giải, tham khảo ý kiến tòa án hoặc phán quyết của tòa án.

(f) Người cho vay khi cung cấp khoản vay mua nhà cho tầng lớp trung lưu có thể tính phí khởi tạo khoản vay không quá 0.5 phần trăm hoặc hai trăm chính mươi đô la (\$290), tùy theo mức nào cao hơn. Cơ quan này có thể điều chỉnh số tiền hai trăm chín mươi đô la (\$290) không quá một lần mỗi hai năm. Bên cho vay không được thu bất kỳ khoản phí vay nào khác trừ khi được cơ quan quản lý cho phép.

(g) Mục 2924.13 của Bộ luật Dân sự sẽ không áp dụng cho bất kỳ khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu nào được thực hiện theo chương này.

51515.05. Yêu cầu chương trình

(a) Cơ quan này phải triển khai chương trình chậm nhất là một năm kể từ ngày luật này có hiệu lực. Cơ quan này sẽ có tất cả các quyền hạn được trao cho nó trong phần này để thực hiện và quản lý chương trình theo đúng chương này. Trong quá trình thực hiện chương này, cơ quan phải ban hành các quy tắc và quy định được hội đồng quản trị của cơ quan phê duyệt và phù hợp với chương này. Các chính sách, quy tắc và quy định được thông qua theo phần này sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương 3.5 (bắt đầu từ Mục 11340) của Phần 1, Phần 3, Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ.

(b) Mỗi khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu phải được bảo đảm bằng thế chấp thứ cấp, chỉ được sử dụng để tài trợ một phần giá mua nhà mới đủ điều kiện và không được tài trợ quá 17 phần trăm giá mua nhà mới đủ điều kiện mà thông thường được chi trả bằng tiền đặt cọc của chủ nhà,

trong trường hợp người nộp đơn đóng góp không dưới 3 phần trăm giá mua nhà mới đủ điều kiện. Mỗi khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu được bảo đảm bằng khoản vay thế chấp thứ cấp sẽ có thứ tự ưu tiên thấp hơn so với khoản vay thế chấp chính tài trợ cho việc mua nhà mới đủ điều kiện. Cơ quan này sẽ ban hành các quy định liên quan đến chi phí hoàn tất giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc cho phép người vay sử dụng khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu để thanh toán các chi phí liên quan đến việc mua trọn gói một ngôi nhà mới đủ điều kiện, với điều kiện cơ quan này xác định rằng quy định đó cân bằng lợi ích của người vay và nhà đầu tư trái phiếu.

(c) Cơ quan này sẽ quy định các yêu cầu về thời gian cư trú đối với người vay và lãi suất, lịch trả nợ, khoản trả nợ gốc, điều khoản trả trước và các điều khoản thanh toán khác đối với các khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu theo các điều khoản mà cơ quan này xác định là thiết thực và có lợi cho người nộp đơn và ở mức cần thiết, trong phạm vi tối đa có thể, để thanh toán tiền gốc, lãi và các khoản khác đến hạn liên quan đến trái phiếu được phát hành theo chương này, bao gồm cả các khoản cần thiết để bù đắp tất cả các chi phí quản lý mà cơ quan này phải chịu theo chương này.

(d) Cơ quan này sẽ thiết lập yêu cầu về giáo dục chủ sở hữu nhà đối với những người vay mà cơ quan xác định là sẽ được hưởng lợi từ việc giáo dục này, bao gồm cả những người mua nhà lần đầu, và sẽ thực hiện điều đó theo cách tiết kiệm chi phí nhất có thể, miễn là yêu cầu này có thể được đáp ứng trong thời hạn hoàn tất giao dịch.

(e) Cơ quan này sẽ thiết lập các tiêu chí thẩm định cho các khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu và có thể điều chỉnh các điều khoản và điều kiện đủ điều kiện của các khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu, bao gồm nhưng không giới hạn ở hạn mức vay, điểm tín dụng tối thiểu hoặc việc xác minh tín dụng bổ sung được cho phép theo khoản (b) của Mục 51515.04, và tỷ lệ nợ trên thu nhập, để đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu liên bang do Fannie Mae, Freddie Mac hoặc Cơ quan Quản lý Nhà ở Liên bang thiết lập, với điều kiện các tiêu chí đó phù hợp với các điều khoản và mục đích của chương này.

(f) Cơ quan này có quyền tự quyết định về phương thức, thời điểm và phân bổ địa lý việc bán trái phiếu, bao gồm cả việc tiếp thị trái phiếu theo khu vực hay toàn tiểu bang, và phải thực hiện theo cách giảm thiểu chi phí lãi suất và khuyến khích sự tham gia rộng rãi của nhà đầu tư.

(g) Cơ quan này phải tiến hành kiểm toán độc lập hàng năm đối với chương trình để đảm bảo rằng tiền thu được từ trái phiếu được sử dụng theo cách phù hợp với các yêu cầu của chương này và bất kỳ luật nào khác có thể áp dụng.

51515.06. Trái phiếu doanh thu

(a) Chỉ chịu sự ràng buộc của chương này, ngoài bất kỳ quyền hạn nào khác được quy định trong phần này, cơ quan có thể:

(1) Phát hành và bán trái phiếu của mình với mệnh giá mà cơ quan xác định là cần thiết cho mục đích tài trợ hoặc mua các khoản vay mua nhà cho tầng lớp trung lưu theo chương trình

và để thanh toán lãi suất cho các trái phiếu này, thiết lập các khoản dự trữ để bảo đảm trái phiếu và thanh toán các chi phí khác của cơ quan liên quan đến, và cần thiết hoặc thuận tiện cho, việc phát hành trái phiếu, bao gồm chi phí tăng cường tín dụng hoặc thanh khoản, với điều kiện mệnh giá của bất kỳ trái phiếu nào được phát hành và bán theo chương này không được vượt quá hai mươi lăm tỷ đô la (\$25,000,000,000), không bao gồm số tiền của bất kỳ trái phiếu hoàn trả nào được phát hành theo đoạn (2).

(2) Phát hành và bán trái phiếu để chuộc lại, hoàn trả, hủy bỏ, tái cấu trúc hoặc mua lại các trái phiếu đã phát hành trước đó theo chương này theo Phần 3 (bắt đầu từ Mục 50900).

(3) Ký kết bất kỳ nghị quyết, hợp đồng hoặc văn bản nào khác quy định về trái phiếu với người được ủy thác.

(4) Ký kết bất kỳ thỏa thuận nào về tăng cường tín dụng hoặc hỗ trợ thanh khoản.

(5) Cam kết và cấp quyền cầm giữ, cũng như quyền lợi bảo đảm đối với tài sản thế chấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản vay mua nhà cho tầng lớp trung lưu và các quyền của cơ quan theo đó, để bảo đảm các nghĩa vụ của cơ quan theo bất kỳ nghị quyết, hợp đồng hoặc tài liệu nào khác điều chỉnh các trái phiếu và thỏa thuận tăng cường tín dụng hoặc hỗ trợ thanh khoản. Việc thế chấp, cầm cố và đảm bảo quyền lợi này sẽ được điều chỉnh bởi Chương 5.5 (bắt đầu từ Mục 5450) của Phần 6 thuộc Tiêu đề 1 của Bộ luật Chính phủ.

(6) Cấp hoặc mua lại các khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu.

(7) Thu hồi, hoặc yêu cầu thu hồi, các khoản thanh toán khoản vay và các khoản tiền khác đến hạn từ người vay theo chương trình vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu.

(8) Thực thi, hoặc yêu cầu thực thi, các điều khoản của các khoản vay mua nhà dành cho tầng lớp trung lưu và các khoản thế chấp thứ cấp đối với người vay.

(9) Chấp nhận mọi khoản tài trợ hoặc quyền góp vì lợi ích của chương trình.

(10) Soạn thảo và thực hiện các hợp đồng và các văn bản khác, và làm tất cả những việc cần thiết, thuận tiện hoặc mong muốn liên quan đến trái phiếu, các khoản vay mua nhà cho tầng lớp trung lưu, các khoản vay thế chấp thứ cấp, hoặc để thực hiện các điều khoản của chương này.

(b) Ngoài tuyên bố được yêu cầu theo Mục 51374, tất cả các trái phiếu được phát hành theo mục này phải có ghi rõ trên mặt trái phiếu dòng chữ sau: "Trái phiếu này sẽ không được coi là khoản nợ, nghĩa vụ hoặc cam kết về việc đảm bảo thanh toán của Tiểu bang California, ngoài cơ quan được ủy quyền, mà chỉ được thanh toán từ nguồn vốn được cung cấp cho mục đích này."

MỤC 3. Sửa đổi.

Đạo luật này sẽ được hiểu theo nghĩa rộng để đạt được các mục đích của nó. Các điều khoản theo luật định của đạo luật có thể được sửa đổi miễn là các sửa đổi phù hợp với mục đích xây dựng thêm nhà ở cho tầng lớp trung lưu ở California, bảo vệ những người vay mua nhà theo chương

trình này và mở rộng cơ hội sở hữu nhà cho người dân California thuộc tầng lớp trung lưu bằng một đạo luật được thông qua với hơn 60 phần trăm phiếu bầu của các thành viên của mỗi viện trong Cơ quan lập pháp và được Thống đốc ký.

MỤC 4. Hiệu lực từng phần.

Các điều khoản của đạo luật này có thể tách rời nhau. Nếu bất kỳ phần, mục, tiểu mục, đoạn văn, mệnh đề, câu, cụm từ, từ ngữ hoặc ứng dụng nào của đạo luật này vì bất kỳ lý do nào bị tòa án có thẩm quyền tuyên bố là không hợp lệ, thì quyết định đó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần còn lại của đạo luật này. Nhân dân tiểu bang California tuyên bố rằng họ sẽ thông qua đạo luật này và mọi phần, mục, tiểu mục, đoạn, mệnh đề, câu, cụm từ, từ ngữ và ứng dụng của nó không bị tuyên bố là vô hiệu hoặc vi hiến, bất kể bất kỳ phần nào của đạo luật này hoặc ứng dụng của nó sau đó có bị tuyên bố là vô hiệu hay không.

MỤC 5. Giải thích theo nghĩa rộng.

Dự luật này sẽ được hiểu theo nghĩa rộng để đạt được mục đích của nó.

MỤC 6. Các dự luật là phiếu mâu thuẫn.

(a) Trong trường hợp dự luật này và một dự luật khác cho phép phát hành trái phiếu doanh thu để tài trợ cho các khoản vay mua nhà cho tầng lớp trung lưu cùng xuất hiện trên một lá phiếu bầu cử toàn tiểu bang, thì các điều khoản của dự luật kia sẽ được coi là mâu thuẫn với dự luật này. Nếu dự luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn một dự luật được cho là mâu thuẫn với nó, thì các điều khoản của dự luật này sẽ được ưu tiên áp dụng toàn bộ, và các điều khoản của dự luật kia sẽ bị vô hiệu.

(b) Nếu dự luật này được cử tri thông qua nhưng bị thay thế toàn bộ hoặc một phần bởi một dự luật trái ngược khác cũng được cử tri thông qua trong cùng cuộc bầu cử, và dự luật trái ngược đó sau này bị tuyên bố là không hợp lệ, thì dự luật này sẽ tự động có hiệu lực và được áp dụng đầy đủ.

DỰ LUẬT 38

Dự luật tiên khởi này được đệ trình để người dân xem xét theo các quy định tại Mục 8, Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung các mục vào Bộ luật Sức khỏe và An toàn; do đó, các điều khoản mới được đề xuất bổ sung được in bằng *chữ nghiêng* để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

Đề xuất Nghiên cứu và Chữa trị Miễn dịch học California

MỤC 1. Tiêu đề.

Đạo luật này sẽ được gọi là, và có thể được trích dẫn là, “Đề xuất Nghiên cứu và Chữa trị Miễn dịch học California”.

MỤC 2. Kết luận và Tuyên bố.

Người dân Tiểu Bang California nhận định và tuyên bố tất cả những điều sau:

(a) Nghiên cứu y khoa đang đứng trước ngưỡng cửa đạt được những đột phá mang tính cách mạng trong việc phòng ngừa, điều trị và chữa khỏi một số bệnh nguy hiểm và gây suy nhược nhất cũng như các rối loạn sức khỏe khác ảnh hưởng đến nhiều người và người thân của họ mỗi ngày.

(b) Các lĩnh vực nghiên cứu y học mới nổi về miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch hứa hẹn những tiến bộ đột phá trong khoa học sức khỏe, nếu được đầu tư đầy đủ, sẽ dẫn đến sự bùng nổ về tiến bộ khoa học trong điều trị và phòng ngừa nhiều bệnh lý phổ biến gây tử vong và tàn tật cho người Mỹ mỗi năm.

(c) Miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch khai thác hệ thống miễn dịch của chính cơ thể để nhận biết và ngăn chặn bệnh tật. Trong những năm gần đây, liệu pháp miễn dịch đã được chứng minh là một phương pháp điều trị hiệu quả trong việc chống lại các loại ung thư như ung thư hắc tố da, ung thư phổi, một số loại bệnh bạch cầu và u lympho, và nhiều loại khác nữa.

(d) Nhiều bác sĩ và nhà khoa học nghiên cứu tin rằng liệu pháp miễn dịch có tiềm năng ngăn ngừa và chữa khỏi một loạt các bệnh và các vấn đề sức khỏe khác trong suốt cuộc đời, bao gồm ung thư, bệnh tim, các bệnh thần kinh như Alzheimer và Parkinson, tiểu đường, béo phì, huyết áp cao, cholesterol cao, ALS (bệnh Lou Gehrig), HIV/AIDS, loạn dưỡng cơ và các bệnh tự miễn dịch như viêm khớp dạng thấp, lupus ban đỏ và đa xơ cứng.

(e) Với tầm quan trọng của những đột phá trong miễn dịch học có thể ngăn ngừa bệnh tật và cứu sống con người, việc hỗ trợ nghiên cứu y khoa về miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược tổng thể của tiểu bang nhằm cải thiện sức khỏe cộng đồng, cứu sống và nâng cao chất lượng cuộc sống.

(f) Để phát triển và tận dụng tối đa những công nghệ mới nổi này, điều quan trọng là phải tạo ra một nguồn tài trợ ổn định và đáng tin cậy để có thể tiếp tục nghiên cứu mà không bị gián đoạn bởi tình trạng thiếu kinh phí, nếu không sẽ đe dọa làm gián đoạn tiến trình và kìm hãm đà đột phá khoa học.

(g) Việc tài trợ công cho nghiên cứu y học luôn là một yếu tố cốt lõi trong những tiến bộ của y học hiện đại. Trong số tất cả các loại thuốc mới được FDA phê duyệt từ năm 2010 đến năm 2019, phần lớn trong số đó—99.4 phần trăm—là kết quả của các nghiên cứu được tài trợ bằng ngân sách nhà nước.

(h) California luôn đi đầu trong các phát triển và đột phá công nghệ. Đặc biệt, California từ lâu đã là một trong những bang dẫn đầu về khoa học sức khỏe, vì đây là nơi đặt trụ sở của nhiều viện nghiên cứu y khoa tiên tiến và uy tín nhất thế giới, cũng như sở hữu hệ thống giáo dục đại học hàng đầu cả nước - Đại học California - nơi có nhiều trường y và trung tâm nghiên cứu khoa học sức khỏe đẳng cấp thế giới.

(i) California có trách nhiệm tiên phong trong việc phát triển các liệu pháp miễn dịch, vốn sẽ mang lại lợi ích to lớn trong điều trị và phòng ngừa nhiều bệnh dai dẳng và gây suy nhược mà cho đến nay vẫn kháng lại các liệu pháp thông thường trước đây.

37

38

(j) Ngoài việc cứu sống nhiều người, việc tài trợ cho việc phát triển các liệu pháp miễn dịch cũng sẽ giúp tiểu bang và các gia đình ở California tiết kiệm hàng tỷ đô la chi phí chăm sóc sức khỏe bằng cách ngăn ngừa và chữa trị một loạt các bệnh tật gây suy nhược.

(k) Ngành miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch sẽ giúp mở rộng ngành công nghệ sinh học của California, tạo ra những công việc có mức lương tốt, tạo ra sản lượng kinh tế và kích thích các nguồn thu nhập mới thông qua tài trợ, cấp phép sở hữu trí tuệ và đầu tư từ khu vực tư nhân. Công nghệ sinh học ở California có tiềm năng trở nên quan trọng về mặt kinh tế trong tương lai, tương tự như công nghệ thông tin hiện nay.

(l) Hàng triệu gia đình phải chịu đau khổ mỗi năm khi những căn bệnh hiểm nghèo như ung thư, bệnh tim, Alzheimer, Parkinson và tiểu đường tàn phá hoặc cướp đi sinh mạng của những người thân yêu. Chúng ta có trách nhiệm đầu tư vào các nghiên cứu liệu pháp miễn dịch đầy hứa hẹn, có thể ngăn ngừa và chữa trị các bệnh ảnh hưởng đến mọi gia đình.

(m) Đây là thời điểm then chốt trong lịch sử khoa học y tế, và California phải nắm bắt cơ hội để một lần nữa khẳng định vị thế dẫn đầu quốc gia về đổi mới, như đã từng làm được trong quá khứ.

MỤC 3. Mục đích và ý định.

Mục đích của người dân bang California khi ban hành đạo luật này là để đạt được tất cả những điều sau đây:

(a) Tài trợ cho một viện nghiên cứu miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch tiên tiến, đẳng cấp thế giới, trực thuộc Đại học California, để khai thác sức mạnh của hệ thống miễn dịch con người, khoa học và công nghệ hiện đại, cùng các công nghệ điện toán tiên tiến nhằm tạo ra những khám phá khoa học và các liệu pháp thể hệ mới để phòng ngừa và chữa trị các bệnh mãn tính, giúp người dân California sống lâu hơn và khỏe mạnh hơn.

(b) Chỉ cấp kinh phí cho các trường đại học công lập và phi lợi nhuận có trụ sở tại California cũng như các viện nghiên cứu y tế phi lợi nhuận để nghiên cứu về miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận các liệu pháp và phương pháp chữa bệnh cứu sống cho tất cả người dân California, đảm bảo không có khoản tiền nào được trao cho các tổ chức vì lợi nhuận hoặc các công ty được phẩm.

(c) Tài trợ cho nghiên cứu, giáo dục và phát triển các phương pháp điều trị và liệu pháp cho nhiều bệnh lý khác nhau bằng cách sử dụng các phương pháp dựa trên miễn dịch học tại các trường đại học công lập và phi lợi nhuận cũng như các cơ sở nghiên cứu y tế phi lợi nhuận khác có thành tích đã được chứng minh trong việc tiến hành các nghiên cứu và thử nghiệm lâm sàng thành công, nhằm mục đích giúp chấm dứt các bệnh tật như ung thư, bệnh tim, bệnh Alzheimer, bệnh Parkinson, tiểu đường, béo phì, huyết áp cao và cholesterol cao trong suốt cuộc đời chúng ta.

(d) Dành hơn bốn tỷ đô la (\$4,000,000,000) cho nghiên cứu chuyên sâu về phòng ngừa, điều trị và chữa khỏi ung thư, bệnh tim và bệnh Alzheimer.

(e) Tập hợp các nhà khoa học y sinh, nhà mô hình hóa bệnh tật, chuyên gia công nghệ gen, nhà khoa học dữ liệu, chuyên gia tính toán, nhà phát minh ra các liệu pháp điều trị và những người tiên phong trong thử nghiệm lâm sàng từ khắp nơi trên thế giới để phát triển vắc-xin phòng ngừa nhằm bảo vệ chống lại các bệnh này và để xây dựng các phương pháp điều trị và chữa khỏi một số bệnh mãn tính và nghiêm trọng nhất trên thế giới.

(f) Chọn một viện nghiên cứu phi lợi nhuận để tài trợ, viện này phải độc lập, có tính hợp tác và đổi mới, đồng thời vẫn liên kết với Đại học California, nhằm mục đích đơn giản hóa sự giám sát của tiểu bang, giảm bớt thủ tục hành chính rườm rà và đảm bảo nghiên cứu tập trung, hướng đến kết quả.

(g) Tài trợ cho một trung tâm nghiên cứu y khoa phi lợi nhuận, trung tâm này cuối cùng sẽ tự duy trì hoạt động bằng cách tái đầu tư lợi nhuận kinh tế từ việc phát triển các liệu pháp điều trị thành công vào các hướng nghiên cứu mới, từ đó tạo ra một cơ sở nghiên cứu độc lập về tài chính và cuối cùng sẽ không cần đến nguồn tài trợ công cộng.

(h) Yêu cầu 10 phần trăm tổng số tiền thu được từ các liệu pháp miễn dịch được phát triển nhờ đạo luật này phải được chuyển cho tiểu bang để bù đắp chi phí của đạo luật, biến điều này thành một chương trình cho vay và đảm bảo người đóng thuế sẽ thu hồi đầy đủ khoản đầu tư của họ vào nghiên cứu quan trọng này.

(i) Yêu cầu bất kỳ đơn vị nào được cấp phép sử dụng công nghệ hoặc thuốc được phát triển bằng nguồn vốn từ đạo luật này phải cung cấp công nghệ hoặc thuốc đó cho bệnh nhân ở California với giá thấp hơn ít nhất 20 phần trăm so với mức trung bình toàn quốc, đảm bảo người dân California được hưởng lợi trực tiếp từ khoản đầu tư công của họ.

(j) Đảm bảo tất cả kinh phí nghiên cứu được phân bổ theo đạo luật này phải tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt về trách nhiệm giải trình và tính minh bạch, bao gồm yêu cầu 98 phần trăm tổng số tiền phải được chi cho các chi phí liên quan đến nghiên cứu y học và phát triển phương pháp chữa bệnh, giới hạn chi tiêu hành chính của chính phủ tiểu bang không quá 2 phần trăm, các quy tắc nghiêm ngặt về xung đột lợi ích, công khai tất cả các khoản chi tiêu và kiểm toán tài chính độc lập.

(k) Bảo vệ và mang lại lợi ích cho ngân sách tiểu bang bằng cách tài trợ cho các nghiên cứu sẽ giúp giảm đáng kể chi phí chăm sóc sức khỏe trong tương lai và bằng cách tạo cơ hội cho tiểu bang hưởng lợi từ doanh thu được từ bằng sáng chế và phí cấp phép phát sinh từ những đột phá trong lĩnh vực miễn dịch học.

(l) Góp phần thúc đẩy nền kinh tế California bằng cách tạo ra các công việc có mức lương cao, các dự án công nghiệp y sinh và các liệu pháp tiềm năng, từ đó tạo ra nguồn thu thuế mới cho tiểu bang.

(m) Đưa ngành công nghệ sinh học và khoa học sự sống của California lên vị thế dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực nghiên cứu và điều trị bằng liệu pháp miễn dịch đang phát triển, củng cố vị thế của tiểu bang như một trung tâm toàn cầu về đổi mới y tế và tăng trưởng kinh tế.

MỤC 4. Phần 110.5 (bắt đầu từ Mục 130350) được bổ sung vào Bộ luật Sức khỏe và An toàn, như sau:

PHẦN 110.5. ĐỀ XUẤT NGHIÊN CỨU VÀ CHỮA BỆNH MIỄN DỊCH HỌC CALIFORNIA

CHƯƠNG 1. ĐẠO LUẬT NGHIÊN CỨU Y HỌC VỀ MIỄN DỊCH VÀ LIỆU PHÁP MIỄN DỊCH CỦA CALIFORNIA

130350. Chương này sẽ được gọi là, và có thể được trích dẫn là, “Đạo luật Nghiên cứu Y học về Miễn dịch và Liệu pháp Miễn dịch của California”.

130351. Trong chương này, các thuật ngữ sau đây có nghĩa như sau:

- (a) “Ủy ban” ở đây có nghĩa là Ủy ban Giám sát Trách nhiệm Tài chính của Công dân được thành lập theo Mục 130362.
- (b) “Hội đồng” ở đây có nghĩa là Hội đồng Nghiên cứu Tư vấn và Trách nhiệm giải trình được thành lập theo Mục 130355.
- (c) “Bộ” ở đây có nghĩa là Bộ Y tế Công cộng Tiểu bang, hoặc cơ quan kế nhiệm của nó.
- (d) “Quỹ” ở đây có nghĩa là Quỹ Nghiên cứu Y khoa về Miễn dịch học và Liệu pháp miễn dịch California được thành lập theo Mục 130377.
- (e) “Viện” ở đây có nghĩa là một viện nghiên cứu y khoa phi lợi nhuận được bộ lựa chọn theo Mục 130353.
- (f) “Quyền sở hữu trí tuệ” có nghĩa là tất cả các quyền pháp lý sở hữu liên quan đến bí quyết hoặc phát minh, bao gồm tất cả các bí mật thương mại, bản quyền, nhãn hiệu, thiết kế mạch tích hợp, phần mềm và bằng sáng chế, và các đơn đăng ký trên toàn thế giới, bao gồm cả giấy chứng nhận của nhà phát minh, và bất kỳ hình thức quyền nào mà theo đó một bên có thể ngăn cản bên khác thực hiện bất kỳ hành vi nào được quy định trong định nghĩa này, bao gồm cả quyền hợp đồng; tuy nhiên, trong trường hợp quyền sở hữu trí tuệ mà viện, trường đại học công lập hoặc phi lợi nhuận, hoặc tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận nhận được tài trợ theo tiểu mục (b) của Mục 130352 là người được cấp phép hoặc là người sử dụng được phép, thì các quyền đó chỉ đủ điều kiện theo định nghĩa này nếu viện, trường đại học công lập hoặc phi lợi nhuận, hoặc tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận có quyền cấp phép lại hoặc các quyền tương đương khác.
- (g) “Phát minh” có nghĩa là bất kỳ thiết bị, phương pháp, quy trình, máy móc, sản phẩm chế tạo, thiết kế hoặc hợp chất vật chất mới và hữu ích nào, hoặc bất kỳ cải tiến mới và hữu ích nào, hoặc bất kỳ giống cây trồng nào có thể được cấp bằng sáng chế theo luật và quy định về bằng sáng chế của Hoa Kỳ.
- (h) “Bí quyết” bao gồm các khái niệm, ý tưởng, sự đổi mới, khám phá, phát minh, kiến thức, quy trình, máy móc, sản phẩm chế tạo, công thức hóa học, mẫu sản phẩm, xét nghiệm, thành phần vật chất, cải tiến, nâng cao, sửa đổi, phát triển công nghệ, công nghệ, phương pháp, thực tiễn, kỹ thuật, hệ thống, thiết kế, tác phẩm nghệ thuật, bản vẽ, kế hoạch, thông số kỹ thuật, giải trình tự gen, được phẩm, công thức được phẩm, thiết kế mạch tích hợp, phần mềm, tài liệu, dữ liệu và thông tin, bất kể ở dạng con người hay máy móc có thể đọc

được, tác phẩm sáng tạo, sản phẩm, bí mật thương mại, kỹ năng, kinh nghiệm, động lực dựa trên kinh nghiệm và nhu cầu, tài liệu, thiết bị, chiến lược lâm sàng và quy định, dữ liệu thử nghiệm, bao gồm dữ liệu thử nghiệm được lý, độc chất học và lâm sàng, dữ liệu phân tích và kiểm soát chất lượng, và dữ liệu hoặc mô tả bằng sáng chế, cho dù bất kỳ điều nào trong số những điều nêu trên có thể được cấp bằng sáng chế, bản quyền hoặc được bảo hộ pháp lý dưới bất kỳ hình thức nào khác hay không, và với điều kiện là những điều nêu trên đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- (1) Chúng được hình thành, tạo ra, đưa vào thực tiễn hoặc tồn tại theo bất kỳ cách nào khác trước khi hết hạn hoặc chấm dứt thỏa thuận tài trợ được ký kết theo Mục 130353 hoặc 130357.
- (2) Chúng được giao cho viện nghiên cứu, trường đại học công lập hoặc phi lợi nhuận, hoặc viện nghiên cứu phi lợi nhuận bởi một nhà phát minh, có thể là một mình hoặc cùng với những người khác.
- (3) Chúng có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến nội dung của thỏa thuận tài trợ và nguồn kinh phí liên quan.
- (i) “Bằng sáng chế” có nghĩa là bất kỳ đơn xin cấp bằng sáng chế hoặc tài liệu liên quan đến bằng sáng chế nào của Hoa Kỳ hoặc nước ngoài, bao gồm bất kỳ đơn xin cấp bằng sáng chế tạm thời, phân chia, tiếp tục, tiếp tục một phần, thay thế, gia hạn, cấp lại, mở rộng, xác nhận, xem xét lại hoặc đăng ký nào, và bất kỳ bằng sáng chế nào được cấp từ bất kỳ đơn nào trong số đó, bao gồm bất kỳ bằng sáng chế thay thế, gia hạn, cấp lại, mở rộng, xác nhận, xem xét lại hoặc đăng ký nào.
- (j) “Phần mềm” có nghĩa là bất kỳ mã nào có thể đọc được hoặc thực thi bằng máy tính và được lưu trữ trên bất kỳ phương tiện vật chất nào.

130352. (a) Tiền thu được từ các trái phiếu được phát hành và bán theo Chương 2 (bắt đầu từ Mục 130370), không bao gồm trái phiếu tái cấp vốn được phát hành theo Mục 130383, sẽ được gửi vào Quỹ Nghiên cứu Y khoa về Miễn dịch học và Liệu pháp Miễn dịch California được thành lập theo Mục 130377.

(b) Số tiền trong quỹ, sau khi thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác được ủy quyền trong văn bản này và theo Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang (Chương 4 (bắt đầu từ Mục 16720) của Phần 3 thuộc Phần 4 của Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ), sẽ được phân bổ cho bộ để giải ngân như sau:

- (1) Năm mươi phần trăm số tiền sẽ được phân bổ cho một viện nghiên cứu y khoa phi lợi nhuận duy nhất với mục đích tiến hành hoặc chỉ đạo nghiên cứu khoa học sức khỏe trong lĩnh vực miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch.
- (2) Năm mươi phần trăm số tiền sẽ được phân bổ cho các trường đại học công lập và phi lợi nhuận cũng như các viện nghiên cứu phi lợi nhuận khác có đại diện trong hội đồng nhằm mục đích tiến hành nghiên cứu khoa học sức khỏe trong lĩnh vực miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch. Số tiền được giải ngân theo đoạn này sẽ được trao dưới dạng các khoản tài trợ riêng lẻ cho các dự án nghiên cứu cụ thể thông qua quy trình nộp đơn, với các đơn đăng ký được xem xét theo Mục 130356, và không mang tính chất các khoản tài trợ chung một lần.

130353. (a) Bộ sẽ giải ngân kinh phí theo đoạn (1) của tiểu mục (b) của Mục 130352 theo thỏa thuận tài trợ được ký kết giữa bộ và một viện nghiên cứu y tế phi lợi nhuận duy nhất do bộ lựa chọn đáp ứng tất cả các tiêu chí sau:

(1) Viện này là một viện nghiên cứu y tế được miễn thuế thu nhập liên bang theo Mục 501(c)(3) của Bộ luật Thuế Nội địa, đã tồn tại tính đến ngày 1 Tháng Một, 2025 và được thành lập với mục đích chính là, và chuyên về, tiến hành nghiên cứu trong lĩnh vực miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch.

(2) Viện này có một thỏa thuận liên kết, được ký kết không muộn hơn ngày 1 Tháng Một, 2025, tạo ra mối quan hệ liên kết với một cơ sở thuộc Đại học California đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

(A) Khuôn viên trường có chương trình đào tạo sau đại học về miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch.

(B) Khuôn viên trường có hệ thống chăm sóc sức khỏe công cộng bao gồm một hoặc nhiều bệnh viện và tự tiến hành các thử nghiệm lâm sàng đối với các loại thuốc và liệu pháp mới.

(C) Hệ thống chăm sóc sức khỏe trong khuôn viên trường có số lượng bệnh viện và phòng khám tiếp nhận hơn 35,000 lượt bệnh nhân nội trú và 3,500,000 lượt bệnh nhân ngoại trú mỗi năm.

(3) Viện được điều hành bởi một hội đồng quản trị mà theo quy chế của viện, được thông qua không muộn hơn ngày 1 Tháng Một, 2025, và theo thỏa thuận liên kết được mô tả trong đoạn (2) phải bao gồm nhiều thành viên là đại diện cấp cao của khuôn viên Đại học California là một bên tham gia thỏa thuận liên kết hoặc hệ thống chăm sóc sức khỏe công cộng của khuôn viên đó.

(4) Tính đến ngày 1 Tháng Một, 2026, viện sở hữu hoặc thuê một khu đất có diện tích không dưới 200,000 feet vuông và có mục đích sử dụng là làm cơ sở nghiên cứu, nơi đặt trụ sở các hoạt động nghiên cứu của viện.

(5) Viện đồng ý tiến hành nghiên cứu y khoa hợp tác trong lĩnh vực miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch với các trung tâm nghiên cứu y khoa phi lợi nhuận đủ điều kiện khác của California, bao gồm cả việc tiến hành các thử nghiệm lâm sàng đa tổ chức.

(6) Viện đã xác định, trong thỏa thuận liên kết được mô tả trong đoạn (2), các nguồn tài trợ không dưới hai trăm năm mươi triệu đô la (\$250,000,000) dưới hình thức quyền góp từ thiện hoặc cam kết gây quỹ.

(7) Viện đã nhận được cam kết tài chính không dưới năm mươi triệu đô la (\$50,000,000) để hỗ trợ chương trình phát triển vắc-xin nhanh chóng và không dưới năm mươi triệu đô la (\$50,000,000) để hỗ trợ chương trình nghiên cứu hệ vi sinh vật.

(b) (1) Trừ trường hợp được quy định tại đoạn (2), bộ sẽ lựa chọn và ký kết thỏa thuận tài trợ với viện theo tiểu mục (a) trong vòng 90 ngày kể từ ngày có hiệu lực của chương này.

(2) (A) Trong trường hợp bộ không thể xác định được một viện nghiên cứu y tế phi lợi nhuận đáp ứng cả các tiêu chí được

quy định tại tiểu mục (a) và sẵn sàng ký kết thỏa thuận tài trợ theo phần này, bộ sẽ sửa đổi các tiêu chí được quy định tại tiểu mục (a) để cho phép xác định một viện nghiên cứu y tế phi lợi nhuận đủ điều kiện nhận tài trợ theo chương này và sẵn sàng ký kết thỏa thuận tài trợ theo phần này.

(B) Bất kỳ sự sửa đổi nào về tiêu chí của bộ theo tiểu đoạn (A) sẽ là mức sửa đổi tối thiểu cần thiết để xác định một viện nghiên cứu y tế phi lợi nhuận đủ điều kiện và sẽ thúc đẩy các mục đích của chương này.

(C) Trong trường hợp bộ sửa đổi các tiêu chí được quy định tại tiểu mục (a) theo đoạn này, bộ sẽ lựa chọn và ký kết thỏa thuận tài trợ với viện trong vòng 90 ngày kể từ ngày bộ thông qua các tiêu chí đã sửa đổi.

(c) (1) Bộ sẽ xem xét lại thỏa thuận được ký kết theo tiểu mục (b) 5 năm một lần để đảm bảo viện tuân thủ các điều khoản của thỏa thuận và các quy định của chương này.

(2) Việc viện không tuân thủ đáng kể các điều khoản của thỏa thuận hoặc các điều khoản của chương này có thể là căn cứ để chấm dứt thỏa thuận nếu bộ xác định, trong quá trình xem xét 5 năm được tiến hành theo đoạn (1), rằng việc không tuân thủ đó làm cản trở đáng kể và nghiêm trọng các mục đích của chương này, với điều kiện là viện phải được thông báo về bất kỳ quyết định nào do bộ đưa ra theo khoản này và có cơ hội hợp lý để khắc phục sự thiếu tuân thủ đã được xác định.

(d) Thỏa thuận tài trợ được ký kết theo phần này yêu cầu tất cả các hoạt động nghiên cứu và phát triển được tài trợ theo thỏa thuận phải được thực hiện theo các tiêu chuẩn đã được thiết lập về trao đổi khoa học mở, đánh giá ngang hàng và giám sát công khai.

(e) (1) Kể từ ngày chương này có hiệu lực, từ Quỹ Chung, một khoản tiền một trăm triệu đô la (\$100,000,000) được trích ra để làm nguồn vốn vay khởi nghiệp cho viện, nhằm trang trải chi phí triển khai ban đầu và hỗ trợ chương trình nghiên cứu của viện, như được mô tả trong chương này. Bộ sẽ xác định thời điểm và số tiền cho vay đối với viện, sao cho tổng số tiền cho vay không vượt quá số tiền đã được cấp phát ở trên.

(2) Bất kỳ khoản vay nào được cấp cho viện theo đoạn (1) sẽ được hoàn trả cho Quỹ Chung trong vòng 12 tháng, hoặc nếu không được hoàn trả trong vòng 12 tháng thì càng sớm càng tốt sau đó theo quyết định của Thủ quỹ, bằng khoản rút vốn vay liên quan từ số tiền thu được từ việc bán trái phiếu theo Chương 2 (bắt đầu từ Mục 130370).

130354. (a) Số tiền được giải ngân theo Mục 130352 sẽ được phân bổ như sau:

(1) (A) Viện sẽ sử dụng số tiền được cấp cho viện theo đoạn (1) của tiểu mục (b) của Mục 130352 để tiến hành nghiên cứu miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch do các nhà nghiên cứu và nhân viên được viện trực tiếp tuyển dụng hoặc thuê thực hiện trong viện hoặc do viện chỉ đạo.

(B) Không dưới hai tỷ một trăm triệu đô la (\$2,100,000,000) trong số tiền được giải ngân theo đoạn (1) của tiểu mục (b) của Mục 130352 sẽ được chi cho việc tiến hành nghiên cứu miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch liên quan đến việc phòng ngừa, điều trị và chữa khỏi ung thư, bệnh tim và bệnh Alzheimer.

(2) (A) Các khoản tiền được giải ngân theo đoạn (2) của tiểu mục (b) của Mục 130352 sẽ được chi cho việc tiến hành nghiên cứu miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch bởi các trường đại học công lập và phi lợi nhuận cũng như các tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận khác có đại diện trong hội đồng. Các dự án nghiên cứu được tài trợ theo đoạn này sẽ được lựa chọn theo quy định tại Mục 130356.

(B) Không dưới hai tỷ một trăm triệu đô la (\$2,100,000,000) trong số tiền được giải ngân theo đoạn (2) của tiểu mục (b) của Mục 130352 sẽ được chi cho việc tiến hành nghiên cứu miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch liên quan đến việc phòng ngừa, điều trị và chữa khỏi ung thư, bệnh tim và bệnh Alzheimer.

(3) Một khoản tiền bằng với chi phí thực tế, không bao gồm bất kỳ chi phí nào được cho phép theo Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang (Chương 4 (bắt đầu từ Mục 16720) của Phần 3 thuộc Phần 4 của Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ), không vượt quá 2 phần trăm tổng số tiền được chi trả theo Mục 130352, có thể được chi cho chi phí hành chính của bộ, hội đồng, ủy ban và Kiểm soát viên trong việc thực hiện các trách nhiệm tương ứng của họ theo chương này.

(b) Các hoạt động nghiên cứu có thể được tài trợ theo chương này bao gồm, nhưng không giới hạn ở tất cả những điều sau đây:

(1) Tiến hành nghiên cứu nền tảng điều tra các cơ chế phát triển bệnh và các con đường khả thi để can thiệp vào quá trình tiến triển của bệnh, bao gồm nhưng không giới hạn ở nghiên cứu phòng ngừa ung thư, bệnh Alzheimer, bệnh Parkinson, bệnh tim mạch và tiểu đường.

(2) Phát triển và cải tiến các công cụ chẩn đoán, bao gồm các dấu ấn sinh học trong máu và kỹ thuật hình ảnh, để phát hiện bệnh sớm hơn.

(3) Thu thập, nghiên cứu và tạo lập các ngân hàng mẫu mô và mô hình khối u từ các nhóm bệnh nhân tiêu biểu để hiểu rõ hơn về quá trình hình thành bệnh và thử nghiệm các biện pháp can thiệp ở các giai đoạn khác nhau của sự tiến triển bệnh.

(4) Nghiên cứu về di truyền, tác động của môi trường và các yếu tố lối sống để hiểu rõ hơn sự đóng góp tổng hợp của chúng vào sự phát triển bệnh tật.

(5) Phân loại ung thư và các bệnh khác thành các nhóm nhỏ hơn, đồng thời tạo ra kho dữ liệu về các nhóm bệnh này để phát triển các phương pháp điều trị hiệu quả nhất cho từng bệnh nhân.

(6) Thử nghiệm thuốc và liệu pháp chống lại tế bào, khối u và mô hình cơ quan, đồng thời đánh giá nhiều liệu pháp khác

nhau trên các dòng tế bào để xác định các ứng cử viên liệu pháp tốt nhất cho từng bệnh lý đang được nghiên cứu.

(7) Sử dụng cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP) để hỗ trợ việc tạo ra và đánh giá các liệu pháp tế bào và gen mới.

(8) Điều phối, tiến hành và giám sát các thử nghiệm lâm sàng để đánh giá tính an toàn và hiệu quả của các liệu pháp mới trên nhiều đối tượng bệnh nhân khác nhau.

(9) Phát triển các phương pháp điều trị sẵn có và giá cả phải chăng cho bệnh nhân ở California.

130355. (a) Bộ sẽ phối hợp và hỗ trợ việc thành lập Hội đồng Nghiên cứu Tư vấn và Trách nhiệm giải trình.

(b) (1) Hội đồng sẽ bao gồm một ủy ban điều hành gồm bảy thành viên, các thành viên của ủy ban này cũng đồng thời là thành viên thường trực của hội đồng. Hiệu trưởng các cơ sở của Đại học California tại Berkeley, Davis, Irvine, Los Angeles, Riverside, San Diego và San Francisco sẽ bổ nhiệm mỗi người một đại diện từ cơ sở của mình để tham gia vào ủy ban điều hành.

(2) Ban chấp hành, bằng đa số phiếu bầu, sẽ bổ nhiệm vào hội đồng không ít hơn 10 và không nhiều hơn 15 thành viên bổ sung được lựa chọn từ các hạng mục được mô tả trong tiểu đoạn (A) và (B).

(A) Đại diện các trường đại học phi lợi nhuận ở California, ngoại trừ Đại học California, đã chứng minh được thành công và vai trò lãnh đạo trong nghiên cứu miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch.

(B) Đại diện các tổ chức học thuật và nghiên cứu phi lợi nhuận của California không thuộc Đại học California và đã chứng minh được thành công và vai trò lãnh đạo trong nghiên cứu miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch.

(3) Mỗi thành viên của hội đồng phải là bác sĩ, nhà khoa học hoặc nhà nghiên cứu có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch, đồng thời phải đáp ứng các tiêu chí bổ sung do ban chấp hành đề ra.

(c) (1) Các thành viên hội đồng sẽ giữ chức vụ trong nhiệm kỳ bốn năm.

(2) (A) Nếu có vị trí trống trong nhiệm kỳ của một thành viên ban chấp hành, cơ quan bổ nhiệm của thành viên đó sẽ bổ nhiệm một thành viên thay thế trong vòng 45 ngày để đảm nhiệm phần còn lại của nhiệm kỳ.

(B) Nếu có vị trí trống trong nhiệm kỳ của một thành viên không thuộc ban chấp hành, ban chấp hành, bằng đa số phiếu bầu, sẽ bổ nhiệm một thành viên thay thế đại diện cho cùng tổ chức hoặc thể chế mà thành viên mãn nhiệm đại diện trong vòng 45 ngày để phục vụ phần còn lại của nhiệm kỳ.

(3) (A) Khi nhiệm kỳ của một thành viên ban chấp hành kết thúc, cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm thành viên đó sẽ tái bổ nhiệm thành viên đó hoặc bổ nhiệm một thành viên mới cho nhiệm kỳ mới trong vòng 30 ngày.

(B) Khi nhiệm kỳ của một thành viên không thuộc ban chấp hành kết thúc, ban chấp hành, bằng đa số phiếu, sẽ tái bổ nhiệm thành viên đó hoặc bổ nhiệm một thành viên mới cho nhiệm kỳ mới trong vòng 30 ngày. Thành viên nào hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục đảm nhiệm chức vụ cho đến khi có người thay thế được bổ nhiệm.

(d) (1) Chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng sẽ là thành viên của ủy ban điều hành, mỗi người sẽ có nhiệm kỳ hai năm và, trừ trường hợp được quy định tại đoạn (2), sẽ được bầu bằng đa số phiếu của toàn thể hội đồng.

(2) Người đại diện được chỉ định từ Đại học California, Los Angeles sẽ giữ chức chủ tịch đầu tiên của hội đồng.

(e) Số lượng thành viên tối thiểu để hội đồng hợp lệ là đa số các thành viên đương nhiệm.

(f) Các thành viên hội đồng sẽ phục vụ mà không nhận thù lao nhưng có thể được hoàn trả chi phí đi lại và các chi phí cần thiết thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

130356. (a) Hội đồng sẽ xác định, theo cách thức quy định tại tiểu mục (e), những dự án nghiên cứu nào do các trường đại học công lập và phi lợi nhuận cũng như các tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận khác có đại diện trong hội đồng đề xuất sẽ được tài trợ theo đoạn (2) của tiểu mục (b) của Mục 130352, dựa trên các tiêu chí lựa chọn và ưu tiên nghiên cứu được thiết lập theo chương này và giá trị kỹ thuật của các đề xuất được đánh giá theo phần này.

(b) (1) Hội đồng sẽ thiết lập các tiêu chí lựa chọn và ưu tiên nghiên cứu để trao các khoản tài trợ theo phần này dựa trên tất cả các yếu tố sau:

(A) Giá trị khoa học của một đề xuất.

(B) Kinh nghiệm của ứng viên trong việc tiến hành nghiên cứu y khoa theo phương pháp luận chặt chẽ.

(C) Những lợi ích tiềm tàng đối với sức khỏe và đời sống của người dân.

(D) Các tiêu chí khác do hội đồng quyết định.

(2) Trong việc thiết lập các ưu tiên nghiên cứu theo đoạn (1), hội đồng sẽ ưu tiên cao nhất cho các dự án nghiên cứu có tiềm năng lớn nhất mang lại các liệu pháp tức thời, dễ tiếp cận và giá cả phải chăng nhất và nhằm mục đích tăng cường khả năng tiếp cận của bệnh nhân với các phương pháp điều trị miễn dịch.

(c) (1) Hội đồng có thể thành lập một hoặc nhiều ban đánh giá khoa học gồm các chuyên gia về miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch để xem xét và ưu tiên các đề xuất dựa trên các tiêu chí lựa chọn và ưu tiên nghiên cứu do hội đồng xây dựng theo tiểu mục (b).

(2) Chuyên gia trong hội đồng đánh giá khoa học sẽ bị loại khỏi việc tham gia đánh giá đề xuất xin tài trợ nếu chuyên gia đó có mối quan hệ hợp tác hoặc thương mại với người nộp đơn.

(d) Tất cả các khoản tài trợ được trao theo phần này sẽ được dành cho các nhà nghiên cứu hoặc dự án chủ yếu đặt tại tiểu

bang này, ngoại trừ việc tài trợ cho các hợp tác nghiên cứu giữa các nhà nghiên cứu có trụ sở tại California và các nhà nghiên cứu ngoài tiểu bang được cho phép.

(e) (1) Hội đồng, bằng đa số phiếu bầu, sẽ chấp nhận hoặc từ chối các đơn xin tài trợ nhận được từ các trường đại học công lập và phi lợi nhuận cũng như các tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận khác có đại diện trong hội đồng.

(2) Hội đồng sẽ tham khảo ý kiến của viện nghiên cứu do bộ lựa chọn theo Mục 130353 khi đưa ra quyết định cuối cùng về việc cấp kinh phí cho các đề xuất tài trợ theo tiểu mục này.

(f) Hội đồng sẽ xây dựng các tiêu chuẩn về xung đột lợi ích để xem xét các đề xuất tài trợ dựa trên các thông lệ tốt nhất do Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia thiết lập nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích trong việc trao tặng kinh phí nghiên cứu và sẽ cập nhật các tiêu chuẩn đó ít nhất bốn năm một lần để phù hợp với các tiêu chuẩn được Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia thông qua.

130357. (a) Bộ sẽ ký kết các thỏa thuận tài trợ với các đối tượng được hội đồng lựa chọn theo Mục 130356 để tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển và thử nghiệm lâm sàng, đặc biệt là trong lĩnh vực miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch.

(b) Mỗi thỏa thuận tài trợ phải quy định rằng tất cả các hoạt động nghiên cứu và phát triển được tài trợ theo thỏa thuận đó phải được thực hiện theo các tiêu chuẩn đã được thiết lập về trao đổi khoa học mở, đánh giá ngang hàng và giám sát công khai.

(c) Mỗi thỏa thuận tài trợ phải yêu cầu người nhận tài trợ mua hàng hóa và dịch vụ từ các nhà cung cấp ở California trong phạm vi hợp lý, với nỗ lực thiện chí nhằm đạt được mục tiêu hơn 50 phần trăm số hàng hóa và dịch vụ mua từ các nhà cung cấp ở California.

(d) Mỗi thỏa thuận tài trợ phải yêu cầu người nhận tài trợ tạo cơ hội cho viện nghiên cứu được bộ lựa chọn theo Mục 130353 tham gia và hợp tác đáng kể vào nghiên cứu được tài trợ.

(e) Mỗi thỏa thuận tài trợ phải yêu cầu người nhận tài trợ tạo điều kiện cho Đại học California, Los Angeles tham gia và hợp tác đáng kể vào bất kỳ thử nghiệm lâm sàng nào được tiến hành như một phần của nghiên cứu được tài trợ.

(f) Mỗi thỏa thuận tài trợ phải yêu cầu người nhận tài trợ phải tuân thủ và hợp tác với các cuộc kiểm toán được tiến hành theo tiểu mục (b) của Mục 130361.

(g) Tất cả các thỏa thuận tài trợ được ký kết theo phần này đều phải giới hạn chi phí gián tiếp ở mức 20 phần trăm tổng số tiền tài trợ nghiên cứu, ngoại trừ trường hợp giới hạn chi phí gián tiếp có thể được tăng lên bằng số tiền mà người nhận tài trợ cung cấp phần vốn đối ứng vượt quá 20 phần trăm tổng số tiền tài trợ.

130358. (a) (1) (A) Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào nhận được kinh phí nghiên cứu theo chương này đều phải nộp cho bang California một khoản tiền bằng 10 phần trăm tổng doanh thu được từ việc bán, cấp phép hoặc bất kỳ hoạt động

thương mại hóa hay kiểm tiền nào khác đối với bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào phát sinh từ nghiên cứu được tài trợ theo chương này.

(B) Các khoản thanh toán được thực hiện theo tiểu đoạn (A) sẽ được tính toán mà không xét đến việc nghiên cứu tạo ra quyền sở hữu trí tuệ được tài trợ toàn bộ hay chỉ một phần bằng kinh phí nghiên cứu được cung cấp theo chương này.

(C) Tất cả các khoản thanh toán được thực hiện theo đoạn này phải được người nhận kinh phí nghiên cứu thanh toán cho tiểu bang trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được bất kỳ khoản doanh thu nào.

(2) Các khoản thanh toán được thực hiện theo đoạn (1) sẽ được gửi vào Quỹ Chung cho đến khi tổng số tiền của các khoản thanh toán đó bằng tổng chi phí của tiểu bang đối với các trái phiếu được phát hành theo Chương 2 (bắt đầu từ Mục 130370), bao gồm cả lãi suất được trả trên các trái phiếu, do Ủy ban Tài chính Miễn dịch học và Liệu pháp Miễn dịch California được thành lập theo đoạn (1) của tiểu mục (a) của Mục 130375 xác định.

(3) Sau khi tổng số tiền tích lũy được mô tả trong đoạn (2) đã được trả cho Quỹ Chung, bất kỳ khoản thu bổ sung nào nhận được theo đoạn (1) sẽ được gửi vào Quỹ Nghiên cứu Y tế Miễn dịch học và Liệu pháp Miễn dịch California và sẽ được chi tiêu phù hợp với các mục đích của chương này.

(b) Là điều kiện để nhận kinh phí nghiên cứu theo chương này, bất kỳ người nhận nào cấp phép hoặc bán công nghệ hoặc thuốc được phát triển thông qua nghiên cứu được tài trợ theo chương này phải đồng ý rằng việc cấp phép hoặc bán nhằm mục đích cung cấp công nghệ hoặc thuốc đó cho bệnh nhân, bệnh viện hoặc công ty bảo hiểm ở California, bao gồm cả thông qua chương trình chăm sóc sức khỏe do chính phủ tài trợ, phải yêu cầu công nghệ hoặc thuốc đó được cung cấp cho bệnh nhân, bệnh viện và công ty bảo hiểm ở California với giá thấp hơn ít nhất 20 phần trăm so với giá trung bình toàn quốc, được tính bằng cách loại trừ California, đối với cùng một công nghệ hoặc thuốc, được xác định như sau:

(1) Trong 12 tháng đầu tiên kể từ khi công nghệ hoặc thuốc được bán ra thị trường, bệnh nhân, bệnh viện và các công ty bảo hiểm tại California mua công nghệ hoặc thuốc đó sẽ không phải trả giá cao hơn giá bán cho bệnh nhân, bệnh viện và các công ty bảo hiểm tại bất kỳ khu vực nào khác của Hoa Kỳ ngoài California.

(2) Tính đến ngày tròn một năm sau lần bán thương mại đầu tiên của công nghệ hoặc thuốc, dữ liệu từ chín tháng bán hàng đầu tiên sẽ được sử dụng để tính toán chi phí trung bình toàn quốc. Sau đó, công nghệ hoặc thuốc này sẽ được cung cấp cho bệnh nhân, bệnh viện và các công ty bảo hiểm tại California với mức giá thấp hơn ít nhất 20 phần trăm so với giá trung bình toàn quốc được tính toán, không bao gồm California.

(3) Giá trung bình toàn quốc, không bao gồm California, sẽ được tính toán hàng năm, và giá cả của công nghệ hoặc thuốc tại California sẽ được điều chỉnh khi cần thiết để đảm bảo người mua ở California được tiết kiệm ít nhất 20 phần trăm so với giá trung bình toàn quốc được tính toán.

(c) Bất kỳ người nhận quỹ nghiên cứu nào theo chương này đều phải yêu cầu quyền sở hữu bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào phát sinh từ bất kỳ nghiên cứu được tài trợ nào phải thuộc về viện, trường đại học công lập hoặc phi lợi nhuận, hoặc tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận đã nhận được tài trợ theo tiểu mục (b) của Mục 130352. Các bước để yêu cầu quyền sở hữu bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào phải được thực hiện thông qua nghĩa vụ chuyển nhượng và việc chuyển nhượng thực tế bằng sáng chế và các quyền sở hữu trí tuệ khác của tất cả nhân viên, nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà thầu độc lập hoặc các cá nhân khác nhận tài trợ thông qua trợ cấp, hợp đồng hoặc bằng các nguồn quỹ khác có nguồn gốc từ chương này cho viện, trường đại học công lập hoặc phi lợi nhuận, hoặc tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận.

(d) Đối với bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào được hình thành hoặc được hiện thực hóa, có thể được cấp bằng sáng chế hay không, dựa trên hoặc phát sinh từ các khoản tiền được giải ngân theo tiểu mục (b) của Mục 130352, trong phạm vi mà người nhận tài trợ có các quyền công nghệ cơ bản, bao gồm bằng sáng chế và các quyền sở hữu trí tuệ khác, được sở hữu hoặc cấp phép, có thể gây cản trở việc thực hành các quyền sở hữu trí tuệ mới hoặc ngăn cản việc khai thác thương mại các quyền sở hữu trí tuệ mới, thì người nhận tài trợ đó phải cấp giấy phép miễn phí bản quyền trên toàn thế giới cho công nghệ cơ bản đó, nếu người được cấp phép hoặc người sử dụng được phép có quyền cấp phép lại, hoặc các quyền tương đương được cho phép, cụ thể là giới hạn trong việc thực hành các quyền sở hữu trí tuệ mới liên quan đến bất kỳ việc bán, cấp phép hoặc bất kỳ hình thức thương mại hóa hoặc kiểm tiền nào khác đối với các quyền sở hữu trí tuệ mới, phát sinh từ nghiên cứu được tài trợ theo chương này.

(e) (1) Viện, sau khi tham khảo ý kiến của bộ, sẽ xây dựng một chương trình cấp phép đáp ứng tất cả các yêu cầu sau:

(A) Tối đa hóa doanh thu thu được từ việc bán, cấp phép hoặc bất kỳ hình thức thương mại hóa hay kiểm tiền nào khác đối với bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào phát sinh từ nghiên cứu được tài trợ theo chương này.

(B) Xây dựng các điều khoản cấp phép tiêu chuẩn và phạm vi được phép đàm phán nhằm tăng tính đồng nhất trong tất cả các nỗ lực thương mại hóa hoặc kiểm tiền từ quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ nghiên cứu được tài trợ theo chương này.

(C) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn trả tiền cho Tiểu bang California theo đoạn (1) của tiểu mục (a) và đưa ra dự báo về các khoản thanh toán trong tương lai cho Tiểu bang California dựa trên tổng số giấy phép có được từ nghiên cứu được tài trợ theo chương này.

(2) (A) Viện, sau khi tham khảo ý kiến của bộ, sẽ đóng vai trò là trung tâm xử lý và phê duyệt tất cả các thỏa thuận bán, cấp phép hoặc thương mại hóa hay kiểm lợi nhuận từ quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ nghiên cứu được tài trợ theo chương này nhằm đảm bảo tính thống nhất của các điều khoản quan trọng và tối đa hóa doanh thu thu được từ các hoạt động thương mại hóa hoặc kiểm lợi nhuận đó.

(B) Tất cả các thỏa thuận bán, cấp phép hoặc thương mại hóa hay kiếm lợi từ quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ nghiên cứu được tài trợ theo chương này, trước khi ký kết, phải được cung cấp cho viện nghiên cứu để xem xét, và viện nghiên cứu sẽ được tạo cơ hội đưa ra các khuyến nghị về việc sửa đổi các điều khoản của thỏa thuận để xuất.

(C) Trong tất cả các trường hợp mà viện thực hiện quyền lựa chọn tham gia và hợp tác nghiên cứu theo tiểu mục (d) của Mục 130357, viện sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc đàm phán bất kỳ thỏa thuận nào về việc bán, cấp phép hoặc thương mại hóa hoặc kiếm tiền từ các quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ nghiên cứu đó.

(f) (1) (A) Bất kỳ thỏa thuận cấp phép nào được ký kết bởi người nhận kinh phí nghiên cứu theo chương này để cấp phép quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ nghiên cứu được tài trợ theo chương này đều phải yêu cầu người nhận kinh phí nghiên cứu nhận được tiền bản quyền không dưới 10 phần trăm tổng doanh thu từ việc bán hoặc thương mại hóa hoặc kiếm tiền từ các quyền sở hữu trí tuệ là đối tượng của thỏa thuận đó.

(B) Bất kể quy định tại tiểu đoạn (A), một thỏa thuận cấp phép được ký kết bởi người nhận quỹ nghiên cứu theo chương này để cấp phép quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ nghiên cứu được tài trợ theo chương này có thể quy định tiền bản quyền dưới 10 phần trăm tổng doanh thu nếu bộ xác định, sau khi tham khảo ý kiến của viện, rằng tỷ lệ tiền bản quyền dưới 10 phần trăm trong trường hợp của một thỏa thuận cấp phép cụ thể sẽ thúc đẩy các mục đích của chương này. Việc quyết định theo tiểu đoạn này sẽ được thực hiện trên cơ sở từng trường hợp cụ thể, và trong mọi trường hợp, bộ sẽ không phê duyệt mức phí bản quyền thấp hơn 5 phần trăm.

(2) Bất kỳ thỏa thuận nào được ký kết bởi người nhận quỹ nghiên cứu theo chương này nhằm mục đích thành lập liên doanh hoặc thỏa thuận kinh doanh khác để thương mại hóa hoặc kiếm lợi từ quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ nghiên cứu được tài trợ theo chương này đều phải yêu cầu người nhận quỹ nghiên cứu nhận được không ít hơn 25 phần trăm tổng lợi nhuận từ liên doanh hoặc thỏa thuận kinh doanh đó và bất kỳ giao dịch bán liên doanh hoặc thỏa thuận kinh doanh nào sau đó.

(g) Bất kỳ viện nghiên cứu, trường đại học công lập hoặc phi lợi nhuận, hoặc tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận nào nhận được tài trợ theo tiểu mục (b) của Mục 130352 đều phải yêu cầu tất cả nhân viên, nhà khoa học, nhà nghiên cứu, nhà thầu độc lập hoặc các cá nhân khác nhận được tài trợ thông qua trợ cấp, hợp đồng hoặc bằng cách khác từ các quỹ có nguồn gốc từ chương này, những người muốn công bố kết quả nghiên cứu từ nguồn tài trợ đó, phải cung cấp một bản sao của ấn phẩm dự kiến bằng văn bản hoặc dàn ý của bài thuyết trình cho viện nghiên cứu, trường đại học công lập hoặc phi lợi nhuận, hoặc tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận để xem xét ít nhất 30 ngày trước khi công bố hoặc trình bày. Viện thẩm định, trường đại học công lập hoặc phi lợi nhuận, hoặc viện nghiên cứu phi lợi nhuận đều có quyền thực hiện cả hai việc sau:

(1) Để xuất các sửa đổi đối với ấn phẩm hoặc bài thuyết trình vì lý do bằng sáng chế hoặc các lý do khác sẽ được nêu rõ ràng và cụ thể vào thời điểm đó.

(2) Yêu cầu trì hoãn hợp lý việc công bố hoặc thuyết trình để bảo vệ thông tin có thể được cấp bằng sáng chế và cho phép nộp đơn xin cấp bằng sáng chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quyết định của viện thẩm định, trường đại học công lập hoặc phi lợi nhuận, hoặc viện nghiên cứu phi lợi nhuận.

130359. (a) Viện sẽ công bố báo cáo thường niên cho công chúng, trong đó nêu rõ các hoạt động, thành tựu nghiên cứu và định hướng tương lai của chương trình tổng thể của viện.

(b) Mỗi báo cáo thường niên phải bao gồm, nhưng không giới hạn ở, tất cả các nội dung sau:

(1) Bản tóm tắt các kết quả nghiên cứu, bao gồm cả những lĩnh vực nghiên cứu mới đầy triển vọng.

(2) Bản mô tả tiến độ đạt được các mục tiêu dự án và các phát hiện khoa học quan trọng hoặc các cột mốc đáng chú ý.

(3) Số lượng và loại ấn phẩm được bình duyệt, bằng sáng chế đã nộp hoặc thử nghiệm lâm sàng đã khởi xướng.

(4) Bản tóm tắt các khoản chi phí hành chính của viện.

(5) Báo cáo về kế hoạch nghiên cứu chiến lược và tài chính của viện.

(c) Báo cáo thường niên sẽ được công bố trên trang web của viện.

130360. (a) Hội đồng sẽ công bố báo cáo thường niên cho công chúng, trong đó nêu rõ các khoản tài trợ đã được trao, các khoản tài trợ đang thực hiện, thành tựu nghiên cứu và định hướng tương lai của chương trình tài trợ tổng thể của hội đồng.

(b) Mỗi báo cáo thường niên phải bao gồm, nhưng không giới hạn ở, tất cả các nội dung sau:

(1) Bản tóm tắt các kết quả nghiên cứu của những người được tài trợ trước đây, bao gồm cả các lĩnh vực nghiên cứu mới đầy triển vọng.

(2) Số lượng và giá trị tiền tệ của các khoản tài trợ nghiên cứu được phân bổ trong năm đó.

(3) Danh sách các cá nhân/tổ chức được nhận tài trợ năm trước và báo cáo về tiến độ nghiên cứu cũng như những thành tựu đạt được cho đến nay.

(4) Đánh giá mối quan hệ giữa các khoản tài trợ của hội đồng và chiến lược tổng thể của chương trình nghiên cứu của hội đồng.

(5) Báo cáo về nghiên cứu chiến lược và kế hoạch tài chính của hội đồng.

(6) Bản tóm tắt các khoản chi phí hành chính của hội đồng.

(c) Báo cáo thường niên sẽ được công bố trên trang web của bộ.

130361. (a) Hàng năm, viện phải thuê một công ty kiểm toán công chứng thực hiện kiểm toán tài chính độc lập về các hoạt động của mình và cung cấp kết quả cho Kiểm soát viên. Kiểm soát viên sẽ xem xét báo cáo kiểm toán và hàng năm công bố báo cáo công khai về kết quả xem xét đó. Kiểm soát viên sẽ tổ chức một cuộc họp công khai với thông báo phù hợp và thời gian lấy ý kiến công chúng chính thức. Kiểm soát viên

sẽ đánh giá các ý kiến đóng góp của công chúng và sẽ đưa các bản tóm tắt thích hợp vào báo cáo thường niên.

(b) Hàng năm, hội đồng sẽ ủy thác cho một hoặc nhiều công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán tài chính đối với các hoạt động của mình và các hoạt động của 10 phần trăm số người nhận tài trợ, được lựa chọn ngẫu nhiên, đã chi tiêu bằng nguồn tài trợ theo chương này trong kỳ kiểm toán. Các báo cáo kiểm toán tài chính độc lập đó sẽ được cung cấp cho Kiểm soát viên, người sẽ xem xét các báo cáo kiểm toán và hàng năm công bố báo cáo công khai về việc xem xét đó. Kiểm soát viên sẽ tổ chức một cuộc họp công khai với thông báo phù hợp và thời gian lấy ý kiến công chúng chính thức. Kiểm soát viên sẽ đánh giá các ý kiến đóng góp của công chúng và sẽ đưa các bản tóm tắt thích hợp vào báo cáo thường niên.

130362. (a) (1) Sẽ có một Ủy ban Giám sát Trách nhiệm Tài chính của Công dân gồm sáu thành viên.

(2) Kiểm toán viên, Thủ quỹ, Chủ tịch Thượng viện lâm thời, Chủ tịch Hạ viện Tiểu bang California và chủ tịch hội đồng, mỗi bên sẽ bổ nhiệm một thành viên công chúng vào ủy ban.

(3) Kiểm soát viên, hoặc người được Kiểm soát viên chỉ định, sẽ giữ chức chủ tịch ủy ban.

(b) Ủy ban sẽ thực hiện tất cả những điều sau đây:

(1) Xem xét các báo cáo kiểm toán tài chính hàng năm được lập theo Mục 130361, báo cáo của Kiểm soát viên về các cuộc kiểm toán đó, và các hoạt động tài chính của viện và hội đồng.

(2) Ban hành báo cáo thường niên bao gồm các khuyến nghị về các hoạt động tài chính và hiệu quả hoạt động của viện và hội đồng.

(3) Đánh giá các ý kiến đóng góp của công chúng và đưa các bản tóm tắt phù hợp vào báo cáo thường niên.

(c) Ủy ban sẽ tổ chức các cuộc họp công khai, với thông báo thích hợp và thời hạn đóng góp ý kiến của công chúng chính thức.

(d) Kiểm soát viên sẽ cung cấp nhân viên hỗ trợ cho ủy ban.

130363. (a) Bất kể quy định nào khác của luật pháp, viện này sẽ không được coi là cơ quan công quyền cho bất kỳ mục đích nào theo luật tiểu bang, bao gồm nhưng không giới hạn ở Phần 10 (bắt đầu từ Mục 7920.000) của Tiêu đề 1, Điều 9 (bắt đầu từ Mục 11120) của Chương 1 Phần 1 của Phần 3 của Tiêu đề 2 và Tiêu đề 9 (bắt đầu từ Mục 81000) của Bộ luật Chính phủ.

(b) Đạo luật Cải cách Chính trị năm 1974 (Tiêu đề 9 (bắt đầu từ Mục 81000) của Bộ luật Chính phủ) sẽ được áp dụng cho hội đồng, trừ trường hợp được quy định trong phần này.

(1) Thành viên hội đồng không được đưa ra, tham gia vào việc đưa ra, hoặc bằng bất kỳ cách nào cố gắng sử dụng chức vụ chính thức của mình để gây ảnh hưởng đến quyết định phê duyệt hoặc trao khoản tài trợ hoặc hợp đồng cho người sử dụng lao động của họ, nhưng thành viên đó có thể tham gia vào quyết định phê duyệt hoặc trao khoản tài trợ hoặc hợp đồng cho một tổ chức cùng lĩnh vực với người sử dụng lao động của họ.

(2) Một thành viên của hội đồng có thể tham gia vào quyết định phê duyệt hoặc trao khoản tài trợ hoặc hợp đồng cho

một tổ chức nhằm mục đích nghiên cứu liên quan đến một căn bệnh mà thành viên đó hoặc một người trong gia đình họ mắc phải.

(3) Việc thông qua các tiêu chuẩn chung về tiêu chí lựa chọn và ưu tiên nghiên cứu không phải là các quyết định thuộc diện cấm xung đột lợi ích.

(c) (1) Việc một thành viên giảng viên hoặc quản lý của bất kỳ hệ thống nào thuộc Đại học California đảm nhiệm vai trò thành viên hội đồng sẽ không tự bản thân nó được coi là không nhất quán, không tương thích, mâu thuẫn hoặc gây bất lợi cho nhiệm vụ của thành viên hội đồng với tư cách là thành viên giảng viên hoặc quản lý của bất kỳ hệ thống nào thuộc Đại học California và sẽ không dẫn đến việc tự động thôi giữ bất kỳ chức vụ nào.

(2) Việc một đại diện hoặc nhân viên của một tổ chức học thuật hoặc nghiên cứu phi lợi nhuận đảm nhiệm vai trò thành viên hội đồng sẽ không được coi là không phù hợp, không tương thích, mâu thuẫn hoặc gây bất lợi cho nhiệm vụ của thành viên hội đồng với tư cách là đại diện hoặc nhân viên của tổ chức hoặc cơ sở đó.

(d) Mục 1090 của Bộ luật Chính phủ sẽ không áp dụng cho bất kỳ khoản trợ cấp hoặc hợp đồng nào do hội đồng cấp trừ khi cả hai điều kiện sau đây được đáp ứng:

(1) Khoản tài trợ hoặc hợp đồng này liên quan trực tiếp đến các dịch vụ do bất kỳ thành viên nào của hội đồng hoặc tổ chức mà thành viên đó đại diện cung cấp, hoặc mang lại lợi ích tài chính cho thành viên đó hoặc tổ chức mà thành viên đó đại diện.

(2) Thành viên đó không tự rút lui khỏi việc đưa ra quyết định, tham gia đưa ra quyết định, hoặc bằng bất kỳ cách nào cố gắng sử dụng chức vụ của mình để gây ảnh hưởng đến quyết định về khoản tài trợ hoặc hợp đồng.

130364. Bộ có thể ban hành, sửa đổi và bãi bỏ các quy tắc và quy định để thực hiện các mục đích và điều khoản của chương này.

CHƯƠNG 2. ĐẠO LUẬT TRÁI PHIẾU MIỄN DỊCH HỌC VÀ LIỆU PHÁP MIỄN DỊCH CALIFORNIA NĂM 2026

130370. Chương này sẽ được gọi là, và có thể được trích dẫn là, “Đạo luật Trái phiếu Miễn dịch học và Liệu pháp Miễn dịch California năm 2026”.

130371. Trong chương này, các thuật ngữ sau đây có nghĩa như sau:

(a) “Ban quản lý” có nghĩa là Sở Y tế Công cộng Tiểu bang, được chỉ định theo tiểu mục (b) của Mục 130375.

(b) “Ủy ban” có nghĩa là Ủy ban Tài chính Miễn dịch học và Liệu pháp miễn dịch California được thành lập theo tiểu mục (a) của Mục 130375.

(c) “Quỹ” ở đây có nghĩa là Quỹ Nghiên cứu Y khoa về Miễn dịch học và Liệu pháp miễn dịch California được thành lập theo Mục 130377.

(d) “Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang” nghĩa là Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang được quy định trong Chương 4 (bắt đầu từ Mục 16720) Phần 3 của Phần 4

thuộc Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ, như được sửa đổi theo thời gian.

130372. (a) Trái phiếu với tổng giá trị tám tỷ bốn trăm triệu đô la (\$8,400,000,000), không bao gồm số tiền của bất kỳ trái phiếu tái cấp vốn nào được phát hành theo Mục 130383, hoặc số tiền cần thiết, có thể được phát hành và bán để cung cấp nguồn vốn thực hiện các mục đích được nêu trong phần này và để hoàn trả Quỹ Xoay vòng Chi phí Trái phiếu Nghĩa vụ Chung theo Mục 16724.5 của Bộ luật Chính phủ.

(b) Khi được bán, phát hành và giao nhận, các trái phiếu này sẽ trở thành nghĩa vụ hợp lệ và ràng buộc của Tiểu bang California, và tiểu bang cam kết hoàn toàn để đảm bảo việc thanh toán đúng hạn cả gốc và lãi của trái phiếu khi đến hạn.

(c) Thủ quỹ sẽ phát hành và bán các trái phiếu được ủy quyền trong tiểu mục (a) với số lượng do ủy ban xác định là cần thiết hoặc mong muốn theo Mục 130376. Các trái phiếu sẽ được phát hành và bán theo các điều khoản và điều kiện được quy định trong nghị quyết do ủy ban thông qua theo Mục 130376.

130373. Bất kể quy định tại Mục 13340 của Bộ luật Chính phủ hoặc bất kỳ điều khoản luật pháp nào khác, tiền trong quỹ được phân bổ mà không phụ thuộc vào năm tài chính cho các mục đích sau:

(a) Tiến hành nghiên cứu y học trong lĩnh vực miễn dịch học và liệu pháp miễn dịch, như được mô tả trong Chương 1 (bắt đầu từ Mục 130350), bao gồm mọi chi phí phát sinh trong việc hỗ trợ và quản lý nghiên cứu đó.

(b) Thanh toán chi phí phát hành trái phiếu.

(c) Thanh toán mọi chi phí khác được mô tả trong phần này và trong Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang.

130374. Các trái phiếu được ủy quyền theo chương này sẽ được chuẩn bị, thực hiện, phát hành, bán, thanh toán và chuộc lại theo quy định của Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang, và tất cả các điều khoản của luật đó đều áp dụng cho các trái phiếu và chương này và được kết hợp vào chương này như thể được nêu đầy đủ trong chương này, ngoại trừ các tiểu mục (a) và (b) của Mục 16727 của Bộ luật Chính phủ sẽ không áp dụng.

130375. (a) (1) Với mục đích duy nhất là cho phép phát hành và bán các trái phiếu được ủy quyền theo chương này theo Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang, Ủy ban Tài chính Miễn dịch học và Liệu pháp Miễn dịch California được thành lập. Trong chương này, Ủy ban Tài chính Miễn dịch học và Liệu pháp miễn dịch California được hiểu là "ủy ban" theo nghĩa được sử dụng trong Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang.

(2) Ủy ban sẽ bao gồm Thủ quỹ, Kiểm soát viên và Giám đốc Tài chính.

(3) Thủ quỹ sẽ giữ chức chủ tịch ủy ban.

(4) Đa số ủy viên của ủy ban có thể hành động thay mặt cho ủy ban.

(5) Bất kể luật pháp nào khác, một thành viên của ủy ban có thể chỉ định một người đại diện thay mặt cho ủy viên đó, cho mọi mục đích, như thể bản thân ủy viên đó có mặt.

(b) Sở Y tế Công cộng Tiểu bang được chỉ định là "ban quản lý" theo Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang.

130376. (a) Theo yêu cầu bằng văn bản của viện nghiên cứu được Sở Y tế Tiểu bang lựa chọn theo Mục 130353, nêu rõ cần kinh phí để thực hiện các mục đích của Chương 1 (bắt đầu từ Mục 130350), ban quản lý sẽ yêu cầu ủy ban phát hành trái phiếu theo chương này. Sau khi nhận được yêu cầu đó từ ban quản lý, ủy ban sẽ quyết định bằng nghị quyết xem có cần thiết hoặc mong muốn phát hành và bán trái phiếu được ủy quyền theo chương này để thực hiện các hành động được quy định trong chương này hay không, và nếu có, thì số lượng trái phiếu cần phát hành và bán là bao nhiêu.

(b) Việc phát hành và bán các trái phiếu kế tiếp có thể được cho phép và thực hiện dần dần để phục vụ các mục đích của Chương 1 (bắt đầu từ Mục 130350), và không nhất thiết tất cả các trái phiếu phải được phát hành hoặc bán cùng một lúc.

(c) Các trái phiếu có thể sinh lãi và khoản lãi này được tính vào tổng thu nhập chịu thuế thu nhập liên bang nếu ủy ban xác định rằng việc xử lý theo cách này là cần thiết hoặc mong muốn để cung cấp kinh phí cho các mục đích của Chương 1 (bắt đầu từ Mục 130350).

130377. Tiền thu được từ việc phát hành và bán trái phiếu theo chương này sẽ được gửi vào Kho bạc Tiểu bang để đưa vào tài khoản của Quỹ Nghiên cứu Y khoa về Miễn dịch học và Liệu pháp Miễn dịch California mà theo đây được thành lập trong Kho bạc Tiểu bang.

130378. Hàng năm, ngoài các khoản thu thông thường của tiểu bang, sẽ thu một khoản tiền đủ để trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu đến hạn mỗi năm, theo cùng phương thức và thời điểm như các khoản doanh thu khác của tiểu bang. Tất cả các viên chức được pháp luật giao nhiệm vụ thu tiền doanh thu đều có trách nhiệm thực hiện mọi hành động cần thiết để thu được khoản tiền bổ sung đó.

130379. Bất kể quy định tại Mục 13340 của Bộ luật Chính phủ, theo đây, từ Quỹ Chung trong Kho bạc Tiểu bang, một khoản tiền được trích lập liên tục cho các mục đích của chương này và không phụ thuộc vào năm tài chính, với tổng số tiền như sau:

(a) Số tiền cần thiết hàng năm để trả cả gốc lẫn lãi của trái phiếu được phát hành và bán chiếu theo chương này, khi gốc và lãi đến hạn và phải trả.

(b) Số tiền cần thiết để thực hiện Mục 130380.

130380. Để thực hiện chương này, Giám đốc Tài chính có thể cho phép rút từ Quỹ Chung một khoản tiền không vượt quá số tiền trái phiếu chưa bán đã được ủy ban cho phép bán để thực hiện chương này, không bao gồm bất kỳ trái phiếu tái cấp vốn nào được ủy quyền theo Mục 130383, trừ đi bất kỳ khoản tiền

nào đã cho vay theo Mục 130381 và chưa được hoàn trả, và bất kỳ khoản tiền nào đã rút từ Quỹ Chung theo mục này và chưa được hoàn trả vào Quỹ Chung. Mọi khoản tiền rút ra phải được nộp vào quỹ. Bất kỳ khoản tiền nào được cấp theo phần này sẽ được hoàn trả vào Quỹ Chung, cộng thêm một khoản tiền bằng với lãi suất mà số tiền đó lẽ ra sẽ kiếm được trong Tài khoản Đầu tư Tiền chung, từ số tiền thu được từ việc bán trái phiếu nhằm mục đích thực hiện chương này.

130381. Ban quản lý có thể yêu cầu Hội đồng Đầu tư Tiền chung cho vay từ Tài khoản Đầu tư Quỹ chung theo Mục 16312 của Bộ luật Chính phủ nhằm mục đích thực hiện chương này. Số tiền yêu cầu không được vượt quá số lượng trái phiếu chưa bán mà ủy ban đã, theo nghị quyết, cho phép bán để thực hiện chương này, loại trừ bất kỳ trái phiếu tái cấp vốn nào được ủy quyền theo Mục 130383, trừ đi bất kỳ khoản tiền nào đã cho vay theo mục này mà chưa được hoàn trả và bất kỳ khoản tiền nào đã rút từ Quỹ Chung theo Mục 130380 mà chưa được hoàn trả lại cho Quỹ Chung. Ban quản lý sẽ thực hiện mọi thủ tục giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng Đầu tư Tiền chung để nhận và hoàn trả khoản vay. Mọi khoản tiền cho vay sẽ được gửi vào quỹ do ban quản lý phân bổ theo chương này.

130382. Tất cả số tiền gửi vào quỹ có nguồn gốc từ tiền chênh lệch giá và lãi tích lũy trên trái phiếu được bán theo chương này sẽ được giữ lại trong quỹ và có thể được chuyển vào Quỹ Chung như một khoản ghi có cho chi phí lãi trái phiếu, ngoại trừ các khoản tiền có nguồn gốc từ tiền chênh lệch giá có thể được giữ lại và sử dụng để thanh toán chi phí phát hành trái phiếu trước khi chuyển vào Quỹ Chung.

130383. (a) Các trái phiếu được phát hành và bán theo chương này có thể được hoàn trả theo Điều 6 (bắt đầu từ Mục 16780) của Chương 4, Phần 3, Phần 4, Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ.

(b) Sự chấp thuận của cử tri tiểu bang đối với việc phát hành trái phiếu được mô tả trong chương này bao gồm cả việc chấp thuận phát hành bất kỳ trái phiếu nào được phát hành để hoàn trả bất kỳ trái phiếu nào được phát hành ban đầu theo chương này hoặc bất kỳ trái phiếu hoàn trả nào đã được phát hành trước đó.

(c) Bất kỳ trái phiếu nào được hoàn trả bằng số tiền thu từ các trái phiếu hoàn trả được cho phép theo mục này có thể được hủy bỏ hợp pháp trong phạm vi luật pháp cho phép theo cách thức và trong phạm vi được đặt ra trong nghị quyết, như được tu chỉnh theo thời gian, cho phép trái phiếu được hoàn trả đó.

130384. Bất kể quy định của bất kỳ điều khoản nào trong chương này hoặc Luật Trái phiếu Nghĩa vụ Chung của Tiểu bang, nếu Thủ quỹ bán trái phiếu theo chương này có kèm theo ý kiến tư vấn của luật sư về trái phiếu cho rằng lãi suất trái phiếu được miễn thuế thu nhập gộp theo quy định của liên bang, trong các điều kiện nhất định, hoặc được hưởng bất kỳ ưu đãi thuế liên bang nào khác, thì Thủ quỹ có thể duy trì các tài khoản riêng biệt cho việc đầu tư tiền thu được từ trái phiếu và cho việc đầu tư lợi nhuận từ số tiền đó. Thủ Quỹ có thể sử dụng hoặc chỉ đạo sử dụng các khoản tiền thu hoặc thu nhập đó để trả cho khoản giảm giá, tiền phạt hoặc khoản thanh toán khác bắt buộc theo luật pháp liên bang hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào khác liên quan đến việc đầu tư và sử

dụng các khoản tiền thu được từ trái phiếu đó, được yêu cầu hoặc mong muốn theo luật pháp liên bang, để duy trì trạng thái miễn trừ thuế của các trái phiếu đó và để có được bất kỳ lợi thế nào khác theo luật pháp liên bang khi đại diện cho các quỹ của tiểu bang.

130385. Số tiền thu được từ việc bán trái phiếu mà chương này cho phép không phải là "số tiền thuế thu được" như thuật ngữ đó được sử dụng trong Điều XIII B của Hiến Pháp California, và việc giải ngân số tiền thu được này không phải chịu các hạn chế mà điều đó quy định.

MỤC 5. Hiệu lực từng phần.

Ý định của người dân là các điều khoản của đạo luật này có thể tách rời và nếu bất kỳ điều khoản nào của đạo luật này, hoặc một phần của nó, bị coi là không hợp lệ, thì sự không hợp lệ đó sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ điều khoản nào khác của đạo luật này mà có thể được thực thi mà không cần đến điều khoản không hợp lệ đó.

MỤC 6. Giải thích theo nghĩa rộng.

Đạo luật này sẽ được hiểu và áp dụng một cách rộng rãi nhằm thúc đẩy tối đa các mục đích vốn có của nó.

MỤC 7. Sửa đổi.

Các điều khoản của đạo luật này có thể được sửa đổi bằng một đạo luật được thông qua với sự tán thành của hai phần ba số thành viên của mỗi viện trong Cơ quan Lập pháp và được Thống đốc ký ban hành, với điều kiện là các sửa đổi đó thúc đẩy các mục đích của đạo luật này, ngoại trừ không có đạo luật nào được sửa đổi các điều khoản của đạo luật này liên quan đến việc phân bổ và giải ngân tiền thu được từ trái phiếu hoặc các mục đích mà tiền thu được từ trái phiếu có thể được chi tiêu.

DỰ LUẬT 39

Dự luật tiên khởi này được đệ trình để người dân xem xét theo các quy định tại Mục 8, Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung một mục vào Hiến pháp California; do đó, các điều khoản mới được đề xuất bổ sung được in bằng *chữ nghiêng* để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

MỤC 1. Nhận định và Mục đích

Để thực thi các điều kiện về tư cách cử tri hiện hành, bao gồm cả quốc tịch Hoa Kỳ, được quy định trong Hiến pháp California, theo đây người dân California sửa đổi Hiến pháp California: (A) để thúc đẩy niềm tin của công chúng vào quá trình bầu cử, mà khuyến khích sự tham gia của công dân và hỗ trợ một nền dân chủ lành mạnh; (B) để ngăn chặn và phát hiện gian lận bầu cử bằng cách duy trì hồ sơ đăng ký cử tri chính xác và xác nhận tư cách bỏ phiếu; và (C) để giảm thiểu nguy cơ mạo danh cử tri bằng cách yêu cầu bằng chứng nhận dạng để bỏ phiếu.

MỤC 2. Cải cách về giấy tờ nhận dạng cử tri tại California.

38

39

MỤC 2.1. Mục 3.1 được bổ sung vào Điều II của Hiến pháp California, với nội dung như sau:

Mục 3.1. (a) Tổng Thư ký Tiểu bang và các quan chức bầu cử cấp quận đều có nhiệm vụ duy trì danh sách đăng ký cử tri chính xác, nỗ lực hết sức để xác minh các tuyên bố về quốc tịch bằng cách sử dụng dữ liệu của chính phủ và báo cáo hàng năm về tỷ lệ phần trăm danh sách cử tri của mỗi quận đã được xác minh quốc tịch.

(b) Mỗi lần cử tri trực tiếp bỏ phiếu trong bất kỳ cuộc bầu cử nào tại tiểu bang, cử tri phải xuất trình giấy tờ nhận dạng do chính phủ cấp, hoặc nếu bỏ phiếu qua thư, cử tri phải cung cấp bốn chữ số cuối của mã số định danh duy nhất từ giấy tờ nhận dạng do chính phủ cấp, trùng khớp với mã số mà cử tri đã sử dụng khi đăng ký cử tri. Loại giấy tờ nhận dạng do mỗi cử tri cung cấp phải được ghi rõ trong hồ sơ đăng ký cử tri của họ, được ghi chú trên phong bì đựng lá phiếu qua thư được cung cấp cho họ, và có sẵn khi được yêu cầu qua điện thoại hoặc qua đường điện tử. Các viên chức bầu cử chỉ được kiểm đếm phiếu bầu thông thường hoặc lá phiếu tạm thời sau khi xác minh danh tính của người bỏ phiếu theo các yêu cầu của phần này và xác minh rằng người đó chỉ bỏ một phiếu trong cuộc bầu cử. Giấy tờ nhận dạng do chính phủ cấp là tài liệu cho phép xác minh chắc chắn danh tính của cử tri. Theo yêu cầu của cử tri đủ điều kiện, tiểu bang sẽ cung cấp miễn phí thẻ cử tri để sử dụng khi bỏ phiếu.

(c) Phần này sẽ tự động có hiệu lực. Cơ quan Lập pháp cũng phải nhanh chóng ban hành luật để thực hiện điều khoản này, quy định việc bỏ phiếu của cử tri trong quân đội và ở nước ngoài phù hợp với luật pháp liên bang, và đảm bảo tất cả các viên chức cấp Tiểu bang và địa phương tuân thủ và hỗ trợ việc tuân thủ mục này. Công dân có thể yêu cầu xem xét lại và khắc phục vi phạm quy định của Tiểu bang hoặc bất kỳ quận nào đối với mục này thông qua thủ tục tư pháp. Vào mỗi năm lẻ, Kiểm toán viên Tiểu bang California sẽ kiểm toán việc tuân thủ mục này của Tiểu bang và từng quận, đồng thời báo cáo kết quả và các khuyến nghị của mình cho công chúng nhằm cải thiện tính liêm chính của các cuộc bầu cử.

MỤC 3. Hiệu lực từng phần.

Các điều khoản của đạo luật này có thể tách rời nhau. Nếu bất kỳ phần, mục, tiểu mục, đoạn, mệnh đề, câu, cụm từ, từ ngữ hoặc ứng dụng nào của đạo luật này vì bất kỳ lý do nào bị tòa án có thẩm quyền tuyên bố là không hợp lệ thì quyết định đó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần còn lại của đạo luật này, và các phần còn lại sẽ vẫn có hiệu lực mà không cần đến phần hoặc ứng dụng không hợp lệ đó.

DỰ LUẬT 40

Dự luật tiên khởi này được đệ trình để người dân xem xét theo các quy định tại Mục 8, Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung một mục vào Hiến pháp California, đồng thời sửa đổi và bổ sung các mục vào Bộ luật Chính phủ và Bộ luật Thuế và Doanh thu; do đó, các điều khoản mới được đề xuất bổ sung được in bằng chữ nghiêng để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026

Người dân California ban hành luật như sau:

MỤC 1. Tiêu đề.

Đạo luật này sẽ được gọi là, và có thể được trích dẫn là, Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026.

MỤC 2. Nhận định.

(a) Người dân nhận thức rằng việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe đầy đủ, nền giáo dục công chất lượng và thực phẩm bổ dưỡng là điều thiết yếu đối với phẩm giá con người cũng như sự thịnh vượng và khả năng phục hồi của toàn tiểu bang. Những tác động dây chuyền từ việc cắt giảm ngân sách liên bang sắp tới đối với các chương trình chăm sóc sức khỏe, giáo dục và thực phẩm đang đe dọa những nền tảng này và đặt phúc lợi của tất cả người dân California vào tình thế nguy hiểm.

(b) Hệ thống an sinh y tế của California đang đối mặt với mối đe dọa nghiêm trọng, khi Medi-Cal - xương sống của chương trình bảo hiểm y tế cho gần 15 triệu người dân California có thu nhập thấp, bao gồm hơn một nửa số trẻ em của tiểu bang, 2,2 triệu người cao tuổi và người khuyết tật, và một phần năm tổng số người trưởng thành đang làm việc - phải đối mặt với việc cắt giảm hàng tỷ đô la ngân sách liên bang, điều này sẽ chỉ làm trầm trọng thêm những thách thức hiện có.

(c) Chương trình Medi-Cal dự kiến sẽ mất tới \$19 tỷ tiền tài trợ liên bang hàng năm do việc thực thi luật ngân sách liên bang và các hành động hành chính gần đây nhất, dẫn đến việc chuyển gánh nặng chi phí sang Quỹ Chung của tiểu bang và chính quyền địa phương hoặc buộc phải cắt giảm các dịch vụ cần thiết. Trong mười năm tới, dự kiến tổng số tiền cắt giảm ngân sách liên bang dành riêng cho chương trình Medi-Cal sẽ lên tới khoảng \$190 tỷ.

(d) Việc mất đi hàng tỷ đô la tiền tài trợ liên bang càng làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu hụt ngân sách nghiêm trọng trong hệ thống chăm sóc sức khỏe của California. Ngân sách tiểu bang năm 2025–26 bao gồm một số hạn chế mới, trong đó có việc cắt giảm ngân sách cho các nhà cung cấp dịch vụ và giảm đáng kể các quyền lợi và dịch vụ dành cho người tham gia chương trình Medi-Cal. Ước tính các khoản cắt giảm ngân sách của tiểu bang đối với chương trình Medi-Cal sẽ lên tới \$7 tỷ trong năm tài chính 2027–28, và tăng lên \$8.6 tỷ mỗi năm kể từ năm tài chính 2028–29 trở đi.

(e) Ngay cả trước khi các khoản cắt giảm của liên bang và tiểu bang này, nguồn tài trợ của Medi-Cal đã quá thấp đối với nhiều nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe để duy trì mức độ dịch vụ hiện tại vì Medi-Cal thường hoàn trả cho các bệnh viện và phòng khám với mức thấp hơn đáng kể so với chi phí thực tế của việc cung cấp dịch vụ chăm sóc.

(f) Các bệnh viện và phòng khám chăm sóc sức khỏe ban đầu, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, đã phải đối mặt với áp lực tài chính cực độ, thua lỗ hoạt động và cắt giảm nhân sự do tình trạng chi trả thấp kéo dài này. Medi-Cal là nguồn cung cấp bảo hiểm y tế cho một nửa số ca sinh trên toàn tiểu bang. Những năm gần đây đã chứng kiến việc đóng cửa các phòng khám sản khoa và khoa cấp cứu quan trọng, phần lớn là do tỷ lệ hoàn trả thấp của chương trình Medi-Cal.

(g) Đầu tư vào Medi-Cal là đầu tư vào sự an toàn sức khỏe của mỗi gia đình. Điều này giúp duy trì hoạt động của các phòng khám chăm sóc sức khỏe ban đầu và các trung tâm y tế cộng đồng trên khắp các thị trấn và thành phố, cho phép người dân kiểm soát các bệnh mãn tính, ngăn ngừa các biến chứng tổn kém và sống lâu hơn, khỏe mạnh hơn. Mỗi đô la bị cắt giảm từ các chương trình này đều gây ra những hậu quả nghiêm trọng: các phòng khám đóng cửa, các gia đình mất đi bác sĩ riêng, và bệnh nhân phải chịu đựng những đau khổ không đáng có từ những căn bệnh lẽ ra có thể phòng ngừa hoặc điều trị được.

(h) Việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao với giá cả phải chăng giúp cứu sống nhiều người, bảo vệ các gia đình khỏi gánh nặng nợ y tế và củng cố cộng đồng. Khi phạm vi bảo hiểm bị mất hoặc giảm sút, các bệnh viện và phòng khám buộc phải đưa ra những lựa chọn khó khăn—cắt giảm nhân viên, hạn chế dịch vụ hoặc đóng cửa toàn bộ các khoa—khiến toàn bộ cộng đồng dân cư không còn mạng lưới an sinh xã hội và làm suy yếu sức khỏe của tất cả người dân California.

(i) Trong bối cảnh nguồn tài trợ cho chương trình Medi-Cal đang bị đe dọa bởi việc cắt giảm ngân sách liên bang và ngân sách tiểu bang, người dân California cũng phải đối mặt với tình trạng phí bảo hiểm y tế tư nhân tăng cao. Hai áp lực này chỉ làm tăng thêm số người không có bảo hiểm và bảo hiểm không đầy đủ, khi các nhà tuyển dụng cắt giảm phúc lợi và gián đoạn bảo hiểm cho người phụ thuộc, và khi các cá nhân từ bỏ bảo hiểm y tế vì không đủ khả năng chi trả.

(j) Mọi trẻ em ở California đều xứng đáng được tiếp cận với nền giáo dục chất lượng cao. Hiện nay, các trường công lập ở California đang đối mặt với sự bất ổn chưa từng có, một phần do việc cắt giảm ngân sách cho chương trình Medi-Cal và Chương trình Hỗ trợ Dinh dưỡng Bổ sung (SNAP).

(k) Ngoài ra, các đề xuất ngân sách liên bang hiện tại cho năm 2026 sẽ cắt giảm mạnh nguồn tài trợ tổng thể cho các trường công lập, đặc biệt là đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trường học ở vùng nông thôn và các cộng đồng thiệt thòi.

(l) Những gián đoạn từ chính phủ liên bang này xảy ra khi các trường học ở California vẫn đang chật vật với tình trạng thiếu hụt ngân sách tiểu bang gần đây và nguy cơ hoàn thanh toán sắp xảy ra. Thêm vào đó, số lượng học sinh giảm và nguồn kinh phí liên quan đến tuyển sinh giảm, chi phí tăng cao và nhu cầu của học sinh ngày càng tăng đang gây áp lực ngân sách ngày càng lớn lên các học khu.

(m) Hơn 5 triệu người dân California—trong đó có trẻ em, gia đình, người cao tuổi và người khuyết tật—phụ thuộc vào chương trình CalFresh, Chương trình Hỗ trợ Dinh dưỡng Bổ sung (SNAP) của California, để có thức ăn trên bàn trong một tiểu bang nơi cứ năm người thì có một người phải chịu đói do thiếu an ninh lương thực.

(n) Việc cắt giảm ngân sách liên bang đối với chương trình SNAP trong dự luật ngân sách liên bang gần đây sẽ tước đi hàng tỷ đô la hỗ trợ lương thực thiết yếu khỏi những người hàng xóm dễ bị tổn thương nhất của chúng ta, dẫn đến việc mất đi hàng triệu bữa ăn và làm trầm trọng thêm nạn đói ở các cộng đồng vốn đã phải vật lộn để kiếm sống.

(o) Bằng chứng vững chắc cho thấy SNAP và CalFresh không chỉ giúp giảm nạn đói mà còn cải thiện đáng kể sức khỏe và kết quả học tập cho trẻ em California, phá vỡ vòng luẩn quẩn của nghèo đói và xây dựng tương lai tốt đẹp hơn cho toàn bộ gia đình.

(p) Những cắt giảm này sẽ gây thêm áp lực lên những nỗ lực vốn đã eo hẹp của tiểu bang và nguồn lực hạn chế của các ngân hàng thực phẩm và các cơ quan địa phương như CalFood và Chương trình Hỗ trợ Thực phẩm California.

(q) Nhìn chung, việc cắt giảm ngân sách liên bang và ngân sách tiểu bang này tạo ra những rủi ro chống chọi đối với người dân California có thu nhập thấp và trung bình đang tìm cách tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục và dinh dưỡng thiết yếu. Chúng cũng đe dọa khả năng lập kế hoạch cho tương lai của California, điều này đòi hỏi phải tiếp tục đầu tư vào các chương trình quan trọng của tiểu bang.

(r) California có khoảng 200 tỷ phú, sở hữu tổng tài sản đáng kinh ngạc lên tới \$2 nghìn tỷ. Theo các ước tính kinh tế hàng đầu, những tỷ phú này chỉ đóng thuế chưa đến 1.5% tổng tài sản của họ mỗi năm, bao gồm thuế liên bang, tiểu bang và địa phương — một con số rất nhỏ so với số thuế mà người dân California bình thường phải đóng.

(s) Tại California có hơn 19 triệu người đóng thuế không phải là tỷ phú. Họ bao gồm những người thuộc tầng lớp lao động như y tá, giáo viên và lính cứu hỏa, cũng như những người đóng thuế giàu có hơn như các chuyên gia có thu nhập cao, doanh nhân và người lao động trong ngành công nghệ. Tất cả những người dân California này đều đóng thuế trên một phần thu nhập kinh tế thực tế lớn hơn nhiều so với các tỷ phú của tiểu bang. Theo phân tích kinh tế, bao gồm tất cả các loại thuế ở mọi cấp chính phủ, các tỷ phú đóng thuế chiếm 24% thu nhập của họ, trong khi người nộp thuế trung bình đóng 30%. Điều này có nghĩa là người đóng thuế trung bình phải trả một phần thu nhập kinh tế của họ, tính cả thuế tiểu bang và liên bang, cao hơn 25% so với tỷ phú trung bình. Xem bài viết của Akcan Balkir, Emmanuel Saez, Danny Yagan và Gabriel Zucman, Các tỷ phú Mỹ đóng bao nhiêu thuế? Bằng chứng từ Dữ liệu Hành chính, Tài liệu Nghiên cứu số 34170 của Cục Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia (2025).

(t) Thuế tài sản không phải là một khái niệm mới theo luật pháp California; các loại thuế tài sản hẹp hơn và ít lũy tiến hơn đã được áp dụng cho cả người giàu và người có thu nhập thấp ở California. Các loại thuế này bao gồm phí cấp giấy phép xe hàng năm, thuế dựa trên 0.65% giá trị của xe, và thuế bất động sản hàng năm đối với nhà ở, khoảng 1% trên giá trị định giá của một ngôi nhà.

(u) Sự giàu có khổng lồ và ngày càng tăng của các tỷ phú mang lại những đặc quyền mà hầu hết mọi người không thể có được. Trong khi các y tá, giáo viên, lính cứu hỏa và nhân viên công nghệ đều phải đóng thuế trên gần như toàn bộ thu nhập kiếm được, các tỷ phú lại có thể che chắn những khoản tiền khổng lồ khỏi việc bị đánh thuế. Tài sản chính của họ—cổ phiếu, doanh nghiệp, bất động sản—tăng giá trị qua từng năm, nhưng vì sự tăng trưởng này chỉ bị đánh thuế khi bán và các tỷ phú thường không cần phải bán, nên họ không phải trả thuế cho khối tài sản ngày càng tăng của mình. Hơn nữa, khi những loại tài sản này được chuyển giao cho người thừa kế, luật hiện hành cho phép hàng tỷ đô la tài sản chưa bị đánh thuế được thừa kế mà không bao giờ phải đóng thuế thu nhập. Nhiều người cũng sử dụng các chiến lược tài chính phức tạp để chuyển dịch tài sản "trên giấy tờ", trong khi trên thực tế vẫn tiếp tục hưởng lợi từ nền kinh tế và cơ sở hạ tầng của California.

(v) Các học giả đã chỉ ra rằng việc bịt kín những kẽ hở dành cho các tỷ phú này là khả thi, thiết thực và công bằng. Họ chứng minh rằng chính sách được xây dựng cẩn thận có thể

duy trì sự thành công của doanh nghiệp đồng thời bảo vệ nền kinh tế tiểu bang và tránh gây gánh nặng không đáng có cho các nhà quản lý hoặc người đóng thuế nói chung. Xem bài viết của Brian Galle, David Gamage và Darien Shanske, Những chuyển động của tiền bạc: Đánh thuế người giàu ở cấp tiểu bang, 113 Đánh giá Luật pháp California 635 (2025).

(w) Kể từ những năm 1980, tài sản của các tỷ phú đã tăng trung bình 7% mỗi năm, vượt xa tốc độ tăng trưởng tiền lương và tiết kiệm của người dân California bình thường. Tổng tài sản của các tỷ phú California đã tăng vọt từ \$300 tỷ vào năm 2011 lên \$700 tỷ vào năm 2019 và dự kiến sẽ vượt quá \$2 nghìn tỷ vào năm 2025. Thuế tài sản do đạo luật này áp đặt chỉ có thể làm chậm lại một cách khiêm tốn sự tăng trưởng bùng nổ này, thu về ít hơn số tiền mà các tỷ phú thường kiếm được chỉ trong một năm. Ngay cả sau khi đóng thuế, các tỷ phú California vẫn sẽ tiếp tục tích lũy khối tài sản ngày càng tăng.

(x) Theo các nhà kinh tế hàng đầu, tài sản của các tỷ phú tập trung nhiều hơn ở California so với toàn nước Mỹ. Do đó, tiểu bang này có vị thế độc đáo để giải quyết cả cuộc khủng hoảng bất bình đẳng giàu nghèo đã được ghi nhận rõ ràng ở Hoa Kỳ và các cuộc khủng hoảng mới nổi và có liên quan mật thiết mà tiểu bang đang phải đối mặt liên quan đến chăm sóc sức khỏe, giáo dục và các chương trình cứu trợ nạn đói.

(y) Các tỷ phú đã xây dựng khối tài sản khổng lồ của mình nhờ vào nguồn lực của California và là những người hưởng lợi lớn nhất từ luật liên bang góp phần gây ra cuộc khủng hoảng ngân sách hiện tại của tiểu bang. Do đó, việc yêu cầu những người hưởng lợi nhiều nhất từ nguồn lực của California đóng góp tương xứng để hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, giáo dục và dinh dưỡng ở California thông qua thuế suất một lần 5% đối với tài sản của các tỷ phú là cần thiết và công bằng.

(z) Trong bối cảnh tình hình tài trợ khẩn cấp, để đảm bảo các khoản thu được có thể được chi tiêu mà không bị trì hoãn không cần thiết và để loại bỏ sự không chắc chắn phát sinh từ bất kỳ thách thức pháp lý nào, người dân đã quy định việc xem xét nhanh về mặt tư pháp đối với đạo luật này.

MỤC 3. Mục đích và ý định.

(a) Mục đích của Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026, được gọi tắt là “đạo luật”, là để bảo vệ quyền tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, công bằng và hỗ trợ tài trợ cho giáo dục công lập từ mẫu giáo đến lớp mười bốn và các chương trình hỗ trợ thực phẩm, bằng cách tăng doanh thu từ thuế một lần đối với tài sản của các tỷ phú.

(b) Doanh thu từ đạo luật này nhằm mục đích đáp ứng các nhu cầu cấp thiết hiện có về chăm sóc sức khỏe, giáo dục và dinh dưỡng đang trở nên trầm trọng hơn do việc cắt giảm ngân sách liên bang và tiểu bang cũng như do sự bất ổn tài chính rộng lớn hơn mà tiểu bang đang phải đối mặt.

(c) Bằng cách chỉ định tài sản của các tỷ phú là nguồn thu quan trọng này, đạo luật này giải quyết sự bất công cơ bản phát sinh vì một tỷ lệ lớn tài sản của các tỷ phú không bao giờ bị nhà nước đánh thuế do khả năng độc đáo của họ trong việc kiểm soát thời điểm, địa điểm và số tiền thuế thu nhập mà họ phải trả.

(d) Đạo luật này huy động kinh phí cho chăm sóc sức khỏe, giáo dục và hỗ trợ lương thực bằng cách áp đặt một loại thuế một lần, có phạm vi áp dụng hẹp, khả thi về mặt hành chính và hiệu quả để thực thi đối với tất cả các tỷ phú trong tiểu bang.

(e) Đạo luật này nhằm mục đích đối xử bình đẳng với những người nộp thuế và tài sản có hoàn cảnh tương tự, trừ trường hợp chính sách thuế hợp lý yêu cầu khác.

MỤC 4. Mục 37 được thêm vào Điều XIII của Hiến pháp California, như sau:

Mục 37. (a) Phần này cho phép và tạo điều kiện áp dụng thuế một lần đối với tài sản tích lũy của các tỷ phú California, áp dụng cho những cá nhân là cư dân California theo nghĩa của Mục 17014 và 17015.5 của Bộ luật Thuế và Doanh thu tính đến ngày nghĩa vụ thuế được xác định trong Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026.

(b) Các định nghĩa sau đây áp dụng cho phần này:

(1) “Đạo luật” ở đây đề cập đến Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026.

(2) “Quỹ dự trữ” ở đây đề cập đến Quỹ Dự trữ Thuế Tỷ phú năm 2026, được thành lập theo đạo luật này.

(c) Bất kể quy định của mọi điều khoản khác trong Hiến pháp, đạo luật này quy định việc đánh thuế đối với tất cả các hình thức tài sản và của cải cá nhân, dù hữu hình hay vô hình, và cho phép phân loại tài sản và của cải cá nhân để áp dụng thuế suất khác nhau hoặc miễn thuế, nhằm mục đích áp thuế một lần đối với tài sản của các tỷ phú California. Tài sản cá nhân và của cải chịu thuế bao gồm, nhưng không giới hạn ở, cổ phần, trái phiếu hoặc các chứng từ nợ khác, và bất kỳ quyền lợi hợp pháp hoặc quyền lợi công bằng nào trong đó.

(d) Quỹ Dự trữ Thuế Tỷ phú năm 2026 được thành lập tại Kho bạc Tiểu bang. Tất cả doanh thu từ đạo luật này, bao gồm các loại thuế, lãi suất và tiền phạt, trừ đi các khoản hoàn trả, sẽ được Kiểm soát viên nộp vào Kho bạc Tiểu bang để đưa vào Quỹ Dự trữ. Sau khi trừ đi các chi phí hành chính theo quy định của pháp luật, Kiểm soát viên sẽ phân bổ và chuyển số tiền còn lại trong Quỹ Dự trữ vào các tiểu tài khoản được thành lập như sau: 90% vào Tài khoản Thuế Tỷ phú cho Y tế và 10% vào Tài khoản Thuế Tỷ phú cho Giáo dục và Hỗ trợ Thực phẩm. Số tiền trong Tài khoản Thuế Tỷ phú cho Y tế và Tài khoản Thuế Tỷ phú cho Giáo dục và Hỗ trợ Thực phẩm sẽ được phân bổ theo quy định của pháp luật.

(e) Bất kể quy định của bất kỳ luật nào khác, Quỹ Dự trữ là một quỹ đặc biệt, hoàn toàn tách biệt với Quỹ Chung hoặc bất kỳ quỹ hay tài khoản nào khác của tiểu bang. Các khoản thuế và tiền thu được từ đạo luật này sẽ không được coi là một phần của Quỹ Chung, theo cách hiểu của thuật ngữ này trong Chương 1 (bắt đầu từ Mục 16300) của Phần 2 thuộc Phần 4 của Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ; và sẽ không được coi là “doanh thu của Quỹ Chung”, “doanh thu của tiểu bang”, “tiền” hoặc “tiền thu được từ thuế” theo Mục 8 của Điều XIII B cho mục đích của bất kỳ mục nào của Điều XIII B, hoặc Mục 8 hay 8.5 của Điều XVI. Bất kỳ khoản doanh thu nào được thu thông qua đạo luật này cũng sẽ không được coi là “thuế thu nhập cá nhân được trả trên lợi nhuận vốn ròng” cho mục đích của Mục 20 của Điều XVI. Các loại thuế được quy định trong đạo luật này không phải là “thuế theo giá trị đối với bất động sản” theo mục đích của Mục 1, Điều XIII A. Trong trường hợp bất kỳ điều khoản nào của Điều XIII A được hiểu là giới hạn, hạn chế hoặc áp dụng đối với tỷ lệ, cơ sở, giá trị hoặc việc áp đặt thuế được quy định trong mục này, thì điều khoản đó sẽ không áp dụng và bị thay thế bởi mục này. Bất kể quy định của Mục 16305.7 của Bộ luật Chính phủ, bất kỳ khoản lãi hoặc cổ tức nào thu được từ tiền trong Quỹ Dự trữ sẽ được giữ lại trong Quỹ Dự trữ và chỉ được sử dụng cho các mục đích cụ thể được nêu trong tiểu mục này và theo quy định của đạo luật.

(f) “Các khoản phân bổ chịu giới hạn” của mỗi thực thể chính phủ và tiểu bang theo Điều XIII B sẽ không bao gồm các khoản phân bổ doanh thu từ Quỹ Dự trữ. Không cần điều chỉnh giới hạn phân bổ ngân sách của bất kỳ cơ quan chính phủ nào theo Mục 3 Điều XIII B do doanh thu được gửi vào hoặc phân bổ từ Quỹ Dự trữ.

(g) Trừ trường hợp được quy định tại Mục 16310 và 16381 của Bộ luật Chính phủ như nội dung các mục đó vào ngày 1 Tháng Một, 2025, và trừ trường hợp có quy định khác trong đạo luật này, tiền trong Quỹ Dự trữ không được vay, cho vay hoặc theo cách khác chuyển cho Quỹ Chung hoặc bất kỳ quỹ hoặc tài khoản nào khác của tiểu bang hoặc địa phương. Tiền gửi vào Quỹ Dự trữ chỉ được sử dụng cho các mục đích cụ thể được pháp luật quy định. Không được thực hiện bất kỳ hành động nào làm thay đổi vĩnh viễn hoặc tạm thời tình trạng của Quỹ Dự trữ hoặc vay mượn, chuyển hướng hoặc chiếm dụng tiền trong Quỹ Dự trữ theo cách không phù hợp với tiểu mục này.

(h) Bất kể quy định tại Mục 32 hoặc bất kỳ điều khoản nào khác của luật pháp, việc thách thức tính hợp lệ của Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026 được phép giải quyết thông qua hành động xác nhận theo Mục 50314 của Bộ luật Thuế và Doanh thu mà không yêu cầu việc thanh toán khoản thuế được cho là không hợp lệ về mặt hình thức. Tiểu mục này được thông qua mà không hàm ý gì về thẩm quyền hiện hành hoặc sự phát triển của luật pháp ngoài đạo luật này. Không có nội dung nào trong tiểu mục này hạn chế quyền của bất kỳ người nộp thuế nào trong việc nộp thuế theo đạo luật này và yêu cầu hoàn thuế hoặc việc xem xét của tòa án, hoặc thực hiện bất kỳ hành động khởi kiện nào khác được pháp luật cho phép và không trái với tiểu mục này.

MỤC 5. Điều 1.1 (bắt đầu từ Mục 16355) được thêm vào Chương 2 của Phần 2 của Phần 4 của Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ, như sau:

Điều 1.1. Quỹ Dự trữ Thuế Tỷ phú năm 2026

16355. (a) Mục 37 của Điều XIII Hiến pháp California quy định việc thành lập Quỹ Dự trữ Thuế Tỷ phú năm 2026, nơi tất cả doanh thu từ Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026 sẽ được gửi vào.

(b) Sau khi tính đến các chi phí hành chính theo quy định tại tiểu mục (e), Kiểm soát viên sẽ phân bổ và chuyển số tiền còn lại trong Quỹ Dự trữ như sau:

(1) Chín mươi phần trăm sẽ được phân bổ cho Tài khoản Thuế Tỷ phú cho Y tế để tài trợ cho chăm sóc sức khỏe, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản chi để khôi phục hoặc giải quyết bất kỳ sự cắt giảm nào trong nguồn tài trợ của liên bang hoặc ngân sách của tiểu bang; các khoản đầu tư để bảo vệ hoặc tăng cường Medi-Cal và các chương trình bảo hiểm y tế khác cho người có thu nhập thấp và trung bình; hỗ trợ các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe an sinh xã hội phục vụ các nhóm dân cư yếu thế; ngăn ngừa hoặc giảm thiểu việc đóng cửa cơ sở hoặc giảm mức độ dịch vụ; và các khoản đầu tư khác để hỗ trợ việc tiếp cận chăm sóc sức khỏe, phạm vi bảo hiểm, quyền lợi, tài trợ, dịch vụ và thanh toán cho các nhà cung cấp.

(2) Mười phần trăm sẽ được phân bổ cho Tài khoản Thuế Tỷ phú cho Giáo dục và Hỗ trợ Thực phẩm để chi trả cho các khoản liên quan đến giáo dục và hỗ trợ thực phẩm, bao gồm cả hai khoản sau:

(A) Các khoản chi liên quan đến giáo dục nhằm khôi phục hoặc giải quyết bất kỳ sự cắt giảm nào trong nguồn tài trợ của liên bang hoặc ngân sách của tiểu bang, hoặc để đầu tư nhằm bảo vệ hoặc nâng cao hệ thống giáo dục công lập từ mẫu giáo đến lớp 14.

(B) Các khoản chi hỗ trợ lương thực nhằm khôi phục hoặc giải quyết bất kỳ sự cắt giảm nào trong nguồn tài trợ của liên bang hoặc ngân sách của tiểu bang, hoặc đầu tư thêm vào các chương trình, bao gồm CalFresh, CFAP, CalFood hoặc các chương trình bữa ăn miễn phí của California dành cho học sinh.

(c) Cơ quan Lập pháp có thẩm quyền phân bổ tối đa hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đô la Mỹ (\$22,500,000,000) mỗi năm tài chính từ Tài khoản Thuế Tỷ phú cho Y tế và tối đa hai tỷ năm trăm triệu đô la Mỹ (\$2,500,000,000) mỗi năm từ Quỹ Thuế Tỷ phú cho Giáo dục và Hỗ trợ Thực phẩm. Cơ quan Lập pháp có thể phân bổ số tiền thấp hơn nếu xác định rằng việc giữ lại quỹ dự trữ là cần thiết để thúc đẩy các mục đích của dự luật.

(d) Việc trích lập ngân sách từ Quỹ Dự trữ không được sử dụng làm lý do để giảm, loại bỏ hoặc không tăng các khoản ngân sách khác của tiểu bang dành cho chăm sóc sức khỏe, giáo dục hoặc các chương trình hỗ trợ lương thực. Việc phân bổ kinh phí từ dự luật này không được sử dụng để thay thế các khoản kinh phí hiện có của tiểu bang dành cho các chương trình chăm sóc sức khỏe, giáo dục hoặc hỗ trợ lương thực.

(e) Giám đốc Tài chính sẽ chuyển cho Ban Thuế Doanh nghiệp, dưới dạng khoản vay khởi nghiệp từ Quỹ Dự trữ hoặc Quỹ Chung, tối đa năm mươi triệu đô la (\$50,000,000) cho năm đầu tiên sau khi đạo luật này được thông qua để trang trải các chi phí thực tế và cần thiết trong việc quản lý các nhiệm vụ của Ban theo đạo luật này và để đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban. Bất kỳ khoản vay nào được thực hiện theo tiểu mục này sẽ được hoàn trả bằng thuế thu được theo Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026 và trước khi thực hiện bất kỳ khoản chi tiêu hoặc phân bổ nào từ Quỹ Dự trữ. Trong những năm tiếp theo, Ban Thuế Doanh nghiệp sẽ được hoàn trả hàng năm từ Quỹ Dự trữ cho các chi phí thực tế và cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình theo đạo luật này và để đánh giá hiệu quả hoạt động của các nhiệm vụ. Bất kỳ thỏa thuận liên ngành nào được ký kết bởi Ban Thuế Doanh nghiệp để thực hiện đạo luật này đều sẽ được chi trả bằng các khoản tiền được quy định trong tiểu mục này.

(f) Sau khi Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026 được ban hành và trong mỗi năm tài chính tiếp theo khi Quỹ Dự trữ còn tồn tại, Bộ Tài chính, sau khi tham vấn với các cơ quan tiểu bang có liên quan, sẽ cung cấp cho Cơ quan Lập pháp tất cả các thông tin sau:

(1) Số dư hiện tại trong Quỹ Dự trữ tính đến ngày báo cáo.

(2) Doanh thu ước tính dự kiến sẽ được tạo ra cho Quỹ Dự trữ trong năm tài chính hiện tại, và trong giai đoạn mà Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026 dự kiến sẽ tạo ra doanh thu cho Quỹ Dự trữ.

(3) Số tiền ước tính và, nếu có thể xác định được một cách hợp lý, số tiền thực tế cần thiết để khôi phục lại mức giảm trong tài trợ của liên bang và phân bổ ngân sách của tiểu bang, như được định nghĩa trong tiểu mục (h).

(4) Các khoản chi đề xuất từ Quỹ Dự trữ cho năm tài chính sắp tới dự kiến sẽ khôi phục việc cắt giảm tài trợ liên bang và phân bổ ngân sách tiểu bang như được định nghĩa trong tiểu mục (h).

(5) Các khoản chi tiêu trước đây, nếu có, từ Quỹ Dự trữ, và các phân bổ của các khoản đó.

(6) Số tiền, nếu có, được khuyến nghị giữ lại để dự trữ cho các năm tài chính tiếp theo dựa trên dự kiến giảm tài trợ liên bang và phân bổ ngân sách tiểu bang trong tương lai.

(7) Chứng nhận rằng tiền từ Quỹ Dự trữ không được sử dụng để chiếm chỗ hoặc thay thế nguồn tài trợ của tiểu bang lẽ ra sẽ được phân bổ.

(g) Khi Giám đốc Sở Tài chính xác định rằng tất cả các khoản thu từ Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026 đã được thu và chi tiêu, Cơ quan Lập pháp sẽ có thẩm quyền bãi bỏ Quỹ Dự trữ.

(h) Vì mục đích của phần này:

(1) "Giảm tài trợ liên bang" và các tham chiếu khác đến việc giảm hoặc cắt giảm tài trợ liên bang có nghĩa là bất kỳ sự giảm sút nào trong sự tham gia tài chính của liên bang, các khoản trợ cấp, thanh toán, hoàn trả hoặc các khoản tài trợ khác của liên bang được cung cấp cho California cho các chương trình chăm sóc sức khỏe, giáo dục hoặc hỗ trợ lương thực, khi so sánh với mức của năm tài chính 2024–25 của tiểu bang, đã được điều chỉnh theo lạm phát và tăng trưởng dân số, bao gồm nhưng không giới hạn ở: (A) giảm tỷ lệ phần trăm hỗ trợ y tế liên bang của chương trình Medicaid; (B) thay đổi các quy tắc đủ điều kiện của liên bang làm giảm dân số được bảo hiểm; (C) giảm ngân sách phân bổ tùy ý của liên bang; (D) giới hạn hoặc hạn chế đối với thuế nhà cung cấp liên bang hoặc các khoản thanh toán được chỉ định; (E) các yêu cầu về công việc hoặc các điều kiện hành chính khác làm giảm số lượng đăng ký; (F) giảm thời gian bảo hiểm hồi tố; (G) thực thi Luật Công 119-21; hoặc (H) các khoản giảm khác trong tài trợ liên bang mà đe dọa hoặc gây ra việc cắt giảm phạm vi bảo hiểm y tế Medi-Cal hoặc các chương trình chăm sóc sức khỏe khác, quyền tiếp cận, lợi ích, nguồn tài trợ, chương trình, dịch vụ và khoản thanh toán cho các nhà cung cấp ảnh hưởng đến người có thu nhập thấp và trung bình, đến nguồn tài trợ giáo dục hoặc hỗ trợ thực phẩm trên toàn tiểu bang, hoặc đến mạng lưới an sinh y tế nói chung.

(2) "Giảm ngân sách tiểu bang" hoặc các tham chiếu khác về việc giảm hoặc cắt giảm ngân sách tiểu bang có nghĩa là giảm ngân sách cho bất kỳ và tất cả các chương trình chăm sóc sức khỏe, giáo dục hoặc hỗ trợ thực phẩm trên toàn tiểu bang dưới mức của năm tài chính 2024–25 của tiểu bang dẫn đến việc giảm phạm vi bảo hiểm y tế Medi-Cal hoặc các chương trình chăm sóc sức khỏe khác, quyền tiếp cận, quyền lợi, nguồn tài trợ, chương trình, dịch vụ và khoản thanh toán cho các nhà cung cấp mà ảnh hưởng đến những người có thu nhập thấp và trung bình, trừ khi những khoản giảm này là do khối lượng công việc, số lượng tham gia hoặc dân số giảm sút được ghi nhận mà không liên quan đến việc giảm nguồn tài trợ của liên bang; hoặc giảm ngân sách tiểu bang cho các chương trình

giáo dục công lập từ mẫu giáo đến lớp 14 hoặc các chương trình hỗ trợ thực phẩm.

(3) "Quỹ dự trữ" ở đây đề cập đến Quỹ Dự trữ Thuế Tỷ phú năm 2026.

MỤC 6. Mục 17220 của Bộ luật Thuế và Doanh thu được sửa đổi như sau:

17220. (a) Mục 164(a)(3) của Bộ luật Thuế vụ Nội địa, liên quan đến việc khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang, địa phương và nước ngoài, thuế lợi nhuận chiến tranh và thuế lợi nhuận vượt mức, sẽ không được áp dụng.

(b) Mục 164(b)(5) của Bộ luật Thuế vụ Nội địa, liên quan đến thuế bán hàng chung, sẽ không được áp dụng.

(c) Mục 164(b)(6) của Bộ luật Thuế vụ Nội địa, liên quan đến giới hạn khấu trừ cá nhân cho các năm tính thuế từ 2018 đến 2025, sẽ không được áp dụng.

(d) Ngoài các quy định tại Mục 164(c) của Bộ luật Thuế vụ Nội địa, liên quan đến việc từ chối khấu trừ trong trường hợp một số loại thuế nhất định, sẽ không được phép khấu trừ đối với bất kỳ loại thuế nào được áp dụng theo Chương 10.5 (bắt đầu từ Mục 17935), Chương 10.6 (bắt đầu từ Mục 17941) hoặc Chương 10.7 (bắt đầu từ Mục 17948) của phần này hoặc theo Phần 11 (bắt đầu từ Mục 23001).

(e) Không được phép khấu trừ bất kỳ khoản thuế nào do tiểu bang áp đặt đối với giá trị tài sản ròng, bao gồm Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026 (Phần 27 (bắt đầu từ Mục 50300)) bất kể bất kỳ quy định nào khác của pháp luật, bao gồm Mục 164(a)(2) của Bộ luật Thuế vụ Nội địa, liên quan đến khả năng khấu trừ thuế đối với tài sản cá nhân.

MỤC 7. Phần 27 (bắt đầu từ Mục 50300) được bổ sung vào Phần 2 của Bộ luật Thuế và Doanh thu, như sau:

PHẦN 27. ĐẠO LUẬT THUẾ TỶ PHÚ NĂM 2026

CHƯƠNG 1. ĐÁNH THUẾ ĐỐI VỚI TÀI SẢN CÁ NHÂN VƯỢT QUÁ \$1 TỶ (GIÁ TRỊ RÒNG)

50300. Phần này sẽ được gọi là, và có thể được trích dẫn là, Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026.

50301. (a) Thuế tiêu thụ đặc biệt được áp dụng cho năm tính thuế 2026 đối với hoạt động duy trì sự tích lũy tài sản quá mức của các cá nhân có giá trị ròng từ một tỷ đô la (\$1,000,000,000) trở lên và đối với các quỹ tín thác hiện hành. Theo quy định của phần này, việc xác định một cá nhân hay quỹ tín thác có phải là cá nhân hoặc quỹ tín thác chịu thuế hay không được thực hiện vào ngày phát sinh nghĩa vụ thuế, và giá trị tài sản ròng chịu thuế được tính vào ngày định giá. Theo quy định của phần này về việc nộp tờ khai thuế, một cặp vợ chồng sẽ được coi là một cá nhân duy nhất.

(b) Đối với các cá nhân và quỹ tín thác phải chịu thuế theo tiểu mục (a), mức thuế áp dụng là 5% giá trị tài sản ròng của cá nhân hoặc quỹ tín thác đó. Trong trường hợp cá nhân, không phải là quỹ tín thác, có giá trị tài sản ròng dưới một tỷ một trăm triệu đô la Mỹ (\$1,100,000,000) thì thuế áp đặt theo phần này sẽ được giảm 0.1 điểm phần trăm, nhưng không dưới mức số không, cho mỗi hai triệu đô la (\$2,000,000) mà giá trị tài sản ròng của người đó thấp hơn một tỷ một trăm triệu đô la (\$1,100,000,000). Đối với cá nhân, không phải là quỹ tín thác,

nếu lựa chọn mở tài khoản hoãn thuế tùy chọn (ODA) theo Mục 50304, tài sản gắn liền với ODA sẽ không chịu thuế theo mục này cho đến khi được quy định rõ ràng trong Mục 50304.

(c) Trừ trường hợp được quy định tại tiểu mục (b), bất kỳ khoản thuế bổ sung nào phải nộp theo mục này hoặc Mục 50304 cho bất kỳ năm tính thuế nào sẽ được báo cáo cùng với, và đến hạn cùng lúc với, thuế thu nhập hàng năm của người nộp thuế theo Phần 10 (bắt đầu từ Mục 17001). Người nộp thuế phải nộp thêm bất kỳ khoản thuế nào được áp dụng theo phần này sẽ có một trong hai lựa chọn sau: (1) nộp bất kỳ khoản thuế nào đến hạn theo phần này cùng với bất kỳ khoản thuế thu nhập nào đến hạn cho năm tính thuế 2026; hoặc (2) trả hàng năm thành năm đợt bằng nhau bắt đầu từ năm đến hạn nộp thuế, với mỗi khoản trả góp hàng năm tiếp theo cũng phải chịu một khoản phí hoãn nộp không được khấu trừ hàng năm là 7.5 phần trăm của số dư chưa thanh toán còn lại.

(d) Tại thời điểm nộp tờ khai thuế theo Mục 18501, liên quan đến việc nộp tờ khai thuế thu nhập, cho năm thuế 2026, mỗi cá nhân cư trú tại California có nghĩa vụ nộp tờ khai phải thực hiện một trong hai điều sau:

(1) Tuyên bố rằng giá trị tài sản ròng của cá nhân đó nhỏ hơn hoặc bằng một tỷ đô la (\$1,000,000,000) tính đến ngày định giá.

(2) Nộp bản kê khai số tiền thuế bổ sung còn nợ theo phần này, cùng với bất kỳ mẫu đơn nào do ban quản lý lập ra để tính toán khoản thuế bổ sung còn nợ theo phần này, cũng như bất kỳ bản định giá hoặc bằng chứng nào khác về giá trị thị trường hợp lý theo yêu cầu. Đối với cá nhân đủ điều kiện nhưng không bắt buộc phải nộp tờ khai theo Mục 18501, cá nhân đó phải nộp, vào thời điểm và theo cách thức nộp tờ khai thuế thu nhập thông thường, các bản khai, biểu mẫu, định giá hoặc bằng chứng được mô tả trong đoạn này.

(e) Trách nhiệm kiểm toán của ban quản lý.

(1) Ban quản lý sẽ xem xét tất cả các tờ khai được nộp theo phần này và sẽ xác định số tiền thuế chính xác theo phần này. Ban quản lý cũng sẽ xem xét tất cả các giấy chứng nhận hoặc tờ khai của người nộp thuế khi ban quản lý có lý do chính đáng để tin rằng người nộp thuế đáng lẽ phải nộp thuế theo quy định của phần này. Không giới hạn bất kỳ quyền hạn nào khác của ban quản lý, trong việc kiểm tra các tờ khai do người nộp thuế đệ trình và kiểm tra xem người nộp thuế có nên đệ trình tờ khai nhưng lại không thực hiện hay không, ban quản lý có tất cả các quyền hạn được quy định trong Mục 19504.

(2) Bất kể quy định ở đoạn trước, ban quản lý có quyền sử dụng quyền quyết định hợp lý của mình về thời lượng và bản chất của việc kiểm tra phù hợp với hoàn cảnh.

CHƯƠNG 2. TÍNH TOÁN GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

50302. Các khoản nợ thực tế và các nghĩa vụ khác mà người nộp thuế phải trả sẽ được tính đến khi xác định giá trị tài sản ròng của người nộp thuế. Ngoài ra, các khoản nợ và nghĩa vụ phải được tính đến với những hạn chế sau:

(a) Các khoản nợ truy đòi mà người nộp thuế phải chịu trách nhiệm cá nhân đầy đủ, không có bất kỳ hạn chế nào khác ngoài những hạn chế phát sinh từ luật phá sản, sẽ được tính đến đầy đủ.

(b) Trong trường hợp các khoản nợ không phải là các khoản truy đòi được mô tả trong tiểu mục (a), đối với mỗi khoản nợ hoặc nghĩa vụ, số tiền có thể được tính đến sẽ không vượt quá số tiền được tính trong giá trị ròng của người nộp thuế dựa trên tài sản được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản nợ hoặc nghĩa vụ đó.

(c) Các khoản nợ và nghĩa vụ khác của doanh nghiệp tư nhân một chủ do người nộp thuế sở hữu sẽ làm giảm giá trị tài sản ròng như thể chúng là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ khác của người nộp thuế. Giá trị tài sản ròng của người nộp thuế sẽ không bị giảm trừ bởi số tiền nợ hoặc các nghĩa vụ khác của công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực thể kinh doanh khác, trừ doanh nghiệp tư nhân một chủ, được phân bổ cho người nộp thuế nhằm mục đích tính thuế, trừ trường hợp người nộp thuế phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với khoản nợ hoặc nghĩa vụ đó.

(d) Giá trị tài sản ròng của người nộp thuế sẽ không bị giảm do việc người nộp thuế bảo lãnh các khoản nợ hoặc nghĩa vụ khác của người khác.

(e) Không có khoản nợ hoặc nghĩa vụ nào, bao gồm cả các khoản nợ có quyền truy đòi được mô tả trong tiểu mục (a), sẽ làm giảm giá trị tài sản ròng nếu khoản nợ hoặc nghĩa vụ đó thuộc về một hoặc nhiều người có quan hệ; nếu sự tồn tại hoặc số tiền của nghĩa vụ đó phụ thuộc vào các sự kiện trong tương lai mà khả năng xảy ra là rất thấp hoặc khả năng xảy ra là rất thấp trong vòng 5 năm tiếp theo; hoặc nếu khoản nợ hoặc nghĩa vụ đó không được thương lượng theo nguyên tắc giao dịch sòng phẳng. Ngoài ra, không có khoản tiền nào được tính vào bất kỳ khoản nợ hoặc nghĩa vụ nào trừ khi người nộp thuế đang phải trả lãi suất theo giá thị trường.

(f) Cam kết đóng góp thêm cho một tổ chức từ thiện hoặc nhân đạo sẽ không làm giảm giá trị tài sản ròng trừ khi cam kết đó có hiệu lực pháp lý đối với tổ chức nhận đóng góp, và trong mọi trường hợp, không có cam kết nào có thể làm giảm giá trị tài sản ròng nếu cam kết đó được thực hiện sau ngày 15 Tháng Mười, 2025.

(g) Bất kỳ khoản nợ hoặc nghĩa vụ nào của người nộp thuế mà người nộp thuế được quyền nhận các lợi ích hoặc quyền sở hữu trong tương lai, bao gồm cả nghĩa vụ hợp đồng đóng góp cho một thực thể vào một ngày trong tương lai, sẽ chỉ làm giảm giá trị tài sản ròng trong phạm vi:

(1) Giá trị của những quyền lợi hoặc quyền sở hữu trong tương lai đó được tính vào tài sản ròng của người nộp thuế.

(2) Người nộp thuế có thể chứng minh, thông qua bằng chứng rõ ràng và thuyết phục, rằng số tiền nợ theo khoản nợ hoặc nghĩa vụ vượt quá bất kỳ lợi ích hoặc quyền sở hữu nào trong tương lai mà không được bao gồm trong tài sản ròng của người nộp thuế.

(3) Trong trường hợp có cam kết pháp lý ràng buộc về việc đóng góp sau này cho một tổ chức từ thiện hoặc nhân đạo, giá trị của bất kỳ lợi ích nào nhận được trong tương lai sẽ bằng không, trừ trường hợp những lợi ích đó cấu thành một lợi ích đáng kể cho mục đích xác định khoản khấu trừ đóng góp từ thiện của người đóng góp.

50303. (a) Trừ khi có quy định khác của ban quản lý, và trừ khi có quy định khác trong phần này, giá trị thị trường hợp lý của mỗi tài sản thuộc sở hữu của người nộp thuế là giá mà tài sản đó sẽ được chuyển nhượng giữa người mua sẵn lòng và người bán sẵn lòng, không ai bị ép buộc mua hoặc bán, và cả hai đều có hiểu biết hợp lý về các sự kiện liên quan. Vị trí của tài sản cần được xem xét khi thích hợp. Đối với tài sản thường được công chúng mua bán trên thị trường bán lẻ, giá trị thị trường hợp lý của tài sản đó là giá mà mặt hàng đó hoặc một mặt hàng tương đương sẽ được bán lẻ. Giá trị thị trường hợp lý của một tài sản không được là một trong hai giá trị sau:

(1) Giá bán mà việc bán cưỡng chế tài sản sẽ mang lại.

(2) Giá bán tại một thị trường khác với thị trường mà tài sản đó thường được bán cho công chúng, nếu giá bán tại thị trường đó dẫn đến giá trị thị trường hợp lý thấp hơn, trừ trường hợp tài sản thuộc phạm vi của Mục 423, liên quan đến việc định giá đất không gian mở bị hạn chế.

(b) Bất kỳ đặc điểm nào của tài sản, bao gồm cả kế hoạch quyền lợi cổ đông, sẽ không được tính đến khi xác định giá trị của tài sản nếu mục đích và tác động chính của việc bổ sung đặc điểm đó là làm giảm giá trị thẩm định của tài sản. Không được tính đến bất kỳ mức định giá hoặc khoản giảm giá nào khác nếu khoản giảm giá đó dẫn đến việc giảm giá trị của một phần quyền sở hữu trong tài sản xuống dưới tỷ lệ sở hữu tương ứng của người nộp thuế so với giá trị toàn bộ tài sản.

(c) Các phương pháp định giá, các trường hợp loại trừ và các yêu cầu báo cáo sau đây sẽ được áp dụng cho các loại tài sản cụ thể sau:

(1) Đối với tất cả các tài sản được giao dịch công khai, giá trị thị trường hợp lý của tài sản sẽ được coi là giá trị giao dịch trên thị trường của tài sản vào ngày định giá, như được định nghĩa trong tiểu mục (o) của Mục 50308.

(2) Đối với tất cả các doanh nghiệp tư nhân một chủ, tất cả tài sản thuộc sở hữu hoặc nắm giữ thông qua doanh nghiệp tư nhân một chủ đó phải được báo cáo và định giá như thể chúng thuộc sở hữu và nắm giữ trực tiếp của người nộp thuế chứ không phải thông qua doanh nghiệp tư nhân một chủ.

(3) Ngoại trừ tài sản và thực thể được điều chỉnh bởi đoạn (1) và (2), đối với tất cả các quyền lợi trong bất kỳ thực thể kinh doanh nào, bao gồm tất cả các quyền lợi về vốn chủ sở hữu và quyền sở hữu, tất cả các quyền lợi về nợ và tất cả các quyền lợi theo hợp đồng hoặc ngoài hợp đồng khác, việc định giá sẽ được tiến hành như sau:

(A) Người nộp thuế phải báo cáo những thông tin sau đây khi nộp các mẫu đơn theo chương này:

(i) Tỷ lệ phần trăm của doanh nghiệp do người nộp thuế sở hữu.

(ii) Giá trị sổ sách của doanh nghiệp tính đến cuối năm thuế, được xác định theo các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận.

(iii) Lợi nhuận kế toán của doanh nghiệp trong năm tài chính theo các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận. Để phục vụ mục đích của đoạn này, "năm tính thuế" của doanh nghiệp có nghĩa là năm tính thuế gần nhất của doanh nghiệp kết thúc trong hoặc cùng năm tính thuế của người nộp thuế.

(B) Nếu việc báo cáo theo yêu cầu của tiểu đoạn (A) là không thể thực hiện được vì người nộp thuế thiếu thông tin về giá trị sổ sách hoặc lợi nhuận sổ sách của thực thể kinh doanh và cũng thiếu quyền để có được thông tin đó, người nộp thuế phải nộp bản định giá được chứng nhận về tất cả các quyền lợi của người nộp thuế trong thực thể kinh doanh.

(C) Đối với bất kỳ quyền lợi nào mang lại quyền biểu quyết hoặc quyền kiểm soát trực tiếp khác, tỷ lệ sở hữu của người nộp thuế trong thực thể kinh doanh sẽ được giả định là không thấp hơn tỷ lệ quyền biểu quyết hoặc quyền kiểm soát trực tiếp tổng thể mà người nộp thuế nắm giữ.

(D) Đối với bất kỳ quyền lợi nào liên quan đến lợi nhuận trong một thực thể kinh doanh, tỷ lệ sở hữu của người nộp thuế trong thực thể đó được giả định là không thấp hơn tỷ lệ lợi nhuận tối đa mà người nộp thuế có thể nhận được từ thực thể đó, bất kể quyền lợi đó có phụ thuộc vào điều kiện tiên quyết nào chưa được đáp ứng hay không.

(E) Ngoại trừ các tài sản và thực thể được điều chỉnh bởi đoạn (1) và (2), đối với tất cả các lợi ích khác trong bất kỳ thực thể kinh doanh nào, bao gồm tất cả các lợi ích vốn chủ sở hữu và các lợi ích sở hữu khác, tất cả các lợi ích nợ và tất cả các lợi ích theo hợp đồng hoặc ngoài hợp đồng khác, giá trị thị trường hợp lý của các lợi ích đó vào cuối bất kỳ năm tính thuế nào sẽ được giả định là tổng của giá trị sổ sách của thực thể kinh doanh theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tính đến cuối năm tính thuế cộng với hệ số giá trị hiện tại là 7,5 lần lợi nhuận sổ sách hàng năm của thực thể kinh doanh, được tính trung bình trong năm tính thuế hiện tại và hai năm tính thuế trước đó, nếu có, theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, sau đó toàn bộ tổng này được nhân với tỷ lệ phần trăm thực thể kinh doanh do người nộp thuế sở hữu tính đến cuối năm tính thuế. Đối với một thực thể đầu tư vốn tư nhân, giá trị này không được thấp hơn tổng giá trị, được xác định theo tiểu mục này, của mỗi thực thể thuộc sở hữu của thực thể đầu tư vốn tư nhân đó, trừ đi các khoản nợ, không bao gồm quyền lợi nhuận, của thực thể đầu tư vốn tư nhân đó. Để phục vụ mục đích của tiểu đoạn này, nếu lợi nhuận sổ sách bình quân trong kỳ liên quan nhỏ hơn không thì chúng sẽ được coi là bằng không. Ban quản lý có thể cho phép người nộp thuế tính giá trị sổ sách và lợi nhuận kế toán bằng phương pháp kế toán khác với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung nếu doanh nghiệp được định giá duy trì sổ sách và hồ sơ một cách nhất quán và báo cáo thu nhập và chi phí bằng phương pháp khác đó.

(F) Nếu người nộp thuế hoặc ban quản lý có thể chứng minh bằng chứng rõ ràng và thuyết phục rằng giá trị giả định theo tiểu đoạn (C), (D) hoặc (E) sẽ đánh giá quá cao hoặc quá thấp giá trị thực tế của thực thể kinh doanh do người nộp thuế sở hữu toàn bộ hoặc một phần, người nộp thuế hoặc ban quản lý có thể thay thế bằng cách nộp bản thẩm định được chứng nhận về tỷ lệ phần trăm của thực thể kinh doanh do người nộp thuế sở hữu và sau đó sử dụng giá trị thẩm định được chứng nhận thay cho phương pháp tỷ lệ giả định.

(4) Tất cả các quyền lợi trong bất động sản do người nộp thuế nắm giữ trực tiếp hoặc thông qua quỹ tín thác có thể thu hồi sẽ không được tính vào giá trị tài sản ròng. Trong trường hợp cần định giá bất động sản, giá trị được sử dụng để tính

hệ số tài sản của Thuế Thu nhập Doanh nghiệp theo Mục 25129 sẽ được sử dụng.

(5) Tài sản cá nhân hữu hình nằm ngoài California được miễn thuế nếu nằm ngoài California ít nhất 270 ngày trong năm 2026, ngoại trừ trường hợp tài sản được di dời tạm thời với mục đích chính là trốn thuế.

(6) Đối với tất cả các khoản đầu tư vào quỹ tín thác, giá trị tài sản ròng sẽ được xác định như sau:

(A) Giá trị tài sản ròng của một cá nhân bao gồm giá trị tài sản ròng của bất kỳ quỹ tín thác do người lập quỹ sở hữu nào của cá nhân đó.

(B) Để xác định xem giá trị tài sản ròng của một cá nhân có vượt quá một tỷ đô la (\$1,000,000,000) hoặc một tỷ trăm triệu đô la (\$1,100,000,000) theo tiểu đoạn (a) của Mục 50301 hay không, giá trị tài sản ròng sẽ bao gồm giá trị tài sản do bất kỳ quỹ tín thác nào nắm giữ, ngoại trừ quỹ tín thác do người lập quỹ sở hữu hoặc quỹ tín thác miễn thuế, mà cá nhân đó chuyển giao hoặc đã chuyển giao tài sản cho. Trong phạm vi phù hợp với Hiến pháp Hoa Kỳ và Hiến pháp California, giá trị tài sản ròng cho mọi mục đích sẽ bao gồm giá trị tài sản do bất kỳ quỹ tín thác nào nắm giữ, ngoại trừ quỹ tín thác do người lập quỹ sở hữu hoặc quỹ tín thác miễn thuế, mà cá nhân chuyển giao tài sản cho quỹ đó vào năm 2026, và 75 phần trăm giá trị của tài sản đó được chuyển giao vào năm 2025. Nếu có nhiều hơn một cá nhân chuyển nhượng tài sản cho bất kỳ quỹ tín thác nào như vậy, thì giá trị tài sản ròng của cá nhân đóng góp, bất kể mục đích xem xét là gì, sẽ được tăng lên theo tỷ lệ giá trị của tài sản trong quỹ tín thác, trong đó tỷ lệ đó bằng với phần giá trị của tất cả tài sản được chuyển nhượng cho quỹ tín thác mà cá nhân đó đã chuyển nhượng.

(C) Đối với người thụ hưởng của một quỹ tín thác, bất kể quỹ tín thác đó có ở tại California hay không, người thụ hưởng sẽ được coi là chủ sở hữu tài sản của quỹ tín thác trong phạm vi tài sản đó có thể được phân phối cho người thụ hưởng, bất kể đã được phân phối hay chưa. Tuy nhiên, người thụ hưởng quỹ tín thác sẽ không được coi là chủ sở hữu của bất kỳ tài sản nào của quỹ tín thác nếu đó là một quỹ tín thác áp dụng.

(7) Các loại tài sản sau đây sẽ được miễn tất cả các loại thuế theo phần này và cũng được miễn các yêu cầu báo cáo của mục này:

(A) Trừ trường hợp được mô tả trong tiểu đoạn (B), lương hưu đủ điều kiện và các thỏa thuận hưu trí cá nhân, bao gồm cả những thỏa thuận được mô tả trong Mục 219(g)(5) của Bộ luật Thuế vụ Nội địa, hoặc các thỏa thuận lương hưu nước ngoài có bản chất tương tự như những thỏa thuận được mô tả trong mục đó và được miễn thuế của Hoa Kỳ theo nghĩa vụ hiệp ước của Hoa Kỳ.

(B) Số tiền được giữ trong tài khoản Roth IRA hoặc các hình thức kế hoạch hưu trí kiểu Roth khác hoặc bất kỳ tài khoản nào tương tự về cơ bản, trừ trường hợp tổng giá trị của tất cả các tài khoản mà người nộp thuế nắm giữ quyền lợi, trực tiếp hoặc gián tiếp, vượt quá mười triệu đô la (\$10,000,000) theo giá trị hiện tại.

(C) Khoản bồi thường hoãn trả không đủ điều kiện, ngoài quyền lợi nhuận có điều kiện, và bất kỳ lời hứa nào khác về các khoản thanh toán trong tương lai do ban quản lý quy định, ngoại trừ bất kỳ khoản lương hưu, khoản bồi thường hoãn

trả hoặc khoản thanh toán khác cho hàng hóa hoặc dịch vụ, không được mô tả trong tiểu đoạn (A) và (B), sẽ được coi là tài sản chịu thuế của người nộp thuế nếu:

(i) Theo các điều khoản của thỏa thuận bồi thường, kế hoạch, hợp đồng hoặc thỏa thuận khác quy định việc thanh toán, người nộp thuế có quyền ràng buộc về mặt pháp lý kể từ khi kết thúc năm tính thuế đối với khoản thanh toán đó.

(ii) Khoản bồi thường chưa được nhận trên thực tế hoặc gián tiếp vào hoặc trước cuối năm.

(iii) Theo thỏa thuận bồi thường, khoản thanh toán sẽ được trả cho hoặc thay mặt người nộp thuế vào hoặc sau ngày cuối năm.

(D) Trừ các tài sản được miễn hoặc loại trừ, người nộp thuế phải coi các tài sản được mô tả trong đoạn này như thể chúng được nắm giữ trực tiếp, chứ không phải trong tài khoản được hưởng ưu đãi thuế.

(E) Đối với kế hoạch phúc lợi xác định không được miễn trừ theo phần này, một khoản tiền bằng giá trị hiện tại của quyền lợi tích lũy của người nộp thuế vào ngày cuối cùng của năm tính thuế được coi là đã bao gồm trong giá trị tài sản ròng của người nộp thuế.

(8) Ban quản lý sẽ ban hành các quy định liên quan đến việc đánh thuế đối với các khoản phải thu và các tài sản tương tự theo phần này. Theo các yêu cầu của tiểu mục này, ban quản lý có thể miễn trừ một số khoản phải thu và tài sản tương tự khỏi mọi loại thuế theo phần này và khỏi các yêu cầu báo cáo của mục này. Khi ban hành các quy định đó, ban quản lý phải xem xét liệu người nộp thuế có khả năng nhận được khoản thanh toán từ một loại khoản phải thu cụ thể hay không. Tất cả các khoản phải thu sẽ được tính vào giá trị tài sản ròng theo phần này cho đến khi ban quản lý thông qua các quy định.

(9) Đối với tất cả các tài sản khác, bao gồm tác phẩm nghệ thuật và đồ sưu tầm, các công cụ tài chính không phải là những công cụ được giao dịch công khai, quyền sở hữu trí tuệ, các khoản nợ và các nghĩa vụ khác phải trả cho người nộp thuế, không phải là những khoản được giao dịch công khai, và các phương tiện và tài sản cá nhân khác, người nộp thuế có thể loại trừ tối đa năm triệu đô la (\$5,000,000) tổng giá trị tài sản của các tài sản kết hợp đó, bất kể loại nào, khỏi giá trị tài sản ròng và khỏi các yêu cầu báo cáo của phần này. Ngoại trừ các tài sản được loại trừ như vậy, người nộp thuế phải báo cáo giá trị thị trường hợp lý của các tài sản đó, và đối với mỗi tài sản hoặc nhóm tài sản có thể thay thế cho nhau một cách đáng kể, bao gồm cả các hợp đồng phái sinh liên quan đến cùng một chứng khoán cơ sở, có giá trị vượt quá một triệu đô la (\$1,000,000), người nộp thuế phải nộp một bản định giá được chứng nhận.

(10) Trong mọi trường hợp, giá trị của tài sản không được xác định thấp hơn số tiền bảo hiểm cho tài sản đó. Đối với một thực thể kinh doanh, trong mọi trường hợp, giá trị của thực thể đó không được thấp hơn giá trị được phản ánh trong bất kỳ vòng gọi vốn hoặc giao dịch bán cổ phần nào diễn ra trong vòng hai năm kể từ ngày định giá, trừ khi người nộp thuế có thể chứng minh bằng chứng rõ ràng và thuyết phục rằng mức định giá đó sẽ phóng đại đáng kể giá trị của thực thể.

(11) Giá trị tài sản ròng sẽ bao gồm giá trị của bất kỳ tài sản nào mà cá nhân đó đã chuyển nhượng, ngoại trừ tài sản được chuyển nhượng cho quỹ tín thác được mô tả ở trên, với giá thấp hơn giá trị thị trường hợp lý sau ngày 15 Tháng Mười, 2025, nếu tài sản đó, dù được xem xét riêng lẻ hay cùng với các tài sản được chuyển nhượng có thể thay thế lẫn nhau khác, có giá trị thị trường hợp lý vượt quá một triệu đô la (\$1,000,000). Tài sản được tính vào giá trị tài sản ròng của bên chuyển nhượng theo quy định tại đoạn này sẽ không được tính vào giá trị tài sản ròng của bên nhận chuyển nhượng.

(12) Bất kỳ tài sản nào của người có thể được khai là người phụ thuộc mà tổng giá trị vượt quá năm mươi nghìn đô la (\$50,000) sẽ được coi là tài sản của người nộp thuế có thể khai người đó là người phụ thuộc.

CHƯƠNG 3. TÀI KHOẢN HOÀN NỘP THUẾ TÙY CHỌN DÀNH CHO NGƯỜI NỘP THUẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHƯNG GẶP KHÓ KHĂN VỀ THANH KHOẢN

50304. (a) Ban quản lý sẽ xây dựng hợp đồng tài khoản hoàn nộp thuế tùy chọn và các mẫu đơn liên quan cho tài khoản hoàn nộp thuế tùy chọn, được gọi tắt là "ODA" trong văn bản này, nhằm tạo ra một thỏa thuận hợp đồng ràng buộc giữa người nộp thuế và tiểu bang. Người nộp thuế đủ điều kiện có thể lựa chọn ký hợp đồng để tạo một ODA theo phần này. Để trở thành người nộp thuế đủ điều kiện, một cá nhân phải nộp một bản tuyên bố rằng số tiền thuế bổ sung phải nộp do phần này, nếu không sử dụng ODA, sẽ vượt quá tổng giá trị kết hợp của tất cả tài sản của người nộp thuế chịu sự điều chỉnh của các quy tắc định giá tại đoạn (1) của tiểu mục (c) của Mục 50303; nghĩa là, chỉ những cá nhân phải nộp thuế bổ sung do phần này vượt quá tổng giá trị của tất cả tài sản được giao dịch công khai của cá nhân đó mới là người nộp thuế đủ điều kiện. Theo hợp đồng này, người nộp thuế đủ điều kiện lựa chọn tạo một ODA phải đồng ý với tất cả các điều khoản sau:

(1) Nộp tất cả các báo cáo và biểu mẫu thông tin hàng năm theo mô tả và quy định trong phần này.

(2) Đối chiếu và thanh toán tất cả các khoản thuế phát sinh do ODA.

(3) Chịu sự quản lý của tòa án tiểu bang này đối với mục đích thu bất kỳ khoản thuế nào do phần này quy định và đáp ứng bất kỳ yêu cầu báo cáo nào do phần này quy định, cùng với bất kỳ khoản lãi hoặc hình phạt liên quan nào mà tiểu bang này áp đặt lên người nộp thuế, liên quan đến ODA.

(b) Hợp đồng này sẽ có hiệu lực ràng buộc về mặt pháp lý đối với người nộp thuế, cũng như đối với di sản và người thừa kế của người nộp thuế, cho đến khi người nộp thuế hoặc di sản hay người thừa kế của người nộp thuế giải quyết và hoàn tất việc đóng ODA một cách thích hợp bằng cách thanh lý toàn bộ các khoản thuế đã tích lũy và sau đó nộp tất cả các khoản thuế đến hạn trên các khoản thuế đã được thanh lý.

(c) Người nộp thuế chỉ có thể duy trì một ODA. Người nộp thuế chỉ có thể gắn tài sản hoặc nhóm tài sản vào ODA trong phạm vi mà số tiền thuế bổ sung phải nộp do Mục 50301, nếu không sử dụng ODA, sẽ vượt quá tổng giá trị kết hợp của tất cả tài sản của người nộp thuế theo quy tắc định giá của đoạn (1) của tiểu mục (c) của Mục 50303. Để gắn bất kỳ tài sản hoặc nhóm tài sản vào ODA, người nộp thuế phải báo cáo cả hai thông tin sau:

(1) Năm mà ODA được tạo.

(2) Danh sách tất cả các tài sản hoặc nhóm tài sản mà ODA sẽ được gắn kèm trong năm hiện tại.

(d) Nếu người nộp thuế đã tạo một ODA, cho đến khi ODA đó được đối chiếu và đóng lại, người nộp thuế phải báo cáo hàng năm mọi giao dịch phân bổ tài sản quan trọng liên quan đến ODA, và phải hoàn thành và nộp bất kỳ mẫu đơn nào do ban quản lý cung cấp cho mục đích đó. Người nộp thuế phải tiếp tục lập các báo cáo hàng năm cho đến khi người nộp thuế đã đối chiếu ODA bằng cách thanh lý đầy đủ các khoản thuế tích lũy và sau đó trả tất cả số thuế còn nợ đối với các khoản thuế đã được thanh lý. Là một phần của hợp đồng pháp lý mà người nộp thuế đã ký kết khi tạo một ODA, các yêu cầu báo cáo đó sẽ tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi và sau khi người nộp thuế không còn là cư dân của California, theo nghĩa của Mục 17014 và 17015.5, và sau đó sẽ được thực thi như một hợp đồng ràng buộc pháp lý với tiểu bang. Việc không lập báo cáo thường niên và không nộp bất kỳ mẫu đơn bắt buộc nào sẽ bị coi là vi phạm hợp đồng và cũng sẽ phải chịu các hình phạt tương tự như việc không nộp tờ khai thuế thu nhập đối với cư dân California bắt buộc phải nộp tờ khai thuế thu nhập. Khi người nộp thuế nào đã tạo một ODA mà chưa được đối chiếu và đóng lại đầy đủ qua đời, di sản và người thừa kế của người nộp thuế đó sẽ phải đối chiếu ODA để thanh lý hoàn toàn các khoản thuế đã tích lũy và sau đó trả tất cả các khoản thuế còn nợ trên các khoản thuế đã được thanh lý đó, coi các khoản này như một khoản nợ thuế chưa thanh toán của người nộp thuế đối với tiểu bang.

(e) Tỷ lệ khấu trừ thuế chưa thanh toán tích lũy của người nộp thuế sẽ bằng 5 phần trăm.

(f) Các khoản rút tiền và giao dịch sau đây được coi là các giao dịch phân phối trọng yếu mà người nộp thuế phải báo cáo hàng năm:

(1) Việc rút tiền, tài sản hoặc giá trị khác từ bất kỳ tài sản nào được gắn liền với ODA.

(2) Giao dịch với người nộp thuế, hoặc người có liên quan đến người nộp thuế, có hiệu lực chuyển giao bất kỳ tài sản hoặc giá trị tài sản nào gắn liền với ODA mà không đồng thời chuyển giao các nghĩa vụ ODA.

(g) Bất kể quy định tại tiểu mục (f), giao dịch phân phối trọng yếu sẽ không bao gồm các giao dịch thông thường và cần thiết để duy trì hoặc tăng giá trị tài sản mà ODA được gắn liền và sẽ không có tác dụng phân phối bất kỳ lợi nhuận, cổ tức hoặc khoản thanh toán nào khác cho chủ sở hữu để sử dụng vốn, hoặc các chuyển nhượng tương tự.

(h) Ban quản lý sẽ đưa ra hướng dẫn để xác định những loại giao dịch nào được coi là giao dịch phân phối trọng yếu và để quy định rằng các chuyển nhượng được thực hiện trong quá trình kinh doanh thông thường và việc trao đổi tài sản không dễ dàng giao dịch sẽ không được coi là giao dịch phân phối trọng yếu. Đối với bất kỳ giao dịch phân phối trọng yếu nào, người nộp thuế phải báo cáo giá trị thị trường hợp lý được rút ra từ tài sản mà ODA được gắn liền hoặc được chuyển giao hoặc sử dụng vì lợi ích của người nộp thuế hoặc của người có liên quan.

(i) Người nộp thuế phải nhân tỷ lệ phần trăm khấu trừ thuế chưa thanh lý tích lũy của mình với giá trị thị trường hợp lý, được xác định theo Mục 50303, của tất cả các giao dịch phân phối trọng yếu trong năm tính thuế. Người nộp thuế sẽ phải chịu một khoản thuế bằng kết quả thu được. Bất kỳ khoản thuế bổ sung nào phải nộp theo mục này cho bất kỳ năm tính thuế nào sẽ được thanh toán cùng với bất kỳ khoản thuế thu nhập nào phải nộp cho năm tính thuế đó.

(j) Bất kỳ người nộp thuế nào duy trì ODA và đã có bất kỳ giao dịch phân phối tài sản nào trong năm hiện tại hoặc trong bất kỳ năm nào trước đó đều phải báo cáo hàng năm tất cả những điều sau đây:

(1) Năm mà ODA được tạo.

(2) Danh sách tất cả các tài sản hoặc nhóm tài sản mà ODA hiện đang gắn liền hoặc đã từng gắn liền với ODA.

(3) Tổng giá trị thị trường hợp lý tích lũy của tất cả các giao dịch phân phối trọng yếu liên quan đến ODA mà người nộp thuế đã thực hiện.

(k) Nếu, trong bất kỳ năm nào, người nộp thuế trước đây đã tạo một ODA bán, chuyển nhượng hoặc bằng cách khác chấm dứt tất cả lợi ích của người nộp thuế trong ODA và trong tất cả tài sản có kèm theo ODA, thì sau khi thanh toán mọi khoản thuế còn nợ do các giao dịch đó là giao dịch phân phối trọng yếu, như quy định tại tiểu mục (f), ODA sẽ được thanh lý hoàn toàn. Vào cuối mỗi năm tính thuế, người nộp thuế đã từng tạo một ODA trước đó có thể lựa chọn đóng ODA đó bằng cách điền vào mẫu đơn do ban quản lý cung cấp. Sau đó, người nộp thuế sẽ đối chiếu ODA theo tiểu mục (l).

(l) Trước khi đóng ODA, người nộp thuế phải rút mọi tài sản có liên quan đến ODA và coi những khoản rút tiền đó là các giao dịch phân phối trọng yếu theo quy định của phần này. Mục 50303 sẽ điều chỉnh việc xác định giá trị thị trường hợp lý của bất kỳ tài sản nào được rút ra từ ODA. Như được sử dụng trong mục này, thuật ngữ “người nộp thuế” cũng bao gồm bất kỳ di sản hoặc người được chuyển nhượng nào của người nộp thuế phải chịu trách nhiệm theo điều khoản này để thanh toán ODA của người nộp thuế.

CHƯƠNG 4. THẨM ĐỊNH ĐƯỢC CHỨNG NHẬN

50305. (a) Bất kỳ thẩm định viên nào lập bản thẩm định được chứng nhận cho mục đích của phần này đều phải gửi một bản sao của bản thẩm định được chứng nhận đó cho ban quản lý, cùng với thông tin đủ để xác định người nộp thuế mà bản thẩm định được chứng nhận được lập cho, và phải tuân theo bất kỳ quy tắc hoặc hướng dẫn liên quan nào khác do ban quản lý ban hành.

(b) Ban quản lý sẽ ban hành các quy định hoặc công bố hướng dẫn, nêu rõ hơn các yêu cầu đối với các báo cáo thẩm định được chứng nhận và đối với các thẩm định viên đủ điều kiện thực hiện các báo cáo thẩm định được chứng nhận cho mục đích của chương này. Các quy tắc và hướng dẫn sẽ dựa trên các quy tắc về thẩm định đủ điều kiện và thẩm định viên đủ điều kiện của Mục 1.170A-17 thuộc Tiêu đề 26 của Bộ Quy định Liên bang.

(c) Trong trường hợp nộp thiếu thuế do khai khống hoặc khai thiếu đáng kể hoặc nghiêm trọng về giá trị tài sản trong bản

định giá được chứng nhận, ban quản lý có thể tùy ý áp đặt hình phạt đối với người định giá, như thể người định giá đó là “người nộp thuế” theo Mục 50312, nhưng hình phạt đó không được vượt quá 2% số tiền thuế nộp thiếu trong trường hợp khai khống hoặc khai thiếu đáng kể về giá trị tài sản, hoặc 4% số tiền thuế nộp thiếu trong trường hợp khai khống hoặc khai thiếu nghiêm trọng về giá trị tài sản.

CHƯƠNG 5. PHÂN BỐ VÀ TÍN DỤNG

50306. (a) Phân bổ tiêu chuẩn. Đối với việc phân bổ thuế do phần này quy định giữa nhiều khu vực pháp lý, các quy tắc của phần này sẽ được áp dụng. Các quy định trong chương này thay thế các quy định khác, bao gồm các quy định liên quan đến việc phân chia thu nhập cho mục đích cư trú nửa năm. Một trăm phần trăm bất kỳ khoản thuế nào được áp dụng theo Mục 50301 và 50304 đều được phân bổ cho California đối với tất cả các cá nhân và quỹ tín thác áp dụng, không giảm trừ hoặc nhân hệ số dựa trên lịch sử cư trú, bao gồm cả việc cá nhân đó có phải là cư dân California trước ngày nghĩa vụ thuế được mô tả trong tiểu mục (n) của Mục 50308 hay không. Theo phần này, nơi cư trú được xác định theo các Mục 17014 và 17015.5 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ nộp thuế.

(b) Phân bổ thay thế.

(1) Phương pháp tiêu chuẩn. Phương pháp phân bổ tiêu chuẩn theo phần này là phương pháp được quy định tại tiểu mục (a).

(2) Khi nào có thể sử dụng phương án phân bổ thay thế. Nếu phương pháp phân bổ tiêu chuẩn không phản ánh chính xác mức độ tích lũy hoặc duy trì đáng kể tài sản vượt mức của người nộp thuế tại California, người nộp thuế có thể yêu cầu hoặc ban quản lý có thể yêu cầu trong thông báo đề xuất đánh giá, sử dụng phương pháp phân bổ thay thế cho toàn bộ hoặc một phần tài sản của người nộp thuế. Bất kỳ phương pháp thay thế nào được áp dụng theo tiểu mục này sẽ được sử dụng trước khi tính toán bất kỳ khoản tín dụng nào theo Mục 50307.

(3) Đơn yêu cầu, kèm theo bằng chứng cần thiết. Đơn yêu cầu chỉ được chấp thuận nếu bên yêu cầu chứng minh được bằng chứng cứ rõ ràng và thuyết phục rằng cả hai điều sau đây đều đúng:

(A) Sự giàu có dư thừa đó không tích tụ đáng kể ở California.

(B) Tài sản quá mức không được duy trì đáng kể ở California trong ít nhất 365 ngày tổng cộng trong khoảng thời gian 48 tháng kết thúc vào ngày định giá, như được định nghĩa trong tiểu mục (o) của Mục 50308.

(4) Phương pháp thay thế theo hiến pháp. Ngoài ra, bên yêu cầu có thể thắng kiện bằng cách chứng minh rằng Hiến pháp Hoa Kỳ, Hiến pháp California hoặc luật liên bang cấm áp dụng phương pháp tiêu chuẩn cho toàn bộ hoặc một phần tài sản của người nộp thuế.

(5) Gánh nặng và phương pháp đề xuất. Bên yêu cầu có trách nhiệm chứng minh phương pháp tiêu chuẩn là không công bằng hoặc không hợp lệ và đề xuất một phương pháp công bằng và hợp lý hơn mà khả thi để áp dụng. Khi ban quản lý yêu cầu một phương pháp thay thế trong thông báo về đề xuất đánh giá thuế, ban quản lý là bên yêu cầu trước Văn phòng Kháng cáo Thuế và chịu trách nhiệm về phương pháp thay thế

này, và thông báo phải nêu rõ lý do tại sao phương pháp tiêu chuẩn là không công bằng và mô tả phương pháp thay thế được đề xuất.

(6) Tỷ lệ phần trăm tối thiểu; van an toàn theo hiến pháp. Việc giảm thuế theo tiểu mục này sẽ không làm giảm tỷ lệ phân bổ xuống dưới 25 phần trăm, trừ khi Văn phòng Kháng cáo Thuế hoặc tòa án khi xem xét lại hồ sơ nhận thấy rằng cần phải áp dụng tỷ lệ thấp hơn để tránh tình trạng đánh thuế quá mức, vi phạm Hiến pháp Hoa Kỳ hoặc Hiến pháp California hoặc luật liên bang hiện hành. Trong việc xác định liệu một khoản thuế có quá bất cân xứng hay không, Văn phòng Kháng cáo Thuế và các tòa án sẽ xem xét liệu giá trị tài sản ròng của người nộp thuế có mối liên hệ đáng kể nào với California hay không, và sẽ giảm tỷ lệ phân bổ, bao gồm cả dưới 25 phần trăm và, nếu thích hợp, xuống số không phần trăm, trong phạm vi cần thiết để tránh việc đánh thuế tùy tiện hoặc không tương xứng với mối liên hệ của người nộp thuế với tiểu bang này.

(7) Quy định. Ban quản lý có thể thông qua các quy định đưa ra các ví dụ không độc quyền về các phương pháp thay thế được chấp nhận và các bằng chứng chứng minh, phù hợp với đoạn (2).

(8) Trong trường hợp bất kỳ điều khoản hoặc ứng dụng nào của phần này quy định việc phân bổ dựa trên nơi cư trú bị coi là không hợp lệ, vi hiến hoặc không thể thi hành được, thì nơi cư trú sẽ được xác định đối với điều khoản hoặc ứng dụng đó theo các quy tắc điều chỉnh thuế thu nhập cá nhân trong Phần 10 (bắt đầu từ Mục 17001), bao gồm các Mục 17014 và 17015.5.

50307. (a) Sẽ được phép khấu trừ vào thuế quy định tại phần này một khoản bằng với tỷ lệ phần trăm người nộp thuế trong bất kỳ khoản thuế nào đã nộp đối với thuế tài sản ròng cũng bị đánh thuế theo phần này, trong đó tỷ lệ phần trăm này là tỷ lệ mà tử số là tổng số ngày người nộp thuế cư trú tại tiểu bang hoặc khu vực pháp lý đánh thuế khác trong năm tính thuế 2026 và mẫu số là 365. Để tránh hiểu nhầm, vì bất động sản do trực tiếp sở hữu không bị đánh thuế theo phần này, nên không được phép khấu trừ thuế đối với bất động sản do trực tiếp sở hữu theo tiểu mục này.

(b) Ngoài ra, khoản tín dụng cũng sẽ được khấu trừ vào thuế đã nộp tại các khu vực pháp lý khác trong phạm vi được Hiến pháp Hoa Kỳ quy định.

CHƯƠNG 6. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐỊNH NGHĨA CHUNG

50308. Để phục vụ cho mục đích của phần này, các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng:

(a) “Cá nhân áp dụng” có nghĩa là, đối với năm tính thuế 2026, bất kỳ cá nhân nào là cư dân của tiểu bang này, theo nghĩa của Mục 17014 và 17015.5, tính đến ngày nghĩa vụ thuế được quy định trong tiểu mục (n).

(b) “Quỹ tín thác áp dụng” có nghĩa là bất kỳ quỹ tín thác nào, ngoại trừ quỹ tín thác do người lập quỹ sở hữu hoặc quỹ tín thác miễn thuế, cho dù quỹ tín thác đó có phải là cư dân California hay không, nếu một cá nhân áp dụng vẫn còn sống

với giá trị tài sản ròng từ một tỷ đô la (\$1,000,000,000) trở lên, hoặc bất kỳ thực thể nào cấu thành người có liên quan đối với cá nhân đó, đã chuyển tài sản sang quỹ tín thác. Nếu có nhiều hơn một cá nhân chuyển nhượng tài sản cho quỹ tín thác, một phần của quỹ tín thác đó sẽ được coi là quỹ tín thác áp dụng, trong đó phần được coi là quỹ tín thác áp dụng sẽ tương ứng với tỷ lệ giá trị tài sản được chuyển nhượng cho quỹ tín thác bởi cá nhân áp dụng đó, hoặc bất kỳ thực thể nào được coi là người có liên quan đến cá nhân đó, so với tổng giá trị tài sản được chuyển nhượng cho quỹ tín thác. Ngoài ra, bất kỳ quỹ tín thác nào cũng có thể lựa chọn trở thành quỹ tín thác áp dụng bằng cách thông báo cho ban quản lý về lựa chọn đó bằng bất kỳ phương thức nào mà ban quản lý chỉ định. Một cá nhân có giá trị tài sản ròng từ một tỷ đô la (\$1,000,000,000) trở lên, người đã chuyển nhượng tài sản cho một quỹ tín thác áp dụng, có thể lựa chọn coi quỹ tín thác đó là một phần giá trị tài sản ròng của cá nhân đó bằng cách thông báo cho ban quản lý về lựa chọn này bằng bất kỳ phương thức nào mà ban quản lý chỉ định. Trong trường hợp lựa chọn đó, quỹ tín thác sẽ không phải chịu thuế riêng theo Mục 50301.

(c) “Ban quản lý” ở đây có nghĩa là Ban Thuế Doanh nghiệp.

(d) Thuật ngữ “người phụ thuộc” sẽ có nghĩa giống như định nghĩa trong Mục 152 của Bộ luật Thuế vụ Nội địa.

(e) “Quỹ tín thác do người lập quỹ sở hữu” có nghĩa là bất kỳ quỹ tín thác nào được coi là quỹ tín thác do người lập quỹ sở hữu cho mục đích thuế thu nhập, và cũng là bất kỳ quỹ tín thác nào mà tài sản của nó được tính vào di sản của người lập quỹ cho mục đích thuế chuyển nhượng liên bang.

(f) “Giá trị tài sản ròng” có nghĩa là tổng giá trị của tất cả tài sản và quyền lợi tài sản được tính đến cho người nộp thuế và vợ/chồng của họ trên toàn thể giới theo Mục 50303 và các điều khoản áp dụng khác của phần này tính đến ngày định giá được quy định trong tiểu mục (o), bất kể vợ/chồng đó cư trú ở đâu, trừ đi tổng giá trị của tất cả các khoản nợ và các nghĩa vụ khác, trong phạm vi các khoản giảm trừ được cho phép theo Mục 50302. Để tránh hiểu nhầm, các tài sản được tính đến theo Mục 50303 tại ngày định giá được bao gồm trong giá trị tài sản ròng ngay cả khi được mua sau ngày phát sinh nghĩa vụ thuế, và các quyền lợi được chuyển nhượng trước ngày định giá được loại trừ khỏi giá trị tài sản ròng, trừ trường hợp phần này, bao gồm nhưng không giới hạn ở Mục 50303 và 50312, yêu cầu các tài sản được chuyển nhượng, phân loại lại hoặc nắm giữ bởi quỹ tín thác hoặc các quyền lợi tài sản khác phải được bao gồm trong giá trị tài sản ròng của người nộp thuế.

(g) “Tài khoản hoãn nộp thuế tùy chọn” hoặc “ODA” là tài khoản dự trữ thuế chưa thanh lý được quy định tại Mục 50304.

(h) “Cá nhân” có nghĩa giống như định nghĩa trong Mục 17007.

(i) “Thực thể đầu tư vốn tư nhân” là một thực thể kinh doanh, không phải là công ty niêm yết công khai, quỹ tương hỗ hoặc quỹ giao dịch chứng khoán, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

(j) “Tài sản được giao dịch công khai” có nghĩa là tài sản được giao dịch trên sàn giao dịch; được giao dịch trên thị trường thứ cấp mà giá bán của tài sản đó được cập nhật thường xuyên; có sẵn trên nền tảng trực tuyến hoặc điện tử thường xuyên kết nối người mua và người bán; hoặc bất kỳ tài sản nào khác mà ban quản lý xác định có giá trị dễ dàng xác định được thông qua các phương tiện tương tự.

(k) “Người có quan hệ” có nghĩa là bất kỳ người nào có quan hệ với người nộp thuế theo Mục 267 hoặc 318 của Bộ luật Thuế vụ Nội địa tính đến ngày 1 Tháng Một, 2026, cũng như bất kỳ người nào khác được quy định cụ thể bởi các quy định do ban quản lý ban hành.

(l) “Lợi ích đáng kể” có nghĩa như được Tòa án Tối cao Hoa Kỳ định nghĩa trong vụ án *United States v. American Bar Endowment* (1986) 477 U.S. 105.

(m) “Quy tín thác miễn thuế” có nghĩa là một quỹ tín thác được miễn thuế thu nhập liên bang theo Mục 501 của Bộ luật Thuế vụ Nội địa.

(n) “Ngày phát sinh nghĩa vụ thuế” có nghĩa là ngày 1 Tháng Một, 2026.

(o) “Ngày định giá” có nghĩa là ngày 31 Tháng Mười Hai, 2026.

50309. (a) Việc thu và quản lý thuế được mô tả trong phần này sẽ được điều chỉnh bởi Phần 10.2 (bắt đầu từ Mục 18401) trừ khi được phần này thay thế một cách rõ ràng.

(b) Ban quản lý có thể ban hành các quy định để thực hiện, giải thích, làm rõ hoặc tiến hành bất kỳ điều khoản nào của phần này.

(1) Các quy định có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

(A) Xác định các giao dịch lạm dụng nhằm mục đích thay đổi bản chất của một tài sản từ công khai sang không công khai hoặc ngược lại.

(B) Xác định các giao dịch bất hợp pháp nhằm mục đích giảm giá trị tài sản được đánh giá của người nộp thuế một cách giả tạo.

(2) Cho đến ngày 1 Tháng Một, 2028, các quy định về ban hành quy tắc của Đạo luật Thủ tục Hành chính (Chương 3.5 (bắt đầu từ Mục 11340) của Phần 1, Phần 3, Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ) sẽ không áp dụng cho bất kỳ quy định, tiêu chuẩn, tiêu chí, thủ tục, quyết định, quy tắc, thông báo, hướng dẫn hoặc bất kỳ hướng dẫn nào khác được thiết lập hoặc ban hành bởi ban quản lý theo phần này.

(3) Bất kể quy định tại Mục 19057 hoặc bất kỳ luật nào khác, mọi thông báo về việc đề xuất đánh giá thiếu hụt theo phần này liên quan đến các năm tính thuế bắt đầu từ ngày 1 Tháng Một, 2026 trở đi và trước ngày 1 Tháng Một, 2027, sẽ được gửi qua đường bưu điện cho người nộp thuế trong vòng 10 năm kể từ ngày nộp tờ khai.

(c) Trong vòng sáu tháng sau khi thông qua, ban quản lý sẽ ban hành các mẫu đơn cần thiết để người nộp thuế thanh toán khoản thuế quy định trong phần này. Những biểu mẫu đó có thể cung cấp tài liệu đính kèm cho người đóng thuế để chứng minh sự tuân thủ. Ban quản lý sẽ sửa đổi các Mẫu khai Thuế Thu nhập Cá nhân, và sửa đổi hoặc tạo ra các mẫu khác khi

cần thiết, để báo cáo tài sản hoặc các thông tin khác hữu ích cho việc thực hiện phần này.

(d) Trong phạm vi không trái với chương này, các quy định về quản lý, đánh giá, thu thập, thi hành và khiếu nại thuế thu nhập sẽ được áp dụng đối với việc đánh thuế giá trị tài sản ròng được quy định trong phần này.

50310. Thẩm quyền của Cơ quan Lập pháp

Cơ quan Lập pháp có thể sửa đổi Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026 bằng một đạo luật được thông qua tại mỗi viện của Cơ quan Lập pháp bằng hình thức bỏ phiếu điểm danh được ghi vào biên bản, với sự đồng thuận của hai phần ba số thành viên, nếu đạo luật đó phù hợp và thúc đẩy các mục đích của Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026.

50311. Hiệu lực từng phần

(a) Các điều khoản của Đạo luật Thuế Tỷ phú năm 2026, còn được gọi là “đạo luật”, có thể tách rời. Mặc dù đạo luật này được thiết kế cẩn thận để tuân thủ luật hiện hành, nhưng nếu bất kỳ điều khoản nào của đạo luật hoặc việc áp dụng đạo luật bị tuyên bố là không hợp lệ, vi hiến hoặc không thể thi hành được, thì phán quyết đó sẽ không ảnh hưởng đến khả năng thi hành của các điều khoản hoặc việc áp dụng khác.

(b) Khi áp dụng đạo luật này, tòa án phải, trong phạm vi tối đa phù hợp với Hiến pháp Hoa Kỳ và Hiến pháp California, duy trì việc áp thuế đã được cho phép, bao gồm cả việc điều chỉnh lại ngày hoặc kỳ quy định, sử dụng sự điều chỉnh hạn chế nhất có thể để khắc phục bất kỳ khiếm khuyết nào về hiến pháp hoặc pháp luật, đồng thời cho phép các điều khoản còn lại có hiệu lực. Nếu tòa án xác định rằng việc áp đặt trách nhiệm pháp lý theo đạo luật này bằng cách tham chiếu đến ngày nghĩa vụ thuế được quy định trong tiểu mục (n) của Mục 50308 hoặc ngày định giá được quy định trong tiểu mục (o) của Mục 50308, toàn bộ hoặc một phần, là trái với Hiến pháp Hoa Kỳ, Hiến pháp California hoặc luật liên bang có hiệu lực khác, thì, trong phạm vi quyết định đó, tất cả các tham chiếu trong đạo luật và trong Mục 37 của Điều XIII của Hiến pháp California đến “ngày nghĩa vụ thuế” và “ngày định giá” sẽ được hiểu là để cập đến ngày hoặc các ngày sớm nhất sau ngày nghĩa vụ thuế hoặc ngày định giá, tùy từng trường hợp, mà trách nhiệm pháp lý có thể được áp đặt phù hợp với luật đó. Trong việc sửa đổi bất kỳ ngày tháng hoặc khoảng thời gian nào được quy định trong đạo luật, tòa án, trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép, phải duy trì việc áp thuế cho năm tính thuế 2026, hoặc nếu điều đó không được phép thì cho năm 2027 hoặc năm tiếp theo sớm nhất được phép, đồng thời vẫn giữ nguyên cấu trúc và mục đích tổng thể của đạo luật này.

50312. Thi hành và Hình phạt

(a) Người nộp thuế chịu thuế theo phần này nếu khai thiếu thuế đáng kể hoặc nghiêm trọng trong bất kỳ năm tính thuế nào sẽ phải chịu hình phạt theo quy định tại mục này. Việc khai thiếu được coi là đáng kể nếu mức độ thiếu đó vượt quá mức lớn hơn trong các mức sau:

(1) Một triệu đô la (\$1,000,000).

(2) Hai mươi phần trăm số thuế được ghi trên tờ khai ban đầu hoặc tờ khai sửa đổi được nộp vào hoặc trước ngày đến hạn ban đầu hoặc ngày gia hạn của tờ khai cho năm tính thuế.

(b) Việc khai thiếu được coi là nghiêm trọng nếu mức độ thiếu đó vượt quá mức lớn hơn trong các mức sau:

(1) Mười triệu đô la (\$10,000,000).

(2) Bốn mươi phần trăm số thuế được ghi trên tờ khai ban đầu hoặc tờ khai sửa đổi được nộp vào hoặc trước ngày đến hạn ban đầu hoặc ngày gia hạn của tờ khai cho năm tính thuế.

(c) Các hình phạt như sau:

(1) Mức phạt cho hành vi khai thiếu thuế đáng kể theo mục này sẽ bằng 20 phần trăm số tiền thuế bị khai thiếu. Theo mục này, “khai thiếu thuế” có nghĩa là số tiền thuế phải nộp theo phần này vượt quá số tiền thuế ghi trên tờ khai ban đầu hoặc tờ khai sửa đổi được nộp vào hoặc trước ngày đến hạn ban đầu hoặc ngày gia hạn của tờ khai cho năm tính thuế.

(2) Mức phạt theo mục này đối với hành vi khai thiếu thuế nghiêm trọng sẽ bằng 40 phần trăm số tiền thuế bị khai thiếu.

(d) Hình phạt được quy định trong mục này sẽ được áp dụng bổ sung cho bất kỳ hình phạt nào khác được áp dụng theo Phần 10.2 (bắt đầu từ Mục 18401) hoặc bất kỳ luật nào khác.

(e) Việc hoàn trả hoặc ghi có cho bất kỳ khoản tiền nào đã thanh toán để đáp ứng khoản phạt áp dụng theo mục này chỉ được cho phép với lý do rằng số tiền phạt không được ban quản lý tính toán chính xác.

(f) Sẽ không áp dụng bất kỳ hình phạt nào theo mục này đối với trường hợp khai thiếu nếu việc khai thiếu đó là do một trong các nguyên nhân sau đây:

(1) Sự thay đổi trong luật được ban hành, thông qua, công bố hoặc có hiệu lực sau một trong hai ngày sau đây, tùy ngày nào đến trước:

(A) Ngày người nộp thuế nộp tờ khai thuế cho năm tính thuế mà sự thay đổi có hiệu lực.

(B) Thời hạn gia hạn nộp tờ khai thuế của người nộp thuế cho năm tính thuế mà sự thay đổi có hiệu lực.

(2) Đối với mục đích của tiểu mục này, “thay đổi luật” có nghĩa là sự thay đổi theo luật định hoặc sự giải thích luật hoặc quy tắc pháp luật bằng quy định hoặc phán quyết pháp lý của luật sư, theo nghĩa của tiểu mục (b) của Mục 11340.9 của Bộ luật Chính phủ, hoặc một quyết định của tòa án liên bang hoặc California đã được công bố.

(3) Ban quản lý sẽ thực hiện tiểu mục này một cách hợp lý.

(g) Không có hình phạt nào được áp dụng theo phần này trong trường hợp việc khai thiếu của người nộp thuế là do người nộp thuế đã tin tưởng một cách hợp lý vào lời khuyên bằng văn bản của ban quản lý, nhưng chỉ khi lời khuyên bằng văn bản đó là phán quyết pháp lý của cố vấn trưởng, theo nghĩa của đoạn (1) của tiểu mục (a) của Mục 21012.

(h) Số tiền khai thiếu theo tiểu mục (a) sẽ được giảm đi bằng phần khai thiếu đó, tương ứng với một trong hai trường hợp sau:

(1) Việc xử lý thuế đối với bất kỳ khoản mục nào do người nộp thuế thực hiện nếu có hoặc đã có căn cứ pháp lý vững chắc cho việc xử lý đó.

(2) Bất kỳ khoản mục nào nếu đáp ứng các điều kiện sau:

(A) Các thông tin liên quan ảnh hưởng đến việc xử lý thuế của khoản mục đó được trình bày đầy đủ trong tờ khai hoặc trong bản kê khai kèm theo.

(B) Có cơ sở hợp lý cho cách tính thuế đối với khoản mục đó của người nộp thuế.

(i) Bất kể quy định tại tiểu mục (a) của Mục 18567, ban quản lý sẽ gia hạn nộp thuế trong sáu tháng chỉ cho năm tính thuế 2026. Bất kể quy định tại tiểu mục (b) của Mục 18567, các hình phạt do mục này áp dụng sẽ không áp dụng cho các khoản thanh toán ước tính phải được thực hiện trước Tháng Tư 2027. Các hình phạt được áp dụng theo mục này cũng áp dụng cho các khoản thanh toán cuối cùng cho năm thuế 2026 được thực hiện vào Tháng Mười 2027. Mục 18567 áp dụng cho thuế do đạo luật này quy định đối với tất cả các năm sau năm 2027.

(j) Bất kể bất kỳ quy định nào khác của pháp luật, ban quản lý có thể thuê và trả phí hợp lý cho bất kỳ chuyên gia bên ngoài hoặc luật sư bên ngoài nào nếu cần thiết để giúp quản lý và thu thuế một cách đầy đủ theo quy định của phần này. Mặc dù các khoản phí đó có thể được chi trả bằng số tiền quy định tại tiểu mục (e) Mục 16355 của Bộ luật Chính phủ, ban quản lý có thể tìm kiếm thêm nguồn tài trợ để hoàn trả nếu cần thiết.

(k) Quy tắc chống trốn thuế chung.

(1) Nếu ban quản lý xác định rằng một giao dịch hoặc một loạt giao dịch thiếu tính chất kinh tế thực chất, hoặc mục đích chính của bất kỳ giao dịch hoặc loạt giao dịch nào là để đạt được lợi ích về thuế liên quan đến phần này mà cử tri hoặc cơ quan lập pháp không mong muốn, ban quản lý có thể xác định hậu quả về thuế đối với bất kỳ cá nhân nào theo cách hợp lý dựa trên tất cả các sự kiện và hoàn cảnh để từ chối lợi ích đó.

(2) Theo quy định của tiểu mục này, một giao dịch hoặc một chuỗi giao dịch sẽ được coi là thiếu tính chất kinh tế thực chất nếu người thực hiện giao dịch hoặc chuỗi giao dịch đó không có mục đích kinh doanh phi thuế hợp lệ và đáng kể, có tính đến tác động kinh tế tổng thể của giao dịch hoặc chuỗi giao dịch đó, không bao gồm các tác động về thuế của tiểu bang và liên bang.

(l) Phân bổ nhóm có kiểm soát; nội dung quan trọng hơn hình thức.

(1) Trong bất kỳ trường hợp nào có hai hoặc nhiều tổ chức, ngành nghề, doanh nghiệp, thực thể hoặc thỏa thuận được sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi cùng một nhóm lợi ích, ban quản lý có thể phân phối, chia tỷ lệ hoặc phân bổ tài sản, nợ phải trả hoặc bất kỳ khoản mục nào khác có liên quan đến việc xác định giá trị tài sản ròng theo phần này giữa hoặc trong số các cá nhân đó nếu ban quản lý xác định rằng việc phân phối, chia tỷ lệ hoặc phân bổ đó là cần thiết để ngăn chặn việc trốn thuế theo quy định của phần này hoặc để phân ánh rõ ràng quyền sở hữu và hưởng lợi về mặt kinh tế đối với các khoản mục chịu thuế đó.

(2) Trong quá trình thực hiện quyền hạn của mình theo đoạn (1), ban quản lý có thể bỏ qua bất kỳ thực thể, thỏa thuận hoặc giao dịch nào thiếu bản chất kinh tế, coi các giao dịch

liên quan là một giao dịch duy nhất theo nguyên tắc giao dịch từng bước hoặc thực hiện theo cách khác để xem xét bản chất hơn là hình thức của giao dịch.

(m) Áp dụng các nguyên tắc thuế thu nhập; không có miễn trừ ngầm định.

(1) Khi áp dụng phần này, ban quản lý có thể dựa vào, và tòa án có thể viện dẫn, các nguyên tắc pháp lý được phát triển liên quan đến việc giải thích và áp dụng thuế thu nhập tiểu bang và liên bang, bao gồm, nhưng không giới hạn, các học thuyết liên quan đến bản chất kinh tế, mục đích kinh doanh, giao dịch giả mạo, giao dịch từng bước và bản chất hơn hình thức.

(2) Sẽ không có bất kỳ trường hợp miễn trừ, loại trừ hoặc khấu trừ nào đối với thuế do phần này quy định, ngoại trừ những trường hợp được cho phép rõ ràng trong phần này hoặc trong Mục 37 của Điều XIII Hiến pháp California.

(n) Quyền hạn của ban quản lý. Không ảnh hưởng đến quyền hạn của ban quản lý đối với bất kỳ loại thuế nào khác, nếu ban quản lý không đồng ý với quyết định của Văn phòng Kháng cáo Thuế, ban quản lý có thể khởi kiện tại tòa thượng thẩm để yêu cầu xét xử lại từ đầu.

50313. Giải thích

Các điều khoản của phần này sẽ được hiểu theo nghĩa rộng để đạt được mục đích của nó.

50314. Xem xét nhanh

(a) Mục đích của phần này là nhằm cung cấp một quy trình giải quyết nhanh chóng và dứt khoát về tính hợp lệ trên hình thức của đạo luật này thông qua một hành động xác nhận.

(b) Một vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng để xác định xem thuế do đạo luật này áp đặt, hoặc tất cả các thủ tục liên quan đến thuế đó, có hợp hiến hay không hoặc có vô hiệu về mặt hình thức hay không, và được đệ trình chỉ để xác định tính hợp lệ của đạo luật này hoặc bất kỳ phần nào của nó, sẽ được bắt đầu theo Chương 9 (bắt đầu từ Mục 860) của Tiêu đề 10 Phần 2 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

(c) Không được phép nộp đơn yêu cầu xác nhận tính hợp lệ quá 60 ngày kể từ ngày cử tri thông qua đạo luật. Nếu không có hành động nào được đệ trình trong thời hạn đó thì thuế và tất cả các thủ tục liên quan đến thuế, bao gồm cả việc thông qua và phê duyệt đạo luật, sẽ được coi là hợp lệ về mặt hình thức và hợp pháp, không thể tranh cãi về mọi mặt.

(d) Chương 9 (bắt đầu từ Mục 860) của Tiêu đề 10 Phần 2 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sẽ điều chỉnh tất cả các hành động xác nhận theo mục này, với điều kiện là, bất kể luật nào khác:

(1) Địa điểm duy nhất để giải quyết mọi hành động xác nhận là Tòa Thượng thẩm Quận Sacramento, nơi tất cả các vụ kiện sẽ được hợp nhất ít nhất là để xét xử, hoặc trong phạm vi do tòa án quyết định.

(2) Mọi kháng cáo đối với phán quyết bất lợi của Tòa Thượng thẩm Quận Sacramento phải được gửi trực tiếp lên Tòa án Tối cao California, mà không cần qua quá trình xem xét kháng cáo trung gian.

(3) Nếu Tòa án Tối cao chấp thuận đơn yêu cầu xem xét lại thì tòa này sẽ xem xét mọi kháng cáo hoặc đơn khiếu nại liên quan đến tính hợp lệ của đạo luật này một cách nhanh chóng.

(4) Tùy thuộc vào sự điều chỉnh cần thiết của tòa án có thẩm quyền để tạo điều kiện cho việc ra quyết định tư pháp nhanh

chóng và hợp lý, Tòa Thượng thẩm Sacramento sẽ nỗ lực hết sức để giải quyết mọi vụ kiện xác nhận trước ngày 1 Tháng Tư, 2027, và Tòa án Tối cao California sẽ nỗ lực hết sức để giải quyết mọi thủ tục xem xét trước ngày 1 Tháng Mười Một, 2027, hoặc sớm nhất có thể sau đó. Lịch trình nộp bản lập luận và phiên điều trần sẽ được sắp xếp khi cần thiết để đáp ứng các ngày đã định.

(5) Mục 868 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sẽ không áp dụng cho các vụ kiện được khởi xướng theo mục này.

(e) Theo Mục 863 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiểu bang, cơ quan chính phủ, bất kỳ quan chức nào của cơ quan đó, bất kỳ người sử dụng lao động nào khác của chính phủ, người đề xuất, hoặc trong trường hợp không có người đề xuất, bất kỳ công dân nào của tiểu bang này đều là “người có quyền lợi liên quan”.

MỤC 8. Các dự luật mâu thuẫn.

Đạo luật này quy định việc đánh thuế vào giá trị tài sản ròng, chứ không phải thu nhập, của các tỷ phú. Trong trường hợp dự luật này và một dự luật khác đánh thuế hoặc ảnh hưởng đến thuế suất đối với giá trị tài sản ròng, không phải thu nhập, của các tỷ phú, hoặc quy định việc sử dụng quỹ từ thuế đánh vào giá trị tài sản ròng của tỷ phú, cùng xuất hiện trên một lá phiếu toàn tiểu bang, thì các điều khoản của dự luật hoặc các dự luật khác sẽ được coi là mâu thuẫn với dự luật này. Trong trường hợp dự luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn một dự luật được cho là mâu thuẫn với nó thì các điều khoản của dự luật này sẽ được ưu tiên áp dụng toàn bộ, và mọi điều khoản mâu thuẫn của dự luật hoặc các dự luật khác sẽ bị vô hiệu.

MỤC 9. Quyền khởi kiện của người đề xuất.

Mục đích của phần này là để đảm bảo việc bảo vệ đầy đủ và toàn diện đạo luật này, bảo vệ quyền đề xuất dự luật tiên khởi của người dân và quyền lựa chọn người sẽ bào chữa cho đạo luật này trước tòa án. Bất kể mọi quy định khác của pháp luật, tiểu bang, cơ quan chính phủ, bất kỳ quan chức nào của cơ quan đó, bất kỳ người sử dụng lao động nào khác của chính phủ, người đề xuất, hoặc trong trường hợp không có người đề xuất, bất kỳ công dân nào của tiểu bang này đều có thể bảo vệ tính hợp pháp của đạo luật này, như được quy định trong đó, thông qua hành động xác nhận hoặc bằng các phương thức khác, và được phép khởi kiện trực tiếp hoặc can thiệp nhằm mục đích bảo vệ đạo luật này, tại tòa sơ thẩm, tòa phúc thẩm, được xem xét lại bởi Tòa án Tối cao California hoặc trong quá trình thực thi thẩm quyền ban đầu của tòa án này, hoặc trước Tòa án Tối cao Hoa Kỳ. Các khoản phí và chi phí hợp lý để bảo vệ đạo luật và biện minh cho tính hợp lệ của đạo luật, nếu Tổng Chương lý không bảo vệ đạo luật, sẽ được trích từ ngân sách được cấp cho Tổng Chương lý và phải được thanh toán kịp thời.

DỰ LUẬT 41

Dự luật tiên khởi này được đệ trình để người dân xem xét theo các quy định tại Mục 8, Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung các mục vào Hiến pháp California; do đó, các điều khoản mới được đề xuất bổ sung được in bằng chữ nghiêng để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

MỤC 1. Tiêu đề.

Đạo luật này sẽ được gọi và có thể được trích dẫn là Đạo luật Cải thiện Tính minh bạch, Hiệu quả và Hiệu suất trong Chính phủ California năm 2026.

MỤC 2. Kết luận và Tuyên bố.

Nhân dân tiểu bang California xin tuyên bố và xác nhận những điều sau:

(a) Mỗi ngày, người dân California đều phải đối mặt với cuộc khủng hoảng về khả năng chi trả. Chi phí nhà ở, thực phẩm, điện, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm nhà cửa và xe cộ, cùng nhiều nhu yếu phẩm khác tiếp tục leo thang.

(b) Người dân California vốn đã nằm trong số những người đóng thuế cao nhất ở Hoa Kỳ. Một phân tích gần đây của một viện nghiên cứu phi đảng phái đã kết luận rằng California xếp thứ 48 trong cả nước về mức độ áp thuế đối với người dân, khi xét đến thuế thu nhập cá nhân, thuế bán hàng, thuế tài sản và các hình thức thuế khác. California có mức thuế bán hàng cao nhất cả nước, mức thuế thu nhập cao nhất và thuế xăng dầu cao nhất, cùng với nhiều chỉ số khác.

(c) Các chương trình công cộng cung cấp những dịch vụ rất cần thiết, bao gồm cả cho trẻ em, gia đình và những người yếu thế nhất trong tiểu bang của chúng ta. Nhưng hàng tỷ đô la tiền thuế của chúng ta đã được đổ vào các chương trình như nỗ lực giải quyết vấn đề vô gia cư, mà hiệu quả thu được lại quá ít.

(d) Trước khi yêu cầu người đóng thuế phải chi thêm tiền mồ hôi nước mắt của mình để hỗ trợ các chương trình không hiệu quả, chúng ta phải thiết lập sự minh bạch hơn và theo dõi được tiến độ cải thiện chương trình để đảm bảo chấm dứt tình trạng tài trợ thất bại và bắt đầu tài trợ cho những kết quả thành công. Chính phủ cần sử dụng tiền thuế của chúng ta một cách khôn ngoan hơn.

(e) Một số nỗ lực này đã và đang được tiến hành. Ví dụ, Chính quyền Newsom đã tìm cách tăng hiệu quả hoạt động của chính phủ thông qua việc sử dụng công nghệ và tự động hóa nhiều hơn, thành lập Văn phòng Đối mới Dữ liệu và hiện đại hóa Nha Lộ Vận. Điều này phù hợp với những nỗ lực trước đó mà Tổng thống Obama đã thực hiện ở cấp liên bang nhằm giảm lãng phí trong chính phủ và cắt giảm các chương trình hoạt động kém hiệu quả.

(f) Tuy nhiên, mặc dù những nỗ lực hiện tại là một khởi đầu tốt, nhưng cần phải làm nhiều hơn nữa để giảm thiểu sự thiếu hiệu quả và cắt giảm lãng phí của chính phủ. Ví dụ, các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng trong một số chương trình, cứ mỗi đô la chi tiêu thì có tới 25 xu bị lãng phí do thiếu hiệu quả.

(g) Tuy nhiên, Cơ quan Lập pháp và các nhóm lợi ích đặc biệt vẫn tiếp tục đề xuất các loại thuế mới và cao hơn cho các dự án riêng của họ mà không thực hiện công việc khó khăn là đảm bảo rằng các chương trình của chính phủ đang sử dụng nguồn thu hiện có một cách hiệu quả và tiết kiệm nhất có thể. Người dân California có quyền yêu cầu chính phủ tiểu bang cải thiện hiệu quả và năng suất của các chương trình, đồng thời cắt giảm lãng phí trước khi yêu cầu chúng ta đóng thuế cao hơn nữa—điều này chỉ làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt của chúng ta.

(h) Năm 1979, cử tri California đã thông qua mức trần chi tiêu của tiểu bang nhằm kiểm soát chi tiêu lãng phí và khuyến khích chính phủ hoạt động hiệu quả hơn, đồng thời hoàn trả bất kỳ khoản thu vượt quá giới hạn nào cho người đóng thuế. Tuy nhiên, trong những năm qua, các nhóm lợi ích đặc biệt đã liên tục thông qua các loại thuế mới nhằm miễn trừ họ khỏi giới hạn chi tiêu của tiểu bang. Điều này đẩy thuế lên cao hơn nữa và làm giảm khả năng hoàn trả khoản thu dư thừa của tiểu bang cho người đóng thuế.

(i) Để đảm bảo chi tiêu của tiểu bang không vượt quá tầm kiểm soát trước khi các yêu cầu về hiệu quả và minh bạch mới của đạo luật này phát huy tác dụng như mong muốn, chúng ta phải ngăn chặn bất kỳ loại thuế mới nào được miễn trừ khỏi giới hạn chi tiêu của tiểu bang. Việc bảo vệ giới hạn chi tiêu của tiểu bang đã được cử tri thông qua này là rất quan trọng để chính quyền tiểu bang quản lý tiền thuế của người dân California tốt hơn, đúng như mục đích của đạo luật này. Chính phủ sẽ có nhiều khả năng chi tiêu tiền thuế của người dân một cách hiệu quả và tiết kiệm hơn khi chính phủ phải sống trong phạm vi ngân sách cho phép và tuân thủ giới hạn chi tiêu của tiểu bang.

MỤC 3. Tuyên bố Mục đích.

Khi ban hành đạo luật này, mục đích và ý định của người dân bang California là yêu cầu Kiểm toán viên Tiểu bang California tiến hành kiểm toán trước và liên tục đối với tất cả các chương trình của tiểu bang nhằm mục đích nhận doanh thu từ các loại thuế đặc biệt mới hoặc cao hơn. Các cuộc kiểm toán phải xác định các lĩnh vực có tiềm năng tiết kiệm và cải thiện, và kết quả phải được công khai để đảm bảo rằng nguồn kinh phí bổ sung thực sự cần thiết, các chương trình công cộng đang mang lại kết quả và tiền thuế của người dân không bị lãng phí hoặc sử dụng sai mục đích - đồng thời cũng phải cấm các trường hợp ngoại lệ đối với giới hạn chi tiêu của tiểu bang, điều này buộc chính phủ tiểu bang phải hoạt động hiệu quả và có kỷ luật.

MỤC 4. Điều XXIV được bổ sung vào Hiến pháp California, có nội dung như sau:

ĐIỀU XXIV

BẢO VỆ TIỀN THUẾ CỦA NGƯỜI DÂN

Mục 1. Kiểm toán trước bầu cử đối với các đề xuất thuế đặc biệt

(a) Khi một chứng nhận cho sáng kiến thuế đặc biệt được đề xuất được đệ trình lên Tổng Thư ký Tiểu bang theo tiểu mục (a) của Mục 9034 của Bộ luật Bầu cử, Kiểm toán viên Tiểu bang California sẽ bắt đầu chuẩn bị một cuộc kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động trước bầu cử cho mỗi chương trình sẽ nhận tiền từ thuế đặc biệt.

(b) Cuộc kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động trước bầu cử tối thiểu phải đề cập đến tất cả các vấn đề sau:

(1) Liệu chương trình hiện đang thu mua các nguồn lực, bao gồm nhân sự, thiết bị, công nghệ và phần mềm máy tính, cũng như cơ sở vật chất, với chi phí thấp nhất mà vẫn đảm bảo chất lượng yêu cầu hay không.

(2) Liệu chương trình đó có tối đa hóa hiệu quả đầu ra cho mỗi đô la chi tiêu hay không.

(3) Mức độ mà chương trình thực sự đạt được các mục tiêu và kết quả dự định.

(4) Mức độ gian lận, lãng phí và lạm dụng thực tế và tiềm tàng trong chương trình, cũng như tính hiệu quả của các hệ thống hiện có nhằm ngăn chặn gian lận, lãng phí và lạm dụng.

(5) Đánh giá xem chương trình có tuân thủ các luật, quy định và chính sách nội bộ có liên quan hay không.

(6) Đánh giá xem chương trình đã xác định được những mối đe dọa lớn nhất và có kế hoạch giảm thiểu chúng hay chưa.

(7) Mức độ chính xác và độ tin cậy của dữ liệu mà chương trình sử dụng hoặc dựa vào để đưa ra quyết định.

(8) Liệu chương trình đó có đủ các kênh trách nhiệm và giám sát cần thiết hay không.

(9) So sánh chi phí của chương trình này với các chương trình tương tự trong khu vực phi chính phủ.

(10) Đề xuất các phương án để chương trình có thể tiết kiệm ngân sách ít nhất 10 phần trăm mỗi năm.

(c) Trong quá trình chuẩn bị báo cáo kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động trước bầu cử theo yêu cầu của mục này, Kiểm toán viên Tiểu bang California sẽ mời ý kiến đóng góp từ Văn phòng Phân tích Lập pháp (LAO), và có thể dựa vào thông tin có trong các báo cáo, phân tích và khuyến nghị của văn phòng này.

(d) Kiểm toán viên Tiểu bang California sẽ đưa vào báo cáo kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động trước bầu cử một bản tóm tắt điều hành, tóm tắt tất cả các phát hiện và khuyến nghị về các vấn đề được mô tả trong tiểu mục (b).

(e) (1) Bản sao báo cáo kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động trước bầu cử sẽ được gửi đến Thống đốc, Cơ quan lập pháp và Tổng Thư ký Tiểu bang, đồng thời được đăng tải trên trang web của Kiểm toán viên Tiểu bang California và công khai cho công chúng.

(2) Nếu sáng kiến thuế đặc biệt đủ điều kiện để đưa vào lá phiếu theo quy định tại Điều II, bản tóm tắt các mục chính từ cuộc kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động trước bầu cử sẽ được in trong hướng dẫn thông tin cho cử tri của tiểu bang ngay sau bản phân tích khách quan do Nhà phân tích Lập pháp chuẩn bị. Kiểm toán viên Tiểu bang California sẽ hoàn thành cuộc kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động trước bầu cử, bao gồm cả bản tóm tắt các mục chính, trong thời hạn đủ để đáp ứng thời hạn công bố thông tin hướng dẫn cho cử tri của tiểu bang.

(f) Nếu sáng kiến thuế đặc biệt được cử tri thông qua, Kiểm toán viên Tiểu bang California sẽ được hoàn trả từ nguồn thu từ sáng kiến thuế đặc biệt các chi phí hợp lý phát sinh trong việc chuẩn bị báo cáo kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động trước bầu cử, theo quyết định của Kiểm soát viên.

Mục 2. Kiểm toán thường xuyên đối với tất cả các loại thuế đặc biệt mới hoặc cao hơn

(a) (1) Đối với tất cả các loại thuế đặc biệt do Cơ quan Lập pháp hoặc một dự luật tiền khởi toàn tiểu bang ban hành vào hoặc sau ngày 1 Tháng Một, 2026, Kiểm toán viên Tiểu bang California sẽ tiến hành kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động thường xuyên của từng chương trình nhận tiền từ thuế đặc biệt.

(2) Kể từ ngày có hiệu lực của thuế đặc biệt, việc kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động thường xuyên phải được hoàn thành bốn năm một lần.

(b) Cuộc kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động thường xuyên theo yêu cầu của phần này phải đề cập đến những điều sau:

(1) Tất cả các vấn đề được mô tả trong tiểu mục (b) của Mục 1 của điều này.

(2) Các khuyến nghị về cách chương trình có thể cải thiện hiệu quả và cắt giảm chi phí hoặc giảm bớt gánh nặng mà chương trình gây ra cho người nộp thuế và doanh thu của tiểu bang.

(c) (1) Trong quá trình chuẩn bị các cuộc kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động liên tục theo yêu cầu của phần này, Kiểm toán viên Tiểu bang California sẽ mời ý kiến đóng góp từ Văn phòng Phân tích Lập pháp (LAO) và có thể dựa vào thông tin có trong các báo cáo, phân tích và khuyến nghị của văn phòng.

(2) Kiểm toán viên Tiểu bang California cũng sẽ mời công chúng đóng góp ý kiến để xây dựng các tiêu chuẩn mà cơ quan này sử dụng trong việc đo lường hiệu quả của các chương trình và xác định cách thức chi tiêu tiền thuế hiệu quả hơn.

(d) Kiểm toán viên Tiểu bang California sẽ được hoàn trả từ nguồn thu của thuế đặc biệt các chi phí hợp lý phát sinh trong việc chuẩn bị các cuộc kiểm toán tài chính và hiệu quả hoạt động thường xuyên, theo quyết định của Kiểm soát viên.

Mục 3. Cấm miễn trừ khỏi giới hạn chi tiêu của tiểu bang

(a) Không có loại thuế tiểu bang nào được ban hành hoặc có hiệu lực vào hoặc sau ngày 1 Tháng Một, 2026 được miễn trừ hoặc loại trừ khỏi Giới hạn Chi tiêu của Chính phủ.

(b) Tiểu bang California sẽ không áp đặt, thu hoặc thực thi bất kỳ loại thuế tiểu bang nào được ban hành hoặc có hiệu lực vào hoặc sau ngày 1 Tháng Một, 2026, nếu loại thuế tiểu bang đó được miễn hoặc loại trừ khỏi Giới hạn Chi tiêu của Chính phủ.

Mục 4. Vì mục đích của điều này:

(a) “Kiểm toán viên Tiểu bang California” có nghĩa là Kiểm toán viên Tiểu bang California như được mô tả trong Chương 6.5 (bắt đầu từ Mục 8543) của Phần 1 thuộc Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ.

(b) “Được miễn trừ hoặc loại trừ khỏi Giới hạn Chi tiêu của Chính phủ” có nghĩa là một trong hai điều sau đây:

(1) Doanh thu từ thuế tiểu bang được gửi toàn bộ hoặc một phần vào một quỹ hoặc tài khoản cụ thể bên ngoài Quỹ Chung và các khoản phân bổ từ quỹ hoặc tài khoản cụ thể đó không được bao gồm trong các khoản phân bổ chịu giới hạn của mỗi thực thể chính phủ và Tiểu bang California theo Điều XIII B.

(2) Giới hạn phân bổ ngân sách cho Tiểu bang California được tăng lên theo luật theo Mục 4 của Điều XIII B.

(c) “Giới hạn Chi tiêu của Chính phủ” có nghĩa là Điều XIII B.

(d) “Thuế đặc biệt” là loại thuế chỉ được sử dụng để tài trợ cho các mục đích cụ thể, chứ không phải là các mục đích không giới hạn.

(e) “Sáng kiến thuế đặc biệt” có nghĩa là một dự luật tiên khởi được đề xuất theo Mục 8 của Điều II hoặc Mục 3 của Điều XVIII, trong đó có nội dung về thuế đặc biệt.

Mục 5. Điều khoản này áp dụng cho tất cả các dự luật tiên khởi cấp tiểu bang được trình lên cử tri kể từ ngày 1 Tháng Một, 2026 trở đi, bao gồm cả các dự luật xuất hiện trên lá phiếu trong cùng cuộc bầu cử mà dự luật bổ sung điều khoản này được cử tri thông qua.

MỤC 5. Các dự luật mâu thuẫn.

(a) (1) Trong trường hợp dự luật tiên khởi này xuất hiện trên cùng một lá phiếu bầu cử toàn tiểu bang như một dự luật tiên khởi khác mà (A) áp đặt các quy tắc kiểm toán khác nhau đối với các khoản thuế đặc biệt; hoặc (B) có thuế tiểu bang được miễn hoặc loại trừ khỏi Giới hạn Chi tiêu của Chính phủ, thì dự luật tiên khởi khác đó sẽ được coi là mâu thuẫn với dự luật này. Trong trường hợp dự luật tiên khởi này nhận được nhiều phiếu thuận hơn thì các điều khoản của dự luật này sẽ được áp dụng toàn bộ, và tất cả các điều khoản của dự luật kia sẽ bị vô hiệu.

(2) Đối với mục đích của phần này, “thuế đặc biệt” sẽ có nghĩa giống như được quy định tại Mục 4 của đạo luật này.

(b) Nếu dự luật tiên khởi này được cử tri thông qua nhưng bị thay thế toàn bộ hoặc một phần bởi một dự luật tiên khởi khác mâu thuẫn đã được cử tri thông qua trong cùng cuộc bầu cử, và dự luật mâu thuẫn đó sau này bị tuyên bố vô hiệu, thì dự luật này sẽ tự động có hiệu lực và được áp dụng đầy đủ.

MỤC 6. Hiệu lực từng phần.

Các điều khoản của đạo luật này có thể tách rời nhau. Nếu bất kỳ phần, mục, tiểu mục, đoạn văn, mệnh đề, tiểu mệnh đề, câu, cụm từ, từ ngữ hoặc ứng dụng nào của đạo luật này vì bất kỳ lý do nào bị tòa án có thẩm quyền tuyên bố là không hợp lệ, thì quyết định đó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần còn lại của đạo luật này. Nhân dân tiểu bang California tuyên bố rằng họ sẽ thông qua đạo luật này và mọi phần, mục, tiểu mục, đoạn, mệnh đề, tiểu mệnh đề, câu, cụm từ, từ ngữ và ứng dụng nào không bị tuyên bố là vô hiệu hoặc vi hiến, bất kể bất kỳ phần nào của đạo luật này hoặc ứng dụng của nó sau đó có bị tuyên bố là vô hiệu hay không.

MỤC 7. Ngày có hiệu lực.

Đạo luật này sẽ có hiệu lực vào thời điểm sớm nhất có thể theo quy định tại Mục 10, Điều II của Hiến pháp California. Đạo luật này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày có hiệu lực.

MỤC 8. Giải thích theo nghĩa rộng.

Đạo luật này sẽ được giải thích một cách rộng rãi để đạt được mục đích và ý định của nó.

MỤC 9. Bảo vệ pháp lý.

Mục đích của mục này là đảm bảo rằng quyền tham gia vào dự luật tiên khởi quý giá của người dân không thể bị vô hiệu hóa một cách không hợp lệ bởi các chính trị gia tiểu bang,

những người từ chối bảo vệ ý chí của cử tri. Do đó, nếu đạo luật này được cử tri của Tiểu bang California thông qua và sau đó bị thách thức pháp lý nhằm hạn chế phạm vi hoặc việc áp dụng đạo luật này theo bất kỳ cách nào, hoặc cáo buộc đạo luật này vi phạm bất kỳ luật tiểu bang hoặc liên bang nào, toàn bộ hoặc một phần, và cả Thống đốc lẫn Tổng Chương lý đều từ chối bảo vệ đạo luật này đến mức tối đa có thể thay mặt cho Tiểu bang California, thì các hành động sau đây sẽ được thực hiện:

(a) Bất kể mọi điều trái ngược được quy định trong Chương 6 (bắt đầu từ Mục 12500) của Phần 2 thuộc Phần 3 của Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ hoặc bất kỳ luật nào khác, Tổng Chương lý sẽ bổ nhiệm luật sư độc lập để bảo vệ một cách trung thực và mạnh mẽ đạo luật này đến mức tối đa có thể thay mặt cho Tiểu bang California.

(b) Trước khi bổ nhiệm hoặc thay thế luật sư độc lập, Tổng Chương lý phải thực hiện sự cân trọng cần thiết trong việc xác định trình độ của luật sư độc lập và phải nhận được xác nhận bằng văn bản từ luật sư độc lập rằng luật sư độc lập sẽ trung thực và mạnh mẽ bảo vệ đạo luật này đến mức tối đa có thể. Bản xác nhận bằng văn bản sẽ được công khai ngay lập tức khi có yêu cầu.

(c) Để hỗ trợ việc bảo vệ đạo luật này trong trường hợp Thống đốc và Tổng Chương lý không thực hiện được điều đó bất chấp ý muốn của cử tri, một khoản ngân sách liên tục được trích từ Quỹ Chung để cấp cho Kiểm soát viên, không phụ thuộc vào năm tài chính, với số tiền cần thiết để trang trải chi phí thuê luật sư độc lập nhằm bảo vệ một cách trung thực và mạnh mẽ đạo luật này thay mặt cho Tiểu bang California đến mức tối đa có thể.

DỰ LUẬT 42

Dự luật tiên khởi này được đệ trình để người dân xem xét theo các quy định tại Mục 8, Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung các mục vào Hiến pháp California; do đó, các điều khoản mới được đề xuất bổ sung được in bằng *chữ nghiêng* để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

MỤC 1. Tiêu đề.

Đạo luật này sẽ được gọi là, và có thể được trích dẫn là, Đạo luật Bảo vệ Hưu trí và Tiết kiệm Cá nhân năm 2026.

Điều 2. Kết luận và Tuyên bố.

(a) Các gia đình ở California đang phải trả nhiều tiền hơn cho mọi thứ và chúng ta vốn đã phải trả một trong những mức thuế cao nhất cả nước. Một phân tích gần đây của một viện nghiên cứu phi đảng phái đã kết luận rằng California xếp thứ 3 từ dưới lên trong cả nước về việc áp thuế lên người dân, khi xét đến thuế thu nhập cá nhân, thuế bán hàng, thuế bất động sản và các hình thức thuế khác. Về khía cạnh này, California chỉ đứng sau New Jersey và Đặc khu Columbia. California cũng có mức thuế bán hàng cao nhất cả nước, mức thuế thu nhập cao nhất và thuế xăng dầu cao nhất, cùng với nhiều chỉ số khác.

(b) Hàng ngày, người dân California cũng đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng về khả năng chi trả. Chi phí nhà ở, thực phẩm, điện, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm nhà cửa và xe cộ, cùng nhiều nhu yếu phẩm khác tiếp tục leo thang. Người dân California đang phải vật lộn về kinh tế chỉ để kiếm đủ sống qua ngày. Việc tiết kiệm cho tuổi già hoặc cho những lúc khó khăn thậm chí còn khó hơn. Với chi phí sinh hoạt cực kỳ cao ở tiểu bang này, một phân tích gần đây cho thấy người dân California cần tiết kiệm được \$2.3 triệu nếu muốn nghỉ hưu thoải mái trong 20 năm. Đây là một khoản tiền không thể đáp ứng nổi đối với nhiều người dân California.

(c) Tệ hơn nữa, các chính trị gia và các nhóm lợi ích đặc biệt muốn bắt đầu đánh thuế vào các khoản tiết kiệm hưu trí, tài sản cá nhân và các hình thức tiết kiệm cá nhân khác - mặc dù "Giấc mơ California" ngày càng xa tầm với của nhiều người trong chúng ta và nhiều người dân California đang phải vật lộn để tiết kiệm đủ tiền cho việc nghỉ hưu. Dưới đây chỉ là một vài trong số những rủi ro tiềm ẩn:

(1) Giáo viên, cảnh sát, lính cứu hỏa và các nhân viên tận tâm khác được hưởng chế độ lương hưu xác định trước. Họ có thể bị đánh thuế vào giá trị *tương lai* của khoản trợ cấp hưu trí và bị buộc phải trả tiền cho chính phủ trước khi nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ lương hưu.

(2) Những người dân California đóng góp vào các kế hoạch hưu trí 401(k) và tài khoản hưu trí cá nhân (IRA), cũng như đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, quỹ tương hỗ và các khoản đầu tư khác có thể bị đánh thuế trên giá trị khoản tiết kiệm hưu trí của họ. Điều này có thể khiến người lao động mất đi một phần tiền tiết kiệm mà họ đã vất vả tích lũy được, dẫn đến việc họ phải trì hoãn nghỉ hưu và trở nên dễ bị tổn thương hơn về kinh tế khi về già.

(d) California hiện đã áp dụng thuế thu nhập, thuế lợi tức vốn, thuế bất động sản, thuế tài sản cá nhân, thuế doanh nghiệp, thuế bán hàng và sử dụng, thuế giao dịch bất động sản và nhiều loại thuế khác đối với cư dân của mình. Ngoài ra, một khi người dân California bắt đầu sử dụng khoản tiền tiết kiệm hưu trí, bán tài sản cá nhân hoặc nhận thấy sự tăng trưởng trong các khoản tiết kiệm cá nhân khác, họ sẽ phải chịu thuế thu nhập, thuế lãi vốn và thuế tài sản của tiểu bang. Nhưng các chính trị gia và các nhóm lợi ích đặc biệt nên bị cấm đánh thuế chỉ đơn thuần vào quyền sở hữu hoặc kiểm soát tài sản cá nhân như quỹ hưu trí, tài sản sở hữu cá nhân và các hình thức tiết kiệm cá nhân khác mà người dân California đã vất vả tích lũy được.

(e) Thuế hồi tố có thể gây ra những hậu quả tàn khốc tương tự đối với kế hoạch hưu trí và khoản tiết kiệm cá nhân của người dân California. Các nguyên tắc cơ bản về sự công bằng trong một xã hội dân chủ đòi hỏi các cá nhân, gia đình và doanh nghiệp phải hiểu và dựa vào các luật thuế chi phối kế hoạch tài chính của họ để có thể đưa ra quyết định sau khi đã nắm rõ các quy định.

(f) Khả năng của người dân California trong việc lập kế hoạch và đạt được các mục tiêu tài chính và hưu trí phụ thuộc vào việc nắm được trước các nghĩa vụ thuế áp dụng cho họ. Việc thay đổi luật thuế theo cách hồi tố là hoàn toàn không công bằng và làm suy yếu niềm tin vào chính phủ, gây gián đoạn

kế hoạch nghỉ hưu và tài chính, đồng thời ngăn cản người dân và doanh nghiệp chuẩn bị cho tương lai.

(g) Các chính trị gia và các nhóm lợi ích đặc biệt ở Sacramento đã lãng phí hàng tỷ đô la tiền thuế của chúng ta vào các chương trình kém hiệu quả và không mang lại kết quả. Nhưng họ cứ liên tục quay lại để đòi thêm tiền của chúng ta bằng những đề xuất thuế mới. Họ không cần phải đánh thuế vào khoản tiết kiệm hưu trí của chúng ta hoặc đánh thuế hồi tố dựa trên hành vi, hoạt động hoặc địa vị trong quá khứ — họ cần phải đạt được kết quả tốt hơn với số tiền mà người đóng thuế đã giao cho họ chi tiêu.

MỤC 3. Tuyên bố Mục đích.

Khi ban hành đạo luật này, mục đích và ý định của người dân bang California là bảo vệ khả năng tiết kiệm cho tương lai của người dân California bằng cách cấm áp đặt các loại thuế mới đối với tài sản cá nhân của chúng ta, bao gồm quyền sở hữu hoặc kiểm soát các khoản đầu tư hưu trí, tài sản sở hữu cá nhân và các hình thức tiết kiệm cá nhân khác, cũng như yêu cầu tất cả các loại thuế mới chỉ được áp dụng trong tương lai.

MỤC 4. Điều VIII được bổ sung vào Hiến pháp California, nội dung như sau:

ĐIỀU VIII

Mục 1. Cấm đánh thuế vào các khoản tiết kiệm hưu trí, tài sản cá nhân và các hình thức tiết kiệm cá nhân khác

(a) Không có luật tiểu bang nào và không có điều khoản nào của Hiến pháp này được ban hành vào hoặc sau ngày 1 Tháng Một, 2026 có thể ban hành, tạo ra, áp đặt hoặc cho phép thu thuế đối với quyền sở hữu hoặc kiểm soát các khoản đầu tư hưu trí, tài sản sở hữu cá nhân và các hình thức tiết kiệm cá nhân khác, dù được nắm giữ trực tiếp hay gián tiếp.

(b) Không có điều khoản nào trong phần này làm thay đổi hoặc hạn chế việc áp đặt hoặc thu bất kỳ loại thuế nào đã có hiệu lực, được áp đặt và thu lần đầu tiên vào hoặc trước ngày 31 Tháng Mười Hai, 2025.

(c) Không có điều khoản nào trong phần này làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến việc đánh thuế bất động sản như đã được quy định trong các điều khoản khác của Hiến pháp này.

Mục 2. Cấm áp thuế hồi tố

(a) (1) Không có luật tiểu bang nào và không có điều khoản nào của Hiến pháp này được ban hành vào hoặc sau ngày 1 Tháng Một 2026, có thể ban hành, tạo ra, áp đặt hoặc cho phép thu thuế có hiệu lực hồi tố dẫn đến nghĩa vụ thuế dựa trên hành vi, hoạt động hoặc tình trạng đã xảy ra hoặc hiện hữu trước ngày có hiệu lực của luật tiểu bang hoặc điều khoản hiến pháp.

(2) Tiểu mục này cũng áp dụng cho thuế được áp đặt lên người nộp thuế dựa trên tình trạng cư trú của họ vào một ngày trước ngày có hiệu lực của thuế.

(b) Không có quy định nào trong tiểu mục (a) sẽ thay đổi hoặc hạn chế việc áp đặt hoặc thu bất kỳ loại thuế nào đã có hiệu lực, được áp đặt và thu lần đầu tiên vào hoặc trước ngày 31 Tháng Mười Hai, 2025.

(c) Tiểu mục (a) sẽ không áp dụng cho thuế do luật được Cơ quan Lập pháp thông qua vào hoặc sau ngày 1 Tháng Một, 2026, trong trường hợp cả hai điều sau đây đều đúng:

(1) Thuế này không áp dụng hồi tố cho thời gian quá 365 ngày trước ngày luật có hiệu lực.

(2) Ít nhất một trong các điều kiện sau đây phải tồn tại:

(A) Thống đốc tuyên bố tình trạng khẩn cấp do hỏa hoạn, lũ lụt, bão tố, rối loạn dân sự, động đất, núi lửa phun trào, hoặc cuộc tấn công thực tế hoặc sắp xảy ra của kẻ thù nước ngoài, và việc sử dụng nguồn thu từ thuế được luật định rõ ràng chỉ dành cho việc ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

(B) Thống đốc tuyên bố tình trạng khẩn cấp về tài chính theo tiểu mục (f) của Mục 10 thuộc Điều IV và việc sử dụng doanh thu từ thuế bị giới hạn rõ ràng theo luật để ứng phó với tình trạng khẩn cấp về tài chính.

Mục 3. Định nghĩa

Đối với các mục đích của điều này, các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng:

(a) “Tài sản hữu trí, tài sản sở hữu cá nhân và các hình thức tiết kiệm cá nhân khác” bao gồm lương hưu; tài khoản hưu trí, bao gồm nhưng không giới hạn ở tài khoản 401(k), tài khoản 403(b) và tất cả các tài khoản hưu trí cá nhân khác; quỹ tương hỗ; và tất cả tài sản cá nhân, dù hữu hình hay vô hình, bao gồm nhưng không giới hạn ở tài sản tài chính, tài khoản đầu tư, lợi ích kinh doanh, tài sản kỹ thuật số, sở hữu trí tuệ, đồ dùng cá nhân và các tài sản khác được sử dụng để tạo ra hoặc thu nhập hoặc tiết kiệm cho việc nghỉ hưu hoặc lập kế hoạch tài chính.

(b) “Thuế” có nghĩa là thuế được định nghĩa trong tiểu mục (b) của Mục 3 Điều XIII A.

Mục 4. Áp dụng Điều khoản

Điều khoản này áp dụng cho tất cả các dự luật tiên khởi cấp tiểu bang được trình lên cử tri kể từ ngày 1 Tháng Một, 2026 trở đi, bao gồm cả các dự luật xuất hiện trên lá phiếu trong cùng cuộc bầu cử mà dự luật bổ sung điều khoản này được cử tri thông qua.

Mục 5. Các dự luật mâu thuẫn.

(a) (1) Trong trường hợp dự luật tiên khởi này xuất hiện trên cùng một lá phiếu bầu cử toàn tiểu bang với một dự luật tiên khởi khác nhằm thiết lập, ban hành, tạo ra, áp đặt hoặc cho phép thu thuế đối với quyền sở hữu hoặc kiểm soát các khoản đầu tư hưu trí, tài sản sở hữu cá nhân và các hình thức tiết kiệm cá nhân khác, hoặc ban hành một loại thuế dẫn đến nghĩa vụ thuế dựa trên hành vi, hoạt động hoặc tình trạng đã xảy ra hoặc tồn tại trước ngày có hiệu lực của dự luật tiên khởi này, thì dự luật tiên khởi kia sẽ được coi là mâu thuẫn với dự luật này. Trong trường hợp dự luật tiên khởi này nhận được nhiều phiếu thuận hơn thì các điều khoản của dự luật này sẽ được áp dụng toàn bộ, và tất cả các điều khoản của dự luật kia sẽ bị vô hiệu.

(2) Theo mục này, “các khoản đầu tư hưu trí, tài sản sở hữu cá nhân và các hình thức tiết kiệm cá nhân khác” sẽ có cùng ý nghĩa như được đề xuất trong Mục 3 của Điều VIII Hiến pháp California như được nêu trong Mục 4 của đạo luật này.

(b) Nếu dự luật tiên khởi này được cử tri thông qua nhưng bị thay thế toàn bộ hoặc một phần bởi một dự luật tiên khởi khác mâu thuẫn đã được cử tri thông qua trong cùng cuộc bầu cử, và dự luật mâu thuẫn đó sau này bị tuyên bố vô hiệu, thì dự luật này sẽ tự động có hiệu lực và được áp dụng đầy đủ.

MỤC 6. Hiệu lực từng phần.

Các điều khoản của đạo luật này có thể tách rời nhau. Nếu bất kỳ phần, mục, tiểu mục, đoạn văn, mệnh đề, tiểu mệnh đề, câu, cụm từ, từ ngữ hoặc ứng dụng nào của đạo luật này vi bất kỳ lý do nào bị tòa án có thẩm quyền tuyên bố là không hợp lệ, thì quyết định đó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần còn lại của đạo luật này. Nhân dân tiểu bang California tuyên bố rằng họ sẽ thông qua đạo luật này và mọi phần, mục, tiểu mục, đoạn, mệnh đề, tiểu mệnh đề, câu, cụm từ, từ ngữ và ứng dụng nào không bị tuyên bố là vô hiệu hoặc vi hiến, bất kể bất kỳ phần nào của đạo luật này hoặc ứng dụng của nó sau đó có bị tuyên bố là vô hiệu hay không.

MỤC 7. Ngày có hiệu lực.

Đạo luật này sẽ có hiệu lực vào thời điểm sớm nhất có thể theo quy định tại Mục 10, Điều II của Hiến pháp California. Đạo luật này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày có hiệu lực.

MỤC 8. Giải thích theo nghĩa rộng.

Đạo luật này sẽ được giải thích một cách rộng rãi để đạt được mục đích và ý định của nó.

MỤC 9. Bảo vệ pháp lý.

Mục đích của mục này là đảm bảo rằng quyền tham gia vào dự luật tiên khởi quý giá của người dân không thể bị vô hiệu hóa một cách không hợp lệ bởi các chính trị gia tiểu bang, những người từ chối bảo vệ ý chí của cử tri. Do đó, nếu đạo luật này được cử tri của Tiểu bang California thông qua và sau đó bị thách thức pháp lý nhằm hạn chế phạm vi hoặc việc áp dụng đạo luật này theo bất kỳ cách nào, hoặc cáo buộc đạo luật này vi phạm bất kỳ luật tiểu bang hoặc liên bang nào, toàn bộ hoặc một phần, và cả Thống đốc lẫn Tổng Chương lý đều từ chối bảo vệ đạo luật này đến mức tối đa có thể thay mặt cho Tiểu bang California, thì các hành động sau đây sẽ được thực hiện:

(a) Bất kể mọi điều trái ngược được quy định trong Chương 6 (bắt đầu từ Mục 12500) của Phần 2 thuộc Phần 3 của Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ hoặc bất kỳ luật nào khác, Tổng Chương lý sẽ bổ nhiệm luật sư độc lập để bảo vệ một cách trung thực và mạnh mẽ đạo luật này đến mức tối đa có thể thay mặt cho Tiểu bang California.

(b) Trước khi bổ nhiệm hoặc thay thế luật sư độc lập, Tổng Chương lý phải thực hiện sự cân trọng cần thiết trong việc xác định trình độ của luật sư độc lập và phải nhận được xác nhận bằng văn bản từ luật sư độc lập rằng luật sư độc lập sẽ trung thực và mạnh mẽ bảo vệ đạo luật này đến mức tối đa có thể. Bản xác nhận bằng văn bản sẽ được công khai ngay lập tức khi có yêu cầu.

(c) Để hỗ trợ việc bảo vệ đạo luật này trong trường hợp Thống đốc và Tổng Chương lý không thực hiện được điều đó bất chấp ý muốn của cử tri, một khoản ngân sách liên tục được trích từ Quỹ Chung để cấp cho Kiểm soát viên, không phụ thuộc vào năm tài chính, với số tiền cần thiết để trang trải chi phí thuê luật sư độc lập nhằm bảo vệ một cách trung thực và mạnh mẽ đạo luật này thay mặt cho Tiểu bang California đến mức tối đa có thể.

DỰ LUẬT 43

Bản sửa đổi này được đề xuất bởi Tu chính án Hiến pháp do Hạ viện đề xuất số 22 Phiên họp Thường kỳ 2025–2026 (Nghị quyết Chương 132, Điều Luật năm 2026) sửa đổi rõ ràng Hiến pháp California bằng cách thêm một điều khoản vào đó; do đó, các điều khoản mới được đề xuất bổ sung được in bằng *chữ nghiêng* để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

TU CHÍNH ĐƯỢC ĐỀ XUẤT CHO ĐIỀU XIII A

Mục 4.5 được thêm vào Điều XIII A của văn bản đó, như sau:

MỤC 4.5. (a) *Bắt đầu từ ngày 1 Tháng Một, 2027, và bất kể quy định tại Điều II và Điều XI, không chính quyền địa phương nào, kể cả cử tri của chính quyền địa phương thực hiện quyền sáng kiến, được phép áp đặt, gia hạn hoặc tăng bất kỳ loại thuế đặc biệt nào, trừ trường hợp được quy định tại Mục 4 của điều này, tiểu mục (d) của Mục 2 của Điều XIII C và đoạn (2) của tiểu mục (a) của Mục 3 của Điều XIII D, trừ khi và cho đến khi loại thuế đó được trình lên cử tri và được chấp thuận bằng hai phần ba số phiếu.*

(b) *Bất kể quy định tại Điều II và Điều XI, không chính quyền địa phương nào, kể cả cử tri của chính quyền địa phương thực hiện quyền sáng kiến, có thể áp đặt thuế theo giá trị tài sản bất động sản, trừ trường hợp được quy định tại đoạn (1) của tiểu mục (a) của Mục 3 Điều XIII D.*

(c) *“Chính quyền địa phương” và “thuế đặc biệt” có cùng nghĩa như quy định tại Mục 1 Điều XIII C.*

DỰ LUẬT 44

Dự luật tiên khởi này được đệ trình để người dân xem xét theo các quy định tại Mục 8, Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung các mục vào Bộ luật Doanh nghiệp, Bộ luật Chính phủ, và Bộ luật Sức khỏe và An toàn; do đó, các điều khoản mới được đề xuất bổ sung được in bằng *chữ nghiêng* để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

MỤC 1. Tiêu đề.

Dự luật này sẽ được gọi và có thể được trích dẫn là “Đạo luật về Trách nhiệm giải trình và Minh bạch trong Tài trợ cho Phòng khám”.

MỤC 2. Kết luận và Tuyên bố.

Người dân Tiểu Bang California phát hiện và tuyên bố tất cả những điều sau:

(a) Các Trung tâm Y tế Đủ điều kiện Liên bang (FQHC) là một hình thức phòng khám cộng đồng đóng vai trò

nền tảng trong mạng lưới an sinh chăm sóc sức khỏe của California, vì sứ mệnh của chúng là cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và phòng ngừa cho các cộng đồng thu nhập thấp và thiếu thốn dịch vụ.

(b) Hầu hết các FQHC trong tiểu bang được điều hành bởi các tổ chức phi lợi nhuận do một ban quản lý điều hành, có trách nhiệm đảm bảo rằng phòng khám đáp ứng được sứ mệnh của mình với tư cách là nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và là một tập đoàn phi lợi nhuận vì lợi ích công cộng, được hưởng các miễn giảm thuế của tiểu bang và liên bang.

(c) Ban quản lý phòng khám có trách nhiệm quan trọng và nắm giữ nhiều quyền hạn trong các quyết định về cơ cấu tổ chức và chế độ đãi ngộ, bao gồm cả Giám đốc Điều hành và các lãnh đạo cấp cao khác.

(d) Mặc dù luật hiện hành của tiểu bang yêu cầu hội đồng quản trị của các tổ chức phi lợi nhuận phải xem xét và phê duyệt mức lương của Giám đốc Điều hành và Giám đốc Tài chính để đảm bảo tính công bằng và hợp lý, nhiều phòng khám vẫn chỉ một phần doanh thu quá lớn cho lương của ban điều hành, dẫn đến việc đầu tư không đủ vào các dịch vụ cốt lõi dành cho bệnh nhân.

(e) Từ năm 2018, tất cả các tổ chức phi lợi nhuận, bao gồm cả các phòng khám, đều phải báo cáo cho Sở Thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) hàng năm về số tiền chi phí liên quan đến hoạt động của tổ chức, tức là các chi phí “chương trình” cũng như các chi phí “quản lý và hành chính”. Nhiều phòng khám ở California phải chịu chi phí quản lý và hành chính cao hơn nhiều so với mức trung bình—đôi khi lên tới 30 đến 40 phần trăm tổng doanh thu—trong khi một số phòng khám khác lại chỉ ít hơn 10 phần trăm.

(f) Nhiều phòng khám thu được lợi nhuận rất cao, đôi khi báo cáo thặng dư hàng năm lên tới 20 phần trăm tổng doanh thu, thay vì sử dụng số tiền đó theo cách phù hợp với sứ mệnh từ thiện của họ.

(g) Đào tạo, tuyển dụng và giữ chân nhân viên là những vấn đề nan giải đối với các phòng khám ở California. Các nhân viên phòng khám báo cáo về tình trạng thiếu nhân lực trầm trọng, khối lượng công việc cao và tỷ lệ luân chuyển nhân viên cao, cũng như thời gian chờ đợi lâu của bệnh nhân.

(h) Mục đích của dự luật này là tạo ra một tiêu chuẩn tối thiểu hợp lý về chi tiêu hướng đến nhiệm vụ, tính theo tỷ lệ phần trăm tổng doanh thu, để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ cho bệnh nhân tại phòng khám và sự ổn định lực lượng lao động được ưu tiên hơn so với chi phí quản lý và chi phí chung.

MỤC 3. Yêu cầu báo cáo.

MỤC 3.1. Mục 12586.3 được bổ sung vào Bộ luật Chính phủ, nội dung như sau:

12586.3. (a) Để phục vụ cho mục đích của phần này, các định nghĩa sau đây được áp dụng:

(1) *“Phòng khám” có nghĩa là bất kỳ tập đoàn phòng khám nào, như được định nghĩa tại đoạn (3) của tiểu mục (b) của Mục 1200 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn, là trung tâm y tế đủ điều kiện liên bang (FQHC) như thuật ngữ đó được định nghĩa trong Mục 1396d của Tiêu đề 42 của Bộ luật Hoa Kỳ. Đối với mục đích của đoạn này, FQHC bao gồm các tổ chức không*

42

43

44

nhận được giải thưởng FQHC nhưng được Cơ quan Quản lý Tài nguyên và Dịch vụ Y tế liên bang chỉ định là đáp ứng các yêu cầu của chương trình FQHC, như được quy định trong Mục 1395x(aa)(4)(B) và 1396d(l)(2)(B) của Tiêu đề 42 của Bộ luật Hoa Kỳ, còn được gọi là “các tổ chức giống FQHC”. “Phòng khám” không bao gồm các bộ lạc thổ dân được liên bang công nhận, các tổ chức bộ lạc, hoặc các tổ chức thổ dân đô thị, như được định nghĩa trong Mục 1603 của Tiêu đề 25 của Bộ luật Hoa Kỳ, hoặc bất kỳ cơ sở khám chữa bệnh ngoại trú nào được tiến hành, duy trì hoặc vận hành bởi một thực thể như vậy.

(2) “Tỷ lệ chi tiêu cho nhiệm vụ” là tổng số tiền chi cho các hoạt động nhằm đạt được mục đích miễn thuế của mỗi phòng khám chia cho tổng doanh thu của phòng khám đó, như các số liệu được mô tả trong đoạn (1) của tiểu mục (b). Khi tính toán Tỷ lệ Chi tiêu Nhiệm vụ, Tổng Chương lý sẽ loại trừ khỏi cả tổng số tiền chi cho các hoạt động và tổng doanh thu một khoản tiền bằng với bất kỳ khoản tiền phạt nào đã trả, các khoản chi tiêu được thực hiện dựa trên kế hoạch đã được thỏa thuận với Sở Y tế Công cộng Tiểu bang, hoặc các khoản bồi hoàn nhận được theo Mục 1234.5 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn.

(3) “Bên liên quan” nghĩa là một tổ chức liên quan hoặc một tổ chức thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát chung, như được định nghĩa trong Mục 413.17(b) của Tiêu đề 42 của Bộ Quy định Liên bang. Bên liên quan có thể bao gồm tổ chức quản lý, chủ sở hữu bất động sản, các đơn vị cung cấp nhân sự, bất kỳ công ty mẹ, công ty nắm giữ, công ty con, các tổ chức liên kết và các bên khác.

(b) (1) Hàng năm, mỗi phòng khám phải nộp cho Cơ quan đăng ký các tổ chức từ thiện và gây quỹ các dữ liệu đầy đủ để Tổng chương lý có thể tính toán “Tỷ lệ Chi tiêu cho Nhiệm vụ”, như được định nghĩa trong văn bản này. Dữ liệu này sẽ bao gồm hai thành phần:

(A) Tổng số tiền chi cho mục đích được miễn thuế của phòng khám. Số tiền này sẽ dựa trên dữ liệu được báo cáo trong con số “tổng chi phí dịch vụ chương trình” từ dòng 4e của Phần III của Mẫu 990 của Sở Thuế vụ Hoa Kỳ của mỗi phòng khám tính đến năm dương lịch 2024 hoặc năm tính thuế bắt đầu từ năm 2024 hoặc phần kế tiếp của báo cáo thuế của các phòng khám, nhưng sẽ được điều chỉnh dựa trên hướng dẫn do Tổng Chương lý ban hành theo đoạn (2).

(B) Tổng doanh thu của tổ chức. Số tiền này có thể dựa trên dữ liệu được báo cáo trong tổng số doanh thu từ dòng 12 của Phần I của Mẫu 990 của Sở Thuế vụ Hoa Kỳ của mỗi phòng khám tính đến năm dương lịch 2024 hoặc năm tính thuế bắt đầu từ năm 2024 hoặc phần kế tiếp của báo cáo thuế của các phòng khám, nhưng sẽ được điều chỉnh dựa trên hướng dẫn do Tổng Chương lý ban hành theo đoạn (2).

(2) Tổng chương lý có thẩm quyền ban hành hướng dẫn ràng buộc về cách báo cáo hai con số này.

(A) Ngoài các chủ đề khác, hướng dẫn này có thể đề cập đến:

(i) Các tiêu chuẩn báo cáo bổ sung cho các giao dịch với bên liên quan nhằm giải quyết mức độ mà cách thức báo cáo dữ liệu đó cho Sở Thuế vụ có khả năng làm tăng giả tạo tổng số tiền chi cho mục đích miễn thuế của phòng khám, bao gồm cả

việc cho phép các giao dịch với bên liên quan được quy cho số tiền chi cho mục đích miễn thuế của phòng khám ngay cả khi các khoản chi tiêu phát sinh của bên liên quan không được coi là thuộc về mục đích miễn thuế đó, hoặc làm giảm giả tạo tổng doanh thu, bao gồm cả việc cho phép doanh thu được quy cho bên liên quan.

(ii) Cách thức báo cáo các khoản tiền phạt đã nộp theo Mục 1234.5 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn, cũng như các khoản bồi hoàn và chi tiêu được thực hiện theo kế hoạch đã được thỏa thuận với Sở Y tế Công cộng Tiểu bang theo Mục 1234.5 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn, để loại trừ chúng khỏi tính toán Tỷ lệ Chi tiêu Nhiệm vụ.

(iii) Phù hợp với tiểu đoạn (B), các yêu cầu báo cáo bổ sung đối với các khoản chi không đủ điều kiện là chi phí dịch vụ chương trình trên Mẫu 990 của Sở Thuế vụ nhưng Tổng Chương lý xác định vẫn được chi cho mục đích miễn thuế của phòng khám hoặc các khoản chi đủ điều kiện là chi phí dịch vụ chương trình trên Mẫu 990 của Sở Thuế vụ nhưng Tổng Chương lý xác định vẫn không được chi cho mục đích miễn thuế của phòng khám.

(B) Mọi hướng dẫn phải được thiết kế để thúc đẩy các mục tiêu của Đạo luật Trách nhiệm giải trình và Minh bạch về Tài trợ cho Phòng khám bằng cách thiết lập một tiêu chuẩn tối thiểu hợp lý về chi tiêu hướng đến sứ mệnh như một tỷ lệ phần trăm tổng doanh thu để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ cho bệnh nhân và sự ổn định lực lượng lao động của phòng khám được ưu tiên hơn chi phí quản lý và chi phí chung.

(C) Tổng Chương lý sẽ đưa ra các kết luận nêu rõ lý do cho quyết định của mình tại thời điểm ban hành hướng dẫn.

(D) Bất kể quy định tại Chương 3.5 (bắt đầu từ Mục 11340) của Phần 1 thuộc Phần 3 của Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ, Tổng Chương lý có thể thực hiện đoạn này bằng các thông báo, bản tin hoặc các hướng dẫn tương tự khác mà không cần thực hiện thêm bất kỳ hành động pháp lý nào khác. Mục 1229.1 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn sẽ không áp dụng đối với các vi phạm dựa trên các tiêu chuẩn được thông qua theo đoạn này.

(3) Không có điều khoản nào trong phần này được hiểu là quy định cách thức phòng khám báo cáo dữ liệu cho Sở Thuế vụ Hoa Kỳ.

(4) Tổng Chương lý sẽ công khai dữ liệu này trên trang web của mình trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được.

(5) Mỗi phòng khám phải nộp dữ liệu này chậm nhất là khi nộp báo cáo cho Cơ quan đăng ký các tổ chức từ thiện và gây quỹ theo Mục 12586.

(c) Mỗi phòng khám phải nộp thêm phí đăng ký hàng năm, khoản phí này sẽ được sử dụng để tài trợ cho các hoạt động được nêu trong phần này và Mục 1234.5 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn, bất kể quy định của luật nào khác. Tổng Chương lý sẽ ban hành biểu phí đủ để trang trải các chi phí hợp lý cho việc quản lý các quy định này sau khi tham khảo ý kiến của Sở Y tế Công cộng Tiểu bang. Lệ phí sẽ được điều chỉnh hàng năm để phản ánh chi phí thực tế phát sinh và không được vượt quá số tiền cần thiết để trang trải các chi phí quản lý hợp lý cho việc thực thi các quy định này.

(d) Tổng Chương lý sẽ áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với việc không tuân thủ các quy định báo cáo của phần này, dưới hình thức phạt hành chính năm nghìn đô la (\$5,000) cho lần vi phạm đầu tiên và mười nghìn đô la (\$10,000) cho mỗi tháng tiếp theo mà phòng khám không nộp báo cáo hàng năm theo yêu cầu của phần này. Tổng Chương lý có thể định kỳ cập nhật mức phạt để tính đến lạm phát.

(e) Chậm nhất 90 ngày sau khi nhận được hồ sơ từ mỗi phòng khám, Tổng Chương lý sẽ tính toán Tỷ lệ Chi tiêu cho Nhiệm vụ của mỗi phòng khám, chuyển kết quả tính toán cho phòng khám và Sở Y tế Công cộng Tiểu bang, đồng thời công khai các kết quả tính toán trên trang web của mình.

(f) Tổng Chương lý có thể tiến hành kiểm toán các phòng khám thuộc phạm vi điều khoản này, theo phương thức và hình thức do Tổng Chương lý quy định, để đảm bảo tính chính xác của thông tin được báo cáo và sự tuân thủ các yêu cầu của điều khoản này. Các cuộc kiểm toán này cũng có thể bao gồm bất kỳ cuộc kiểm toán nào đối với nhà thầu hoặc các bên liên quan.

(g) Mục 9230 của Bộ luật Doanh nghiệp và Mục 12583 của Bộ luật Chính phủ sẽ không áp dụng cho phần này.

MỤC 4. Hình phạt.

MỤC 4.1. Mục 1234.5 được bổ sung vào Bộ luật Sức khỏe và An toàn, nội dung như sau:

1234.5. (a) (1) Theo đây, Tài khoản Phạt Tỷ lệ Chi tiêu cho Nhiệm vụ được thành lập trong Quỹ Tiền gửi Đặc biệt, là quỹ được thành lập theo Mục 16370 của Bộ luật Chính phủ. Tài khoản này sẽ chứa tất cả số tiền được gửi theo quy định tại tiểu mục (b).

(2) Số tiền trong Quỹ Tiền gửi Đặc biệt sẽ được giữ trong tài khoản ký quỹ trong thời hạn 5 năm, sau đó Cơ quan Lập pháp có thể phân bổ số tiền này cho các chương trình tài trợ cho việc đào tạo, tuyển dụng và giữ chân nhân viên y tế.

(3) Trong khi được giữ trong tài khoản ký quỹ, tiền sẽ được hoàn trả cho các phòng khám đã nộp khoản tiền đó, như được định nghĩa trong đoạn (1) của tiểu mục (a) của Mục 12586.3 của Bộ luật Chính phủ, với điều kiện là:

(A) Phòng khám đáp ứng yêu cầu về Tỷ lệ Chi tiêu cho Nhiệm vụ là 90 phần trăm theo quy định hiện hành.

(B) Phòng khám đạt được thỏa thuận với Sở Y tế Công cộng Tiểu bang về kế hoạch sử dụng toàn bộ số tiền được hoàn trả cho các chi phí phục vụ mục đích hoạt động của phòng khám.

(4) Bất kể quy định tại đoạn trước đó, Sở Y tế Công cộng Tiểu bang có thể sử dụng tiền trong Quỹ Tiền gửi Đặc biệt để tài trợ cho các hoạt động được nêu trong phần này, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc duy trì Quỹ Tiền gửi Đặc biệt và tiến hành các đánh giá cần thiết để phòng khám đủ điều kiện được hoàn trả theo đoạn (3). Số tiền đã chi có thể được trừ vào bất kỳ khoản tiền nào được hoàn trả cho các phòng khám theo đoạn (3).

(5) Sở Y tế Công cộng Tiểu bang có thẩm quyền kiểm tra các phòng khám để đảm bảo tuân thủ mọi kế hoạch đã thỏa

thuận theo tiểu đoạn (B) của đoạn (3) và thu hồi bất kỳ khoản bồi hoàn nào nếu phòng khám không tuân thủ. Việc thu hồi sẽ tuân theo các thủ tục tương tự được nêu trong đoạn (2) và (3) của tiểu mục (b).

(b) (1) Hàng năm, Sở Y tế Công cộng Tiểu bang sẽ đánh giá mức phạt hành chính đối với mỗi phòng khám thuộc phạm vi Mục 12586.3 của Bộ luật Chính phủ có Tỷ lệ Chi tiêu Nhiệm vụ dưới 90 phần trăm, bằng chênh lệch giữa số tiền phòng khám chi cho các chi phí hướng đến nhiệm vụ và 90 phần trăm tổng doanh thu của phòng khám. Sở Y tế Công cộng Tiểu bang sẽ ban hành thông báo xử phạt đối với bất kỳ phòng khám nào bị phát hiện vi phạm trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được bản tính toán Tỷ lệ Chi tiêu Nhiệm vụ của Tổng Chương lý.

(2) Nếu phòng khám không tranh chấp việc tính toán hoặc đánh giá Tỷ lệ chi tiêu nhiệm vụ, thì tiền phạt phải được thanh toán đầy đủ cho Sở Y tế Công cộng Tiểu bang trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phạt và được gửi vào Tài khoản phạt Tỷ lệ chi tiêu nhiệm vụ.

(3) Nếu phòng khám tranh chấp việc tính toán Tỷ lệ Chi tiêu Nhiệm vụ được thực hiện theo tiểu mục (e) của Mục 12586.3 của Bộ luật Chính phủ hoặc đánh giá được thực hiện theo khoản này, phòng khám phải, trong vòng 30 ngày kể từ ngày phòng khám nhận được thông báo về hình phạt, đồng thời gửi yêu cầu kháng cáo tới cả Tổng Chương lý và Sở Y tế Công cộng Tiểu bang. Một cơ sở có thể yêu cầu kháng cáo dựa trên quyết định không dẫn đến việc đánh giá. Đơn kháng cáo phải bao gồm một bản trình bày chi tiết mô tả lý do kháng cáo và kèm theo tất cả các tài liệu hỗ trợ mà phòng khám sẽ trình bày tại phiên điều trần. Sau khi phòng khám kịp thời gửi yêu cầu, một phiên điều trần sẽ được ấn định và các thủ tục sẽ được tiến hành theo Điều 1 (bắt đầu từ Mục 131050) của Chương 2 Phần 1 của Phần 112.

(c) (1) Một phòng khám có thể nộp đơn lên Sở Y tế Công cộng Tiểu bang để xin miễn trừ cho phép tạm dừng yêu cầu 90 phần trăm hoặc yêu cầu tỷ lệ chi tiêu nhiệm vụ thay thế, dựa trên các trường hợp bất ngờ hoặc đặc biệt hoặc tình trạng kinh tế của phòng khám. Việc ban hành và các điều khoản của giấy miễn trừ theo tiểu mục này hoàn toàn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Công cộng Tiểu bang. Giấy miễn trừ được cấp theo tiểu mục này có hiệu lực trong thời hạn một năm kể từ ngày cấp.

(2) Để được miễn trừ dựa trên các trường hợp bất ngờ hoặc đặc biệt, phòng khám cần nêu chi tiết các trường hợp sau đây mà phòng khám đã gặp phải:

(A) Khi phòng khám lần đầu tiên biết về những trường hợp bất ngờ hoặc đặc biệt.

(B) Tại sao phòng khám lại không thể lường trước được những tình huống đó.

(C) Các biện pháp mà phòng khám đã thực hiện để giải quyết những vấn đề đó.

(D) Các chi phí phát sinh do việc giải quyết những trường hợp đó.

(E) Khi phòng khám dự kiến những vấn đề đó sẽ được giải quyết.

(F) Các biện pháp phòng ngừa mà phòng khám đang thực hiện để đảm bảo những trường hợp đó không xảy ra bất ngờ trong tương lai.

(3) Để được miễn trừ dựa trên điều kiện kinh tế, phòng khám phải chứng minh rằng việc tuân thủ yêu cầu Tỷ lệ Chi tiêu Nhiệm vụ 90 phần trăm sẽ gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của phòng khám theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung. Bằng chứng phải bao gồm tài liệu về tình hình tài chính của phòng khám, tình hình tài chính của bất kỳ công ty mẹ hoặc công ty liên kết nào, và bằng chứng về tác động tài chính trực tiếp thực tế hoặc tiềm năng của việc tuân thủ Tỷ lệ Chi tiêu Nhiệm vụ 90 phần trăm.

(4) Việc xem xét khả năng tiếp tục hoạt động của một phòng khám sẽ bao gồm các yếu tố sau đây liên quan đến phòng khám hoặc bất kỳ đơn vị liên kết nào:

(A) Việc đóng cửa thực tế hoặc có khả năng xảy ra đối với bất kỳ cơ sở nào do phòng khám hoặc bất kỳ đơn vị liên kết nào điều hành.

(B) Việc đóng cửa thực tế hoặc có khả năng xảy ra đối với các dịch vụ hoặc chương trình dành cho bệnh nhân.

(C) Mất việc làm thực tế hoặc có khả năng xảy ra.

(D) Liệu các cơ sở do phòng khám điều hành có quy mô nhỏ, nằm ở vùng nông thôn, vùng biên giới hay phục vụ một khu vực nông thôn hay không.

(E) Liệu việc đóng cửa bất kỳ cơ sở nào do phòng khám điều hành có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tiếp cận các dịch vụ trong khu vực hoặc vùng phục vụ hay không.

(F) Liệu phòng khám có đang gặp khó khăn về tài chính dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến việc đóng cửa bất kỳ cơ sở nào mà phòng khám đang điều hành hoặc bất kỳ đơn vị liên kết nào, ngừng cung cấp dịch vụ hoặc chương trình cho bệnh nhân, hoặc mất việc làm hay không. Các yếu tố cần xem xét khi xác định tình trạng khó khăn tài chính bao gồm, nhưng không giới hạn ở, hiệu quả hoạt động trước đây và dự kiến của phòng khám dựa trên các chỉ số tài chính, bao gồm cả lượng tiền mặt hiện có, và liệu phòng khám có hoặc dự kiến sẽ gặp phải tình trạng biên lợi nhuận hoạt động âm hay không.

(5) Các yêu cầu miễn trừ theo quy định tại tiểu mục này phải được gửi bằng văn bản đến Sở Y tế Công cộng Tiểu bang.

(6) Sở Y tế Công cộng Tiểu bang sẽ thông báo bằng văn bản cho phòng khám về quyết định đối với yêu cầu miễn trừ.

(7) Phòng khám có thể nộp đơn xin gia hạn giấy miễn trừ được cấp theo tiểu mục này bất cứ lúc nào nhưng không muộn hơn 180 ngày trước khi giấy miễn trừ hiện tại hết hạn.

MỤC 5. Khiếu nại về vi phạm nghĩa vụ ủy thác từ thiện.

MỤC 5.1. Mục 5142.1 được bổ sung vào Bộ luật Doanh nghiệp, nội dung như sau:

5142.1. (a) Bất kể quy định tại Mục 5142, trong trường hợp một phòng khám thuộc phạm vi Mục 12586.3 của Bộ luật Chính phủ không báo cáo dữ liệu theo yêu cầu quy định tại tiểu mục (b) của Mục 12586.3 của Bộ luật Chính phủ, hoặc có Tỷ lệ Chi tiêu Nhiệm vụ, được định nghĩa trong đoạn (2) của tiểu mục

(a) của Mục 12586.3 của Bộ luật Chính phủ, dưới 90 phần trăm và không thuộc diện được miễn trừ theo tiểu mục (c) của Mục 1234.5 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn, bất kỳ bệnh nhân nào của FQHC đó đều có thể khởi kiện để ngăn chặn, sửa chữa hoặc khắc phục vi phạm quỹ tín thác từ thiện theo các thủ tục tương tự áp dụng cho khiếu nại được đưa ra theo Mục 5142.

(b) Bất kể quy định tại Mục 5231, thiện chí sẽ không được coi là lý do bào chữa cho bất kỳ hành động nào được thực hiện theo mục này, cũng như không có hình thức nào của quy tắc phán đoán kinh doanh được áp dụng trong bất kỳ khía cạnh nào đối với các vi phạm bị thách thức, trừ trường hợp được quy định tại Mục 5239.

(c) Phần này cũng sẽ được thi hành theo Mục 17204 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

MỤC 6. Hình phạt hình sự.

MỤC 6.1. Mục 6814.1 được bổ sung vào Bộ luật Doanh nghiệp, nội dung như sau:

6814.1. Mọi giám đốc, viên chức hoặc đại diện của bất kỳ phòng khám nào thuộc phạm vi Mục 12586.3 của Bộ luật Chính phủ mà cố ý báo cáo sai chỉ tiêu hoặc doanh thu theo Mục 12586.3 của Bộ luật Chính phủ hoặc cố ý tham gia vào một kế hoạch chuyển hướng chỉ tiêu hoặc doanh thu thông qua các bên liên quan như được định nghĩa trong Mục 12586.3 của Bộ luật Chính phủ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quỹ liên quan, với mục đích tăng tỷ lệ chi tiêu cho nhiệm vụ một cách giả tạo, sẽ bị phạt tù theo tiểu mục (h) Mục 1170 của Bộ luật Hình sự, hoặc bị phạt tù tại nhà tù quận không quá một năm.

MỤC 7. Hiệu lực từng phần.

Các điều khoản của đạo luật này có thể tách rời nhau. Nếu bất kỳ điều khoản nào của đạo luật này hoặc việc áp dụng đạo luật này bị tuyên bố là không hợp lệ, thì sự không hợp lệ đó sẽ không ảnh hưởng đến các điều khoản hoặc việc áp dụng khác có thể được thực thi mà không cần đến điều khoản hoặc việc áp dụng không hợp lệ đó.

MỤC 8. Ngày có hiệu lực.

Phù hợp với mục đích của đạo luật này, các yêu cầu về Tỷ lệ Chi tiêu Nhiệm vụ được quy định trong đạo luật này sẽ áp dụng cho năm tài chính đầy đủ đầu tiên của mỗi phòng khám, bắt đầu ít nhất 6 tháng sau khi đạo luật này được thông qua.

MỤC 9. Sửa đổi.

Theo tiểu mục (c) của Mục 10 thuộc Điều II của Hiến pháp California, đạo luật này có thể được sửa đổi bằng một biện pháp tiếp theo được đưa ra bỏ phiếu của người dân trong một cuộc bầu cử toàn tiểu bang; hoặc bằng một đạo luật được Cơ quan Lập pháp thông qua hợp lệ và được Thống đốc ký, nhưng chỉ để thúc đẩy các mục đích của đạo luật này.

MỤC 10. Các dự luật mâu thuẫn.

Trong trường hợp dự luật này và một dự luật khác quy định về Tỷ lệ Chi tiêu Nhiệm vụ tại một số hoặc tất cả các phòng khám thuộc phạm vi áp dụng xuất hiện trên cùng một lá phiếu toàn tiểu bang, thì các điều khoản của dự luật hoặc

các dự luật khác sẽ được coi là mâu thuẫn với dự luật này. Một dự luật khác sẽ không được coi là mâu thuẫn với dự luật này chỉ vì nó bổ sung hoặc sửa đổi một hoặc nhiều điều khoản của Bộ luật Chính phủ, Bộ luật Sức khỏe và An toàn, hoặc Bộ luật Doanh nghiệp được bổ sung hoặc sửa đổi bởi dự luật này. Trong trường hợp dự luật này nhận được nhiều phiếu thuận hơn một dự luật được cho là mâu thuẫn với nó, thì các điều khoản của dự luật này sẽ được ưu tiên áp dụng toàn bộ, và dự luật hoặc các dự luật kia sẽ bị vô hiệu.

DỰ LUẬT 45

Dự luật tiên khởi này được đệ trình để người dân xem xét theo các quy định tại Mục 8, Điều II của Hiến Pháp California.

Dự luật tiên khởi này bổ sung các mục vào Bộ luật Tài nguyên Công cộng; do đó, các điều khoản mới được đề xuất bổ sung được in bằng chữ nghiêng để chỉ ra rằng chúng là các điều khoản mới.

ĐIỀU LUẬT ĐƯỢC KIẾN NGHỊ

MỤC 1. Chương 1.5 (bắt đầu từ Mục 21010) được thêm vào Phần 13 của Bộ luật Tài nguyên Công cộng, như sau:

CHƯƠNG 1.5. ĐẠO LUẬT XÂY DỰNG MỘT CALIFORNIA GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG

Điều 1. Tiêu đề, Kết luận và Tuyên bố, và Mục đích

21010. Tiêu đề

Chương này sẽ được gọi là, và có thể được trích dẫn là, Đạo luật Xây dựng một California Giá cả phải chăng.

21011. Kết luận và Tuyên bố

Toàn thể nhân dân tiểu bang California xin tuyên bố và xác nhận tất cả những điều sau đây:

(a) Hệ thống phê duyệt các dự án thiết yếu lỗi thời của California quá chậm, quá rườm rà và quá tốn kém. Các dự án thiết yếu như nước sạch, năng lượng sạch, bệnh viện, nhà ở giá rẻ, đường sá, phòng chống cháy rừng, trường học, an ninh công cộng và các cải tiến cơ sở hạ tầng khác đang bị trì hoãn hoặc cản trở bởi thủ tục hành chính rườm rà, sự chậm trễ về mặt quan liêu và các vụ kiện tụng quá mức.

(b) Những sự chậm trễ này làm tăng đáng kể chi phí sinh hoạt cho tất cả người dân California. Nghiên cứu cho thấy chỉ riêng việc chậm trễ cấp phép đã làm tăng thêm hàng chục nghìn đô la vào giá nhà mới, đẩy giá thuê nhà và khoản vay thế chấp lên cao đối với cả chủ nhà và người thuê nhà. Những thủ tục hành chính rườm rà tương tự làm tăng thêm hàng tỷ đô la vào chi phí xây dựng bệnh viện, cơ sở hạ tầng cấp nước, đường sá, cầu cống, năng lượng sạch, trường học, mạng internet băng rộng và các dự án phòng chống cháy rừng, những chi phí cuối cùng được chuyển sang người tiêu dùng và người đóng thuế.

(c) Luật cấp phép của California được soạn thảo cách đây hơn 50 năm, trước khi các luật môi trường hiện đại ngày nay có hiệu lực. Hệ thống lỗi thời đó hiện đang cản trở các mục tiêu về môi trường và sức khỏe cộng đồng của tiểu bang bằng cách làm chậm hoặc ngăn chặn các dự án thiết yếu nhằm giảm ô nhiễm không khí, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ nguồn cung cấp nước, bảo vệ cộng đồng khỏi cháy rừng và bảo tồn động vật hoang dã và môi trường.

(d) Đạo luật này sẽ hiện đại hóa và đơn giản hóa luật pháp tiểu bang để cắt giảm thủ tục hành chính rườm rà và sự chậm trễ không cần thiết, hạn chế các vụ kiện phù phiếm làm cản trở các dự án thiết yếu, đồng thời cho phép các cơ quan công cộng và các đơn vị nộp đơn xin dự án thiết yếu tiếp tục chia sẻ gánh nặng bảo chữa trước các vụ kiện đó, và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án mà người dân California dựa vào mỗi ngày.

(e) Mỗi năm trì hoãn đồng nghĩa với việc người dân California phải chờ đợi lâu hơn và trả nhiều tiền hơn cho những thứ họ cần nhất. Đạo luật này áp dụng cho các dự án thiết yếu nhất của tiểu bang, bao gồm:

(1) Cung cấp nước uống sạch và nguồn nước an toàn cho các cộng đồng trên toàn tiểu bang.

(2) Các bệnh viện và phòng khám hiện đại, an toàn nhằm đảm bảo người dân được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe với giá cả phải chăng.

(3) Năng lượng sạch và nguồn điện ổn định giúp giảm hóa đơn tiền điện và chống biến đổi khí hậu.

(4) Cung cấp các loại hình nhà ở đa dạng nhằm giúp các gia đình đang phải vật lộn với giá thuê và trả góp nhà ở tăng cao, cũng như người cao tuổi yếu thế, có thể mua được nhà ở với giá cả phải chăng hơn.

(5) Xây dựng đường sá, cầu cống và hệ thống giao thông công cộng để giảm ùn tắc giao thông và nâng cao an toàn công cộng.

(6) Các dự án phòng ngừa và tăng cường khả năng chống chịu cháy rừng nhằm bảo vệ tính mạng, nhà cửa và tài nguyên thiên nhiên.

(7) Các trường công lập và cơ sở giáo dục hiện đại, an toàn dành cho học sinh và giáo viên.

(8) Cơ sở hạ tầng băng thông rộng và viễn thông nhằm kết nối các cộng đồng chưa được phục vụ đầy đủ và mở rộng cơ hội.

(f) Bằng cách đẩy nhanh tiến độ các dự án thiết yếu này, đạo luật sẽ giúp California trở nên dễ sống hơn và giảm chi phí nhà ở, năng lượng, điện, chăm sóc sức khỏe và các nhu yếu phẩm khác, đồng thời giảm gánh nặng cho người đóng thuế trong các dự án công trình công cộng.

(g) Đạo luật này cũng sẽ thúc đẩy các dự án tạo ra những công việc có mức lương cao và giúp hàng chục nghìn người dân California có việc làm, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng, năng lượng sạch và cơ sở hạ tầng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế California phát triển vào thời điểm cần thiết nhất.

(h) Điều quan trọng là đạo luật này duy trì các luật về không khí sạch, nước sạch và bảo vệ môi trường của tiểu bang và liên bang, bao gồm Đạo luật về các loài có nguy cơ tuyệt chủng, Đạo luật về nước uống an toàn, Đạo luật kiểm soát chất độc hại liên bang, Đạo luật về nước sạch liên bang, Đạo luật về không khí sạch, Đạo luật cải thiện chất lượng môi trường liên bang, Đạo luật giải quyết biến đổi khí hậu toàn cầu của California, Đạo luật ven biển California và Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên liên bang. Chương này sẽ giúp xây dựng các dự án cần thiết để làm cho California trở nên dễ sống hơn, mà không cần bãi bỏ những luật lệ bảo vệ gia đình và môi trường.

(i) Chúng ta có thể và phải xây dựng một California với giá cả phải chăng.

21012. Tuyên bố mục đích

Mục đích của chương này là làm cho California trở nên dễ sống hơn bằng cách đơn giản hóa và đẩy nhanh quá trình phê duyệt các dự án thiết yếu, giảm chi phí cho các gia đình và người đóng thuế, cải thiện chất lượng cuộc sống, tạo ra việc làm tốt và duy trì các biện pháp bảo vệ môi trường mạnh nhất thế giới của California.

Điều 2. Áp dụng chương này và sự tương tác với các luật khác

21013. Các dự án thuộc phạm vi chương này

Chương này chỉ áp dụng cho các dự án nhà ở thiết yếu, dự án năng lượng sạch thiết yếu, dự án cấp nước thiết yếu, dự án y tế công cộng thiết yếu, dự án an toàn công cộng thiết yếu, dự án truy cập internet băng thông rộng thiết yếu, dự án cơ sở giáo dục thiết yếu và dự án giao thông vận tải thiết yếu mà người dân California tuyên bố là rất quan trọng đối với chất lượng cuộc sống và khả năng chi trả của họ tại tiểu bang này.

21014. Ứng dụng của Chương

(a) Chương này không làm giảm thẩm quyền của bất kỳ cơ quan công quyền nào trong việc phê duyệt hoặc bác bỏ một dự án thiết yếu. Chương này không quy định trước bất kỳ kết quả nào đối với bất kỳ dự án thiết yếu nào được đề xuất.

(b) Chương này không miễn trừ bất kỳ dự án thiết yếu nào khỏi việc xem xét tác động môi trường theo phần này hoặc bất kỳ luật nào khác. Chương này quy định rõ ràng các mốc thời gian và các thủ tục khác để xem xét theo phần này và xem xét giấy phép hành chính cho các dự án thiết yếu.

(c) Trừ trường hợp có quy định khác trong chương này, chương này sẽ áp dụng cho việc xem xét và xử lý mọi đơn xin hoặc phê duyệt dự án thiết yếu và các quyền sử dụng đất kèm theo, bao gồm, nhưng không giới hạn, các quyền sử dụng đất tùy nghi mang tính xét quyết và lập pháp, dẫn đến việc xem xét môi trường ở cấp chương trình, cấp kế hoạch hoặc cấp dự án theo phần này.

(d) Chương này áp dụng cho tất cả các cơ quan công cộng.

(e) (1) Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa chương này và bất kỳ luật nào khác, chương này sẽ được ưu tiên áp dụng. Bất chấp mọi điều khoản trái ngược, chương này không bãi bỏ hoặc hạn chế bất kỳ miễn trừ theo luật định hoặc theo từng loại nào khác áp dụng cho phần này.

(2) Bất kể quy định tại Mục 21100 hoặc bất kỳ luật nào khác, các quy định của chương này sẽ chi phối và thay thế mọi yêu cầu trái ngược về việc xem xét tác động môi trường đối với một dự án thiết yếu, và bất kỳ việc xem xét giấy phép kèm theo nào. Không có điều khoản nào trong Mục 21100 hoặc bất kỳ luật nào khác sẽ làm mất hiệu lực hoặc hạn chế việc áp dụng chương này đối với một dự án thiết yếu.

(f) (1) Đơn đăng ký cho một dự án thiết yếu đã được nộp cho cơ quan công quyền trước ngày có hiệu lực của chương này, và chưa được phê duyệt cuối cùng trước ngày đó, có thể được rút lại và nộp lại sau ngày có hiệu lực của chương này.

(2) Đơn đăng ký cho một dự án thiết yếu được rút lại và nộp lại theo quy định tại đoạn (1) có thể được xem xét và phê duyệt theo các quy định của chương này.

(3) Các dự án nhà ở thiết yếu có đơn đăng ký bị rút lại và nộp lại theo quy định tại đoạn (1) sẽ không mất bất kỳ quyền lợi hoặc lợi ích nào khác mà người nộp đơn đã có được thông qua bất kỳ quy định nào của pháp luật, bao gồm, nhưng không giới hạn, Đạo luật Bàn đồ Phân khu (Phần 2 (bắt đầu từ Mục 66410) của Tiêu đề 7 của Bộ luật Chính phủ), Đạo luật Trách nhiệm Giải trình Nhà ở (Mục 65589.5 của Bộ luật Chính phủ), Biện pháp Khắc phục của Nhà xây dựng (Chương 268 của Điều luật năm 2024) và Đạo luật Khủng hoảng Nhà ở năm 2019 (Chương 12 (bắt đầu từ Mục 66300) của Phần 1 của Tiêu đề 7 của Bộ luật Chính phủ). Quyền được xác lập sẽ có hiệu lực hồi tố kể từ ngày nộp đơn sơ bộ theo Mục 65941.1 của Bộ luật Chính phủ hoặc ngày quyền được xác lập theo luật hiện hành khác.

(4) (A) Nếu đơn xin cấp phép cho một dự án thiết yếu đã được xem xét hoặc xác định là hoàn chỉnh trước ngày có hiệu lực của chương này thì đơn đó sẽ được coi là hoàn chỉnh cho mục đích của chương này, và cơ quan công quyền sẽ không yêu cầu xem xét tính đầy đủ bổ sung.

(B) Trong trường hợp đơn đăng ký đã bị rút lại và nộp lại theo quy định tại đoạn (1), bất kỳ thời hạn nào trong chương này được kích hoạt bởi ngày đơn đăng ký được xác định hoặc được coi là hoàn chỉnh sẽ được tính từ thời điểm người nộp đơn nộp lại đơn đăng ký dự án thiết yếu.

(g) Các mốc thời gian và hạn chót được quy định trong chương này sẽ áp dụng cho tất cả các đơn xin dự án thiết yếu được xác định hoặc được coi là hoàn chỉnh, theo Mục 21017 hoặc bất kỳ luật nào khác, sau ngày có hiệu lực của chương này, bất kể ngày nộp đơn.

(h) Bất kể quy định của mọi luật lệ khác:

(1) Nếu một dự án thiết yếu là một phần hoặc thành phần của một dự án lớn hơn, thì phần hoặc thành phần đó đủ điều kiện là dự án thiết yếu có thể được xử lý, xem xét và phê duyệt theo chương này.

(2) Nếu toàn bộ dự án là dự án thiết yếu, dự án thiết yếu đó có thể được thực hiện theo nhiều giai đoạn, và các đơn xin thực hiện theo từng giai đoạn không bắt buộc phải đáp ứng riêng lẻ các tiêu chí của dự án thiết yếu để được xử lý, xem xét và phê duyệt theo chương này.

(i) Trừ khi có quy định khác trong chương này, không có điều khoản nào trong chương này được hiểu là loại bỏ hoặc hạn chế quyền quyết định của cơ quan chủ trì trong việc xác định ngưỡng mức độ nghiêm trọng hoặc biện pháp giảm thiểu thích hợp khi chuẩn bị các tài liệu đánh giá môi trường.

(j) Không có điều khoản nào trong chương này cấm cơ quan công quyền thu phí từ người nộp đơn, phù hợp với Điều XIII A và XIII C của Hiến pháp California, nhằm mục đích trang trải chi phí của chính phủ liên quan đến việc xử lý và xem xét các đơn xin dự án thiết yếu.

(k) Người nộp đơn có thể đồng ý cung cấp cho cơ quan công quyền thêm thời gian để hoàn thành việc xem xét môi trường theo Mục 21018 hoặc 21019, hoặc để đưa ra quyết định về hành động khác của cơ quan công quyền mà người nộp đơn yêu cầu theo Mục 21023, bằng cách đồng ý không gửi yêu cầu

bằng văn bản mà người nộp đơn có quyền gửi theo tiểu mục (a) của Mục 21020 hoặc tiểu mục (b) của Mục 21023.

21015. Tương tác với các luật khác

(a) Để tối đa hóa khả năng đơn giản hóa và đẩy nhanh quá trình phê duyệt các dự án thiết yếu, người nộp đơn có thể lựa chọn không sử dụng, sử dụng một số hoặc sử dụng tất cả các điều khoản của chương này, và có thể làm như vậy kết hợp với, hoặc như là phương án thay thế cho, các luật, cơ chế hoặc thủ tục xem xét môi trường và sử dụng đất khác. Không có điều khoản nào trong chương này (1) cấm người nộp đơn sử dụng các luật xem xét về sử dụng đất và môi trường khác có thể cung cấp quy trình xem xét và phê duyệt nhanh chóng hơn hoặc có lợi hơn đối với các dự án thiết yếu so với chương này hoặc (2) yêu cầu người nộp đơn xin phê duyệt một dự án đáp ứng định nghĩa về dự án thiết yếu phải sử dụng chương này.

(b) Trong trường hợp phát sinh sự mơ hồ về cách thức chương này có thể hoạt động cùng với các điều khoản pháp luật khác, thì các chính sách và ý định được nêu trong Mục 21029 sẽ được ưu tiên áp dụng.

(c) Các quy định sau đây sẽ được áp dụng cho dự án nhà ở thiết yếu:

(1) Các quy định về tiền lương hiện hành của đoạn (8) của tiểu mục (a) của Mục 65913.4 của Bộ luật Chính phủ sẽ chỉ áp dụng cho các tòa nhà cao hơn 85 feet so với mặt đất trong bất kỳ dự án nhà ở thiết yếu nào.

(2) Các điều khoản của đoạn (3) và (5) của tiểu mục (d) của Mục 21080.66, được bổ sung bởi Mục 59 của Chương 22 của Luật năm 2025 (Dự luật Hạ viện số 130), sẽ áp dụng cho một dự án nhà ở thiết yếu sử dụng chương này.

(3) (A) Ngoài nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ, các quy định tại Mục 218.9 của Bộ luật Lao động cũng áp dụng cho chủ sở hữu dự án nhà ở thiết yếu trong suốt quá trình xây dựng dự án nhà ở thiết yếu sử dụng chương này.

(B) Đối với mục đích của đoạn này, “chủ sở hữu” có nghĩa là chủ sở hữu được định nghĩa trong tiểu mục (e) của Mục 8182 của Bộ luật Dân sự.

(d) Bất kể quy định tại tiểu mục (a):

(1) Tất cả các dự án thiết yếu sử dụng chương này phải tuân thủ các yêu cầu được nêu trong Mục 21016 liên quan đến việc sàng lọc ban đầu và tham vấn bộ lạc.

(2) Ngoại trừ các dự án nhà ở thiết yếu, tất cả các dự án thiết yếu sử dụng chương này phải tuân thủ các yêu cầu được nêu trong Mục 21028 liên quan đến việc áp dụng các yêu cầu về lao động được mô tả trong Mục 21183.5 cho các dự án thiết yếu.

(3) (A) Trừ trường hợp được quy định tại tiểu đoạn (B), tất cả các dự án nhà ở thiết yếu sử dụng chương này phải tuân thủ các yêu cầu được nêu trong tiểu mục (c) liên quan đến tiền lương và tiêu chuẩn lao động trong các dự án nhà ở thiết yếu.

(B) Nếu người nộp đơn xin dự án nhà ở thiết yếu lựa chọn tiến hành một phần theo chương này và một phần theo luật xử lý đánh giá môi trường đơn giản hóa tự nguyện khác được quy

định ngoài chương này, luật đó cũng yêu cầu sử dụng mức lương thịnh hành hoặc thỏa thuận lao động dự án, thì người nộp đơn phải tuân thủ mọi yêu cầu về mức lương thịnh hành hoặc thỏa thuận lao động dự án được quy định bởi luật đơn giản hóa khác đối với các thành phần dự án thiết yếu được xử lý và phê duyệt theo luật đơn giản hóa khác đó.

Điều 3. Sàng lọc ban đầu, tham vấn cộng đồng bộ lạc và tính đầy đủ của các đơn xin dự án thiết yếu

21016. Nguồn tài nguyên văn hóa bộ lạc: Sàng lọc ban đầu và tham vấn bộ lạc về các dự án thiết yếu

(a) Mục đích. Nhân dân tiểu bang California tuyên bố rằng điều khoản này là cần thiết để đảm bảo việc tham vấn sớm và có ý nghĩa với các bộ lạc như một yếu tố then chốt trong việc lập kế hoạch dự án thiết yếu, đồng thời vẫn duy trì sự bảo vệ đối với các nguồn tài nguyên văn hóa của các bộ lạc. Các bộ lạc tham vấn có kiến thức và chuyên môn liên quan đến tài nguyên văn hóa bộ lạc nằm trong các khu vực dự án thiết yếu.

(b) Diễn giải và Giải thích.

(1) Bất kể quy định tại Mục 21015 hoặc bất kỳ điều khoản nào khác của luật, quy trình tham vấn bộ lạc đối với các dự án thiết yếu phải tuân theo các quy định được nêu trong phần này.

(2) Không có nội dung nào trong chương này nhằm mục đích thay đổi hoặc mâu thuẫn với các nghĩa vụ tham vấn giữa chính phủ liên bang với chính phủ các bộ lạc.

(3) Các mốc thời gian được quy định tại Điều 4 (bắt đầu từ Mục 21018) sẽ không làm thay đổi thời gian tham vấn với bộ lạc tư vấn về dự án thiết yếu theo Mục 21080.3.1 và 21080.3.2.

(4) Nếu bất kỳ nghiên cứu kỹ thuật nào được tiến hành cho dự án thiết yếu nhằm cung cấp thông tin cho việc phân tích, đo lường hoặc xử lý các nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc, các bộ lạc tham vấn sẽ được tạo cơ hội để xem xét và đóng góp ý kiến vào các nghiên cứu đó.

(5) Khi được cung cấp bởi một bộ lạc tư vấn, kiến thức truyền thống của bộ lạc đó sẽ được tích hợp vào các biện pháp xác định, xử lý và bảo vệ liên quan đến tài nguyên văn hóa của bộ lạc. Vì di sản văn hóa bộ lạc là một phạm trù riêng biệt so với di sản văn hóa và di sản khảo cổ, nên một số phương pháp và tiêu chuẩn khảo cổ có thể không phù hợp với di sản văn hóa bộ lạc. Nếu cơ quan chủ trì quyết định không sử dụng các phương pháp và tiêu chuẩn của bộ lạc hoặc kiến thức truyền thống của bộ lạc, cơ quan đó phải giải thích quyết định của mình trong các tài liệu môi trường cho dự án thiết yếu, kèm theo bằng chứng xác đáng.

(6) Tất cả thông tin liên quan đến tài nguyên văn hóa bộ lạc và kiến thức truyền thống của bộ lạc được bộ lạc tư vấn tiết lộ sẽ được giữ bí mật theo quy định tại tiểu mục (c) của Mục 21082.3, và thông tin đó sẽ không được tiết lộ trong hồ sơ hành chính của các thủ tục tố tụng mà không có sự cho phép của bộ lạc tư vấn. Các cơ quan chủ trì, sau khi tham vấn với các bộ lạc bị ảnh hưởng, sẽ xác định các biện pháp thích hợp để duy trì tính bảo mật thông tin liên quan đến tài nguyên văn hóa và kiến thức truyền thống của bộ lạc, bao gồm nhưng không giới

hạn ở việc che giấu vị trí chính xác, hạn chế lập bản đồ, lưu trữ dữ liệu an toàn hoặc các biện pháp bảo vệ khác đối với thông tin về tài nguyên văn hóa của bộ lạc. Bất kỳ lời giải thích bằng văn bản nào theo đoạn (5) của tiểu mục (c) sẽ không bị thách thức trong trường hợp cơ quan chủ trì không có sự cho phép của bộ lạc tư vấn để tiết lộ thông tin hỗ trợ do các yêu cầu bảo mật của đoạn này.

(7) Việc hoàn thành quy trình sàng lọc ban đầu theo tiểu mục (c) hoạt động độc lập với, và không sửa đổi, tạm dừng hoặc ảnh hưởng đến, bất kỳ yêu cầu hoặc thời hạn nào được quy định trong Mục 21017 hoặc bất kỳ điều khoản nào khác của phần này.

(c) Sàng lọc ban đầu. Khi người nộp đơn gửi đơn đăng ký sơ bộ theo bất kỳ luật nào khác, thông báo bằng văn bản của người nộp đơn theo tiểu mục (b) của Mục 21024, hoặc đơn đăng ký cho một dự án thiết yếu, quá trình sàng lọc ban đầu để xác định và đánh giá các nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc sẽ được tiến hành. Sàng lọc ban đầu nghĩa là việc tham gia vào các cuộc thảo luận sớm, trước khi cơ quan chủ trì xác định hồ sơ là hoàn chỉnh, thông qua quá trình gặp gỡ và trao đổi giữa bộ lạc tư vấn, cơ quan chủ trì và người nộp đơn về những tác động tiềm tàng mà một dự án thiết yếu được đề xuất có thể gây ra đối với các nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc. Trong quá trình sàng lọc ban đầu, tất cả các bước sau đây phải được thực hiện:

(1) (A) Người nộp đơn phải cung cấp cho cơ quan chủ trì những thông tin hiện có sau đây:

(i) Bản mô tả dự án thiết yếu được đề xuất.

(ii) Bản đồ địa điểm khái quát thể hiện diện tích, hướng bố trí hoặc ranh giới tổng quát dự kiến của khu vực dự án.

(iii) Bản đồ khu vực xác định các địa danh chính, đường sá và đặc điểm tự nhiên.

(iv) Bất kỳ nghiên cứu kỹ thuật địa chất, môi trường và cụ thể tại địa điểm nào đã được phát triển trước đây để hỗ trợ cuộc họp và thảo luận theo đoạn (4) về thiết kế ban đầu, định tuyến hoặc phân tích khả thi liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến tài nguyên văn hóa của bộ lạc.

(v) Đối với các dự án tuyến tính như đường dây truyền tải điện, đường ống dẫn, đường sắt, cống dẫn nước, đường dây thông tin liên lạc và đường bộ, người nộp đơn phải bao gồm hành lang chung và vị trí của bất kỳ cơ sở hoặc trạm biến áp đầu và cuối nào.

(B) Người nộp đơn không bắt buộc phải đưa ra các nghiên cứu hoặc phân tích mới cho mục đích của tiểu mục này. Mọi ý kiến đóng góp theo phần này, ngoại trừ việc xác định các nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc, sẽ được cung cấp trong quá trình tham vấn bộ lạc theo tiểu mục (d).

(2) Trong vòng 20 ngày kể từ khi nhận được thông tin được mô tả trong đoạn (1), cơ quan chủ trì phải hoàn thành việc tìm kiếm hồ sơ về các nguồn tài nguyên khảo cổ, tài nguyên

văn hóa và tài nguyên văn hóa bộ lạc đã được ghi nhận và lập hồ sơ trong khu vực dự án đề xuất và khu vực có khả năng bị ảnh hưởng (APE), như thuật ngữ đó được định nghĩa theo Mục 800.16 của Tiêu đề 36 của Bộ Quy định Liên bang, do cơ quan chủ trì xác định, thông qua tất cả những điều sau đây:

(A) Hồ sơ về các vùng đất linh thiêng do Ủy ban Di sản Người Mỹ Bản địa quản lý.

(B) Hệ thống Thông tin Tài nguyên Lịch sử California (CHRIS) do Văn phòng Bảo tồn Lịch sử Tiểu bang quản lý.

(C) Hồ sơ của cơ quan chủ trì.

(3) Sau khi hoàn thành việc tìm kiếm theo yêu cầu của đoạn (2), cơ quan chủ trì sẽ cung cấp cho các bộ lạc tư vấn tất cả thông tin thu được theo đoạn (1) và (2), cũng như lời mời gặp gỡ và thảo luận theo đoạn (4).

(4) Sau khi nhận được thông tin do cơ quan chủ trì cung cấp theo đoạn (3) và theo yêu cầu của bộ lạc tư vấn, bộ lạc tư vấn, cơ quan chủ trì và người nộp đơn sẽ gặp gỡ và thảo luận về dự án thiết yếu được đề xuất và bất kỳ nguồn tài nguyên văn hóa bộ lạc nào đã biết hoặc được ghi nhận, và bộ lạc tư vấn có thể chia sẻ bất kỳ thông tin nào, bao gồm cả thông tin trong sổ đăng ký của chính quyền bộ lạc. Trong cuộc gặp gỡ và thảo luận, ba bên sẽ xác định và đánh giá các phương pháp, biện pháp và điều kiện điều trị và bảo vệ để giải quyết các tác động đến tài nguyên văn hóa của bộ lạc, bao gồm cả việc phòng tránh và bảo tồn tại chỗ. Trừ khi tất cả các bên có thỏa thuận khác, bất kỳ thỏa thuận nào giữa tất cả các bên từ cuộc gặp gỡ và thảo luận sẽ được hoàn tất trong quá trình tham vấn bộ lạc được nêu trong tiểu mục (d). Kết quả của cuộc gặp gỡ và thảo luận sẽ được cơ quan chủ trì ghi chép và lưu giữ theo thỏa thuận với bộ lạc tham vấn.

(5) (A) Nếu một bộ lạc tư vấn không phản hồi lời mời sàng lọc ban đầu do cơ quan chủ trì cung cấp theo đoạn (3) trong vòng 30 ngày thì quá trình sàng lọc ban đầu theo tiểu mục này sẽ được coi là đã kết thúc và các bên sẽ chuyển sang quá trình tham vấn bộ lạc được nêu trong tiểu mục (d). Quyết định của bộ lạc tư vấn không gặp gỡ và thảo luận theo quy trình sàng lọc ban đầu trong tiểu mục này sẽ không ảnh hưởng đến khả năng hoặc quyền tham gia vào quy trình tham vấn bộ lạc được nêu trong tiểu mục (d) của bộ lạc tư vấn.

(B) Quá trình sàng lọc ban đầu được quy định trong tiểu mục này sẽ kết thúc khi quá trình tham vấn bộ lạc được nêu trong tiểu mục (d) bắt đầu.

(C) Trường hợp quy trình tham vấn bộ lạc được nêu trong tiểu mục (d) không áp dụng, quy trình sàng lọc ban đầu theo tiểu mục này sẽ chấm dứt vào ngày các bên đạt được thỏa thuận từ cuộc gặp gỡ và thảo luận theo đoạn (4) hoặc 30 ngày kể từ ngày cơ quan chủ trì xác định đơn xin dự án thiết yếu là hoàn chỉnh hoặc được coi là hoàn chỉnh theo quy định của pháp luật, tùy theo trường hợp nào xảy ra trước.

(d) Tham vấn cộng đồng bộ lạc. Việc tham vấn cộng đồng bộ lạc đối với một dự án thiết yếu sẽ được tiến hành theo các Mục

21074, 21080.3.1, 21080.3.2, 21082.3, 21084.2 và 21084.3, trừ trường hợp được sửa đổi như sau:

(1) Mục đích của việc tham vấn cộng đồng bộ lạc là để xác định các nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc và đánh giá các biện pháp bảo tồn và xử lý các nguồn tài nguyên văn hóa đó, bao gồm cả việc thực hiện các biện pháp bảo tồn và xử lý.

(2) Việc tham vấn bộ lạc sẽ không có ý nghĩa nếu bộ lạc tham vấn không được cung cấp các thông tin kỹ thuật mà họ yêu cầu một cách hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin và các ràng buộc của dự án, dữ liệu, bản đồ và thông tin liên quan đến các hoạt động của dự án về việc xử lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc. Trong quá trình tham vấn bộ lạc theo quy định tại tiểu mục này, cơ quan chủ trì sẽ tham gia vào các cuộc thảo luận lặp đi lặp lại với bộ lạc tham vấn về việc phát triển các biện pháp giảm thiểu liên quan đến tài nguyên văn hóa của bộ lạc, bao gồm cả các khái niệm hoặc phương pháp sơ bộ trước khi công bố bất kỳ dự thảo tài liệu môi trường nào. Điều này bao gồm việc thông báo cho bộ lạc tư vấn về bất kỳ kỳ nghiên cứu hoặc báo cáo kỹ thuật nào hiện có mà cơ quan chủ trì đang nắm giữ liên quan đến tài nguyên văn hóa của bộ lạc trên hoặc trong vùng lân cận của địa điểm dự án thiết yếu, trong phạm vi được pháp luật về bảo mật cho phép, và cung cấp cho bộ lạc tư vấn quyền truy cập vào các nghiên cứu hoặc báo cáo đó. Trong trường hợp bất kỳ bản dự thảo tài liệu đánh giá tác động môi trường nào được cung cấp cho người nộp đơn để xem xét trước thời gian lấy ý kiến công chúng về tài liệu đánh giá tác động môi trường đó, bản dự thảo cũng phải được cung cấp cho bộ lạc tư vấn vào thời điểm cung cấp cho người nộp đơn. Không có điều khoản nào trong phần này được hiểu là yêu cầu cơ quan chủ trì phải chuẩn bị hoặc lưu hành các dự thảo tài liệu đánh giá tác động môi trường nhằm mục đích tham vấn với các bộ lạc.

(3) Trường hợp cơ quan chủ trì, bộ lạc tư vấn và người nộp đơn đồng ý bằng văn bản về các biện pháp để tránh hoặc giảm thiểu tác động đáng kể đến nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc, thì các biện pháp đó và bất kỳ thỏa thuận bằng văn bản nào sẽ trở thành điều kiện có thể thực thi để phê duyệt dự án, tuân theo các yêu cầu bảo mật theo đoạn (6) của tiểu mục (b).

(e) Công tác quản lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên văn hóa của các bộ lạc. Khi có thể, cần tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến bất kỳ nguồn tài nguyên văn hóa bộ lạc nào. Phù hợp với tiểu mục (b) của Mục 21014, không có gì trong tiểu mục này làm thay đổi nghĩa vụ của cơ quan chủ trì theo CEQA trong việc tránh hoặc giảm thiểu các tác động đáng kể đến tài nguyên văn hóa của bộ lạc khi có thể. Các biện pháp giảm thiểu và xử lý được áp dụng sau khi tham vấn với bộ lạc tư vấn theo quy định của tiểu mục này nhằm tránh hoặc giảm thiểu tác động đáng kể đến các nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc phải phù hợp với các điều sau:

(1) Việc tránh né và bảo tồn tại chỗ sẽ được xem xét khi có yêu cầu từ bộ lạc tham vấn. Nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc có thể được tránh hoặc bảo tồn tại chỗ thông qua thiết kế dự án, vùng đệm, hoặc các biện pháp bảo vệ khác nhằm tránh tác động đến nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc và bảo vệ bối cảnh văn hóa và tự nhiên, hoặc quy hoạch không gian

xanh, công viên hoặc không gian mở khác để kết hợp nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc với các tiêu chí bảo vệ và quản lý phù hợp về mặt văn hóa được đề cập trong các tài liệu môi trường của dự án.

(2) Nếu một dự án thiết yếu có khả năng gây ra sự thay đổi bất lợi đáng kể về tầm quan trọng của nguồn tài nguyên văn hóa bộ lạc, và việc tránh né và bảo tồn tại chỗ là không khả thi, thì cơ quan chủ trì phải chứng minh và ghi lại cơ sở cho quyết định đó bằng chứng xác thực, và bộ lạc tư vấn có thể xác định các biện pháp giảm thiểu phù hợp về mặt văn hóa mà cơ quan chủ trì sẽ xem xét và kết hợp, trong phạm vi khả thi, vào việc phát triển các biện pháp giảm thiểu và xử lý theo cách phù hợp với đoạn (2) của tiểu mục (b) của Mục 21084.3.

(3) Khi một dự án thiết yếu đề xuất các hoạt động gây xáo trộn mặt đất liên quan đến xây dựng và khi được bộ lạc tư vấn yêu cầu, cơ quan chủ trì phải bao gồm các biện pháp phát hiện ngoài ý muốn để giảm thiểu tác động đáng kể đến các nguồn tài nguyên văn hóa của bộ lạc. Các biện pháp đó có thể bao gồm các thủ tục tạm ngừng san lấp mặt bằng, các quy trình xác định và đánh giá, các quy định về thời gian, và các phương pháp xử lý hoặc biện pháp bảo vệ bổ sung.

(f) Phê duyệt dự án thiết yếu. Cơ quan chủ trì chỉ có thể phê duyệt một dự án thiết yếu theo điều khoản này khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

(1) Quá trình tham vấn với các bộ lạc đã kết thúc một cách thiện chí.

(2) Khi có sự đồng thuận giữa tất cả các bên theo đoạn (4) của tiểu mục (c) hoặc tiểu mục (d), bất kỳ biện pháp giảm thiểu và tránh né nào đã được thỏa thuận đều được đưa vào như những điều kiện dự án có thể thực thi.

(3) Nếu việc tránh né và bảo tồn tại chỗ là không khả thi, cơ quan chủ trì đã chứng minh và ghi lại cơ sở cho quyết định đó bằng chứng xác thực và đã kết hợp các biện pháp khác để giảm thiểu tác động phù hợp với CEQA.

21017. Xác định tính đầy đủ của các đơn xin dự án thiết yếu

(a) (1) Khi một cơ quan công lập nhận được đơn xin cấp phép ban đầu cho một dự án thiết yếu, cơ quan công lập đó phải xem xét đơn, đưa ra kết luận bằng văn bản về việc đơn có đầy đủ thông tin hay không, và thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn về quyết định đó.

(2) Quyết định bằng văn bản về tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký ban đầu phải được đưa ra trong vòng 30 ngày kể từ ngày cơ quan công quyền nhận được hồ sơ đăng ký ban đầu. Nếu cơ quan công quyền không đưa ra quyết định về tính đầy đủ của hồ sơ trong vòng 30 ngày thì hồ sơ ban đầu sẽ được coi là đầy đủ theo quy định của phần này.

(3) Đơn đăng ký sẽ không được coi là không đầy đủ dựa trên (A) các nghiên cứu hoặc tài liệu thông tin hoặc phân tích mà cơ quan công quyền không yêu cầu trong danh sách kiểm tra yêu cầu nộp hồ sơ bằng văn bản, công khai hoặc tài liệu tương tự tồn tại thời điểm nộp đơn ban đầu hoặc (B) các đạo luật, quy định, quy tắc, tiêu chuẩn hoặc sắc lệnh không phải là luật hiện hành.

(b) Nếu cơ quan công quyền khi đánh giá tính đầy đủ của hồ sơ xin cấp phép cho một dự án thiết yếu nhận thấy hồ sơ ban đầu chưa đầy đủ, thì tại thời điểm đưa ra kết luận đó, cơ quan công quyền cũng phải cung cấp cho người nộp đơn một danh sách sửa đổi bằng văn bản chi tiết, bao gồm mô tả đầy đủ các mục và thông tin cụ thể, hoặc sự thiếu sót thông tin, dẫn đến việc kết luận hồ sơ chưa đầy đủ.

(c) (1) (A) Trong vòng 90 ngày kể từ khi nhận được thông báo rằng đơn đăng ký ban đầu của mình chưa đầy đủ, người nộp đơn phải nộp thêm thông tin hoặc đơn đăng ký sửa đổi để giải quyết các vấn đề được nêu trong danh sách chỉnh sửa bằng văn bản.

(B) Nếu người nộp đơn không thể tuân thủ thời hạn 90 ngày quy định tại tiểu đoạn (A) để nộp thêm thông tin hoặc đơn đăng ký sửa đổi, người nộp đơn phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan công quyền lý do tại sao họ không thể làm như vậy và kèm theo ước tính thời gian họ có thể thực hiện được.

(2) Khi có bất kỳ thông tin bổ sung hoặc đơn đăng ký sửa đổi nào được nộp, cơ quan công quyền sẽ xác định xem hồ sơ bổ sung có đầy đủ hay không chỉ dựa trên danh sách sửa đổi bằng văn bản do cơ quan cung cấp theo tiểu mục (b). Cơ quan công quyền sẽ đưa ra quyết định về tính đầy đủ dựa trên hồ sơ bổ sung trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Nếu cơ quan công quyền nhận thấy hồ sơ bổ sung vẫn chưa đầy đủ, tại thời điểm đưa ra nhận định đó, cơ quan công quyền phải cung cấp cho người nộp đơn một danh sách sửa đổi chi tiết và cập nhật bằng văn bản. Danh sách sửa đổi bằng văn bản được cập nhật chỉ được phép chứa các mục có trong danh sách sửa đổi bằng văn bản được cung cấp để đáp ứng đơn đăng ký ban đầu của người nộp đơn.

(3) Nếu hồ sơ bổ sung vẫn bị đánh giá là chưa đầy đủ, người nộp đơn có thể nộp thêm các vòng thông tin bổ sung hoặc đơn đăng ký sửa đổi theo các thủ tục và thời hạn được quy định trong tiểu mục này.

(4) Nếu cơ quan công quyền không cung cấp quyết định về tính đầy đủ trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được thông tin bổ sung hoặc đơn đăng ký sửa đổi theo đoạn (2) hoặc (3) thì đơn đăng ký sẽ được coi là đầy đủ cho mục đích của phần này.

(5) Cơ quan công quyền không được yêu cầu hoặc bắt buộc người nộp đơn cung cấp bất kỳ thông tin mới nào trừ khi thông tin đó đã được bao gồm trong danh sách sửa đổi bằng văn bản đầy đủ của phiên bản đơn trước đó.

(d) (1) Quyết định về tính đầy đủ của hồ sơ, nếu cho rằng hồ sơ ban đầu, hồ sơ bổ sung hoặc hồ sơ sửa đổi chưa đầy đủ, thì người nộp đơn có quyền kháng nghị lên ủy ban quy hoạch, giám đốc quy hoạch hoặc quan chức khác có thẩm quyền quyết định cuối cùng về tính đầy đủ của hồ sơ thuộc cơ quan công quyền. Nếu cơ quan công quyền không có ủy ban quy hoạch, giám đốc quy hoạch hoặc quan chức khác có thẩm quyền quyết định cuối cùng về tính đầy đủ của hồ sơ, thì đơn kháng cáo sẽ được xem xét bởi cơ quan hoặc quan chức có

thẩm quyền ra quyết định cao nhất được bầu hoặc bổ nhiệm của cơ quan đó. Quyết định cuối cùng bằng văn bản về đơn kháng cáo sẽ được đưa ra không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn kháng cáo bằng văn bản của người nộp đơn.

(2) Nếu quyết định bằng văn bản cuối cùng về kháng cáo không được đưa ra trong thời hạn 60 ngày được mô tả trong đoạn (1) thì đơn đăng ký sẽ được coi là hoàn tất cho mục đích của phần này.

(e) Người nộp đơn có thể khởi kiện dân sự để phản đối quyết định bất lợi theo tiểu mục (d). Mọi hành động phải được bắt đầu trong vòng 90 ngày kể từ ngày có quyết định cuối cùng bằng văn bản bất lợi được ban hành theo tiểu mục (d).

Điều 4. Rà soát các hồ sơ đăng ký đã hoàn thành cho các dự án thiết yếu

21018. Lịch trình của cơ quan địa phương về việc hoàn thành đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thiết yếu

(a) Cơ quan địa phương đóng vai trò là cơ quan chủ trì (cơ quan chủ trì địa phương) đối với đơn xin hoặc phê duyệt dự án thiết yếu sẽ quyết định xem dự án có thuộc phạm vi tiểu mục (b), (c) hoặc (d) hay không trong vòng 30 ngày kể từ khi đơn xin dự án thiết yếu được xác định hoặc được coi là hoàn tất theo Mục 21017, hoặc được coi là hoàn tất theo bất kỳ luật nào khác, tùy theo trường hợp nào xảy ra trước.

(b) Các dự án thiết yếu cần có báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đối với các dự án thiết yếu yêu cầu báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan chủ trì địa phương sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về việc có chứng nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường hay không chậm nhất là 365 ngày sau khi đơn xin dự án thiết yếu được xác định hoặc được coi là hoàn chỉnh theo Mục 21017, hoặc được coi là hoàn chỉnh theo bất kỳ luật nào khác, tùy theo trường hợp nào xảy ra trước.

(c) Các dự án thiết yếu yêu cầu tuyên bố phủ định hoặc tuyên bố phủ định có biện pháp giảm thiểu. Đối với các dự án thiết yếu yêu cầu tuyên bố phủ định hoặc tuyên bố phủ định có biện pháp giảm thiểu, cơ quan chủ trì địa phương sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về việc có thông qua tuyên bố phủ định hoặc tuyên bố phủ định có biện pháp giảm thiểu hay không chậm nhất là 180 ngày sau khi đơn xin dự án thiết yếu được xác định hoặc được coi là hoàn chỉnh theo Mục 21017, hoặc được coi là hoàn chỉnh theo bất kỳ luật nào khác, tùy theo trường hợp nào xảy ra trước.

(d) Đối với tất cả các tài liệu đánh giá môi trường khác được chuẩn bị theo phần này cho đơn xin hoặc phê duyệt dự án thiết yếu, cơ quan chủ trì địa phương phải, trong vòng 90 ngày sau khi đơn xin dự án thiết yếu được xác định hoặc được coi là hoàn chỉnh theo Mục 21017 hoặc được coi là hoàn chỉnh theo bất kỳ luật nào khác, tùy theo điều nào xảy ra trước, đưa ra quyết định cuối cùng rằng dự án thiết yếu được miễn trừ khỏi phần này hoặc tác động của dự án thiết yếu đã được đánh giá trước đó theo tài liệu đánh giá môi trường trước đó theo, không giới hạn, Mục 21083.3 hoặc 21094.5, hoặc phụ lục theo

Mục 15162 hoặc 15164 của Tiêu đề 14 của Bộ luật Quy định California.

(e) Các thời hạn được nêu trong các tiểu mục (b), (c) và (d) sẽ được gia hạn theo yêu cầu bằng văn bản của người nộp đơn.

21019. Lịch trình hoàn thành đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thiết yếu của các cơ quan công lập không phải là cơ quan địa phương.

(a) Cơ quan công lập không phải là cơ quan địa phương đóng vai trò là cơ quan chủ trì (cơ quan chủ trì không thuộc địa phương) cho một dự án thiết yếu sẽ quyết định xem dự án đó có thuộc phạm vi tiểu mục (b), (c) hoặc (d) hay không trong vòng 30 ngày kể từ khi đơn xin dự án thiết yếu được xác định hoặc được coi là hoàn tất theo Mục 21017, hoặc được coi là hoàn tất theo bất kỳ luật nào khác, tùy theo trường hợp nào xảy ra trước.

(b) Các dự án thiết yếu cần có báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đối với các dự án thiết yếu yêu cầu báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan chủ trì không thuộc địa phương sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về việc có chứng nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường hay không chậm nhất là 365 ngày sau khi đơn xin dự án thiết yếu được xác định hoặc được coi là hoàn chỉnh theo Mục 21017, hoặc được coi là hoàn chỉnh theo bất kỳ luật nào khác, tùy theo trường hợp nào xảy ra trước.

(c) Các dự án thiết yếu yêu cầu tuyên bố phủ định hoặc tuyên bố phủ định có biện pháp giảm thiểu. Đối với các dự án thiết yếu yêu cầu tuyên bố phủ định hoặc tuyên bố phủ định có biện pháp giảm thiểu, cơ quan chủ trì không thuộc địa phương sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về việc có thông qua tuyên bố phủ định hoặc tuyên bố phủ định có biện pháp giảm thiểu hay không chậm nhất là 180 ngày sau khi đơn xin dự án thiết yếu được xác định hoặc được coi là hoàn chỉnh theo Mục 21017, hoặc được coi là hoàn chỉnh theo bất kỳ luật nào khác, tùy theo trường hợp nào xảy ra trước.

(d) Đối với tất cả các tài liệu đánh giá môi trường khác được chuẩn bị theo phần này cho đơn xin hoặc phê duyệt dự án thiết yếu, cơ quan chủ trì không thuộc địa phương phải, trong vòng 90 ngày sau khi đơn xin dự án thiết yếu được xác định hoặc được coi là hoàn chỉnh theo Mục 21017 hoặc được coi là hoàn chỉnh theo bất kỳ luật nào khác, tùy theo điều nào xảy ra trước, đưa ra quyết định cuối cùng rằng dự án thiết yếu được miễn trừ khỏi phần này hoặc tác động của dự án thiết yếu đã được đánh giá trước đó theo tài liệu đánh giá môi trường trước đó theo, không giới hạn, Mục 21083.3 hoặc 21094.5, hoặc phụ lục theo Mục 15162 hoặc 15164 của Tiêu đề 14 của Bộ luật Quy định California.

(e) Các thời hạn được nêu trong các tiểu mục (b), (c) và (d) sẽ được gia hạn theo yêu cầu bằng văn bản của người nộp đơn.

21020. Vi phạm thời hạn hoàn thành đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thiết yếu.

(a) Khi cơ quan chủ trì địa phương hoặc cơ quan chủ trì không thuộc địa phương không tuân thủ thời hạn được quy định trong các tiểu mục (b) đến (d) của Mục 21018, hoặc các tiểu mục (b) đến (d) của Mục 21019, người nộp đơn có thể gửi yêu cầu bằng văn bản để cơ quan đó tổ chức cuộc họp hoặc phiên điều trần về dự án thiết yếu theo quy định tại điều này.

(b) Trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản theo tiểu mục (a), cơ quan chủ trì địa phương hoặc cơ quan chủ trì không thuộc địa phương phải thực hiện tất cả những điều sau đây:

(1) Hoàn thành tất cả các tài liệu đánh giá môi trường cho dự án thiết yếu hoặc tập hợp các tài liệu đánh giá môi trường hiện có, bao gồm bất kỳ tài liệu đánh giá môi trường nào do người nộp đơn chuẩn bị theo quy định tại tiểu mục (b) của Mục 21082.1 hoặc bất kỳ luật nào khác.

(2) Tổ chức cuộc họp hoặc buổi điều trần về đơn xin cấp phép dự án thiết yếu như sau:

(A) Nếu cơ quan có một cơ quan ra quyết định gồm nhiều thành viên thuộc phạm vi điều chỉnh của Đạo luật Hợp Công khai Bagley-Keene (Điều 9 (bắt đầu từ Mục 11120) của Chương 1 Phần 1 Phần 3 Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ), Đạo luật Ralph M. Brown (Chương 9 (bắt đầu từ Mục 54950) của Phần 1 Phần 2 Tiêu đề 5 của Bộ luật Chính phủ), hoặc luật hợp công khai tương tự, thì cơ quan đó phải đưa dự án thiết yếu vào chương trình nghị sự của cuộc họp thường kỳ hoặc đặc biệt của cơ quan ra quyết định cấp cao nhất của cơ quan.

(B) Nếu cơ quan đó không có bộ phận ra quyết định đa thành viên thuộc phạm vi điều chỉnh của Đạo luật Hợp Công khai Bagley-Keene, Đạo luật Ralph M. Brown, hoặc một đạo luật hợp công khai tương tự, thì quan chức cấp cao nhất của cơ quan đó, hoặc người được họ ủy quyền, sẽ tổ chức một phiên điều trần với người nộp đơn về dự án thiết yếu.

(3) Bất kể bất kỳ quy định nào khác của phần này hoặc bất kỳ luật nào khác, tại cuộc họp hoặc phiên điều trần được mô tả trong đoạn (2), cơ quan phải thực hiện cả hai điều sau đây:

(A) Đưa ra quyết định cuối cùng bằng văn bản về các tài liệu đánh giá tác động môi trường hiện có đã được hoàn thành tính đến ngày diễn ra cuộc họp hoặc phiên điều trần.

(B) Đưa ra quyết định cuối cùng bằng văn bản để phê duyệt hoặc bác bỏ dự án thiết yếu này.

(c) (1) Nếu cơ quan chủ trì địa phương hoặc cơ quan chủ trì không thuộc địa phương có ủy ban quy hoạch hoặc giám đốc quy hoạch, khi nhận được yêu cầu bằng văn bản theo tiểu mục (a), ủy ban quy hoạch hoặc giám đốc quy hoạch sẽ tổ chức một cuộc họp thường kỳ hoặc đặc biệt nhằm mục đích đưa ra khuyến nghị về dự án thiết yếu.

(2) Cuộc họp của ủy ban quy hoạch hoặc giám đốc quy hoạch được mô tả trong tiểu mục này sẽ diễn ra trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản theo tiểu mục (a).

(3) Mọi tài liệu đánh giá tác động môi trường cần thiết cho cuộc họp được mô tả trong tiểu mục này phải được hoàn thành trước ngày diễn ra cuộc họp theo quy định của pháp luật.

(d) Các thời hạn được nêu trong tiểu mục (b) và (c) chỉ được gia hạn khi có yêu cầu bằng văn bản từ người nộp đơn.

(e) Trừ trường hợp được quy định tại tiểu mục (f), cơ quan chủ trì địa phương và cơ quan chủ trì không thuộc địa phương có nghĩa vụ hành chính không tùy ý tuân thủ các thời hạn được quy định trong phần này hoặc trong bất kỳ yêu cầu bằng văn bản nào được đưa ra theo tiểu mục (d) và hoàn thành các hành động được mô tả trong đoạn (3) của tiểu mục (b).

(f) Nếu, trước khi hết hạn thời hạn 60 ngày quy định tại tiểu mục (b), cơ quan hoàn thành tất cả các tài liệu môi trường cho dự án thiết yếu và đưa ra quyết định bằng văn bản cuối cùng để phê duyệt dự án thiết yếu, thì cơ quan và người nộp đơn có thể cùng nhau thỏa thuận bằng văn bản để hủy bỏ cuộc họp hoặc phiên điều trần về dự án thiết yếu theo yêu cầu của đoạn (2) của tiểu mục (b).

(g) (1) Người nộp đơn có thể khởi kiện theo điều khoản này để phản đối một trong hai điều sau:

(A) Cơ quan không tuân thủ các nhiệm vụ hành chính không tùy ý được mô tả trong tiểu mục (e).

(B) Việc cơ quan từ chối hoặc áp đặt các điều kiện phê duyệt trái pháp luật đối với một dự án thiết yếu.

(2) Hành động phải được bắt đầu trong vòng 90 ngày kể từ khi cơ quan không thực hiện, từ chối hoặc áp đặt như mô tả trong đoạn (1).

(h) Bất kể các quy định khác trong phần này, Mục 21018 hoặc Mục 21019, trong trường hợp cơ quan chủ trì của một dự án thiết yếu cũng là người nộp đơn cho dự án thiết yếu đó, cơ quan chủ trì có thể gia hạn bất kỳ thời hạn nào được quy định trong phần này, Mục 21018 hoặc Mục 21019 thông qua một thông báo bằng văn bản nêu rõ thời gian gia hạn và lý do gia hạn. Thông báo phải được đăng tải trên trang web của cơ quan chủ trì và được lưu giữ trong hồ sơ hành chính.

21021. Lịch trình lấy ý kiến công chúng về các dự án thiết yếu

(a) Cơ quan công lập sẽ ban hành tài liệu đánh giá tác động môi trường đối với dự án thiết yếu để lấy ý kiến công chúng theo các giai đoạn sau:

(1) Thời hạn hai mươi ngày đối với tuyên bố phủ định hoặc tuyên bố phủ định có giảm nhẹ hoặc các tài liệu khác cần được công bố rộng rãi theo luật tiểu bang.

(2) Bốn mươi lăm ngày đối với bản dự thảo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung hoặc tiếp theo.

(b) Thời hạn đóng góp ý kiến của công chúng được mô tả trong tiểu mục (a) sẽ không bị tạm dừng hoặc kéo dài trừ khi có quyết định của tòa án có thẩm quyền.

(c) Nếu một cơ quan công quyền tiếp tục bất kỳ phiên điều trần công khai nào về một dự án thiết yếu, hoặc việc xem xét CEQA đối với dự án thiết yếu đó, thì cơ quan công quyền phải tiếp tục phiên điều trần đến một ngày nhất định và, sau khi được chấp thuận việc tiếp tục, phải kết thúc thời hạn đóng góp ý kiến của công chúng. Cơ quan công quyền sẽ không mở lại thời hạn đóng góp ý kiến của công chúng tại bất kỳ phiên điều trần nào tiếp theo về dự án thiết yếu.

(d) (1) Bất kể quy định của luật nào khác, chỉ những nhận xét sau đây mới được ghi vào hồ sơ hành chính của một dự án thiết yếu:

(A) Các ý kiến bằng văn bản và điện tử nhận được trong thời hạn đóng góp ý kiến của công chúng quy định tại tiểu mục (a).

(B) Đối với các quyết định CEQA không có thời gian bình luận được quy định tại tiểu mục (a), các bình luận điện tử và bằng văn bản được nhận ít nhất 48 giờ trước phiên điều trần công

khai hoặc quyết định được thông báo về tài liệu đánh giá môi trường cho dự án thiết yếu.

(C) (i) Đối với các phiên điều trần hoặc kháng cáo quyết định CEQA, các ý kiến bằng điện tử và bằng văn bản nhận được ít nhất 48 giờ trước phiên điều trần công khai về các vấn đề không thể được nêu ra trong thời hạn đóng góp ý kiến của công chúng quy định tại tiểu mục (a) do những thay đổi đáng kể đối với dự án thiết yếu khiến vấn đề đó không thể được nêu ra trong thời hạn đóng góp ý kiến của công chúng, hoặc thông tin mới chưa được biết và không thể được biết trong thời hạn đóng góp ý kiến của công chúng.

(ii) “Những thay đổi đáng kể đối với dự án thiết yếu” sẽ không bao gồm bất kỳ thay đổi nào đối với dự án thiết yếu được thực hiện để đáp ứng ý kiến đóng góp của công chúng, thông qua quy trình xem xét các phương án thay thế theo CEQA, hoặc thông qua các mối quan ngại của cơ quan chủ trì được xác định trong quá trình CEQA.

(D) Lời khai trực tiếp tại phiên điều trần công khai có thông báo và ghi biên bản.

(2) Mọi ý kiến đóng góp khác của công chúng sẽ bị bỏ qua và loại trừ khỏi hồ sơ hành chính.

(e) Bất kể quy định của bất kỳ luật nào khác, phản hồi của cơ quan chủ trì hoặc người nộp đơn đối với bình luận được mô tả trong đoạn (1) của tiểu mục (d), hoặc bình luận từ người nộp đơn để trả lời câu hỏi từ một cơ quan công lập hoặc để chứng minh sự tuân thủ của dự án thiết yếu với phần này, sẽ được đưa vào hồ sơ hành chính cho một dự án thiết yếu mà không có bất kỳ điều kiện nào.

21022. Xác định tác động

Bất kể mọi luật pháp khác:

(a) (1) Cơ quan công quyền khi xem xét phê duyệt một dự án thiết yếu phải xác định, đánh giá, xác định tầm quan trọng và giảm thiểu tác động của dự án thiết yếu đó dựa trên việc tuân thủ các luật hiện hành.

(2) Trong trường hợp cơ quan công lập đã công bố, thông qua hoặc thường xuyên sử dụng các ngưỡng mức độ quan trọng đối với tác động môi trường của các dự án thiết yếu vào ngày nộp đơn xin phê duyệt sơ bộ hoặc đơn xin phê duyệt chính thức cho dự án thiết yếu, tùy thuộc vào thời điểm nào xảy ra trước, người nộp đơn có thể lựa chọn chấp nhận các ngưỡng mức độ quan trọng đó, trong trường hợp đó, cơ quan công lập sẽ sử dụng chúng để xác định mức độ quan trọng của tác động môi trường của dự án thiết yếu.

(b) Việc tuân thủ phần này và Hướng dẫn CEQA của tiểu bang của một dự án thiết yếu sẽ chỉ dựa trên việc dự án đó tuân thủ tiểu mục (b) của Mục 21029.

(c) Người nộp đơn có thể từ bỏ việc áp dụng một hoặc cả hai tiểu mục (a) hoặc (b) cho một dự án thiết yếu bằng cách gửi yêu cầu miễn trừ bằng văn bản cho cơ quan công quyền.

21023. Các hành động khác của cơ quan công quyền đối với các dự án thiết yếu

(a) Nếu một dự án thiết yếu yêu cầu bất kỳ hành động nào khác của cơ quan công quyền mà không được đề cập rõ ràng trong các điều khoản khác của chương này thì cơ quan công

quyền phải đưa ra quyết định cuối cùng bằng văn bản dựa trên việc tuân thủ các luật hiện hành. Quyết định bằng văn bản cuối cùng về hành động khác của cơ quan công quyền sẽ được hoàn tất như sau:

(1) Trường hợp cơ quan công lập là cơ quan chủ trì của một dự án thiết yếu, cơ quan công lập đó sẽ đưa ra quyết định cuối cùng đồng thời với việc chứng nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường, thông qua tuyên bố phủ định hoặc tuyên bố phủ định có biện pháp giảm thiểu, hoặc xác định đánh giá trước đó hoặc miễn trừ khỏi phần này, tùy thuộc vào trường hợp cụ thể.

(2) Cơ quan chủ trì của tiểu bang có thể trì hoãn quyết định cuối cùng được yêu cầu theo đoạn (1) tối đa 90 ngày nếu tất cả những điều sau đây đều đúng:

(A) Trước ngày 31 Tháng Mười Hai, 2025, cơ quan tiểu bang đã có quy trình được thiết lập theo luật hoặc quy định để tiến hành các phiên điều trần thu thập chứng cứ về loại hành động của cơ quan công quyền đang được yêu cầu đối với dự án thiết yếu.

(B) Trước thời hạn quy định tại đoạn (1), cơ quan tiểu bang sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn rằng họ sẽ tiến hành phiên điều trần chứng cứ.

(3) Trường hợp người nộp đơn xin phê duyệt dự án thiết yếu từ một cơ quan công quyền không phải là cơ quan chủ trì của dự án thiết yếu đó trong lần đầu tiên dự án thiết yếu được xem xét về môi trường theo phần này, thì cơ quan công quyền đó phải đưa ra quyết định bằng văn bản cuối cùng trước thời điểm muộn hơn giữa (A) 90 ngày kể từ ngày đơn xin hành động của cơ quan công quyền được xác định hoặc được coi là hoàn chỉnh theo Mục 21017, hoặc được coi là hoàn chỉnh theo bất kỳ luật nào khác, tùy theo thời điểm nào xảy ra trước, hoặc (B) một ngày đã trôi qua kể từ ngày cơ quan chủ trì phê duyệt dự án.

(b) Khi một cơ quan công quyền không tuân thủ thời hạn được quy định tại tiểu mục (a), người nộp đơn có thể gửi yêu cầu bằng văn bản tới cơ quan công quyền để tổ chức cuộc họp hoặc phiên điều trần về hành động khác của cơ quan công quyền mà người nộp đơn mong muốn nhận được từ cơ quan công quyền.

(c) Trong vòng 45 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản theo tiểu mục (b), cơ quan công quyền phải thực hiện tất cả những điều sau đây:

(1) Tổ chức cuộc họp hoặc buổi điều trần về đơn xin cấp phép dự án thiết yếu như sau:

(A) Nếu cơ quan công quyền có một bộ phận ra quyết định gồm nhiều thành viên thuộc phạm vi điều chỉnh của Đạo luật Hợp Công khai Bagley-Keene (Điều 9 (bắt đầu từ Mục 11120) của Chương 1 Phần 1 Phần 3 Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ), Đạo luật Ralph M. Brown (Chương 9 (bắt đầu từ Mục 54950) của Phần 1 Phần 2 Tiêu đề 5 của Bộ luật Chính phủ), hoặc luật hợp công khai tương tự, thì cơ quan công quyền phải đưa hành động khác mà người nộp đơn yêu cầu từ cơ quan công quyền vào chương trình nghị sự của cuộc họp thường kỳ hoặc đặc biệt của bộ phận ra quyết định cấp cao nhất của cơ quan đó.

(B) Nếu cơ quan công quyền không có bộ phận ra quyết định đa thành viên thuộc phạm vi điều chỉnh của Đạo luật Hợp Công khai Bagley-Keene, Đạo luật Ralph M. Brown, hoặc luật

hợp công khai tương tự, thì quan chức cấp cao nhất của cơ quan công quyền, hoặc người được ủy quyền của họ, sẽ tổ chức một phiên điều trần với người nộp đơn về hành động khác của cơ quan công quyền mà người nộp đơn yêu cầu.

(2) Bất kể bất kỳ quy định nào khác của phần này hoặc bất kỳ luật nào khác, tại cuộc họp hoặc phiên điều trần được mô tả trong đoạn (1), cơ quan công quyền sẽ đưa ra quyết định bằng văn bản cuối cùng để chấp thuận hoặc từ chối hành động khác của cơ quan công quyền mà người nộp đơn yêu cầu.

(d) Các thời hạn được nêu trong tiểu mục (a) và (c) chỉ được gia hạn khi có yêu cầu bằng văn bản từ người nộp đơn.

(e) Trừ trường hợp được quy định tại tiểu mục (f), cơ quan công quyền có nghĩa vụ hành chính không tùy ý tuân thủ các thời hạn được quy định trong phần này hoặc trong bất kỳ yêu cầu bằng văn bản nào theo tiểu mục (d) và đưa ra quyết định được mô tả trong đoạn (2) của tiểu mục (c).

(f) Nếu, trước khi hết thời hạn 45 ngày quy định tại tiểu mục (c), cơ quan công quyền đưa ra quyết định bằng văn bản cuối cùng để chấp thuận hành động của cơ quan công quyền khác được yêu cầu đối với dự án thiết yếu, cơ quan công quyền và người nộp đơn có thể cùng nhau thỏa thuận bằng văn bản để hủy bỏ cuộc họp hoặc phiên điều trần được yêu cầu theo đoạn (1) của tiểu mục (c).

(g) (1) Người nộp đơn có thể khởi kiện theo phần này để phản đối cả hai điều sau đây:

(A) Cơ quan không tuân thủ các nhiệm vụ hành chính không tùy ý được mô tả trong tiểu mục (e).

(B) Cơ quan từ chối hoặc áp đặt các điều kiện phê duyệt bất hợp pháp đối với hành động khác của cơ quan công quyền được yêu cầu từ cơ quan đó.

(2) Hành động phải được bắt đầu trong vòng 90 ngày kể từ khi cơ quan không thực hiện, từ chối hoặc áp đặt như mô tả trong đoạn (1).

Điều 5. Quy trình xác định phạm vi ban đầu và phân tích phương án thay thế tối ưu hóa cho các dự án thiết yếu

21024. Quy trình xác định phạm vi ban đầu cho các dự án thiết yếu

(a) Người nộp đơn có thể, nhưng không bắt buộc, sử dụng quy trình xác định phạm vi sơ bộ và phân tích các phương án thay thế được đơn giản hóa như được nêu trong điều này. Tuy nhiên, nếu người nộp đơn tự nguyện lựa chọn sử dụng quy trình xác định phạm vi ban đầu và phân tích các phương án thay thế được đơn giản hóa này thì họ phải tuân thủ điều này.

(b) (1) Trước khi nộp đơn xin cho một dự án thiết yếu, người nộp đơn chọn tiến hành theo điều khoản này phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chủ trì về ý định hoàn thành quy trình xác định phạm vi và phân tích các phương án thay thế được đơn giản hóa như đã nêu trong điều khoản này.

(2) Thông báo bằng văn bản phải trình bày tổng quan sơ bộ và mô tả dự án thiết yếu được đề xuất, đủ để thông báo cho cơ quan chủ trì và công chúng về các đặc điểm dự kiến của dự án. Thông báo bằng văn bản không bắt buộc phải bao gồm các

bản vẽ kỹ thuật chi tiết, nghiên cứu kỹ thuật hoặc bản vẽ thiết kế. Phần mô tả cần bao gồm, trong phạm vi hiểu biết, những thông tin sau:

- (A) Vị trí, quy mô và ranh giới của dự án.
 - (B) Các thành phần chính và mục đích cơ bản của dự án.
 - (C) Loại hình sử dụng đất, cơ sở vật chất hoặc hạ tầng được đề xuất nói chung.
 - (D) Bất kỳ khu vực tài nguyên nào đã biết hoặc có thể dự đoán được một cách hợp lý có thể bị ảnh hưởng.
 - (E) Bất kỳ giấy phép hoặc sự chấp thuận nào dự kiến cần thiết từ các cơ quan công quyền.
- (3) Thông báo bằng văn bản cũng phải nêu rõ địa chỉ email của người nộp đơn để cơ quan chủ trì và công chúng có thể gửi ý kiến đóng góp về dự án thiết yếu được đề xuất.
- (c) (1) Sau khi cơ quan chủ trì nhận được thông báo bằng văn bản được mô tả trong tiểu mục (b), người nộp đơn và cơ quan chủ trì sẽ tham gia ít nhất hai cuộc họp nhằm thảo luận về dự án thiết yếu được đề xuất, các phương án thay thế tiềm năng và xác định các khu vực tài nguyên có thể bị ảnh hưởng.
- (2) Cơ quan chủ trì phải lưu giữ hồ sơ tóm tắt tất cả các cuộc họp.
- (d) (1) Cơ quan chủ trì sẽ đăng thông báo bằng văn bản nhận được theo tiểu mục (b) trong trang mạng trên internet của mình. Bài đăng phải nêu rõ địa chỉ email được mô tả trong đoạn (3) của tiểu mục (b) để tạo điều kiện cho công chúng có thể gửi ý kiến cho người nộp đơn qua email.
- (2) Người nộp đơn phải lưu giữ hồ sơ tóm tắt các ý kiến đóng góp của công chúng nhận được qua email trong giai đoạn xác định phạm vi ban đầu.
- (3) Người nộp đơn không bắt buộc phải phản hồi bất kỳ thông tin nào nhận được theo phần này.
- (e) Người nộp đơn có thể, nhưng không bắt buộc, tổ chức một hoặc nhiều cuộc họp hoặc hội thảo công cộng, kể cả thông qua hình thức trực tuyến, nhằm mục đích thu thập thêm ý kiến đóng góp từ công chúng về dự án thiết yếu được đề xuất.
- (f) Quá trình xác định phạm vi sơ bộ được mô tả trong phần này phải được hoàn thành trong vòng không quá 60 ngày kể từ ngày cơ quan chủ trì nhận được thông báo bằng văn bản theo tiểu mục (b).
- (g) Trường hợp người nộp đơn không lựa chọn sử dụng quy trình xác định phạm vi được quy định trong phần này, các yêu cầu xác định phạm vi khác được nêu trong phần này vẫn sẽ được áp dụng.
- (h) Bất kể quy định của bất kỳ điều khoản nào trong phần này, đối với một dự án nhà ở thiết yếu, quy trình xác định phạm vi sơ bộ được quy định trong phần này sẽ không phải là điều kiện tiên quyết để nộp đơn xin cấp phép sơ bộ theo Đạo luật Khủng hoảng Nhà ở năm 2019 được ban hành theo Chương 654 của Điều Luật năm 2019 (Dự luật Thượng viện 330).

21025. Phân tích phương án thay thế tối ưu hóa cho các dự án thiết yếu

(a) Sau khi hoàn thành quy trình xác định phạm vi sơ bộ được nêu trong Mục 21024, người nộp đơn sẽ đề xuất một phương án thay thế cho dự án thiết yếu. Phương án đề xuất phải xem xét ý kiến đóng góp thu được theo Mục 21024 và phải tuân thủ tất cả các điều kiện sau:

- (1) Phương án đề xuất phải phù hợp với mục đích cơ bản của dự án thiết yếu được đề xuất như đã mô tả theo Mục 21024.
- (2) Trong phạm vi khả thi, phương án đề xuất phải được thiết kế sao cho phù hợp với các chính sách quy hoạch và sử dụng đất hiện hành của địa phương.
- (3) Phương án thay thế được đề xuất không cần phải được đặt ở địa điểm khác với dự án thiết yếu được đề xuất.

(b) Bất kể quy định tại Mục 21100 hoặc bất kỳ điều khoản nào khác của phần này, và trừ trường hợp được quy định tại tiểu mục (f), báo cáo đánh giá tác động môi trường được lập cho một dự án thiết yếu tuân thủ điều khoản này chỉ phân tích những điều sau đây:

- (1) Dự án thiết yếu được đề xuất.
- (2) (A) Phương án thay thế do người nộp đơn đề xuất được phát triển theo điều khoản này.

(B) Để đáp ứng yêu cầu của điều khoản này, phương án thay thế do người nộp đơn đề xuất có thể bao gồm một thành phần thay thế hoặc bổ sung của dự án thiết yếu được đề xuất, trong đó thành phần bổ sung hoặc thay thế đó có thể bao gồm các cải tiến vật chất tại chỗ hoặc ngoài địa điểm, hoặc các thông số hoặc chương trình vận hành thay thế hoặc bổ sung, được thiết kế để giảm thiểu tác động.

(C) Phương án thay thế được đề xuất theo điều khoản này sẽ được coi là làm giảm thiểu các tác động dự kiến của phương án đó để đưa xuống mức không đáng kể, miễn là người nộp đơn chứng minh được rằng có bằng chứng xác đáng để hỗ trợ giả định đó. Tuy nhiên, giả định này sẽ không ảnh hưởng đến việc liệu phương án thay thế đó cuối cùng có khả thi hay thân thiện với môi trường hơn hay không.

(3) Phương án không thực hiện dự án. Giải pháp thay thế không thực hiện dự án sẽ xem xét các điều kiện môi trường có thể dự đoán trước một cách hợp lý nếu dự án thiết yếu không được phê duyệt, bao gồm cả việc sử dụng phương pháp thay thế có thể thấy trước một cách hợp lý trong tương lai đối với địa điểm được đề xuất cho dự án thiết yếu, bất kỳ tác động môi trường nào từ việc sử dụng biện pháp thay thế đó và lợi ích thu được từ dự án thiết yếu.

(c) Các phương án thay thế được mô tả trong tiểu mục (b) cho một dự án thiết yếu là đủ cho mọi mục đích theo phần này và bất kỳ luật nào khác. Trừ trường hợp được quy định tại tiểu mục (f), tất cả các phương án thay thế bổ sung ngoài những phương án được mô tả tại tiểu mục (b) đều không cần thiết, và không cơ quan công quyền hoặc tổ chức nào khác được phép yêu cầu phân tích các phương án thay thế không cần thiết.

(d) Trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc quá trình xác định phạm vi ban đầu theo Mục 21024, người nộp đơn phải gửi cho cơ quan chủ trì một bản đề trình bằng văn bản bao gồm:

- (1) Bản mô tả dự án thiết yếu được đề xuất.
- (2) Mô tả về phương án thay thế duy nhất được đề xuất phát triển theo điều này.
- (3) Mô tả về phương án không thực hiện dự án được mô tả trong đoạn (3) của tiểu mục (b).
- (e) Trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được phương án đề xuất, cơ quan chủ trì sẽ ban hành giấy chứng nhận bằng văn bản nêu rõ liệu người nộp đơn có đáp ứng các yêu cầu của điều khoản này hay không. Ngoài ra, cơ quan chủ trì có thể xác nhận rằng người nộp đơn đã đáp ứng các yêu cầu của điều khoản này bằng cách không thực hiện bất kỳ hành động xác nhận nào trong vòng 15 ngày sau khi nhận được phương án thay thế được đề xuất. Quyết định chứng nhận của cơ quan chủ trì sẽ có hiệu lực cuối cùng trừ khi có bên liên quan nộp đơn kháng nghị hành chính trong vòng năm ngày kể từ ngày cấp chứng nhận.
- (f) Không có điều khoản nào trong bài viết này cấm người nộp đơn đề xuất thêm các phương án dự án khác, tùy theo quyết định của người nộp đơn.

(g) Tuân theo các yêu cầu của chương này và bất kỳ hạn chế nào do các điều khoản pháp luật khác quy định, cơ quan chủ trì có quyền quyết định phê duyệt dự án thiết yếu được đề xuất, phê duyệt phương án thay thế được đề xuất theo điều khoản này, hoặc chọn phương án không thực hiện dự án.

(h) Trong phần này, “phương án thay thế đề xuất” có nghĩa là một phương án thay thế khả thi duy nhất cho dự án thiết yếu do người nộp đơn đề xuất.

Điều 6. Xem xét lại của tòa án đối với các phê duyệt hoặc ủy quyền dự án thiết yếu

21026. Xem xét lại của tòa án đối với các phê duyệt hoặc ủy quyền dự án thiết yếu

(a) (1) Bất kỳ hành động hoặc thủ tục nào nhằm tấn công, xem xét lại, hủy bỏ, vô hiệu hoặc bác bỏ bất kỳ sự chấp thuận hoặc ủy quyền nào của cơ quan công quyền liên quan đến một dự án thiết yếu, với lý do không tuân thủ phần này hoặc Hướng dẫn CEQA của tiểu bang, đều phải được tiến hành và hoàn thành theo các yêu cầu của điều khoản này.

(2) Điều khoản này sẽ áp dụng cho bất kỳ và tất cả các hành động hoặc thủ tục đang chờ xử lý hoặc được bắt đầu sau ngày có hiệu lực của chương này.

(b) (1) Trong bất kỳ hành động hoặc thủ tục tố tụng nào được đưa ra để tấn công, xem xét, hủy bỏ, vô hiệu hoặc bác bỏ sự chấp thuận hoặc ủy quyền của một dự án thiết yếu với lý do không tuân thủ phần này hoặc Hướng dẫn CEQA của tiểu bang như được quy định trong tiểu mục (b) của Mục 21029, các yêu cầu của người khởi kiện sẽ bị giới hạn ở việc cơ quan công lập không tuân thủ các luật hiện hành khách quan, và phạm vi xem xét của tòa án sẽ bị giới hạn ở việc liệu sự chấp thuận hoặc ủy quyền đó có tuân thủ các luật hiện hành khách quan hay không.

(2) Theo quy định của tiểu mục này, “khách quan” có nghĩa là không liên quan đến bất kỳ đánh giá cá nhân hoặc chủ quan

nào và có thể được kiểm chứng một cách thống nhất bằng cách tham chiếu đến một tiêu chuẩn hoặc tiêu chí chuẩn mực bên ngoài và thống nhất, mà cả người nộp đơn và cơ quan công quyền đều có thể biết và nắm được trước khi nộp đơn.

(c) (1) Trong bất kỳ hành động hoặc thủ tục nào nhằm tấn công, xem xét, hủy bỏ, vô hiệu hoặc bác bỏ sự chấp thuận hoặc ủy quyền của một dự án thiết yếu với lý do không tuân thủ phần này hoặc Hướng dẫn CEQA của tiểu bang như được quy định trong tiểu mục (b) của Mục 21029, tòa án chỉ xác định xem sự chấp thuận hoặc ủy quyền đó có được hỗ trợ bởi bằng chứng xác đáng hay không dựa trên toàn bộ hồ sơ.

(2) Trong bất kỳ vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng nào, để phản đối, xem xét lại, hủy bỏ, vô hiệu hoặc bác bỏ sự phê duyệt hoặc cho phép của một cơ quan công quyền đối với một dự án thiết yếu với lý do rằng việc đó được thực hiện mà không hoàn thành các thủ tục tham gia của công chúng, tòa án chỉ cần xác định xem việc không tuân thủ các thủ tục tham gia của công chúng có phải là tùy tiện và thiếu căn cứ hay không và có dẫn đến sai sót gây thiệt hại hay không.

(3) Không có điều khoản nào trong phần này hoặc Hướng dẫn CEQA của tiểu bang được áp dụng hoặc hiểu là áp đặt các yêu cầu về thủ tục hoặc nội dung vượt quá những yêu cầu được nêu rõ trong phần này hoặc Hướng dẫn CEQA của tiểu bang, được sửa đổi hoặc giới hạn bởi các điều khoản của chương này.

(d) Không có nội dung nào trong điều này được hiểu là thay thế Mục 1756 và 1759 của Bộ luật Tiện ích Công cộng, hoặc bất kỳ điều khoản pháp luật nào khác quy định về việc xem xét lại của tòa án đối với các lệnh hoặc quyết định của Ủy ban Tiện ích Công cộng.

21027. Thời hạn và quy trình áp dụng cho việc xem xét lại của tòa án đối với các phê duyệt hoặc ủy quyền dự án thiết yếu.

(a) Thời hạn.

(1) (A) Hành động hoặc thủ tục tố tụng nhằm phản đối, xem xét lại, hủy bỏ, vô hiệu hoặc bác bỏ sự chấp thuận hoặc ủy quyền của cơ quan công quyền đối với một dự án thiết yếu phải được bắt đầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày cơ quan công quyền nộp thông báo quyết định hoặc thông báo miễn trừ theo Mục 21108 hoặc 21152. Hành động hoặc thủ tục tố tụng phải được hoàn tất trong vòng 270 ngày, bao gồm cả các thủ tục tại tòa án sơ thẩm và phúc thẩm, theo quy trình đơn giản hóa thủ tục tố tụng áp dụng cho các dự án phát triển tiên phong về môi trường theo Mục 21185.

(B) Tòa án có thể, theo quyết định riêng của mình, gia hạn thời hạn 270 ngày quy định tại tiểu đoạn (A) thêm tối đa 90 ngày.

(2) Bất kể bất kỳ quy định trái ngược nào trong Mục 21185 hoặc bất kỳ quy tắc nào được Hội đồng Tư pháp thông qua, và trừ trường hợp được quy định trong tiểu đoạn (B) của đoạn (1), thời hạn 270 ngày trong đoạn (1) chỉ được gia hạn khi có sự đồng ý bằng văn bản của nguyên đơn hoặc người yêu cầu, cơ quan công quyền và người nộp đơn.

(b) Hồ sơ hành chính.

Toàn bộ hồ sơ hành chính chỉ bao gồm các thông báo, nghiên cứu và các tài liệu khác phù hợp với cả hai điều sau:

(1) Các tài liệu theo quy định của phần này phải được cơ quan chủ trì gửi hoặc phân phát cho công chúng, được cung cấp cho

công chúng tại kho lưu trữ công cộng như thư viện, hoặc được đăng tải trên trang web của cơ quan chủ trì.

(2) Đối với các ý kiến đóng góp của công chúng, các ý kiến được mô tả trong tiểu mục (d) của Mục 21021 và các phản hồi và ý kiến được mô tả trong tiểu mục (e) của Mục 21021.

(c) Các biện pháp khắc phục.

(1) Nếu tòa án, thông qua phiên tòa, phiên điều trần hoặc quyết định trả lại vụ án từ tòa phúc thẩm, nhận thấy rằng việc phê duyệt hoặc cho phép một dự án thiết yếu của cơ quan công quyền không được hỗ trợ bởi bằng chứng xác đáng trong hồ sơ thì tòa án sẽ ban hành lệnh và văn bản bắt buộc giải thích rõ sự thiếu sót đó, chỉ rõ yêu cầu nào của phần này hoặc Hướng dẫn CEQA của tiểu bang mà việc phê duyệt hoặc cho phép đó không tuân thủ, và xác định phần, giai đoạn hoặc hoạt động nào của dự án thiết yếu bị ảnh hưởng bởi sự không tuân thủ đó.

(2) Biện pháp khắc phục chỉ giới hạn ở việc cấm bắt đầu phần, giai đoạn hoặc hoạt động không tuân thủ cho đến khi vi phạm được khắc phục.

(3) Khi các biện pháp khắc phục cần thiết đã được hoàn tất, cơ quan công lập sẽ nộp bản phúc đáp lệnh xác nhận việc tuân thủ, và sau đó tòa án sẽ bác bỏ vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng. Tòa án không được phép ra lệnh hoặc chỉ đạo bằng văn bản hoặc bất kỳ hình thức lệnh, lệnh cấm hoặc quyết định nào khác yêu cầu cơ quan công lập hủy bỏ sự chấp thuận hoặc ủy quyền đối với dự án thiết yếu.

(4) Bất kỳ phần, giai đoạn hoặc hoạt động nào của dự án thiết yếu không nằm trong phạm vi thiếu sót được xác định trong lệnh sẽ không thuộc phạm vi áp dụng của lệnh và không phải chịu thêm khiếu nại trong một vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng theo phần này.

(d) Các phê duyệt hoặc ủy quyền tiếp theo.

(1) Không được phép tiến hành thêm bất kỳ hành động hoặc thủ tục nào để khiếu nại việc thực hiện thông qua việc hoàn thành xây dựng hoặc phê duyệt hoặc ủy quyền tiếp theo của một dự án thiết yếu, hoặc một phần của dự án thiết yếu, nếu việc phê duyệt hoặc ủy quyền của cơ quan công lập không phải chịu thách thức pháp lý, việc phê duyệt hoặc ủy quyền của cơ quan công lập đã bị khiếu nại và được giữ nguyên, hoặc cơ quan công lập đã nộp bản trả lời lệnh đã được tòa án chấp nhận là thỏa đáng theo tiểu mục (c).

(2) Những sửa đổi nhỏ đối với một dự án thiết yếu mà không dẫn đến bất kỳ tác động đáng kể mới nào, hoặc không làm trầm trọng thêm đáng kể bất kỳ tác động đáng kể nào đã được xác định trước đó, của dự án thiết yếu đã được phê duyệt ban đầu, sẽ không bị khiếu nại trong một vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng theo phần này.

(e) Biện pháp khắc phục bằng lệnh cấm.

(1) Khi có bằng chứng rõ ràng và thuyết phục cho thấy một dự án thiết yếu sẽ gây ra tác động bất lợi cụ thể đến an toàn công cộng, và không có phương pháp khả thi nào để giảm thiểu hoặc tránh được tác động bất lợi cụ thể đó một cách thỏa đáng, tòa án có thể ra lệnh tạm dừng hoặc cấm việc xây dựng

hoặc hoàn thành phần dự án thiết yếu cụ thể gây ra tác động bất lợi cụ thể đến an toàn công cộng bằng cách ban hành lệnh cấm tạm thời.

(2) Để phục vụ cho mục đích của đoạn (1), biện pháp giảm thiểu thỏa đáng để tránh tác động bất lợi cụ thể đối với an toàn công cộng sẽ được coi là tồn tại đối với một trong những trường hợp sau:

(A) Quyết định tiếp theo của cơ quan công quyền về việc điều chỉnh dự án thiết yếu để tránh hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực cụ thể đến an toàn công cộng xuống mức không đáng kể sẽ không yêu cầu cơ quan đó phải thực hiện bất kỳ hành động nào khác theo phần này.

(B) Quyết định của cơ quan công quyền rằng tác động bất lợi cụ thể đối với an toàn công cộng không thể tránh khỏi hoặc giảm thiểu xuống mức không đáng kể sau khi lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung chỉ đề cập đến tác động bất lợi cụ thể đó đối với an toàn công cộng theo thời hạn và thủ tục được quy định trong chương này.

Điều 7. Định nghĩa

21028. Định nghĩa

Đối với mục đích của chương này, các định nghĩa sau đây được áp dụng:

(a) “Người nộp đơn” là cá nhân, pháp nhân, cơ quan công lập hoặc tổ chức tiện ích công cộng đề xuất một dự án thiết yếu.

(b) “Phê duyệt hoặc ủy quyền” có nghĩa là bất kỳ sự phê duyệt, ủy quyền, quyết định, kết luận, tài trợ, giao dịch hoặc hợp đồng bất động sản, hoặc các hành động khác của cơ quan công quyền nhằm thúc đẩy việc tiến hành, xây dựng, hoàn thành hoặc hiện thực hóa một dự án thiết yếu.

(c) “Cơ sở giáo dục California” bao gồm tất cả những điều sau đây: một học khu; một giám đốc sở giáo dục quận; một hội đồng giáo dục quận; một học khu cao đẳng cộng đồng; một trường chuyên biệt của tiểu bang; Hội đồng Thống đốc các trường Cao đẳng Cộng đồng California hoặc Hiệu trưởng các trường Cao đẳng Cộng đồng California; Đại học Tiểu bang California hoặc Hội đồng Quản trị Đại học Tiểu bang California; Đại học California hoặc Hội đồng Hiệu trưởng Đại học California; Trường Luật Đại học California San Francisco, trước đây là Trường Luật Hastings; một trường bán công được thành lập theo Đạo luật Trường bán công năm 1992 (Phần 26.8 (bắt đầu từ Mục 47600) của Chương 4 thuộc Tiêu đề 2 của Bộ luật Giáo dục); và một trường cao đẳng hoặc đại học phi lợi nhuận là thành viên của Hiệp hội các trường Cao đẳng và Đại học Độc lập California.

(d) “CEQA” có nghĩa là Đạo luật Chất lượng Môi trường California (Phần 13 (bắt đầu từ Mục 21000)).

(e) (1) “Bộ lạc tư vấn” là bộ lạc có tên trong danh sách mới nhất do Hoa Kỳ công bố theo Đạo luật Danh sách các Bộ lạc Người da đỏ được Liên bang Công nhận năm 1994 (25 U.S.C. Sec. 5131), và có mối liên hệ truyền thống và văn hóa với khu vực địa lý của dự án thiết yếu được đề xuất.

(2) Bất kể quy định tại Mục 21073 hoặc bất kỳ luật nào khác, cụm từ “bộ lạc người Mỹ bản địa California” được sử dụng trong hoặc liên quan đến các Mục 21074, 21080.3.1, 21080.3.2, 21082.3, 21084.2, 21084.3 và chương này, sẽ được hiểu là “bộ lạc tư vấn” khi dự án là một dự án thiết yếu.

(f) “Ngày” có nghĩa là cả hai điều sau:

(1) Như được sử dụng trong Mục 21018 và 21019, “ngày” có nghĩa là bất kỳ ngày nào khác ngoài Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc bất kỳ ngày nào được chỉ định là ngày lễ của tiểu bang.

(2) Như được sử dụng trong bất kỳ phần nào của chương này, ngoại trừ Mục 21018 và 21019, “ngày” có nghĩa là một ngày dương lịch.

(g) “Cơ sở giáo dục” có nghĩa là bất kỳ bất động sản, cơ sở vật chất, công trình, tòa nhà hoặc thiết bị nào thuộc sở hữu hoặc được vận hành, hoặc sẽ thuộc sở hữu hoặc được vận hành sau khi hoàn thành, bởi một hoặc nhiều cơ sở giáo dục của California vì mục đích giáo dục.

(h) “Tài liệu đánh giá môi trường” hoặc “hồ sơ đánh giá môi trường” bao gồm các nghiên cứu ban đầu; tuyên bố phủ định; tuyên bố phủ định có biện pháp giảm thiểu; báo cáo tác động môi trường dự thảo và cuối cùng; tài liệu được chuẩn bị để thay thế cho báo cáo tác động môi trường; tuyên bố phủ định và tuyên bố phủ định có biện pháp giảm thiểu theo chương trình được chứng nhận theo Mục 21080.5; tài liệu hoặc hồ sơ được sử dụng để chứng minh tính áp dụng của các miễn trừ theo luật định hoặc theo loại từ phần này hoặc các điều khoản đơn giản hóa bao gồm, nhưng không giới hạn, các điều khoản theo Mục 21083.3 và 21094.5; phụ lục và các tài liệu đánh giá bổ sung hoặc tiếp theo khác; tài liệu được chuẩn bị theo Đạo luật Chính sách Môi trường Quốc gia năm 1969 (42 U.S.C. Mục 4321 trở đi) và được một cơ quan công cộng sử dụng thay cho bất kỳ tài liệu hoặc tài liệu nào nêu trên; và các tài liệu môi trường như được định nghĩa trong Mục 15361 của Tiêu đề 14 của Bộ luật Quy định California.

(i) (1) “Dự án truy cập internet băng thông rộng thiết yếu” là dự án cung cấp dịch vụ bán lẻ đại chúng thông qua dịch vụ có dây, dịch vụ không dây hoặc sóng radio cho khách hàng trong tiểu bang này, cung cấp khả năng truyền dữ liệu đến và nhận dữ liệu từ tất cả hoặc hầu hết các điểm cuối internet, bao gồm nhưng không giới hạn ở bất kỳ khả năng nào liên quan đến và cho phép hoạt động của dịch vụ truyền thông, ngoại trừ dịch vụ truy cập internet quay số.

(2) Một “dự án cung cấp truy cập internet băng thông rộng thiết yếu” phải tuân thủ tất cả các yêu cầu về lao động được mô tả trong Mục 21183.5.

(j) (1) “Dự án năng lượng sạch thiết yếu” là dự án hỗ trợ các mục tiêu về khí hậu, hiệu quả năng lượng, độ tin cậy, điện khí hóa, phát triển bền vững hoặc năng lượng sạch của California thông qua một hoặc nhiều yếu tố sau:

(A) (i) Sản xuất, tạo ra hoặc lưu trữ điện năng có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên tái tạo hoặc bền vững, bao gồm nhưng không giới hạn ở năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt, pin nhiên liệu tuân thủ các tiêu chuẩn khí thải do Hội đồng Tài nguyên

Không khí Tiểu bang ban hành theo yêu cầu của chương trình chứng nhận phát điện phân tán tại Mục 94203 của Tiêu đề 17 Bộ luật Quy định California, sản xuất thủy điện nhỏ có công suất 30 megawatt trở xuống, khí sinh học, chuyển đổi chất thải rắn đô thị, khí bãi chôn lấp, sóng biển, nhiệt đại dương hoặc dòng thủy triều, và các đường dây truyền tải liên quan.

(ii) Đối với mục đích của phần này, “đường dây truyền tải liên quan” có nghĩa là đường dây truyền tải cần thiết cho việc kết nối hoặc cung cấp điện từ một cơ sở được mô tả trong khoản (i).

(iii) Bất kể quy định tại điều khoản (i), tiểu đoạn này loại trừ việc sản xuất hoặc tạo ra điện từ năng lượng hạt nhân.

(B) Việc sản xuất, tạo ra, lưu trữ, truyền tải hoặc phân phối hydro sạch không có nguồn gốc từ nhiên liệu hóa thạch.

(C) Phát triển, xây dựng hoặc lắp đặt các hệ thống lưới điện nhỏ và cơ sở hạ tầng liên quan. Đối với mục đích của tiểu đoạn này, “lưới điện siêu nhỏ” có nghĩa là lưới điện siêu nhỏ được định nghĩa trong tiểu mục (d) của Mục 8370 của Bộ luật Tiềm ịch Công cộng.

(D) Thu gom, vận chuyển hoặc lưu trữ khí thải carbon dioxide để cách ly vĩnh viễn khỏi các nguồn phát thải, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cơ sở sản xuất năng lượng, chế tạo hoặc lọc dầu.

(E) Phát triển, xây dựng, nâng cấp hoặc mở rộng các thành phần của hệ thống truyền tải hoặc phân phối được xác định trong quy trình lập kế hoạch truyền tải được Cơ quan Điều hành Hệ thống Độc lập phê duyệt hoặc trong báo cáo chính sách năng lượng tích hợp được thông qua theo Mục 25302, bao gồm cả việc tài trợ cho các cơ sở, tài sản hoặc thành phần đó thông qua bán, cho thuê, chuyển nhượng, thế chấp hoặc các hình thức định đoạt hoặc thế chấp khác cần sự phê duyệt của cơ quan tiểu bang.

(2) Một “dự án năng lượng sạch thiết yếu” phải tuân thủ tất cả các yêu cầu về lao động được mô tả trong Mục 21183.5.

(k) (1) “Dự án cơ sở giáo dục thiết yếu” bao gồm việc mua sắm, xây dựng, mở rộng, sửa chữa, cải tạo, trang bị nội thất hoặc thiết bị cho một cơ sở giáo dục.

(2) Dự án xây dựng cơ sở giáo dục thiết yếu phải tuân thủ tất cả các yêu cầu về lao động được mô tả trong Mục 21183.5.

(l) “Dự án nhà ở thiết yếu” bao gồm tất cả những điều sau:

(1) Chỉ dành cho các chỗ ở cho dân cư.

(2) Một khu phức hợp đa chức năng.

(3) Nhà ở chuyển tiếp, nơi trú ẩn khẩn cấp hoặc nhà ở hỗ trợ, như được định nghĩa trong Mục 65582 của Bộ luật Chính phủ.

(4) Nhà ở cho công nhân nông nghiệp, như được định nghĩa trong tiểu mục (h) của Mục 50199.7 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn.

(5) Nơi ở tập thể, nghĩa là các tòa nhà hoặc một phần của bất kỳ tòa nhà nào được thiết kế hoặc dành cho mục đích cư trú của những người không sống chung với nhau như một hộ gia đình, thường không có nhà bếp hoặc phòng tắm riêng cho mỗi phòng

hoặc căn hộ. Việc sử dụng này bao gồm, nhưng không giới hạn, các tu viện, nhà dòng và các loại hình nhà ở tổ chức khác.

(6) Chỗ ở dành cho sinh viên. Trong đoạn này, “chỗ ở dành cho sinh viên” có nghĩa là bất kỳ đơn vị nhà ở hoặc chỗ ở tập thể nào được thiết kế để sinh viên sử dụng, bao gồm nhưng không giới hạn ở nhà ở sinh viên kiểu ký túc xá và nhà ở sinh viên kiểu căn hộ.

(7) (A) Chỗ ở dành cho người cao tuổi. Đối với mục đích của đoạn này, “chỗ ở dành cho người cao tuổi” có nghĩa là bất kỳ đơn vị nhà ở hoặc chỗ ở tập thể nào có kích thước bất kỳ dành cho người từ 55 tuổi trở lên sinh sống, bao gồm, nhưng không giới hạn, những điều sau đây: (i) khu nhà ở liên thế hệ; (ii) nhà ở tập thể dành cho người cao tuổi; (iii) khu nhà ở dành cho người cao tuổi như được định nghĩa trong đoạn (4) của tiểu mục (b) của Mục 51.3 của Bộ luật Dân sự; (iv) cơ sở chăm sóc cư trú cho người cao tuổi như được định nghĩa trong đoạn (1) của tiểu mục (o) của Mục 1569.2 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn; và (v) cộng đồng hưu trí chăm sóc liên tục như được định nghĩa trong đoạn (10) của tiểu mục (c) của Mục 1771 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn.

(B) Đoạn này không được hiểu là giới hạn thẩm quyền của cơ quan công quyền trong việc phân loại các công năng sử dụng đất nhà ở cho người cao tuổi là phi dân cư theo các quy định về quy hoạch hoặc các luật khác của cơ quan đó, ngoại trừ các đơn vị nhà ở cho người cao tuổi sẽ đủ điều kiện là “dự án phát triển nhà ở” theo đoạn (2) của tiểu mục (h) của Mục 65589.5 của Bộ luật Chính phủ.

(8) Một khu dân cư hoặc khu phát triển vì lợi ích chung, như được định nghĩa trong Mục 4100 của Bộ luật Dân sự, bao gồm các đơn vị nhà ở hoặc các lô đất nhà ở chưa được xây dựng.

(9) Cải tạo một tòa nhà thương mại hiện có thành nhà ở.

(m) “Dự án thiết yếu” là dự án đáp ứng tất cả các yêu cầu sau:

(1) (A) Dự án là một dự án nhà ở thiết yếu, dự án cấp nước thiết yếu, dự án năng lượng sạch thiết yếu, dự án y tế công cộng thiết yếu, dự án an ninh công cộng thiết yếu, dự án truy cập internet băng thông rộng thiết yếu, dự án cơ sở giáo dục thiết yếu hoặc dự án giao thông vận tải thiết yếu.

(B) Một dự án thiết yếu bao gồm tất cả cơ sở hạ tầng công cộng, tư nhân và tiện ích liên quan và phụ trợ cũng như các cơ sở dịch vụ công cộng cần thiết cho một công ty tiện ích hoặc cơ quan công cộng, hoặc được bao gồm trong đơn xin dự án thiết yếu như một phần của toàn bộ dự án, để phục vụ một dự án được xác định trong tiểu đoạn (A), bao gồm các cải tiến về điện, viễn thông, khí đốt, nước, nước thải, nước mưa, vận tải công cộng, cảnh sát, cứu hỏa và giao thông vận tải nhằm cung cấp các dịch vụ công cộng và tiện ích cũng như cơ sở hạ tầng cần thiết cho dự án. Khi một tiêu chuẩn lao động cụ thể được áp dụng cho một dự án thiết yếu theo các điều khoản khác của chương này, tiêu chuẩn lao động đó sẽ được áp dụng cho các thành phần của dự án thiết yếu được mô tả trong tiểu đoạn này.

(2) Dự án này không bao gồm nhà tù hoặc cơ sở giam giữ nào khác, cũng như không liên quan đến việc phát triển một cơ sở sản xuất dầu khí mới.

(n) (1) “Dự án y tế công cộng thiết yếu” có nghĩa là một cơ sở điều trị y tế.

(2) Một “dự án y tế công cộng thiết yếu” phải tuân thủ tất cả các yêu cầu về lao động được mô tả trong Mục 21183.5.

(o) (1) “Dự án an toàn công cộng thiết yếu” có nghĩa là cơ sở của lực lượng ứng phó khẩn cấp hoặc dự án giảm thiểu rủi ro cháy rừng.

(2) (A) Một “dự án an toàn công cộng thiết yếu” phải tuân thủ tất cả các yêu cầu về lao động được mô tả trong Mục 21183.5.

(B) Một dự án giảm thiểu rủi ro cháy rừng chỉ giới hạn ở việc quản lý thảm thực vật, giảm nhiên liệu, tạo hoặc duy trì các vùng ngăn cháy, hoặc giảm lượng nhiên liệu tích tụ, được thực hiện trực tiếp bởi một cơ quan công quyền sử dụng nhân viên của chính cơ quan đó, sẽ được coi là tuân thủ đoạn này nếu nhân viên của cơ quan công quyền làm việc trong dự án đó được điều chỉnh bởi thỏa ước lao động tập thể hoặc các luật công chức khác của tiểu bang quy định mức lương, đào tạo và tiêu chuẩn an toàn tương đương.

(p) (1) “Dự án giao thông thiết yếu” bao gồm cả hai điều sau:

(A) Một dự án được mô tả trong tiểu mục (a) hoặc (b) của Mục 2 thuộc Điều XIX của Hiến pháp California.

(B) Cơ sở hạ tầng sạc và tiếp nhiên liệu cho xe điện.

(2) Một “dự án giao thông thiết yếu” phải tuân thủ tất cả các yêu cầu về lao động được mô tả trong Mục 21183.5.

(3) Một “dự án giao thông thiết yếu” không bao gồm tàu cao tốc, hệ thống tàu cao tốc, hành lang giao thông, hoặc đoạn đường có thể sử dụng được, theo định nghĩa tại Mục 2704.01 của Bộ luật Đường phố và Xa lộ, hoặc bất kỳ thành phần nào khác của Đạo luật Trái phiếu Tàu khách Cao tốc An toàn, Đáng tin cậy cho Thế kỷ 21 (Chương 20 (bắt đầu từ Mục 2704) của Phần 3 thuộc Bộ luật Đường phố và Xa lộ).

(q) (1) “Dự án nước thiết yếu” có nghĩa là bất kỳ dự án hoặc hành động nào nhằm xây dựng, mở rộng, sửa chữa, thay thế, cải thiện hoặc bổ sung bất kỳ điều nào sau đây: (A) “hệ thống cấp nước công cộng” như được định nghĩa tại tiểu mục (h) Mục 116275 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn; (B) một hệ thống cung cấp nước trực tiếp hoặc gián tiếp cho một hệ thống cấp nước công cộng; hoặc (C) một hệ thống được mô tả chung và nằm trong phạm vi Danh mục Khả năng phục hồi Nguồn nước của tiểu bang.

(2) Một “dự án cấp nước thiết yếu” phải tuân thủ tất cả các yêu cầu về lao động được mô tả trong Mục 21183.5.

(3) “Dự án nước thiết yếu” không bao gồm các cơ sở vận chuyển nước Delta như được định nghĩa trong tiểu mục (f) của Mục 79702 của Bộ luật Nước.

(r) “Luật hiện hành” có nghĩa là như sau:

(1) Các yêu cầu pháp lý được chính thức thông qua, được quy định trong các đạo luật, quy định, quy tắc, tiêu chuẩn hoặc sắc

lệnh hiện hành và có hiệu lực vào ngày nộp đơn xin cấp phép dự án thiết yếu cho cơ quan công quyền.

(2) (A) Một yêu cầu pháp lý được thông qua chính thức trong một đạo luật, quy định, sắc lệnh, tiêu chuẩn hoặc quy tắc chưa có hiệu lực vào ngày nộp đơn xin dự án thiết yếu cho cơ quan công quyền, nhưng cơ quan chủ trì đưa ra kết luận rằng việc tuân thủ đạo luật, quy định, sắc lệnh, tiêu chuẩn hoặc quy tắc cụ thể đó là cần thiết để giảm thiểu hoặc tránh một tác động bất lợi cụ thể đến an toàn tính mạng, nghĩa là một tác động đáng kể, có thể định lượng, trực tiếp và không thể tránh khỏi đến an toàn tính mạng, bao gồm các tác động đến an toàn tính mạng liên quan đến các công nghệ, vật liệu hoặc hệ thống tích hợp lưới điện mới hoặc đang phát triển, và dựa trên các tiêu chuẩn, chính sách hoặc điều kiện an toàn công cộng khách quan, được xác định và ghi chép bằng văn bản. Cơ quan chủ trì sẽ thông báo cho người nộp đơn trong vòng 72 giờ kể từ khi đưa ra kết luận được mô tả trong tiểu đoạn này.

(B) Kết luận được mô tả trong tiểu đoạn (A) phải được đưa ra trước khi (i) việc xem xét môi trường của dự án thiết yếu theo chương này đã hoàn tất hoặc (ii) đơn xin giấy phép xây dựng ban đầu hoặc gói xem xét kế hoạch đã được nộp cho cơ quan có thẩm quyền đối với dự án, tùy điều kiện nào xảy ra trước.

(3) Bất kỳ bản cập nhật nào đối với Bộ luật Tiêu chuẩn Xây dựng California, bao gồm nhưng không giới hạn ở Bộ luật Phòng cháy chữa cháy California, có hiệu lực trước khi (A) việc đánh giá môi trường của dự án thiết yếu theo chương này đã hoàn tất hoặc (B) đơn xin giấy phép xây dựng ban đầu hoặc gói xem xét kế hoạch đã được gửi đến cơ quan có thẩm quyền đối với dự án, tùy điều kiện nào xảy ra trước.

(s) “Khả thi” có nghĩa là có thể được thực hiện thành công trong một khoảng thời gian hợp lý, có tính đến các yếu tố kinh tế, môi trường, pháp lý, xã hội và công nghệ.

(t) (1) “Cơ sở ứng phó khẩn cấp” bao gồm tất cả những điều sau:

(A) Trạm cứu hỏa thuộc sở hữu hoặc do Tiểu bang California, một thành phố, một quận, một thành phố và quận, một cơ quan liên hợp, một bộ lạc tư vấn hoặc một khu vực đặc biệt điều hành.

(B) Đồn cảnh sát hoặc đồn cảnh sát trưởng thuộc sở hữu hoặc do thành phố, quận, thành phố và quận, cơ quan liên hợp hoặc khu vực đặc biệt điều hành, không bao gồm bất kỳ phần nào được sử dụng làm nhà tù hoặc cơ sở giam giữ khác.

(2) “Cơ sở ứng phó khẩn cấp” không bao gồm hai trường hợp sau:

(A) Bất kỳ cơ sở nào thuộc sở hữu, vận hành hoặc cho thuê bởi chính phủ Hoa Kỳ.

(B) Bất kỳ cơ sở nào được sử dụng làm nơi giam giữ người nhập cư hoặc nhà tù tiểu bang.

(u) “Cơ quan chủ trì” có nghĩa là cơ quan chủ trì được định nghĩa trong Mục 21067.

(v) “Cơ quan địa phương” có nghĩa là một thực thể công lập không phải là “cơ quan tiểu bang” theo định nghĩa trong điều khoản này.

(w) “Tòa nhà văn phòng y tế” là tòa nhà có chức năng chính là cung cấp không gian văn phòng cho các chuyên gia chăm sóc sức khỏe được cấp phép, chứng nhận, đăng ký hoặc được ủy quyền hành nghề theo quy định tại Phần 2 (bắt đầu từ Mục 500) của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

(x) “Cơ sở điều trị y tế” bao gồm tất cả những điều sau đây: (1) cơ sở y tế được định nghĩa trong Mục 1250 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn; (2) phòng khám được định nghĩa trong Mục 1200 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn; và (3) tòa nhà văn phòng y tế.

(y) (1) “Khu phức hợp đa chức năng” là khu phức hợp bao gồm các công năng sử dụng cho dân cư và phi dân cư đáp ứng bất kỳ điều kiện nào sau đây:

(A) Ít nhất hai phần ba diện tích xây mới hoặc cải tạo được dành cho mục đích nhà ở.

(B) Ít nhất 50 phần trăm diện tích xây mới hoặc cải tạo được dành cho mục đích nhà ở và dự án đáp ứng cả hai điều kiện sau:

(i) Dự án bao gồm ít nhất 500 chỗ ở mới.

(ii) Không có phần nào của dự án được chỉ định để sử dụng làm khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ hoặc các cơ sở lưu trú tạm thời khác, ngoại trừ một phần của dự án có thể được chỉ định để sử dụng làm khách sạn lưu trú, như được định nghĩa trong Mục 50519 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn.

(C) Ít nhất 50% diện tích xây dựng mới hoặc cải tạo được dành cho mục đích nhà ở, và dự án đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

(i) Dự án bao gồm ít nhất 500 chỗ ở mới.

(ii) Dự án này bao gồm việc phá dỡ hoặc chuyển đổi ít nhất 100,000 feet vuông diện tích sử dụng phi dân cư thành diện tích sử dụng cho dân cư.

(iii) Dự án này sẽ phá dỡ ít nhất 50 phần trăm các công trình phi dân cư hiện có trên khu đất.

(iv) Không có phần nào của dự án được chỉ định để sử dụng làm khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ hoặc các cơ sở lưu trú tạm thời khác, ngoại trừ một phần của dự án có thể được chỉ định để sử dụng làm khách sạn lưu trú, như được định nghĩa trong Mục 50519 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn.

(2) Theo quy định của tiểu mục này, các mục đích sử dụng phi dân cư sẽ không bao gồm bất kỳ mục đích sử dụng hoặc chỉ định nào liên quan đến công nghiệp nặng, khai thác, cảng, nhà máy lọc dầu hoặc vật liệu nguy hiểm.

(3) Khoảng cách tối thiểu cần thiết giữa bất kỳ công trình phi dân cư nào trong khu phức hợp đa chức năng và bất kỳ khu dân cư hiện hữu nào nằm ngoài khu vực đó sẽ được xác định theo luật của tiểu bang.

(z) “Cơ quan công quyền” có nghĩa là cơ quan công quyền được định nghĩa trong Mục 15379 của Tiêu đề 14 của Bộ luật Quy định California; cơ quan chịu trách nhiệm; cơ quan địa phương; cơ quan tiểu bang; cơ quan chủ trì; ủy ban thành lập cơ quan địa phương; thành phố; quận; thành phố và quận; khu vực đặc biệt; cơ quan liên hợp quyền lực; hoặc bất kỳ cơ quan chính phủ nào khác được thành lập theo luật tiểu bang hoặc địa phương, dù có phạm vi toàn tiểu bang, địa phương hay khu vực.

(aa) “Thủ tục tham gia của công chúng” có nghĩa là các thủ tục tham gia của công chúng được quy định trong các Mục 21016, 21018, 21020, 21021, 21023 và 21024.

(ab) “Cơ quan chịu trách nhiệm” có nghĩa là cơ quan chịu trách nhiệm được định nghĩa trong Mục 15381 của Tiêu đề 14 thuộc Bộ luật Quy định của California.

(ac) “Cơ quan tiểu bang” có nghĩa là cơ quan tiểu bang được định nghĩa trong tiểu mục (a) của Mục 8557 của Bộ luật Chính phủ và bất kỳ cơ quan tiểu bang nào được định nghĩa trong Mục 11121 của Bộ luật Chính phủ.

(ad) “Hướng dẫn CEQA của Tiểu bang” có nghĩa là Chương 3 (bắt đầu từ Mục 15000) của Phần 6 thuộc Tiêu đề 14 của Bộ luật Quy định California.

(ae) “Bằng chứng xác đáng” có nghĩa là có đủ thông tin liên quan và suy luận hợp lý từ thông tin hiện có để đưa ra một lập luận công bằng nhằm hỗ trợ một kết luận, ngay cả khi các kết luận khác cũng có thể được đưa ra.

(af) “Tài nguyên văn hóa bộ lạc” bao gồm bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Một địa điểm, đặc điểm, vị trí, cảnh quan văn hóa hoặc nơi linh thiêng, bao gồm nghĩa trang linh thiêng, nghĩa trang thổ dân hoặc khu chôn cất của một bộ lạc tư vấn, hoặc một vật thể có giá trị văn hóa đối với một bộ lạc tư vấn, thuộc bất kỳ loại nào sau đây:

(A) Đã được đưa vào hoặc đủ điều kiện để được đưa vào Sổ đăng ký Tài nguyên Lịch sử California hoặc Sổ đăng ký Địa điểm Lịch sử Quốc gia.

(B) Được ghi trong sổ đăng ký tài nguyên lịch sử địa phương theo định nghĩa tại Mục 5020.1.

(C) Được Ủy ban Di sản Người Mỹ bản địa xác định là địa điểm linh thiêng theo Mục 5097.94 hoặc 5097.96.

(D) Được ghi trong sổ đăng ký của chính quyền bộ lạc do một Cán bộ Bảo tồn Lịch sử Bộ lạc giữ, được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt theo Mục 101 của Đạo luật Bảo tồn Lịch sử Quốc gia liên bang (54 U.S.C., từ Mục 300101 trở đi).

(2) Một cảnh quan văn hóa đáp ứng các tiêu chí của đoạn (1) ở mức độ cảnh quan được xác định về mặt địa lý theo quy mô và phạm vi của cảnh quan.

(3) Một nguồn tài nguyên lịch sử được mô tả trong Mục 21084.1, một nguồn tài nguyên khảo cổ độc đáo như được định nghĩa trong tiểu mục (g) của Mục 21083.2, hoặc một “nguồn tài nguyên khảo cổ không độc đáo” như được định nghĩa trong tiểu mục (h) của Mục 21083.2 phù hợp với các tiêu chí của đoạn (1).

(ag) “Dự án giảm thiểu rủi ro cháy rừng” có nghĩa là một hoạt động nhằm giảm thiểu rủi ro cháy rừng đối với một công trình dân cư hoặc thương mại, hoặc cả hai. Một “dự án giảm thiểu rủi ro cháy rừng” bao gồm, nhưng không giới hạn ở các hoạt động sau: thay thế, gia cố hoặc chôn ngầm đường dây điện, đường sá và cơ sở hạ tầng; quản lý thảm thực vật; giảm lượng nhiên liệu dễ cháy; gia cố nhà cửa; tạo hoặc duy trì các đường ngăn cháy và đường tiếp cận; và giảm lượng nhiên liệu tích tụ.

Điều 8. Diễn giải chương và các điều khoản chung
21029. Diễn giải chương

(a) Chính sách của người dân tiểu bang California là chương này phải được hiểu và thực thi sao cho mang lại hiệu quả tối đa cho lợi ích, sự chấp thuận và hiện thực hóa các dự án thiết yếu.

(b) (1) Người dân bang California mong muốn rằng các tòa án, phù hợp với các quy tắc giải thích luật được chấp nhận rộng rãi, không được diễn giải phần này hoặc Hướng dẫn CEQA của tiểu bang theo cách áp đặt các yêu cầu về thủ tục hoặc nội dung đối với các dự án thiết yếu vượt quá những yêu cầu đã được nêu rõ trong phần này hoặc Hướng dẫn CEQA của tiểu bang.

(2) Hơn nữa, người dân Tiểu bang California mong muốn rằng điều khoản này sẽ được các tòa án giải thích và áp dụng theo hướng dẫn của Mục 21083.1, và tương đương với Mục 21083.1 để, trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép, điều khoản này hạn chế thẩm quyền của các tòa án trong việc đưa ra phán quyết hoặc áp đặt biện pháp khắc phục không được chương này cho phép một cách rõ ràng.

21030. Mỗi quan tâm trên toàn tiểu bang

Nhân dân Tiểu bang California tuyên bố rằng việc đơn giản hóa quy trình xem xét và phê duyệt các dự án thiết yếu như quy định trong chương này là vấn đề quan trọng trên toàn tiểu bang vì sự đầy đủ, khả dụng và giá cả phải chăng của nhà ở, năng lượng sạch, nước, giao thông vận tải, internet băng rộng, cơ sở giáo dục, cơ sở hạ tầng y tế công cộng và cơ sở hạ tầng an ninh công cộng là không đủ để đáp ứng nhu cầu của người dân và nền kinh tế California. Do đó, Tiểu bang California chính thức nắm giữ quyền xem xét và phê duyệt các dự án thiết yếu theo quy định trong chương này.

21031. Các tài liệu tham khảo theo luật định

(a) Trừ trường hợp được quy định tại tiểu mục (b), tất cả các tham chiếu đến các đạo luật hoặc quy định của tiểu bang được mã hóa bên ngoài chương này đều đề cập đến các đạo luật và quy định đó như hiện hành vào ngày 31 Tháng Mười Hai, 2025, bất kể bất kỳ sửa đổi, bãi bỏ, hết hiệu lực hoặc hết hạn nào diễn ra sau ngày đó.

(b) Việc đề cập đến Mục 218.9 của Bộ luật Lao động là đề cập đến điều khoản đó như hiện hành vào ngày 1 Tháng Một, 2026.

21032. Hiệu lực từng phần

Các quy định của chương này có thể tách rời. Nếu bất kỳ phần, mục, tiểu mục, đoạn, tiểu đoạn, khoản, tiểu khoản, câu, cụm từ, từ nào, hoặc việc áp dụng chương này vì bất kỳ lý do nào bị bất kỳ tòa án có thẩm quyền nào quyết định là không hợp lệ thì quyết định đó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần còn lại trong chương này. Nhân dân tiểu bang California tuyên bố rằng họ sẽ thông qua chương này và mọi phần, mục, tiểu mục, đoạn, tiểu đoạn, mệnh đề, tiểu mệnh đề, câu, cụm từ, từ ngữ và ứng dụng nào không bị tuyên bố là không hợp lệ hoặc vi hiến, bất kể bất kỳ thành phần nào của chương này hoặc ứng dụng của nó sau đó có bị tuyên bố là không hợp lệ hay không.

21033. Ngày có hiệu lực

Chương này sẽ có hiệu lực như quy định tại tiểu mục (a) Mục 10 của Điều II Hiến pháp California và sẽ được áp dụng kể từ ngày có hiệu lực đó cho tất cả các cơ quan công quyền và cơ quan tư pháp đang chờ xử lý và các quy trình xem xét cũng như các quy trình tư pháp trong tương lai đối với tất cả các dự án thiết yếu.

21034. Sửa đổi

Cơ quan Lập pháp có thể sửa đổi chương này bằng một đạo luật được thông qua tại mỗi viện của Cơ quan Lập pháp bằng hình thức bỏ phiếu điểm danh và được ghi vào biên bản, với sự đồng thuận của hai phần ba số thành viên, miễn là đạo luật đó phù hợp và thúc đẩy các mục đích của chương này. Không dự luật nào nhằm sửa đổi chương này có thể được thông qua hoặc trở thành luật trừ khi dự luật đó đã được in và phân phát cho các thành viên của Cơ quan Lập pháp, và được công bố trên internet, ở định dạng cuối cùng, ít nhất 12 ngày làm việc trước khi được thông qua tại bất kỳ viện nào của Cơ quan Lập pháp.

MỤC 2. Các dự luật mâu thuẫn.

Trong trường hợp dự luật tiên khởi này và một hoặc nhiều dự luật khác liên quan đến việc xem xét hoặc phê duyệt các dự án thiết yếu, như được định nghĩa trong đạo luật này, cùng xuất hiện trên một lá phiếu bầu cử toàn tiểu bang, thì dự luật hoặc các dự luật khác đó sẽ được coi là mâu thuẫn với dự luật này. Trong trường hợp dự luật tiên khởi này nhận được nhiều phiếu thuận hơn thì các điều khoản của dự luật này sẽ được áp dụng toàn bộ, và tất cả các điều khoản của dự luật khác hoặc các dự luật khác sẽ bị vô hiệu.

MỤC 3. Giải thích theo nghĩa rộng.

Đạo luật này sẽ được giải thích một cách rộng rãi để đạt được mục đích và ý định của nó.

MỤC 4. Bảo vệ pháp lý.

Mục đích của mục này là đảm bảo rằng quyền tham gia vào dự luật tiên khởi quý giá của người dân không thể bị vô hiệu

hóa một cách không hợp lệ bởi các chính trị gia tiểu bang, những người từ chối bảo vệ ý chí của cử tri. Do đó, nếu đạo luật này được cử tri của Tiểu bang California thông qua và sau đó bị thách thức pháp lý nhằm hạn chế phạm vi hoặc việc áp dụng đạo luật này theo bất kỳ cách nào, hoặc cáo buộc đạo luật này vi phạm bất kỳ luật tiểu bang hoặc liên bang nào, toàn bộ hoặc một phần, và cả Thống đốc lẫn Tổng Chương lý đều từ chối bảo vệ đạo luật này đến mức tối đa có thể thay mặt cho Tiểu bang California, thì các hành động sau đây sẽ được thực hiện:

(a) Bất kể mọi điều trái ngược được quy định trong Chương 6 (bắt đầu từ Mục 12500) của Phần 2 thuộc Phần 3 của Tiêu đề 2 của Bộ luật Chính phủ hoặc bất kỳ luật nào khác, Tổng Chương lý sẽ bổ nhiệm luật sư độc lập để bảo vệ một cách trung thực và mạnh mẽ đạo luật này đến mức tối đa có thể thay mặt cho Tiểu bang California.

(b) Trước khi bổ nhiệm hoặc thay thế luật sư độc lập, Tổng Chương lý phải thực hiện sự cẩn trọng cần thiết trong việc xác định trình độ của luật sư độc lập và phải nhận được xác nhận bằng văn bản từ luật sư độc lập rằng luật sư độc lập sẽ trung thực và mạnh mẽ bảo vệ đạo luật này đến mức tối đa có thể. Bản xác nhận bằng văn bản sẽ được công khai ngay lập tức khi có yêu cầu.

(c) Để hỗ trợ việc bảo vệ đạo luật này trong trường hợp Thống đốc và Tổng Chương lý không thực hiện được điều đó bất chấp ý muốn của cử tri, một khoản ngân sách liên tục được trích từ Quỹ Chung để cấp cho Kiểm soát viên, không phụ thuộc vào năm tài chính, với số tiền cần thiết để trang trải chi phí thuê luật sư độc lập nhằm bảo vệ một cách trung thực và mạnh mẽ đạo luật này thay mặt cho Tiểu bang California đến mức tối đa có thể.